

NOBEL VĂN CHƯƠNG 1921

Anatole France

bông
mê
đỏ



BÔNG HUỆ ĐỎ

Anatole France

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **BÔNG HUỆ ĐỎ**

Tác giả: **Anatole France**

Nguyên tác: *Le Lys Rouge*

Dịch giả: Nguyễn Trọng Thịnh

Nhà xuất bản: Phụ Nữ

Năm xuất bản: 1989

Số trang: 341

Khổ sách: 13 x 19 cm

Giá bìa: 3.500 đồng

Đánh máy: Phương Vân, Cường, Mẫn Thị Tuyền, Duyên, Mỹ
Linh, Khánh Dư, Minh Huy, Trần Thị Kim Chi

Soát lỗi: Huỳnh Lộc, Ngọc Nở

Chế bản ebook: Hồng Sơn

Ngày thực hiện: 23/09/2012

Making Ebook Project #273 – [www. BookaholicClub. com](http://www.BookaholicClub.com)

Bạn đang đọc ebook **BÔNG HUỆ ĐỎ** của tác giả **Anatole France** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook** (Making Ebook Project).

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc – người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XXI

XXII

XXIII

XXIV

XXV

XXVI

XXVII

XXVIII

XXIX

XXX

XXXI

XXXII

XXXIII

XXXIV

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Anatole France (tên thật là François-Anatole Thibault, 16 tháng 4 năm 1844 – 13 tháng 10 năm 1924) sinh ở Paris, là con của một chủ cửa hàng sách, từ nhỏ đã ham mê văn học, nghệ thuật. Học ở trường Collège Stanislas. Trong thập niên 1860, France tiếp xúc với nhóm Parnasse và xuất bản tập thơ đầu tiên (1873). Sau đó ông chuyển sang viết văn xuôi và thật sự có tiếng tăm khi cuốn tiểu thuyết **Le crime de Sylvestre Bonnard** (*Tội ác của Sylvestre Bonnard*, 1881) ra đời và được nhận giải thưởng Viện Hàn lâm Pháp. Trong thập niên 1890, ông viết nhiều bài phê bình văn học cho *Le Temps* (Thời báo) và in thành 4 tập sách với tên **La vie littéraire** (Đời sống văn học).

Những năm cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20, tư tưởng và sáng tác của Anatole France đã có những thay đổi. Ông từ bỏ lập trường người quan sát để trở thành chiến sĩ đấu tranh cho nền dân chủ. Cụ thể là trước kia ông thường miêu tả cuộc sống và con người thời kỳ Trung cổ hoặc thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến, thì nay ông viết về các sự kiện lịch sử và xã hội đương đại, đồng thời tiếp tục truyền thống nhân văn chủ nghĩa của Rabelais và Voltaire, phê phán nền cộng hòa thứ ba của Pháp, chế giễu không thương xót những kẻ gây

chiến tranh xâm lược tàn khốc. Năm 1921 ông được trao giải Nobel Văn học vì “những tác phẩm xuất sắc mang phong cách tinh tế, chủ nghĩa nhân văn sâu sắc và khí chất Gô-loa đích thực”...

A. France là một trong những nhà văn lớn nhất của nước Pháp thời cận đại, trải qua một con đường khó khăn và phức tạp từ chủ nghĩa nhân đạo ảo tưởng đến chủ nghĩa hiện thực cách mạng. Ông mất ở Tours, Indre-et-Loire.

Tác phẩm chính:

- Những câu thơ vàng (*Poèmes dorés*, 1873), thơ.

- Tội ác của Sylvestre Bonnard (*Le crime de Sylvestre Bonnard*, 1881), tiểu thuyết.

- Sách của bạn tôi (*Le Livre de mon ami*, 1885), hồi ký.

- Bông huệ đỏ (*Le lys rouge*, 1894), tiểu thuyết.

- Vườn Epicure (*Le jardin d'Epicure*, 1894), tập cách ngôn.>

- Lịch sử hiện đại (*L'histoire contemporaine*), gồm 4 tiểu thuyết:

+ Cây du trên đường dạo chơi (*L'orme du mail*, 1897)

+ Hình người bằng cây liễu (*Le mannequin d'osier*, 1897)

+ Chiếc nhẫn tử thạch anh (*L'anneau d'amethyste*, 1899)

+ Ông Bergeret ở Paris (*Monsieur Bergeret à Paris*, 1901)

- Hung thần lên cơn khát (*Les dieux ont soif*, 1912), tiểu thuyết
- Thiên thần nổi loạn (*La révolte des anges*, 1914), tiểu thuyết.

Những tác phẩm đã được xuất bản ở Việt Nam:

- Quyển truyện của bạn tôi (*La livre de mon ami*, hồi kí), Vũ Thị Hay và Lê Ngọc Trụ dịch, Trung tâm Học liệu xuất bản, 1962, tái bản 1972
- Sách của bạn tôi (*La livre de mon ami*, hồi kí), Hương Minh dịch và giới thiệu, NXB Văn Học, 1988, tái bản 2009.
- Đảo Panhgoanh (*L'Île des Pingouins* tiểu thuyết), Nguyễn Văn Thường dịch, NXB Văn Học, 1982.
- Thiên thần nổi loạn (*La révolte des anges*, tiểu thuyết), Đoàn Phú Tứ dịch, NXB Văn Học, 1987.
- Bông huệ đỏ (*Le lys rouge*, tiểu thuyết), Nguyễn Trọng Định dịch, NXB Phụ Nữ, 1989.
- Các hung thần lên cơn khát (*Les dieux ont soif*, tiểu thuyết), Trần Mai Châu dịch, NXB Văn Nghệ TP.HCM, 1990.
- Tội ác của Sylvestre Bonnard (*Le crime de Sylvestre Bonnard*, tiểu thuyết), Nguyễn Xuân Phương dịch, NXB Quân Đội Nhân Dân, 1996.
- Tội ác của Sylvestre Bonnard (*Le crime de Sylvestre Bonnard*, tiểu thuyết), Nguyễn Xuân Phương dịch, NXB Văn Nghệ TP. HCM, 2001.

- *Thais*- Vũ nữ thoát tục, (*Thais*, tiểu thuyết), Hoàng Minh Thức dịch, NXB Tổng hợp Tiền Giang, 1989.

- Mỗi tình người thợ gốm, (tập truyện ngắn), Nxb Văn học, Hà Nội 1987.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

“Một trong những tác phẩm viết về tình yêu hay nhất của nền văn học Pháp”. Sự đánh giá ấy đối với cuốn tiểu thuyết **Bông huệ đỏ** đã có từ lâu, và gần như được công nhận hoàn toàn trong đông đảo người đọc, cũng như trong giới phê bình Pháp>

Hay nhất, không phải vì nội dung tác phẩm, số phận nhân vật và tình yêu của họ đã vượt ra ngoài tầm cỡ con người bình thường, mà trái lại, là một bước dẫn sâu hơn vào thế giới nội tâm phong phú phức tạp của những con người bình thường. Ba người ấy, nàng Thérèse diễm lệ và đa tình, chàng Le Ménil, rồi chàng Decharre, hoàn toàn không phải là những “siêu nhân”. Họ trần tục như hết thảy những người trần tục nhất. Họ đến với nhau, hòa quyện vào nhau, thiêu đốt nhau trong ngọn lửa đắm say cực kỳ mãnh liệt, để rồi cùng chính lúc ấy, họ gieo mầm khổ ải cho nhau bởi sự ham hố bất tận, tính ích kỷ và sự ghen tuông. Tình yêu là hạnh phúc, nhưng tình yêu cũng là khổ đau? Hạnh phúc trong khổ đau? Hay khổ đau trong hạnh phúc? Con người không phải không luôn luôn tự đặt ra những câu hỏi như vậy. Nhưng kết cục con người vẫn không thoát khỏi nỗi đam mê mà tấm lưới tình yêu đã giăng sẵn để đón chờ họ.

Bông huệ đỏ được viết sau hàng loạt các tác phẩm lừng danh của Anatole France, ghi nhận một bước chuyển khá quan trọng trong sự nghiệp sáng tạo của ông. Nếu như trong các tiểu thuyết **Đảo chim cụt**, **Thiên thần nổi loạn**, **Thais**, v. v., nhân vật của ông là những trí thức khép kín, mang nỗi đau khổ âm thầm của thời đại, thì trái lại, trong **Bông huệ đỏ**, Thérèse, Le Ménil, Decharre... đều bình thường, gần gũi. Có người cho rằng đó là sự phản ánh một phần tâm trạng thực của tác giả qua mỗi tình “hạnh phúc và đau khổ” của ông với bà Caillavel, người phụ nữ trí thức nổi tiếng thời bấy giờ.

Anatole France sinh năm 1884 tại Paris, và mất năm 1924. Tên thật của ông là Anatole Thibaud. Chọn tên France làm bút hiệu theo chính lời ông, ông muốn bày tỏ lòng trung thành vô hạn, niềm tự hào ở cái giá trị văn hóa và nhân bản của tổ quốc mình. Điều đó đã được ông giữ trọn và luôn luôn thể hiện trong cuộc sống cũng như trong sự nghiệp sáng tác. Là chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập dân tộc, dân chủ, công bằng xã hội, và quyền con người, ông đồng thời cũng là Viện sĩ Hàn lâm, một trong những nhà văn được xếp hàng đầu của nền văn học Pháp từ trước đến nay. Tác phẩm của ông không chỉ thấm đượm cái giá trị nhân đạo sâu sắc mà còn được coi là mẫu mực của sự tinh tế, điêu luyện trong nghệ thuật sử dụng tiếng Pháp.

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

I

Ánh mắt nàng lướt nhanh trên dãy ghế bành đặt trước lò sưởi, chiếc bàn trà lấp lánh trong bóng tối và những bó hoa lớn màu vàng nhạt cắm trong mấy chiếc lọ Trung Quốc. Nàng chạm tay vào những cành nụ tuyết nở hoa, làm rung rinh những cánh hoa óng ánh. Bỗng nàng chăm chú, nghiêm trang ngắm bóng mình trong một tấm gương đặt ở phía xa. Khẽ nghiêng đầu, nàng liếc nhìn thân hình mảnh mai, uyển chuyển trong tấm áo dài xa tanh đen, bên ngoài phập phồng chiếc áo cánh mỏng, đính hạt trai lung linh màu đỏ sẫm. Nàng bước lại sát tấm gương ngắm xem khuôn mặt mình hôm đó ra sao. Hình người trong gương phản chiếu một ánh mắt điềm tĩnh như thể người thiếu phụ dễ thương nàng đang ngắm nhìn và không hề làm nàng khó chịu, trong đời thường không có những niềm vui dữ dội nhưng cũng không có những nỗi buồn sâu lắng.

Trên các bức tường phủ kín tường trong phòng khách rộng, vắng vẻ, những hình người mờ ảo như những cái bóng giữa những đường nét cổ kính, phai nhạt dần màu sắc và vẻ duyên dáng. Những bức tượng nhỏ bằng đất nung đặt trên mấy cây cột con, những món đồ sứ cổ miền Xácxơ và những bức tranh vùng Xevơ bày trong tủ kính, tất cả đều gợi nhớ dĩ vãng. Trên một cái bệ đặt nhiều tác phẩm nghệ thuật quý bằng đồng thau, pho tượng bán thân một quận chúa bằng cẩm thạch cải trang thành nữ thần Dian^[1] hiện ra sau tấm màn xếp nếp cầu kỳ, với nét mặt sắc sảo và bộ ngực ngạo nghễ. Trên trần nhà, hình một Dạ thần, phấn son như một nữ hầu tước và xung quanh quây quần các nữ thần Ái tình, tung những cánh hoa ra bốn phía. Tất cả đều im lìm, chỉ nghe tiếng lửa tí tách và tiếng những hạt ngọc trai khẽ khàng trong tơ lụa.

Rời khỏi tấm gương, nàng bước lại cuộn tấm màn gió lên và, qua ô cửa sổ, nhìn dòng sông Xen lấp lánh một màu vàng dưới bầu trời nhợt nhạt, giữa những thân cây đen trĩu trên bờ. Vẻ u sầu của cảnh trời nước như phản chiếu

trong đôi mắt đẹp màu hạt dẻ của nàng. Con tàu “Cánh én” vượt qua vòm cầu Anma chở đám hành khách thường ngày đi Gronen và Biăngcua. Nàng thoáng nhìn con tàu trôi theo dòng nước đục ngầu rồi bỏ màn gió xuống, đến ngồi trong cái góc quen thuộc trên tràng kỷ, dưới những chùm hoa, với tay lấy cuốn sách trên bàn. Trên lớp bìa vải màu rơm, nổi bật tên sách bằng chữ vàng óng ánh: *Ydơn, cô gái tóc hung* của tác giả Vivian Ben. Một tập thơ Pháp do một phụ nữ Anh sáng tác và in ở Luân Đôn. Nàng mở sách và tùy hứng đọc mấy câu:>Khi tiếng chuông ngân vang trời đất

Như tiếng nguyện cầu: “Con chào mẹ, Maria”

Nàng trinh nữ trong vườn dạo bước

Bỗng giật mình: thiên sứ hiện ra

Người mang đến một bông huệ đỏ

Ta hằng mơ, dù chết bởi hương say.

.....

Trong lúc chờ đón khách, nàng đọc hững hờ, lơ đãng, ít nghĩ đến thơ hơn là đến nữ sĩ Ben. Ben có lẽ là người bạn gái dễ chịu nhất mà nàng rất ít gặp, nhưng trong mỗi buổi gặp hiếm hoi, cô tíu tít gọi nàng là *darling*^[2] và ôm hôn nàng tới tấp. Xấu gái nhưng hấp dẫn, tuy hơi kỳ cục nhưng lại rất mực thanh nhã, Ben sống ở Phidơn với tư cách nhà mỹ học và nhà triết học trong lúc được cả nước Anh ca ngợi là nhà thơ nữ ưu ái nhất của mình. Cũng như Vecnông Li^[3] và Mari Rôbinxon^[4], Ben say mê cuộc sống v nghệ thuật miền Tôxcan^[5]. Chưa viết xong tập *Trixtan*^[6] – mà phần đầu đã gy cảm hứng cho Bơc Giôn^[7] vẽ nhữngbức tranh màu nước huyền ảo, – cô đã sáng tác những vần thơ Prôvăngx và những bài thơ Pháp theo tư duy Ý. Ben gửi tập *Ydơn, cô gái tóc hung* cho *darling* kèm theo thư mời nàng đến nghỉ một tháng ở nhà cô tại Phidơn. Trong

thư viết: “Mời bạn tới, bạn sẽ thấy những cái đẹp nhất trên đời và bạn sẽ làm cho chúng thêm đẹp

Nhưng *darling* nghĩ bụng sẽ không đi vì bị giữ lại Pari tuy không phải không thiết tha muốn gặp lại Ben và thăm lại đất Ý. Tay lần giờ tập thơ tình yêu của bạn, bất giác một thoáng châm biếm hết sức dịu dàng hiện lên trên môi, nàng tự hỏi Ben đã yêu chưa và yêu ai. Ở Phidor, nữ thi sĩ đang được một anh bạn sẵn đón. Hoàng thân Anbectinenli rất đẹp trai, nhưng anh chàng có vẻ ù lì và tầm thường nên khó có thể làm đẹp lòng một cô gái có óc thẩm mỹ muốn tìm thấy trong tình yêu xu hướng thần bí của một buổi lễ Truyền tin.

- Chào Têredơ! Mệt ơi là mệt!

Khách là quận chúa Xơniavin, uyển chuyển trong bộ áo lông bó sát người. Ngồi phịch xuống ghế, khách nói, giọng vừa chói chang vừa dịu dàng, tựa tiếng chim líu lo:

- Sáng nay, cùng với tướng Larivie, tôi cuốc bộ đi hết rừng Bulônơ. Tôi gặp ông ta ở đường Pôtanh và đưa ông tới cầu Acgiăngtơi. Ông mua bằng được của người gác rừng để tặng tôi, một chú chim ác là. Tôi mệt đến là người.

- Nhưng tại sao chị lại kéo ông ấy tới tận cầu Acgiăngtơi?

- Vì ông ta bị chứng thống phong ở ngón chân cái.

Têredơ nhún vai mỉm cười:

- Quả là chị hơi phung phí sự độc ác của mình và là một người quá quắt!

- Thế chị muốn tôi dè xèn cả lòng tốt lẫn sự độc ác để dùng vào chỗ nghiêm túc hay sao, chị bạn thân mến?

Nói xong, Xơniavin uống một cốc vang Tôcây.

Tướng Larivie nặng nề bước vào, thở như thổi bể, hôn tay hai người phụ nữ và ngồi xuống giữa họ. Vẻ bướng bỉnh và mãn nguyện, mắt xếch lên, ông cười rung cả những nếp nhăn hai bên má:

- Sức khỏe ngài Mactanh-Benlem thế nào? Vẫn bận rộn phải không bà?

Têredơ cho rằng chồng nàng đang ở Nghị viện và có lẽ đang đăng đàn.

Vừa ăn bánh mì kẹp trứng cá muối, quận chúa Xơniavin vừa hỏi bà Mactanh sao tối hôm trước không tới nhà bà Mâyăng. Ở đấy có diễn kịch.

- Một vở Bắc Âu chứ gì! Diễn có thành công không hả chị?

- Có. Nhưng tôi không rõ lắm. Vì tôi ngồi trong phòng khách nhỏ quét vôi xanh, dưới chân dung công tước Ooclêăng. Lơ Mênin đến giúp tôi một việc không thể quên: ông ấy giải thoát tôi khỏi ông bạn Garan.

Thông thạo các loại niên bạ và trong cái đầu to tướng chứa đầy mọi thứ thông tin cần thiết, tướng Larivie vểnh tai lên khi nghe nhắc tới cái tên Garan.

- Garan à? – Ông ta liền hỏi. – Là tay bộ trưởng tham gia nội các trong thời kỳ các nhà vua bị lưu đày phải không?

- Chính ông ta. Ông ta yêu mến tôi quá mức, bọc bạch nổi lòng và dăm dăm nhìn tôi một cách âu yếm đến đáng sợ. Và chốc chốc vừa thở dài vừa ngấm chân dung công tước Ooclêăng. Tôi bảo ông ta: “Ông nhầm đấy, ông Garan ạ! Chị dâu tôi mới thuộc phái Ooclêăng, còn tôi thì không đâu, tuyệt nhiên không!”. Đúng lúc đó; Lơ Mênin dẫn tôi tới bàn tiệc, hết lời ca ngợi tôi... về đàn ngựa, bảo tôi rằng không có gì đẹp hơn những cánh rừng mùa đông, rồi nói với tôi về chuyện sói cha, sói con, làm tôi tươi tỉnh lên.

Vốn không ưa lớp trẻ, tướng Larivie bảo ngày hôm trước ông ta gặp Lơ Mênin phi ngựa như điên trong rừng Bulônơ.

Ông ta tuyên bố chỉ có các kỵ sĩ ngày trước là giữ gìn truyền thống, còn ngày nay thì những anh chàng quý phái có cái tật cưỡi ngựa chẳng khác bọn dồ kê.

- Đấu kiếm ngày nay cũng vậy, – ông ta nói thêm. – Ngày xưa...

Quận chúa Xoniavin đột ngột cắt ngang lời ông ta:

- Tướng quân xem chị Mactanh xinh đẹp biết chừng nào! Bao giờ chị ấy cũng mỹ lệ nhưng không lúc nào mỹ lệ hơn lúc này. Vì sâu muộn mà! Không có gì hợp với chị ấy hơn nỗi sâu muộn. Từ khi tới đây, chúng ta làm chị ấy phiền lòng lắm đấy. Tướng quân nhìn xem: vàng trán ưu tư, ánh mắt mơ màng, cặp môi đau khổ. Quả là chị ấy bị hy sinh!

Nói xong, bà ta chồm khỏi ghế, ôm hôn Têredotới tấp rồi bỏ đi, làm tướng Larivie sửng sờ.

Bà Mactanh-Benlem xin ông ta đừng tin “con điên” ấy.

Lấy lại bình tĩnh, ông ta hỏi:

- Thế còn các nhà thơ của bà, thưa bà?

Ông ta khó tha thứ cho bà Mactanh về lòng ngưỡng mộ những người viết lách không thuộc giới mình.

- Vâng, các nhà thơ của bà ấy mà. Cái ông Sulet thường tới thăm bà với chiếc khăn choàng đỏ, nay thế nào?

- Các nhà thơ của tôi, họ quên tôi, bỏ rơi tôi rồi. Chẳng nên trông cậy vào ai hết. Người đời, sự đời, chẳng có gì là chắc chắn cả. Đời là một trò phản phúc liên tục. Chỉ riêng cô Ben tội nghiệp là không quên tôi. Từ Phlôrăngx, cô viết thư và gửi sách cho tôi.

- Cô Ben, cô gái trông giống như một con chó cảnh với mớ tóc vàng hoe loăn xoăn phải không?

Larivie tính nhăm trong đầu và tin chắc tuổi cô ta nay phải đến ba mươi.

Bỗng một phu nhân luống tuổi, đường bệ nhưng nhen nã với mái tóc bạc trắng và một người đàn ông nhỏ nhắn, lanh lợi, ánh mắt sắc sảo, lần lượt bước vào: bà Macmê và anh chàng Pônvenx. Sau đó, Đanien Xalômông xuất hiện, mắt đeo kính, điệu bộ cứng nhắc. Ông ta là người am hiểu các công trình nghệ thuật. Tướng Larivie cáo từ.

Khách và chủ bàn về cuốn tiểu thuyết trong tuần. Bà Macmê đã nhiều lần dự bữa ăn tối với tác giả, một người còn trẻ và rất dễ thương. Pônvenx thì cho cuốn truyện viết chán ngắt

- Ô! – Bà Mactanh thở dài. – Cuốn sách nào mà chẳng chán ngắt! Nhưng con người lại càng chán hơn và cũng đòi hỏi nhiều hơn!

Bà Macmê thổ lộ là chồng bà tuy có nhiều cảm hứng văn học, cho tới cuối đời vẫn kinh hãi chủ nghĩa tự nhiên.

Là vợ góa một viện sĩ Viện Hàn lâm Văn bia, bà lấy làm hãnh diện về cảnh góa bụa nổi danh của mình. Trong các thính phòng, bà vẫn dịu dàng và khiêm nhường với tấm áo dài đen và mái tóc bạc trắng.

Bà Mactanh muốn hỏi ý kiến Đanien Xalômông về một nhóm tượng trẻ em:

- Đó là nhóm tượng Xanh-Clu. Xin ông cho biết ông có thích không. Và cả ông nữa, ông Venx, cũng xin ông cho biết ý kiến nếu ông không khinh thường những cái vật vãnh ấy.

Danien Xalômông giương mục kính kiêu ngạo nhìn Pôn Venx.

Pôn Venx nhìn vòng quanh phòng khách:

- Bà có những thứ đẹp thật, thưa bà. Thực ra thì chưa là gì cả đối với bà. Nhưng tất cả đều đẹp và rất thích hợp với bà.

Têredơ không giấu niềm vui thích khi nghe anh nói. Nàng cho Pôn Venx là người đàn ông duy nhất thực sự thông minh trong đám tân khách. Nàng từng ca ngợi anh trước khi các tác phẩm làm anh nổi tiếng. Sức khỏe kém, vẻ mặt âu sầu và lối làm việc cần mẫn khiến anh không gần gũi mọi người. Con người nhỏ nhắn hay phiền muộn ấy không phải là một kẻ dễ ưa. Tuy nhiên anh vẫn cuốn hút nàng. Nàng đánh giá rất cao lối châm biếm sâu sắc, niềm kiêu hãnh lạnh lùng, tài năng đến độ sung mãn của anh trong cảnh cô đơn, và ca ngợi anh một cách đúng đắn như là một nhà văn xuất sắc, tác giả của nhiều tiểu luận có giá trị về nghệ thuật, về phong tục, tập quán.

Dần dà khách khứa sang trọng đến ngồi chật cả phòng. Trên dãy ghế bành xếp vòng tròn, có bà Đơ Vrexông – người ta kể về bà ta những câu chuyện thật đáng sợ và sau hai mươi năm chưa hết tai tiếng, bà vẫn giữ cặp mắt trẻ thơ và đôi má trinh nữ; bà Đơ Mooclen luống tuổi, sôi nổi, cuồng nhiệt, hét lên đến chói tai những lời nói thâm thúy, và đu cái thân hình kỳ dị giống như một người đàn bà bơi lội giữa đám bong bóng; bà Raymông, vợ một viện sĩ; bà Garan, chồng nguyên là bộ trưởng; ba phu nhân khác nữa; và đứng tựa lò sưởi, tay mân mê bộ ria mép bạc trắng ra vẻ làm duyên, là Becchiê Đâyđen, nghị sĩ, biên tập *Báo Tranh luận*. Bà Đơ Mooclen nói như hét:

- Bài báo của ông về chế độ song bản vị là một viên ngọc, một bảo vật! Nhất là phần cuối thì tuyệt vời!

Ở cuối phòng khách, mấy chàng trai – hội viên câu lạc bộ – rất mực nghiêm trang, đứng thăm thăm với nhau:

- Hẳn làm gì mà có huy hiệu tổ chức săn bắn của nhà vua thế?

- Hẳn không làm gì hết. Nhưng vợ hẳn làm tất.

Các chàng trai này có triết lý riêng của họ. Một cậu không tin vào lời hứa của con người:

- Vẫn những kẻ tở không thích tí nào: ngoài cửa miệng thì ra vẻ tình nghĩa lắm. “Cậu muốn ứng cử ư? Tở hứa bỏ phiếu thuận cho cậu...” Phiếu thuận ư? Và bao nhiêu lời hoa mỹ khác nữa! Nhưng đừng một cái, khi bỏ phiếu thì chỉ là một trò bịp! Đời thật là bỉ ổi khi nghĩ tới nó.

- Vậy nghĩ tới làm gì! – Một cậu khác lên tiếng.

Đanien Xalômông đến nhập bọn và bằng một giọng ngây thơ. Rỉ tai họ những chuyện kín trong buồng ngủ. Và mỗi khi tiết lộ một điều kỳ lạ về bà Raymông, bà Becchiê Đâyden, về quận chúa Xơniavin, ông ta lại hờ hững nói thêm:

- Ai mà chẳng biết!

Dần dà khách vơi dần. Chì còn lại bà Macmê và Pôn Venx.

Pôn Venx bước lại cạnh bà Mactanh hỏi:

- Bao giờ thì bà muốn tôi giới thiệu Đơsactơ với bà?

Đây là lần thứ hai anh hỏi. Không thích gặp thêm gương mặt mới, nàng thản nhiên đáp:

- Nhà điêu khắc của ông phải không? Tùy ý ông thôi. Ở Săng đơ Max^[8], tôi đã thấy những bức tượng ông ta nặn rất đẹp. Nhưng không thấy ông ta sáng tác bao nhiêu. Ông ta là một người tài tử phải không ông?

- Đơsactơ là người tao nhã. Đâu phải lao động để kiếm sống. Nặn xong một bức tượng là anh để không biết bao nhiêu thì giờ ngắm nghía, vuốt ve. Nhưng xin bà đừng hiểu lầm, anh ấy là người hiểu biết và nhạy cảm: giá không sống độc thân thì chắc hẳn sẽ là một bậc thầy. Tôi biết anh từ thuở nhỏ. Người ta cứ nghĩ Đơsactơ là kẻ ác tâm và rầu rĩ. Thực ra anh ấy là người đam mê và nhút nhát. Cái anh ấy đang thiếu và mãi mãi vẫn thiếu để đạt tới tuyệt đỉnh của nghệ thuật là một đầu óc thanh thản. Anh ấy lo lắng, băn khoăn và khi có những rung động đẹp đẽ nhất, lại bỏ lỡ cơ hội. Theo tôi, anh ấy sinh ra cho thơ ca và triết học hơn là cho điêu khắc. Quả là một bậc trí giả và bà sẽ không khỏi ngạc nhiên trước bộ óc uyên thâm của Đơsactơ.

Bà Macmê khoan hậu đồng tình.

Bà làm vừa lòng mọi người trong lúc tỏ ra bản thân mình vừa lòng. Bà nghe nhiều, nói ít. Bà tôn thêm giá trị cho tấm lòng ân cần của mình bằng cách để cho người nghe phải chờ đợi chút đỉnh. Hoặc vì thực sự mến yêu bà Mactanh, hoặc vì muốn kín đáo bày tỏ tấm lòng ái mộ của mình đối với mỗi gia đình bà đến thăm, bà vui vẻ ngồi sưởi như một người bà hiền từ bên cạnh cái lò sưởi kiểu Lui XVI vốn rất hợp với một vị phu nhân khoan dung luống tuổi. Chỉ có điều là hôm nay bà không mang theo con chó nhỏ.

- Con Tôby sức khỏe ra sao thưa bà? – Bà Mactanh hỏi. – Ông Venx, ông có biết Tôby không? Nó có bộ lông mượt như nhung và cái mũi đen bé tẹo, đến là dễ thương.

Bà Macmê thích thú với những lời khen ngợi Tôby.

Giữa lúc ấy xuất hiện một ông già hồng hào, tóc quăn, mắt cận thị hầu như không trông thấy gì sau cặp kính gọng vàng, thấp lùn củn, luôn luôn vấp phải đồ đạc. Ông cúi chào những chiếc ghế bành không có người ngồi, nhào vào các tấm gương, cái mũi khoằm khoằm ghé sát bà Macmê. Ánh mắt bà không giấu vẻ phẫn nộ

Ông già ấy là Sơmôn ở Viện Hàn lâm Văn bia. Ông ta mỉm cười nhưng nét mặt nhăn nhúm, điệu bộ như một con búp bê, rồi đọc thơ huê tình cho nữ bá tước Mactanh nghe. Giọng ông ta ồm ồm, lúng búng, có tính chất di truyền, thứ giọng trước kia những người DoThái tổ tiên ông ta, vẫn dùng để thúc ép các con nợ nông dân vùng Andax, Ba Lan và Crimê. Ông ta nói dài lê thê. Là nhà ngữ văn học lớn, viện sĩ Hàn lâm Pháp, ông ta biết mọi thứ tiếng trừ tiếng Pháp. Bà Mactanh thích thú trước những lời phong tình vô duyên, hoen rỉ như những đồ sắt cũ người ta bày bán, thỉnh thoảng xen mấy câu hoa mỹ lỗi thời. Là một người hóm hỉnh, ngài Sơmôn thích các nhà thơ và phụ nữ.

Làm như không biết đến Sơmôn và không đáp lại lời chào của ông ta, bà Macmê bỏ ra về.

Đọc xong mấy câu thơ huê tình, Sơmôn trở nên rầu rĩ, tội nghiệp và không ngớt lời xót xa than vãn về bản thân mình: ông ta không được tương lệ đúng mức, không được giao những chức vụ nhàn rỗi, và chỗ ở do nhà nước đài thọ cũng không đủ cho mình, cho vợ và năm cô con gái. Ông ta than vãn, thái độ ít nhiều cao thượng. Trong con người ông ta có chút tâm hồn Edésien và Giêrêmi^[9].

Chẳng may ông ta nhìn thấy cuốn sách của VivianBen khi cặp mắt đeo kính gọng vàng cúi sát mặt bàn.

- A! *Idon, cô gái tóc hung!* – Ông ta thốt lên, giọng chua chát – Bà đọc cuốn sách này, thưa bà? Xin bà biết cho là cô Vivian Ben lấy trộm của tôi một bản văn bia và hơn thế nữa, xuyên tạc nó khi cải biên thành thơ! Văn bản ấy, bà sẽ tìm thấy ở trang 109:

Khóc chi nữa bạn lòng ta hỡi

Nhớ làm chi những mối tình xưa

Nỗi đau để mặc trôi qua

Đừng ôm dĩ vãng khóc cho bóng mờ.

Bà nghe rõ chứ thưa b>

Đừng ôm dĩ vãng khóc cho bóng mờ.

Vâng, đó là những lời dịch nguyên văn từ một văn bia – điệu văn mà tôi là người công bố và biện giải đầu tiên. Năm qua, ngồi cạnh cô Ben trong một bữa ăn tối tại đây, tôi đọc cho cô ta câu đó và cô rất thú vị. Theo yêu cầu của cô, ngay hôm sau, tôi dịch toàn bộ văn bản tấm bia ra tiếng Pháp gửi cho cô. Thế là văn bản bị cắt xén và xuyên tạc trong tập thơ với nhan đề: *Trên con đường thần thánh!*... Con đường thần thánh, chính là tôi!

Và ông ta nhắc lại với bộ mặt cau có, có vẻ hề:

- Chính tôi, thưa bà, mới là con đường thần thánh.

Sơ môn phật ý vì nhà thơ không nói tới ông ta trong câu chuyện văn bia này. Ông ta muốn thấy tên mình được ghi ở đầu tập thơ cũng như ở khắp mọi nơi. Ông tìm xem tên mình có được nhắc tới trên các tờ báo ông nhét đầy túi áo không. Nhưng ông ta không thù, không giận cô Ben và vui vẻ thừa nhận cô là

một con người xuất sắc, một nữ sĩ ngày nay mang lại nhiều vinh quang nhất cho nước Anh.

Sơ môn ra về. Hết sức ngây thơ, nữ bá tước Mactanh hỏi Pôn Venx có biết vì sao thường ngày vốn khoan hòa, bà Macmê lại nhìn Sơ môn với thái độ giận dữ và khinh thị đến thế. Pôn Venx ngạc nhiên thấy nàng không hay biết gì hết.

- Vâng, tôi có hề biết gì đâu! – Nàng bảo.

- Nhưng mối bất hòa giữa Giôdep Sơ môn và Lui Macmê, đến nay vẫn không ai quên, thưa bà. Nó từng làm xôn xao Viện Hàn lâm trong một thời gian dài và chỉ chấm dứt sau khi Macmê qua đời. Cho đến khi ra nghĩa địa Lasedơ, người đồng nghiệp kia vẫn không chịu buông tha ông.

“Ông Macmê tội nghiệp được mai táng đúng hôm tuyết tan. Chúng tôi bị ướt và rét thấu xương. Đứng bên huyệt, trong sương mù, gió buốt và bùn lầy, Sơ mônche ô đọc một bài diễn từ với những lời lẽ vừa độc ác một cách hí hửng vừa với vẻ thương hại của kẻ chiến thắng, rồi sau đó lên xe tang mang bài đến các tòa báo. Một người nạn sơ xuất đưa báo cho bà Macmêxem. Bà ta ngã xuống bất tỉnh. Chẳng lẽ chưa bao giờ bà nghe nói tới mối bất hòa dễ sợ đó trong giới

“Nguyên nhân là tiếng nói người Etruyri, đề tài nghiên cứu duy nhất của Macme. Người ta đặt cho ông ta cái biệt hiệu Macmê Etruyri. Cả ông lẫn những người khác, không ai biết lấy một từ của thứ tiếng ấy, nó không còn để lại một vết tích nhỏ nào. Sơ môn luôn luôn nhắc đi nhắc lại với Macmê: “Ông biết là ông không biết^[10] tiếng Etruyri chứ ông bạn đồng nghiệp thân mến? Ông là nhà bác học đáng kính và là bộ óc tài năng ở chỗ đấy”. Bị những lời “ngợi khen” độc ác ấy chọc tức, Macmê cố học cho được chút ít tiếng Etruyri. Ông đọc cho các bạn đồng nghiệp ở Viện Hàn làm Văn bia nghe một luận văn về vai trò của biến cách trong tiếng nói của người Tôxcan ngày trước”.

Bà Mactanh hỏi biến cách là thế nào.

- Ô! Thưa bà, nếu tôi giảng giải cái đó thì sẽ rối tinh lên hết. Bà chỉ cần biết cho là trong bản luận văn ấy, ông Macmê tội nghiệp viện dẫn các văn bản latin nhưng viện dẫn sai lệch cả. Trong lúc đó, Sômôn lại là nhà latin học lớn và nhà bi ký học số một của thế giới sau Môn-xen^[11].

Ông ta chê người bạn trẻ tuổi của mình (Macmê lúc đó chưa tới năm mươi) đọc quá giỏi tiếng Etruyri nhưng lại đọc khá tồi tiếng latin. Từ đó Macmê không còn lấy một phút yên ổn. Trong các cuộc họp, ông ta bị chế giễu với một sự độc ác hí hửng và bị báng bổ tới mức phải phát giận lên mặc dù bản tình hiền hòa. Còn Sômôn thì không hận thù. Đó là đức tính của chủng tộc ông ta. Ông ta công kích nhưng không giận. Một hôm, trong lúc cùng Rơ-năng^[12] và Oppe^[13] đi lên thang gác Viện Hàn lâm, ông ta gặp Macmê và giơ tay bắt. Nhưng Macmê không bắt và ni: “Tôi không quen biết ông”. – “Thế ông cho tôi là một bản văn bia latin hay sao?” – Sômôn đáp lại. Chính có phần vì câu nói đó mà ông Macmê tội nghiệp qua đời. Bây giờ thì bà hiểu vì sao bà Macmê góa bụa nhìn kẻ thù với ánh mắt ghê tởm rồi chứ? Bà ta luôn luôn ấp ủ kỷ niệm về người chồng quá cố.

- tôi đã mời họ cùng ăn tối và để họ ngồi cạnh nhau!

- Thưa bà, như thế không có gì phi đạo lý, nhưng độc ác đấy.

- Ông bạn thân mến, có thể tôi làm ông phật ý, nhưng nếu nhất thiết phải chọn lựa thì tôi thà chọn cái phi đạo lý, chứ không làm điều độc ác.

Một người trẻ tuổi, cao, gầy, da mặt màu nâu, để ria mép dài, bước vào, gặp mình xuống cúi chào:

- Ông Venx, tôi nghĩ là ông biết ông Lơ Mênin.

Quả vậy, hai người đã từng cùng đến nhà bà Mactanh và thỉnh thoảng gặp nhau ở võ trường, nơi Lơ Mênin có mặt đều đặn. Họ cũng vừa gặp nhau tối hôm trước ở nhà bà Mâyăng.

- Nhà bà Mâyăng thật chán ngắt! – Pôn Venxlên tiếng.

- Thế nhưng các ngài viện sĩ lại năng lui tới. – Lơ Meenin đáp – Tôi không cường điệu giá trị của họ nhưng xét cho cùng họ là tinh hoa của xã hội.

Bà Mactanh mỉm cười:

- Ông Lơ Mênin này, chúng tôi biết là ở nhà bà Mâyăng, ông quan tâm đến phụ nữ nhiều hơn là đến các ngài viện sĩ. Ông đã dẫn quận chúa Xơniavintới bàn tiệc và nói chuyện về chó sói.

- Sao? Về chó sói à?

- Về sói đực, sói cái và sói con, và về những cánh rừng đen kịt vào mùa đông. Tôi thấy đối với một người nhan sắc như thế, câu chuyện khí dữ dẫn đây!

Pôn Venx đứng dậy:

- Thế là bà cho phép, thưa bà; tôi sẽ dẫn Đơsactơ, bạn tôi, tới. Anh ấy thiết tha được gặp bà và tôi hy vọng bà sẽ hài lòng. Đầu óc anh linh hoạt, sống động, đầy ý tưởng.

Bà Mactanh ngả

- Ô! Tôi đâu đòi hỏi nhiều đến thế! Những người tỏ ra tự nhiên, không kiêu cách ít khi làm tôi phiền lòng, và có khi còn làm tôi vui thích nữa kia đấy.

Pôn Venx ra về. Lơ Mênin lắng nghe tiếng chân bước trong hành lang xa dần và tiếng cánh cửa mở ra, đóng lại. Bước đến cạnh nàng, anh hỏi:

- Mai lúc ba giờ ở nhà chúng ta chứ?

- Thế anh vẫn yêu em à?

Anh giục giã nàng trả lời trong lúc chỉ có hai người đứng bên nhau. Thái độ đượm chút trêu chọc, nàng đáp là đã khuya, nàng không còn tiếp ai nữa và chỉ có chồng nàng là có thể về lúc này.

Anh năn nỉ. Thế là không để phải van vãn nhiều, nàng đáp:

- Anh cảm ơn thế à? Thế này nhé: ngày mai em rỗi cả ngày. Anh chờ em ở đường Xpôngtini lúc ba giờ. Chúng ta sẽ đi dạo.

Anh cảm ơn bằng một ánh mắt. Rồi ngồi lại trước mặt nàng, phía bên kia lò sưởi, anh hỏi nàng cái anh chàng Đơsactơ mà nàng bảo người ta giới thiệu là người nào.

- Em không bảo người ta giới thiệu, mà là người ta tự ý giới thiệu thôi. Một nhà điêu khắc đấy.

Anh phàn nàn sao nàng lại cần biết những bộ mặt mới:

- Một nhà điêu khắc à? Thông thường các nhà điêu khắc đều có phần thô bạo.

- Ô! Ông ta ít nặn tượng lắm. Nhưng nếu anh phiền lòng thì em sẽ không tiếp nữa.

- Anh sẽ phiền lòng nếu thiên hạ lấy bớt một phần thời gian em dành cho anh.

- Anh không việc gì phải phàn nàn là em giao thiệp quá rộng rãi. Tối qua, em có tới nhà bà Mâyăng đâu.

- Em tới nhà bà ta hết sức ít là phải đấy: nó đâu phải là nơi thích hợp với em!

Lơ Mênin giảng giải. Bọn người đàn bà lui tới đó đều có những chuyện dan díu mà người ta biết và đồn đại. Bà Mâyăng lại tạo điều kiện cho những cái trò ấy. Và anh đưa ra mấy ví dụ để chứng minh.

Duỗi hai tay trên ghế bành trong tư thế nghỉ ngơi duyên dáng, đầu nghiêng nghiêng, nàng nhìn ngọn lửa đang tàn dần. Nàng không còn nghĩ ngợi gì hết, không biểu lộ gì hết trên khuôn mặt đượm chút âu sầu cũng như trên tấm thân uể oải, tấm thân xiết bao khơi gợi trong lúc tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh. Trong giây lát im lìm như pho tượng ấy, nàng có cả sức quyến rũ của hình hài lẫn sự cuốn hút của những công trình mỹ thuật.

Anh hỏi nàng nghĩ gì. Lòng còn ngổn ngang những kỷ niệm gần, xa, huyền ảo và âu sầu, nàng đáp:

- Anh có muốn mai chúng ta đến những khu phố xa, kỳ cục, nơi ở của đám người nghèo khổ không? Em thích những đường phố cũ kỹ, đói nghèo ấy.

Anh hứa sẽ thỏa mãn ý thích của nàng nhưng vẫn nói ý thích ấy là phi lý. Những buổi dạo chơi nàng kéo anh đi như vậy đôi khi làm anh không vui và anh cho là nguy hiểm vì có thể bị người ta trông thấy.

- Và chẳng cho tới nay, chúng ta vẫn tránh được dư luận...

Nàng lắc đầu:

- Anh nghĩ là người ta chưa bao giờ nói về chúng ta sao? Dù biết, dù không, người ta vẫn cứ nói. Không phải cái gì, người ta cũng biết; nhưng cái gì, người ta cũng nói ra hết.

Nàng lại mơ màng. Anh ngỡ nàng hờn giận vì một lý do nàng không muốn nói ra. Anh cúi xuống cặp mắt đẹp mơ màng phản chiếu ánh lửa trong lò sưởi. Nhưng nàng làm anh yên tâm:

- Em hoàn toàn không biết người ta có nói tới em hay không. Và chẳng điều đó có nghĩa gì? Mọi cái đều vô nghĩa hết

Anh chia tay nàng để đi ăn tối ở câu lạc bộ. Trên đường ghé qua Pari, Cô-mông, bạn anh đang chờ anh. Nàng nhìn theo anh, ánh mắt yêu thương và điềm tĩnh. Rồi lại mơ màng nhớ lại quá khứ.

Nàng nhớ lại những ngày thơ ấu, nhớ lại tòa lâu đài nàng sống trong những ngày hè buồn bã kéo dài, những cánh rừng được cắt tía, cái khuôn viên ẩm ướt và tối tăm, cái bể nước xanh rờn, những pho tượng nữ thần bằng cẩm thạch ẩn dưới bóng cây lặt và chiếc ghế nàng ngồi khóc trong lúc chỉ muốn chết. Giờ đây, nàng vẫn không rõ nguyên nhân nỗi lòng tuyệt vọng giữa tuổi thanh xuân khi sự thức tỉnh mãnh liệt của trí tưởng tượng và nỗi rạo rực thầm kín của thịt da khiến nàng bối rối, nửa ham muốn nửa sợ hãi. Lúc nhỏ, nàng vừa ham sống vừa sợ hãi cuộc sống. Còn giờ đây, nàng hiểu sống là một điều rất bình thường, không có gì phải lo nghĩ cũng như để hy vọng nhiều lắm. Cái đó tất yếu phải tới với nàng. Vì sao nàng lại không dự tính trước? Nàng trầm ngâm:

“Mình nhớ lại hình ảnh mẹ. Một người đàn bà phúc hậu, rất mực giản dị nhưng không thật hạnh phúc. Mình hằng ước mơ một số phận hoàn toàn khác ka. Vì sao? Mình cảm thấy xung quanh mình cuộc sống thật nhạt nhẽo và mình hít thở tương lai như hít thở một bầu không khí đầy vị mặn và hương thơm. Vì

sao? Lúc đó, mình ước muốn cái gì, mong đợi cái gì? Phải chăng mình chưa linh cảm đầy đủ là mọi thứ sẽ buồn bã?”

Nàng sinh trưởng trong một gia đình giàu có, trong sự hào nhoáng ồn ào của một gia sản còn quá mới mẻ, Môngtêxuy, thân phụ nàng, lúc đầu là một viên chức nhỏ ở một nhà băng Pari về sau lập ra và điều khiển hai hãng tín dụng lớn. Vào những giờ phút khó khăn, ông đã giữ vững cơ nghiệp với tài năng của một bộ óc giàu sáng tạo, sức mạnh vô địch của ý chí, một sự liên kết có một không hai giữa cơ mưu và liêm trực. Ông giao dịch ở thế cân bằng với chính phủ. Nàng lớn lên trong tòa lâu đài Gioăngvin lịch sử do cha nàng mua lại, sửa sang và bày biện hết sức lộng lẫy. Sáu năm sau, với khu vườn hoa và những bể nước lớn, nó rực rỡ chẳng kém lâu đài Vô Lơ Vicôngtơ^[14]. Môngtêxuy buộc cuộc sống phải cho tất cả những gì nó có thể cho. Là người vô thần theo bản năng và có thể lực, ông ham muốn mọi thú vui xác thịt và mọi điều tốt đẹp mà trái đất này có thể mang lại. Ông xếp đá quý và tranh của các họa sĩ bậc thầy đầy các hành lang và phòng khách tòa lâu đài Gioăngvin. Vào tuổi năm mươi, ông chinh phục những nữ nghệ sĩ sân khấu nhan sắc nhất và một vài phụ nữ quý tộc được ông làm o cuộc sống thêm hoa lệ. Với sự tàn bạo về khí chất và sự tinh tế về tâm hồn, ông hưởng thụ mọi thứ quý giá của xã hội.

Thế những bà Môngtêxuy, cần kiệm và chu đáo, thì sống mòn mỏi trong lâu đài Gioăngvin. Nom bà ốm o và tội nghiệp giữa mười hai pho tượng phụ nữ khổng lồ làm chân trụ cho những cây cột chống đỡ trần nhà trong cái khoảng hẹp giữa giường và hàng lan can vàng rực. Trên trần, họa sĩ Lơbrun vẽ các thần Titan bị Giuypite sát hại^[15]. Chính ở đấy, trên chiếc giường sắt đặt ở chân một chiếc giường khác đồ sộ và lộng lẫy, một buổi tối, bà đã qua đời sau những ngày âu sầu, mệt mỏi. Trên đời, bà chỉ yêu chồng và cái phòng khách nhỏ nhắn trải thảm đỏ ở phố Môbơgiơ.

Bà không thân mật với con gái. Một cách bản năng, bà cảm thấy con quá xa mình, tâm hồn nó quá tự do, trái tim nó quá táo bạo. Con bé Têredơ dịu dàng và tốt bụng, nhưng bà mơ hồ nhận thấy nó mang dòng máu cường liệt của

Môngtexxuy, cái sôi nổi cả về tâm hồn lẫn xác thịt đã từng làm bà biết bao đau khổ, và bà dễ tha thứ cho chồng hơn là cho con gái.

Môngtexxuy nhận ra bản chất con và rất yêu con. Cũng như mọi người phàm tục khác, ông có những giờ phút vui vẻ thật thú vị. Tuy sống ở ngoài nhiều, ông vẫn thu xếp để hầu như ngày nào cũng ăn trưa với con và thỉnh thoảng dẫn con đi dạo chơi. Ông sành về đồ mỹ nghệ và y phục. Chỉ nhìn qua là ông nhận ra và sửa lại những chỗ tệ hại trong cách ăn mặc của cô gái do thị hiếu kém cỏi và tính thích lòe loẹt của bà Môngtexxuy gây nên. Ông dạy dỗ, huấn luyện cô bé Têredơ. Vừa thô bạo vừa ngọt ngào, ông làm con thích thú và gắn bó với mình. Gần con, bản năng và lòng hiếu thắng càng thúc giục ông. Là người luôn luôn muốn chinh phục, ông ra sức tranh thủ con gái khiến cô bé gần bố hơn gần mẹ. Cô yêu quý, ca ngợi bố.

Mơ màng, từ trong dĩ vãng sâu thẳm. Têredơ nhớ lại hình ảnh bố đã từng là niềm vui duy nhất của tuổi ấu thơ. Đến nay, nàng vẫn định ninh trên đời không một ai dễ thương như bố mình.

Bước vào đời, nàng thất vọng ngay: nàng không sao tìm thấy ở người khác sự phong phú tự nhiên về tâm hồn, sự hoàn mãn về năng lực hành động và tư duy như cha nàng. Và nàng cũng thất vọng như vậy trong việc lựa chọn một người chồng và có lẽ sau này, cả trong một sự lựa chọn khác, thầm kín và thoải mái hơn.

Quả thật, trong hôn nhân, nàng không hề lựa chọn. Nàng không hay biết gì và để mặc cho bố gả chồng. Lúc đó, mẹ nàng đã qua đời, cuộc sống của bố nàng lại bận rộn, sôi nổi. Chăm sóc một cô gái quả là một công việc tinh tế khiến ông bối rối, lo âu. Ông lại có thói quen hành động nhanh chóng và sao cho có kết quả. Chú trọng những ưu thế bề ngoài và sự môn đăng hộ đối, ông đánh giá cao tám chục năm trọn bá tước Mactanh sống trong giới quý tộc triều đình với niềm vinh quang truyền thống của một dòng họ đã từng cung cấp các bộ trưởng cho chính phủ tháng Bảy^[16] và cho nền Đế chế tự do. Hôn nhân có mang lại cho con tình yêu hay không, điều đó ông không nghĩ tới.

Ông định ninh con gái mình sẽ được thỏa mãn những ham muốn phù hoa mà ông gán cho con, sẽ tìm thấy niềm vui sống, niềm vinh quang thường tình nhưng đầy sức mạnh, niềm kiêu hãnh thông tục và sự thống trị của vật chất. Đối với ông, đó là toàn bộ giá trị cuộc sống. Ngoài ra, ông không có những ý niệm thật rõ rệt về hạnh phúc của một phụ nữ đoan trang. Niềm tin cố hữu ấy chưa hề suy yếu trong ông.

Nghĩ tới niềm tin phi lý và tự nhiên ấy của Môngtexxuy – vốn chẳng ăn nhập gì với những kinh nghiệm và ý tưởng của ông về phụ nữ – nàng mỉm cười với một vẻ hài hước rầu rĩ. Và nàng càng thán phục bố mình: rất mực khôn ngoan, ông không thể làm điều gì dại dột.

Dẫu sao, cuộc hôn nhân ông chọn cho nàng không có gì tồi tệ nếu xét theo quan điểm của những kẻ an nhàn. Chồng nàng chẳng thua kém ai. Anh rất dễ thương. Nhưng ngôi ôn lại quá khứ dưới ánh đèn tù mù, nàng thấy trong tất cả các kỷ niệm, mờ nhạt nhất lại là kỷ niệm về những ngày chung sống với chồng. Nàng nhớ lại một vài nét rời rạc rất khó xác định, một vài hình ảnh phi lý, một cảm giác mơ hồ, nhạt nhẽo. Thời kỳ chung sống ấy không được bao lâu và không để lại dấu ấn gì. Sáu năm đã trôi qua, nàng cũng không còn nhớ thật rành rọt mình đã trở lại tự do như thế nào. Bởi vì sự tự do ấy, nàng đã giành lại được quá chóng vánh và dễ dàng từ người chồng lãnh đạm, ốm o, ích kỷ và lịch sự, một người đàn ông khô cứng, vàng ố đi trong kinh doanh và hoạt động chính trị, một kẻ cần cù, tầm thường, đầy tham vọng. Anh ta yêu phụ nữ chỉ vì để hãnh diện, còn vợ thì anh ta chưa hề yêu. Sự ly thân giữa hai vợ chồng thật dứt khoát, trọn vẹn. Và từ đó, xa lạ đối với nhau, họ mặc nhiên để cho nhau tự do. Nàng có thể có tình bạn đối với anh, nếu không thấy anh láu lỉnh, nham hiểm và quá tinh vi mỗi khi cần lấy chữ k của nàng để có được những khoản tiền cần thiết cho công việc làm ăn mà anh ta tiến hành vì phô trương hơn là vì tham lam. Ngoài ra, người đàn ông mà ngày nào nàng cũng cùng ăn tối và trò chuyện, cùng ở, cùng đi du lịch ấy, chẳng có ý nghĩa gì đối với nàng.

Thu mình trên ghế, tay chống cằm và ngồi trước lò sưởi lửa đã tàn, giống như một cô gái tò mò đi xem bói khi hồi tưởng lại những năm tháng cô đơn, nàng nhớ lại khuôn mặt hầu tước Đơ Rê, rõ nét, chính xác đến mức làm nàng kinh ngạc. Cha nàng ca ngợi hầu tước Đơ Rê và đưa tới nhà nàng. Một người cao lớn, đã từng có ba mươi năm chinh phục phụ nữ và giành được thắng lợi trong xã hội quý tộc phù hoa. Với những cuộc đàn díu, ông ta nổi tiếng là người đã từng chinh phục ba thế hệ phụ nữ và để lại trong trái tim tất cả những người được ông yêu một kỷ niệm không hề phai mờ. Cái duyên dáng, hùng tráng, vẻ thanh nhã không cầu kỳ và thói quen làm vui lòng người khác kéo dài sức thanh xuân của ông một cách khác thường. Ông đặc biệt lưu ý tới nữ bá tước Mactanh trẻ trung. Thái độ ân cần cung kính của con người sành sỏi ấy làm nàng thú vị. Giờ đây, hồi tưởng lại, nàng vẫn cảm thấy khoan khoái. Ông ta có lối nói chuyện tuyệt vời và làm nàng thích thú. Nàng không che giấu điều đó. Thấy vậy và vốn vừa phù phiếm vừa táo bạo, ông quyết chiếm đoạt người thiếu phụ này để kết thúc xứng đáng chuỗi ngày hạnh phúc của mình. Rõ ràng nàng có cảm tình với ông và hơn ai hết, ông ngưỡng mộ nàng. Ông dùng những mưu kế rất mực tinh xảo. Nhưng nàng đã thoát khỏi tay ông dễ dàng.

Hai năm sau, nàng hiến mình cho Rôbe Lơ Mênin, một người ham muốn nàng mãnh liệt với tất cả sự nồng nhiệt của tuổi trẻ, sự chất phác của tâm hồn. “Ta hiến thân cho chàng vì chàng yêu ta”. Đó là sự thật. Sự thật nữa là một bản năng âm thầm và dữ dội giục giã nàng và nàng đã nghe theo sự thôi thúc thầm kín của con người mình. Nhưng đó không hề là bản chất nàng. Bản chất nàng, bản chất lương tâm nàng là nàng đã tin, đã chấp nhận và mong muốn một tình cảm chân thật. Nàng hiến thân ngay sau khi cảm thấy được yêu tới mức đau đớn. Nàng hiến thân nhanh chóng, đơn giản. Chàng ngỡ nàng hiến thân một cách nông nổi. Chàng đã nhầm. Nàng cảm thấy đau đớn trước cái không sao cứu vãn được, cảm thấy hổ thẹn khi phải có điều gì che giấu. Những lời xì xầm về những người đàn bà có tình nhân ong ong bên tai nàng nóng bỏng. Nhưng kiêu hãnh và tinh tế, trong sự lựa chọn hoàn mỹ của mình, nàng chăm chú che giấu cái giá phải trả cho sự hiến thân và không hề nói gì để thúc đẩy thêm tình cảm của người yêu. Chàng không ngờ nàng có nỗi đau tinh thần ấy; và chẳng, chỉ sau mấy ngày, nàng đã trở lại hoàn toàn bình tĩnh. Sau ba năm, nàng vẫn

nguyện với cách xử sự vô tư và tự nhiên của mình. Không hề làm hại ai, nàng không thấy có gì phải ân hận. Nàng hài lòng. Mọi quan hệ giữa chàng và nàng vẫn là điều tốt đẹp nhất trong đời nàngà nàng được yêu. Dĩ nhiên nàng không cảm thấy niềm say mê nàng mong ước. Nhưng có bao giờ người ta cảm thấy niềm say mê ấy? Nàng là người tình của một chàng trai tốt bụng và trung thực, được nữ giới mến mộ, được bạn bè ưa thích. Người ta cho là chàng khinh khinh, khó tính, nhưng chính chàng bộc lộ tình cảm thật của mình. Niềm vui nàng mang lại cho chàng và nỗi lòng nàng hân hoan thấy mình đẹp vì chàng, gắn bó họ với nhau. Không phải chàng làm cho đời nàng bao giờ cũng ngọt ngào nhưng thật dễ chịu và có khi thú vị.

Từ những điều nàng không linh cảm được về nỗi cô đơn của chàng – tuy chàng có những dấu hiệu lo âu mơ hồ và buồn bã vô duyên cớ – đến bản chất sâu kín, khí chất và thiên hướng thực sự của chàng, tất cả những cái đó, chàng đã thổ lộ với nàng. Hiểu lòng chàng, nàng tự hiểu lòng mình. Một sự ngạc nhiên kỳ thú! Mọi giao cảm giữa chàng và nàng không nằm trong phạm vi tầm thường. Đối với chàng, nàng có một niềm hứng thú đơn giản và cụ thể không dễ gì nhạt phai. Và chính vào lúc này, nàng khoan khoái với ý nghĩ ngày mai sẽ gặp lại chàng trong căn nhà nhỏ ở đường Xpôngtini, nơi họ vẫn hò hẹn nhau trong suốt ba năm nay. Ngồi một mình trước ngọn lửa đã tàn, nàng lòng tự nhủ lòng: “Thế đấy, mình, mình cần tình yêu!”. Không ai nghĩ người thiếu phụ rất mực tao nhã ấy lại có thể lắc đầu, nhún vai khá thô bạo trong lúc thốt ra những lời như vậy.

II

Trời chạng vạng. Họ rời căn nhà xếp ở phố Xpôngtini. Rôbe Lơ Mênin vẫy một cỗ xe ngựa, liếc nhìn con ngựa và chủ xe với một ánh mắt ngại ngần, rồi cùng Têredơ bước lên xe. Hai người ngồi sát bên nhau. Xe lăn bánh giữa những dãy phố khi ẩn khi hiện với những bóng dáng mơ hồ chập chờn trong những tia sáng thỉnh thoảng lại lóe lên đột ngột. Trong lòng họ chỉ có những cảm giác êm đềm, lả lướt, giống như những vệt sáng khi đụng phải làn hơi nước trên kính xe. Ngoài họ ra, tất cả đều huyền ảo, xa vắng, và trong lòng họ không một chút vấn vương. Xe tới gần Cầu Mới trên bến cảng Ôguyxtanh.

Hai người xuống xe. Trời khô hanh và gió rét làm thời tiết những ngày tháng giêng này càng thêm âm đạm. Dưới tấm khăn choàng, Têredơ hít thở khoan khoái. Những làn gió thổi qua sông, quét đi một lớp bụi hăng hắc, trắng xóa như muối trên mặt đường khô cứng. Nàng hài lòng được đi lại thoải mái nơi đây. Nàng thích ngắm cảnh vật thiên nhiên vùng sỏi đá này trong bầu không khí trong trẻo vắng lặng; thích bước thoăn thoắt dọc bến cảng, dưới những hàng cây cành lá sum suê chạy đến tận chân trời đỏ hoe vì khói thành phố; thích cúi mình trên lan can cầu nhìn nhánh sông Xen hẹp với dòng nước buồn bã cuồn cuộn chảy; thích thưởng thức cảnh buồn chán của con sông không bến đỗ, không liễu rủ cũng không có rặng sồi bên bờ. Trên bầu trời vời vợi, đã chập chờn những vì sao đầu tiên.

- Có thể gió sẽ dập tắt hết sao. – Nàng cất tiếng.

Lơ Mênin cũng nhận thấy sao nhấp nháy nhiều. Anh không cho như thế là báo hiệu trời mưa như nông dân thường nghĩ, trái lại, đã từng quan sát thấy mười lần sao nhấp nháy thì chín lần trời nắng.

Đi gần đến Cầu Nhỏ, hai người nhìn thấy những cửa hiệu bán đồ sắt cũ bên phải, với những ngọn đèn tù mù. Nàng chạy tới, dăm dăm nhìn lớp bụi rỉ sắt trên đồng hàng cũ bày bán. Bản năng tìm tòi được đánh thức, nàng quặt qua góc phố và bước vội tới một gian nhà một mái, nhếch nhác, trên tường nhà ẩm ướt lũng lảng những mớ giẻ rách. Phía sau những tấm kính lem luốc, một cây nến thấp sáng cho thấy xoong chảo, bình bằng sứ, một chiếc kèn clarinet và một vành hoa cô âu.

Anh không hiểu nổi niềm vui thích của nàng.

- Em bị lây bọ chét đấy. Có gì trong đó làm em thích thú thế?

- Tất cả. Em nghĩ tới cô dâu tội nghiệp có cái vành hoa còn nằm dưới quả địa cầu kia. Bữa tiệc cưới được tổ chức ở cửa ô Mayô. Trong đoàn người đưa dâu, có một anh chàng dân vệ. Hầu như trong mọi đám cưới ở rừng Bulônơ, ngày thứ bảy, đều có dân vệ dự. Tất cả những con người kỳ cục và khốn khổ ấy, những con người đến lượt họ đi vào sự vĩ đại của quá khứ ấy, không làm anh xúc động sao?

Giữa đám tách chén in hoa, sứ mẻ và cốc ketch, nàng tìm thấy một con dao nhỏ, cán bằng ngà khắc hình một phụ nữ mảnh khảnh để tóc theo kiểu bà Manhtơông^[12]. Nàng bỏ ra mấy xu mua con dao. Nàng mừng rơn khi tìm được một chiếc nữa. LơMênin thú nhận anh chẳng hiểu tí gì về các vật trang trí. Nhưng bà ĐơLanoa, cô anh, là một người am hiểu. Ở Caăng, những nhà buôn đồ cổ luôn luôn nhắc đến bà. Bà đã trùng tu và trang bị nội thất tòa lâu đài của mình theo đúng phong cách. Đó là ngôi biệt thự cũ của Giăng Lơ Mênin, tham nghị ở Nghị viện Ruăng. Có tước khi ông ta ra đời, ngôi nhà này được ghi trong một chứng thư năm 1690 là nhà nghỉ ở nông thôn. Trong một căn buồng ở tầng trệt, dưới đáy những chiếc tủ sơn trắng đặt dưới giàn mắt cáo. Vẫn còn tìm thấy những tác phẩm do Giăng Mênin sưu tập. Theo lời Rôbe, bà Đơ Lanoa, cô anh, trong khi thu dọn đồng sách, tìm thấy những tác phẩm đôi trụ với những tranh ảnh tục tĩu và mang đốt đi.

- Cô anh gốc thế à? – Têredơ hỏi.

Đã từ lâu, những câu chuyện về bà ĐơLanoa làm nàng bực bội. Ở tỉnh nhà, Lơ Mênin vẫn còn một bà mẹ, mấy chị gái, mấy bà cô và một gia đình đông đúc mà nàng không quen và thường làm nàng khó chịu. Nhưng anh lại ca ngợi, khiến nàng căm giận. Nàng bực mình khi thấy anh thường xuyên về viếng thăm, và nàng mừng rỡ từ những cuộc viếng thăm ấy, anh mang theo về một mùi mốc rỉ, những tư tưởng hẹp hòi, những tình cảm xúc phạm tới mình. Còn anh thì ngạc nhiên một cách chân thật và lấy làm đau lòng về mối ác cảm đó.

Lơ Mênin lặng im. Thấy một tủi quán cửa kính lấp lánh sau lớp rào sắt, anh bỗng nghĩ tới nhà thơ Sulet mà người ta cho là một kẻ nát rượu. Với thái độ hơi khó chịu, anh hỏi Têredơ có còn gặp “cái lão Sulet” thường mặc áo tơi choàng và trùm chiếc khăn đỏ bịt kín hai tai đến thăm nàng nữa không.

Nàng bực bội thấy anh nói cái giọng giống như của tướng Larivie. Nàng không nói thật là nàng đã không gặp Sulet từ mùa thu và ông ta coi thường nàng, với cái lối sỗ sàng của một con người trầm mặc, tính tình thất thường và không thuộc lớp người thượng lưu quý tộc.

- Ông ta là người hóm hỉnh, phóng túng và độc đáo. – Nàng nói. – Ông ta làm em vừa lòng.

Anh trách nàng có một thị hiếu kỳ cục. Nàng sôi nổi đáp:

- Em không chỉ có một thị hiếu, mà có nhiều cơ. Em nghĩ anh không chê trách tất cả chứ?

Anh không chê trách nàng. Anh chỉ e có hại cho nàng khi tiếp một tay phóng dăng tuổi năm mươi, một kẻ không hề có chỗ đứng trong một gia đình danh gi

- Sulet không có chỗ đứng trong một gia đình danh giá ư? Vậy ra anh không biết là hằng năm, ông ta vẫn đi Văngđê nghỉ một tháng ở nhà nữ hầu tước Đơ Riơ hay sao?... đúng, nữ hầu tước Đơ Riơ, tín đồ Thiên Chúa giáo, người theo phái bảo hoàng ủng hộ Đế chế, như bà vẫn tự nhận. Nhưng vì anh chú ý tới Sulet, anh hãy nghe em kể lại cuộc đàn đúm mới đây của ông ta, em kể lại đúng như Pôn Venx đã kể với em. Và giờ đây, đi trên đường phố đầy những chiếc áo cộc giăng phơi và chậu hoa đặt trên bậu cửa sổ như thế này, em càng hiểu câu chuyện rõ hơn.

“Một buổi tối mùa đông, trời mưa. Trên một đường phố em không nhớ tên nhưng cũng nghèo khổ như đường phố này, Sulet gặp trong quán rượu một cô gái khốn khổ mà đến cả những tay hầu bàn trong quán cũng không thèm ngó ngang tới. Ông ta đem lòng yêu cô gái vì thái độ khiêm nhường cung kính của cô ta. Cô ta tên là Maria. Thực ra đó không phải là tên cô ta, mà là một cái tên cô ta thấy ghi trên một cánh cửa ở cuối thang gác phòng trọ. Sulet xúc động trước sự tột cùng của nghèo khổ và ô nhục ấy. Ông ta gọi cô gái là em và hôn tay cô ta. Từ đó, ông không rời cô ta nữa, ông đưa cô gái đầu trần chỉ choàng một tấm khăn này đến các tiệm cà phê trong khu phố latin, nơi đám sinh viên giàu có đọc tạp chí. Ông nói với cô ta những lời hết sức dịu dàng. Ông ta khóc, cô gái cũng khóc. Hai người uống rượu và uống xong là đánh nhau. Sulet yêu cô gái, gọi cô ta là cô gái trinh bạch, là nỗi đau khổ và niềm hạnh phúc của mình. Cô gái đi chân không, ông ta đưa cho cô một cuộn len thô và kim đan để đan tất. Và tự tay mình đóng những chiếc đinh to tướng vào đế giày cho cô gái khốn khổ. Sulet đọc cho cô ta những câu thơ rất dễ hiểu. Ông sợ làm phai mờ vẻ đẹp tâm hồn của cô gái trong lúc cứu cô ta thoát khỏi nỗi ô nhục cô ta sống trong đó với một tấm lòng hoàn toàn ngây thơ, và một sự thiếu thốn lạ lùng”.

Lơ Mênin nhún vai:

- Nhưng hẳn là thằng điên, cái lão Sulet ấy, và Pôn Venx kể cho em nghe những câu chuyện đến kỳ cục. Anh không phải là kẻ khổ hạnh, chắc chắn là như thế, nhưng có những cái vô đạo đức làm anh chán ngấy.

Hai người bước đi vô định. Nàng trở nên mơ màng:

- Vâng, em biết, đạo đức, bốn phận... Nhưng bốn phận, có trời biết! Em cam đoan với anh là ba phần tư thời gian, em thực sự không biết bốn phận ở chỗ nào. Giống như con nhím của cô gia sư Gioăngvin: bọn em để cả buổi tối tìm nó dưới đồng cỏ đặc và đến khi tìm được thì bọn em lại bỏ đi ngủ.

Lơ Mênin cho những điều nàng nói là đúng sự thật và có khi còn đúng nhiều hơn chứ không phải chỉ như nàng tưởng. Anh đã từng nghĩ như vậy những khi ngồi một mình.

- Chính vì thế, đôi lúc, anh ân hận không ở lại trong quân ngũ đấy, em ạ. Anh đoán được em sắp trả lời anh thế nào rồi. Em sẽ bảo là người ta mù người đi trong cái nghề ấy chứ gì. Dĩ nhiên như thế, nhưng quả là người ta làm cái phải làm, và như thế đã là nhiều trong cuộc sống rồi. Anh thấy cuộc đời ông bác anh, tướng ĐơLa Brisơ, là một cuộc đời rất đẹp, đầy danh vọng và khá thú vị. Nhưng bây giờ, khi cả nước đổ xô vào quân đội thì không còn sĩ quan và cũng không còn binh lính nữa. Nó giống như một nhà ga ngày chủ nhật, khi nhân viên đường sắt xô đẩy đám hành khách ngơ ngác lên tàu. Đích thân bác Đơ LaBrisơ biết tất cả sĩ quan và binh lính trong lữ đoàn. Bác còn ghi tên tuổi họ trên một tấm bảng lớn trong phòng ăn và thỉnh thoảng đọc đề giải trí. Ngày nay, làm sao một sĩ quan có thể biết được binh lính của mình?

Nàng không nghe anh nói nữa. Nàng nhìn một chị bán khoai tây rán ở góc phố Galăngđơ: chị ta ngồi sau một cái khung sắt có kính trong bóng râm những ngôi nhà đồ sộ. Nét mặt sáng rực trước ngọn lửa than củi, chị cho chiếc muôi vào mớ khoai đang xèo xèo, lấy ra những chiếc bánh hình lưỡi liềm, vàng rộm. Chị cho bánh vào một cái bao giấy hình loa trong đó lấp lánh những cuộng rơm, trong lúc một cô gái tóc đỏ hoe chăm chú chìa bàn tay đỏ hồng cầm một đồng hai xu.

Khi cô gái mang bao bánh đi, Têredơ thèm ăn và cảm thấy đói. Nàng thiết tha muốn nếm thử món khoai tây rán này.

Lúc đầu Lơ Mênin phản đối:

- Biết bánh họ làm bằng thứ gì!

Nhưng cuối cùng anh phải hỏi mua một bao hai xu và bảo người bán rắc muối vào.

Lật ngược mạng che mặt lên mũi, nàng ngập rãng vào những chiếc bánh vàng rộm hình lưỡi liềm và anh đưa nàng đi theo những con đường hẹp vắng vẻ, xa các ngọn đèn đường. Thế là họ quay trở lại bến cảng và nhìn thấy cái khối nhà thờ màu đen sừng sững trên nhánh sông hẹp. Lơ lửng trên nóc nhà thờ lờm chờm như răng cửa, trắng trút ánh bạc xuống mái nh

- Nhà thờ Đức bà! – Nàng thốt lên – Anh nhìn xem. nó nặng nề như một con voi và mảnh mai tựa một con sâu nhỏ. Trăng bò lên trên nhà thờ và nhìn ngắm với vẻ láu lỉnh của loài hầu. Nó không giống ánh trăng nông thôn ở Gioăngvin. Ở Gioăngvin, em có con đường của em, một con đường bằng phẳng, cuối đường có vầng trăng. Không phải tối nào cũng có trăng, nhưng trăng trở lại một cách chung thủy, đầy đặn, sáng rực, thân thương. Trăng là cô láng giềng nơi thôn dã, là bà mệnh phụ ở quanh vùng. Em đến với trăng rất trang nghiêm, vì phép lịch sự và vì tình bạn, còn cái vầng trăng Pari này thì em không muốn gặp. Nó không phải là người bạn tốt. Nó đã thấy biết bao điều từ khi nó cọ xát với mái nhà.

Anh mỉm cười, âu yếm:

- Ô, con đường nhỏ mà em dạo chơi một mình và em bảo là em yêu vì ở cuối đường có bầu trời không vời vợi cũng không thăm thẳm, con đường nhỏ ấy, giờ đây, anh cũng nhìn thấy như thể anh đã từng ở đấy!

Lần đầu tiên, anh gặp nàng ở lâu đài Gioãngvinkhi Môngtexxuy mời anh đến đi săn. Gặp nàng, anh yêu nàng, muốn chiếm đoạt nàng ngay tức khắc. Một buổi tối, ở bìa cánh rừng nhỏ, anh thổ lộ anh yêu nàng. Cặp môi mím lại như đau đớn, ánh mắt mơ màng, nàng nghe anh nói.

Kỷ niệm về con đường nhỏ nàng dạo bước một mình trong đêm thu làm anh xúc động, rạo rức sống lại những giờ phút thần tiên của những ham muốn buổi đầu và những hy vọng rụt rè... Anh tìm bàn tay nàng và siết chặt cái cổ tay nhỏ bé dưới lớp bao tay bằng lông thú.

Một cô bé mang hoa violet trên một tấm liếp trải những cành tùng cành bách nhận ra cặp tình nhân và đến mời họ mua hoa. Anh mua một bó hai xu tặng nàng. Têredơ đi về phía nhà thờ. Nàng nghĩ:

- Quả là một con thú khổng lồ, con quái vật trong Kinh Tân ước...

Đến cuối cầu, một bà hàng hoa, mặt nhăn nheo, mốc thếch, già nua và lem luốc, chạy theo họ với chiếc giỏ đựng đầy hoa trinh nữ và hoa hồng vùng Nixơ. Đang cầm bó Violet trên tay, Têredơ tìm cách luồn vào trong áo lót và vui vẻ trả lời bà già mời nàng mua hoa.

- Cảm ơn, tôi có

- Tôi biết cô trẻ mà! – Bà ta thốt lên, giọng đều cáng và bỏ đi.

Têredơ hầu như hiểu ngay và trên môi lẫn trong ánh mắt nở một nụ cười. Hai người bước trong bóng râm trên sân nhà thờ, trước những pho tượng đá đặt hai bên cổng với những cây quỳn trượng và những vành vương miện.

- Chúng ta vào đi! – Nàng bảo.

Anh không muốn vào. Anh mơ hồ cảm thấy bối rối, gần như là sợ hãi, phải cùng nàng có mặt trong nhà thờ. Anh khẳng định là nhà thờ đóng cửa. Anh tin như vậy, muốn như vậy. Nhưng nàng đẩy cửa và bước vào giáo đường rộng mênh mông, nơi những hàng cột im lìm vươn lên cao vút. Phía trong cùng, những người cầm bạch lạp đi trước các vị linh mục mờ ảo như những cái bóng ma, trong những tiếng rên rỉ cuối cùng của đàn đại phong cầm. Trong cảnh tĩnh mịch, nàng rùng mình và nói:

- Cảnh âu sầu trong nhà thờ và bóng đêm làm em xúc động, em cảm thấy cái vĩ đại của hư vô.

Anh đáp:

- Thế nhưng chúng ta phải tin một cái gì đó. Nếu không có Thượng đế, nếu linh hồn chúng ta không bất tử thì sẽ buồn bã biết chừng nào.

Nàng đứng im một lát dưới những tấm trướng màu xám rử từ trần nhà xuống rồi nói:

- Anh tội nghiệp của em, chúng ta chưa biết làm gì với cuộc đời ngắn ngủi này, thế mà anh lại muốn một cuộc đời khác, một cuộc đời vĩnh hằng!

Ngồi trong xe trở về, LơMênin vui vẻ nói anh đã sống một ngày ra trò. Anh hôn nàng, hài lòng về nàng và về bản thân mình. Nhưng nàng không chia sẻ niềm vui ấy. Giữa hai người thường xảy ra như vậy. Đối với nàng, những giây phút cuối cùng họ ngồi với nhau mất hết cả niềm vui và nàng linh cảm khi chia tay, anh sẽ không nói ra cái từ cần phải nói. Thông thường, anh chia tay nàng đột ngột như thể ở anh, sự vật không có gì tiếp nối. Mỗi lần chia tay, nàng mơ hồ cảm nhận một sự đoạn tuyệt. Nàng luôn luôn đau khổ về điều đó và thường cúi kính.

Dưới rặng cây ở đường Hoàng hậu^[18], anh khẽ hôn tay nàng.

- Hiếm thấy người ta yêu nhau như chúng ta yêu nhau, phải không Têredo?

- Hiếm không thì em không biết, nhưng em nghĩ là anh yêu em.

- Thế còn em?

- Em, em cũng yêu anh.

- Và em sẽ mãi mãi yêu anh?

- Biết thế nào được!

Và thấy nét mặt anh không vui, nàng nói tiếp:

- Với một người đàn bà thề nguyện suốt đời chỉ yêu anh thì anh có yên tâm hơn không?

Anh vẫn lo âu, vẻ khổ sở. Nàng tỏ ra âu yếm và làm anh hoàn toàn yên tâm.

- Anh biết đấy, em không nhẹ dạ đâu. Em không phải là một đứa vung phí như quận chúa Xơniavin đâu!

Gần cuối đường Hoàng hậu, họ chia tay dưới rặng cây. Lơ Mênin giữ xe lại để đến phố Hoàng cung ăn tối ở câu lạc bộ và đi xem hát. Anh phải đi cho kịp giờ.

Têredo đi bộ về nhà. Đến gần đồi Trôcadêrô – nơi phát ra những tia sáng giống như những đồ trang sức bằng kim cương, nàng sức nhớ tới bà bán hoa ở Cầu Nhỏ. “Tôi biết cô trẻ mà!”, câu nói ném ra giữa luồng gió ẩm ướt trở lại trong ký ức nàng, không còn vẻ chế nhạo và sỗ sàng nữa mà buồn bã làm nàng

bản khoán. “Tôi biết cô trẻ mà!”. Phải, nàng trẻ, nàng được yêu, và nàng âu
sầu.

II>

Giữa bàn đặt một lọ hoa, miệng rộng bằng đồng thau mạ vàng với những con phượng hoàng tung cánh giữa các vì sao và đàn ong, với hai quai nặng nề vênhhững hoa lá trái cây. Hai bên là tượng hai Nữ thần Chiến thắng có cánh, hai tay nâng những ngọn bạch lạp sáng rực. Lọ hoa kiểu Đế chế này, Napôlêông tặng bá tước Mactanh Đơ Lexnơ, ông nội bá tước Mactanh Benlem ngày nay, vào năm 1812, Mactanh Đơ Lexnơ là nghị sĩ Quốc hội lập pháp năm 1809, năm sau được bổ nhiệm vào Hội đồng tài chính quốc gia. Công việc liên tục và cần mẫn ở đây thích hợp với bản tính cần mẫn và rụt rè của ông. Tuy là người có tư tưởng tự do, ông vẫn làm vui lòng Hoàng đế vì thái độ chuyên tâm và một tinh thần liêm khiết biết tự chế ngự không làm người khác khó chịu. Trong hai năm liền, ông được hưởng không biết bao nhiêu ân sủng của nhà vua. Năm 1813, ông tham gia phe đa số ôn hòa, phe này tán thành bản báo cáo của Lenê^[19] lúc đó đề ra những bài học đã muộn màng đối với nền Đế chế đã lung lay, và công khai phê phán uy quyền của Hoàng đế dẫn tai họa mà ngài đã gây ra. Ngày 1 tháng giêng 1814, ông cùng đồng nghiệp đến điện Tuylơri^[20]. Hoàng đế đón tiếp họ với một thái độ khùng khiếp, hết lời thóa mạ họ. Nét mặt dữ tợn, lầm lì, vừa sợ hãi cho quyền lực hôm nay vừa lo lắng cho sự sụp đổ ngày mai của mình, nhà vua trút cơn giận dữ và lòng khinh bỉ lên đầu họ.

Ngài đi lui đi tới trước những bộ mặt kinh hoàng của các ông nghị. Bỗng tình cờ ngài vỗ lấy vai bá tước Mactanh, vừa lắc mạnh vừa lôi kéo ông vừa thét lên: “Một chiếc ngai vàng, là bốn mảnh gỗ bọc nhung phải không? Không! Một chiếc ngai vàng là một con người và người đó là ta! Các người muốn vấy bùn vào mặt ta! Có phải là lúc can gián ta không khi hai trăm nghìn quân Côđắc đang vượt qua biên giới? Lão Lenê của các người là một kẻ tàn ác. Việc trong nhà thì chỉ giải quyết trong nhà với nhau thôi chứ!” Trong cơn thịnh nộ, không rõ là cao nhã hay thô lậu, ông ta xoắn chặt cái cổ áo thêu của ông nghị tỉnh Exnơ. “Nhân dân chỉ biết ta, không biết đến các người. Ta là người được

cả nước lựa chọn. Các người chỉ là những kẻ đại biểu vô danh tiểu tốt của một tỉnh”. Ông ta bảo họ sẽ rơi vào số phận phái Girôngđanh^[21]. Tiếng đình thúc ngựa vang lên theo giọng nói sang sảng của ông ta. Bá tước Mactanh vì vậy mà run rẩy và trở nên càm lăm cho đến hết đời, và tuy Napôlêông đã sụp đổ, ông vẫn run rẩy khi kêu gọi dòng họ Buôcbông lên cầm quyền trong những ngày ông ẩn náu ở Laông. Trong hai ln khôi phục chế độ quân chủ cũng như dưới chính quyền tháng Bảy và nền đệ nhị Đế chế, ông được gán nhiều huân chương và bội tinh, nhưng tim ông vẫn như thắt lại. Được ba đời vua và một hoàng đế đưa lên những chức vụ cao nhất và tướng lệ, ông vẫn cảm thấy trên vai mình cái bàn tay của lão người Coocxơ^[22]. Ông qua đời với tư cách nguyên lão nghị viện dưới triều Napôlêông III. Con trai ông mang theo di chứng run rẩy của cha để lại.

Chàng trai ấy lấy cô Benlem, con gái viên chánh án tòa án Buôcgơ, và qua đó được hưởng niềm vinh quang về chính trị của một dòng họ đã từng cung cấp ba ghế bộ trưởng cho nền quân chủ ôn hòa. Dòng Benlem, quý tộc ngành pháp quan dưới thời Lui XV, nâng thêm giá trị nguồn gốc Giacôbanh của dòng họ Mactanh. Bá tước Mactanh-con tham gia tất cả các khóa Nghị viện cho tới khi qua đời năm 1881. Sacơ Mactanh-Benlem, con trai ông, dễ dàng thế chân ông ở cơ quan quyền lực này. Sau khi cưới cô Têredơ Môngtexxuy – mà của hồi môn tạo thêm điều kiện thuận lợi cho hoạt động chính trị của mình, – Mactanh-Benlem nổi lên một cách kín đáo trong số bốn năm nhà tư sản giàu có và có chức tước. Quy thuận nền dân chủ và chế độ cộng hòa họ được những người cộng hòa chính thống chấp nhận tương đối dễ dàng: phái cộng hòa hài lòng với truyền thống quý tộc và yên tâm với bộ óc tầm thường của họ.

Trên các cánh cửa phòng ăn, lác đác còn hiện lên lờ mờ, giữa các mảng tối, hình vẽ những bộ lông lốm đốm của những con chũ của Uđry^[23]. Ngồi trước lọ hoa có vẽ các vì sao và những con ong vàng, giữa hai bức tượng Nữ thần Chiến thắng tay nàng những cây bạch lạp, bá tước Mactanh-Benlem tiếp khách với vẻ duyên dáng đượm chút âu sầu, và lối lễ độ rầu rĩ mà vừa mới đây người ta vẫn còn ưa dùng khi thay mặt cho nước Pháp cô đơn và trầm mặc để tiếp một triều đình lớn phương Bắc tại điện Elidê^[24]. Chốc chốt anh ta nói những lời

vô vị với bà Garan, vợ ông cựu bộ trưởng Tư pháp ngồi bên phải, với quận chúa Xoniavin đeo đầy kim cương và lộ rõ vẻ chán ngán ngồi bên trái. Đối diện anh, phía bên kia lọ hoa, nữ bá tước Mactanh ngồi giữa tống Larivie và ông Soinôn ở viện Hàn lâm Văn bia; nàng phe phẩy chiếc quạt trước đôi vai mượt mà, óng ả. Ngồi xung quanh bàn ăn xếp theo kiểu vòng cung, là ông Môngtexxuy, lực lưỡng, mặc màu xanh và sắc mặt hồng hào; bà Benlem Đơ Xanhnông, một cô em họ trẻ tuổi lúng túng với hai cánh tay dài gầy guộc; họa sĩ Duyvickê; ông Daniên Xalômông; chàng Pôn Venx; ông nghị Garan; ông Benlem Đơ Xanhnông; một nghị sĩ lạ mặt; và Đơsactơ, người lần đầu tiên ăn tối ở nhà này. Câu chuyện lúc đầu thưa thớt, rời rạc, nhưng về sau sôi nổi hẳn lên và kéo dài thành những tiếng ồn ào hỗn độn. Garan cất cao giọng nói:

- Mọi ý tưởng sai lầm đều nguy hiểm. Người ta cứ tưởng những kẻ mơ mộng không hề làm hại ai; thật là sai lầm! Chính họ làm hại rất nhiều. Những ảo tưởng nhìn bề ngoài tưởng vô hại nhất, thực ra có một ảnh hưởng tai hại. Chúng có khuynh hướng làm người ta chán ghét hiện thực.

- Có lẽ như thế, vì hiện thực không có gì đẹp đẽ – Pôn Venx tiếp lời.

Cựu bộ trưởng Tư pháp Garan khẳng định ông ta là người luôn luôn ủng hộ mọi sự cải tiến. Tuy không nhắc lại mình đã yêu cầu bãi bỏ quân đội thường trực dưới thời Đế chế và tách Giáo hội ra khỏi Nhà nước năm 1880. Ông ta vẫn tuyên bố trung thành với cương lĩnh của mình, và là người đầy tớ tận tụy của nền dân chủ. Ông ta khẳng định phương châm Trật tự và Tiến bộ, và đỉnh ninh chính mình đã tìm ra phương châm ấy.

Mônglexxuy đáp lại với vẻ chất phác đến thô bạo:

- Thôi đi, ông Garan, xin ông thành thực cho. Ông hãy thú nhận là chẳng cần phải tiến hành một cuộc cải cách nào cả và nhiều lắm thì cũng chỉ có thể thay đổi màu sắc các con tem thư. Dù tốt dù xấu, sự vật phải như thế nào thì chứng như thế ấy. Vâng – ông ta nhắc lại – sự vật phải như thế nào thì chúng

như thế ấy. Nhưng chúng thay đổi không ngừng. Từ 1870, tình hình công nghiệp và tài chính của đất nước đã trải qua bốn, năm cuộc cách mạng mà các nhà kinh tế học không dự kiến và cho đến nay họ vẫn chưa hiểu nổi. Trong xã hội cũng như trong tự nhiên, những sự biến đổi đều xảy ra ở bên trong.

Về vấn đề chính phủ, ông ta có cái nhìn rõ ràng và thiên cận. Thiết tha gắn bó với hiện tại và ít quan tâm tới tương lai, ông không hề băn khoăn về các đảng viên Xã hội. Không hề lo lắng mặt trời và chế độ tư bản một ngày nào đó có bị tiêu diệt hay không, ông chỉ biết hưởng thụ. Theo ông, nên phó mặc cho thời cuộc. Chỉ có những kẻ ngu ngốc mới chống lại và chỉ có những thằng điên mới đi trước trào lưu.

Nhưng bản chất vốn âm sâu, bá tước Mactanh có những dự cảm buồn bã. Anh nói đến tai họa một cách bóng gió.

Những lời nói lo âu của Mactanh làm xúc động Sômon ngồi phía bên kia lọ hoa. Bắt đầu than vãn về liên đoàn, Ông ta giảng giải nếu chỉ có một mình và hoạt động riêng rẽ thì các dân tộc Cơ đốc giáo không thể hoàn toàn thoát khỏi cảnh man rợ, và nếu không có người Do Thái và người Ả Rập thì châu Âu ngày nay vẫn còn giống như ở thời kỳ những cuộc Thập tự chinh, chìm đắm trong dốt nát khổ ải và tàn bạo.

- Thời Trung cổ – ông ta nói – dù kết thúc đối với các cuốn giáo khoa lịch sử người ta phát cho học sinh để lừa gạt chúng. Thực ra, những kẻ man rợ vẫn là những kẻ man rợ. Sứ mệnh của Ixraen là giáo huấn các dân tộc. Chính Ixraen, vào thời Trung cổ, đã mang lại cho châu Âu trí tuệ của châu Á. Chủ nghĩa xã hội làm các ngài khiếp hãi. Đó là nỗi đau của người Cơ đốc giáo, nó giống như chế độ tu viện. Còn tình trạng vô chính phủ ư? Các ngài không thừa nhận trong đó cái họa Anbigioa và Vôđoa ngày xưa hay sao?^[25] Ngày nay, chỉ có người Do Thái xưa kia đã từng giáo huấn và khai hóa châu Âu, là có thể cứu nó thoát khỏi cái họa Tôn giáo hiện đang giằng xé nó. Nhưng họ đã không làm tròn bổn phận. Họ trở nên những tín đồ Cơ đốc Giáo trong số các tín đồ Cơ đốc giáo. Và chúa trừng phạt họ, cho phép lưu đày họ và tước đoạt của cải của họ. Đâu

đâu chủ nghĩa bài Do Thái cũng lan ra khủng khiếp. Ở Nga, những người đồng tôn của tôi bị săn đuổi như những con thú dữ. Ở Pháp, người Do Thái không được làm việc trong cơ quan dân sự và quân sự. Họ bị loại ra khỏi giới quý tộc. Ixaắc côblenx, cháu họ tôi, phải rời bỏ con đường ngoại giao sau khi thi đỗ xuất sắc. Khi Sơmôn nhà tôi đến thăm, nhiều bà vợ bạn đồng nghiệp của tôi cố tình giở trước mặt bà ấy những tờ báo bài Do Thái. Và ông bộ trưởng Giáo dục đã từ chối không cấp cho tôi Đệ tam Bắc đấu bội tinh, các ngài có thể tin điều đó không? Đây là thái độ vong ơn! Là một sự sai lầm! Chủ nghĩa bài Do Thái là sự diệt vong của nền văn minh châu Âu, các ngài có rõ không?

Ông già nhỏ thó n có một tính tình đặc biệt: ông ta bắt cần sự khóc lóc của thiên hạ. Kỳ cục và dữ dằn, sự thành thực của ông làm cả cử tọa sững sờ. Bà Mactanh thích thú tỏ lời khen ngợi:

- Ít ra, ông cũng bênh vực những người đồng tôn của mình, ông Sơmôn ạ! Ông không giống như một bà bạn tôi, một vị phu nhân Do Thái rất đổi nhan sắc. Thấy một tờ báo đưa tin mình tiếp đón tầng lớp thượng lưu Do Thái, đi đâu bà ta cũng làm ầm ĩ lên là mình bị người ta thóa mạ.

- Thưa bà, tôi tin chắc bà không rõ đạo đức Do Thái đẹp đẽ và cao thượng hơn những nền đạo đức khác biết chừng nào. Bà có biết giai thoại về ba chiếc nhẫn không?

Câu hỏi chìm đi trong trông òn ã của những lời thoại về chính sách ngoại giao, về các cuộc triển lãm hội họa, về những vụ tai tiếng trong tình trường, về những bài diễn văn ở viễn Hàn lâm. Người ta trao đổi về cuốn tiểu thuyết mới xuất bản, về vở kịch sắp trình diễn. Một vở hài kịch, trong đó Napôlông giữ một vai trò thứ yếu.

Câu chuyện dừng lại ở Napôlông, người nhiều lần được đưa lên sân khấu và gần đây là đối tượng nghiên cứu trong nhiều tác phẩm có nhiều bạn đọc. Ông ta trở thành đối tượng của sự hiếu kỳ, một nhân vật thời thượng, không

còn là vị anh hùng dân dã, vị “á – thánh đi bốt của tổ quốc” như trước kia, khi Noocvinx và Bêrănggiê, Saclê và Rappê^[26] sáng tác những sự tích về ông ta nữa, mà là một nhân vật kỳ cục, một kiểu người buồn cười trong cuộc sống thân mật sống động, một khuôn mặt mà phong cách làm các nghệ sĩ thích thú, còn cử chỉ thì thu hút những kẻ vô công rồi nghề.

Là người xây dựng sự nghiệp chính trị trên cơ sở hận thù nền Đế chế, Garan thành thực cho rằng việc phục hồi cái khẩu vị quốc gia ấy chỉ là một sự sùng bái phi lý. Ông ta thấy điều đó chẳng có gì nguy hại và không mảy may lo sợ. Với ông ta, sự kinh hãi thường chỉ nổ ra đột ngột và dữ dội. Còn lúc này, ông ta rất điềm tĩnh: ông ta không nói gì tới chuyện cấm các buổi biểu diễn, tịch thu sách báo, tổng giam hay đàn áp các tác giả. Bình tĩnh và nghiêm khắc, ông ta cho Napôlêông chỉ là tên lính đánh thuê của Tenơ¹ đã từng đá vào bụng Vônây.

Ai nấy đều muốn xác định một Napôlêông đích thực. Ngồi trước lọ hoa kiêu Đế chế và tượng các Nữ thần Chiến thắng có cánh, bá tước Mactanh nói một cách cung kính về một Napôlêông với tư cách nhà tổ chức và nhà cai trị. Anh hết sức đề cao ông ta trên cương vị chủ tịch hội đồng nhà nước, nơi ông ta giảng giải và làm sáng tỏ nhiều điểm mơ hồ.

Garan khẳng định là trong những buổi họp hết ỨC nổi tiếng, lấy cớ muốn hút, Napôlêông mượn những hộp thuốc bằng vàng đính kim cương và tượng nhỏ của các ngài cổ vấn, rồi sau đó người ta không bao giờ còn thấy những hộp đó nữa. Rốt cuộc khi đi họp nội các, người ta chỉ còn mang theo những hộp thuốc xoàng xĩnh. Garan nghe chính bản thân con trai nhà Muniê^[28] kể lại giai thoại này.

Môngtexxuy thì ca ngợi tinh thần trật tự của Napôlêông:

- Ông ta thích công việc được làm đến nơi đến chốn. Ngày nay, người ta không còn cái phong thái ấy nữa.

Là họa sĩ, Duyvickê tỏ ra bối rối. Anh không tìm thấy trên khuôn mặt đúc, mang từ Xanh-Hêlen về những nét vốn đẹp đẽ và kiên nghị của Napôlêông thể hiện trên các tấm huy chương và tượng bán thân. Giờ đây, có thể tin chắc điều đó khi thấy khuôn mặt ấy đúc bằng đồng thau, moi từ các kho lúa ra, treo đầy ở các hàng bán đồ cổ, giữa những con phượng hoàng và nhân sư bằng gỗ thiếp vàng. Và theo Duyvickê, vì bộ mặt thật của Napôlêông không đặc trưng cho Napôlêông nên tâm hồn thật của Napôlêông cũng không đặc trưng cho ông ta. Có lẽ chỉ là tâm hồn của một tay trưởng giả đích thực: người ta nói như vậy và Duyvickê muốn tin như vậy. Và chẳng, là Người đã có vinh dự vẽ chân dung các danh nhân của thế kỷ, anh biết các danh nhân không hề giống như người ta vẫn quan niệm về họ.

Đanien Xalômông thì cho rằng cái khuôn mặt Duyvické vừa nói tới, cái khuôn đúc theo nét mặt không còn sinh khí của Hoàng đế và do bác sĩ Angtômaki^[29] mang về châu Âu lần đầu tiên được đúc bằng đồng thau và đem ra ban dưới thời Lui Philip, năm 1833, và lúc đó khiến người ta kinh ngạc và hồ nghi. Người ta e rằng tay thầy thuốc người Ý không đứng đắn, lảm lòi và nhiều tham vọng ấy, coi thường thiên hạ. Các môn đệ ca bác sĩ Gan^[30] mà học thuyết của ông lúc ấy đang được ưu ái, cho cái khuôn đúc ấy là đáng ngờ. Họ không tìm thấy trên đó những cục bướu thiên tài, và trên vàng trán mà họ nghiên cứu theo lý thuyết của Gan, họ không thấy có gì đặc sắc về cấu tạo.

- Quả là Napôlêông – quận chúa Xơniavin nói – chỉ đặc sắc vì gã đá vào bụng Vônây và đánh xoáy những hộp đựng thuốc có đính kim cương như ông Garan vừa nói cho chúng ta biết đấy.

- Và dù không thật chắc là ông ta có đá đi nữa! – Bà Mactanh tiếp lời.

- Về lâu về dài thì cái gì rồi người ta cũng biết tất – Quận chúa Xơniavin vui vẻ nói thêm. – Napôlêông không làm gì hết: thậm chí cũng không cho Vônây một cái đá nữa kia, và đầu óc ông ta là đầu óc một thằng ngu.

Tướng Larivie cảm thấy đến lượt mình phải tấn công. Ông ta ném ra một câu...

- Napôlêông ấy à, chiến dịch 1813 của ông ta rất đáng nghi ngờ.

Larivie muốn được lòng Garanh và không có ý kiến nào khác; nhưng rồi cũng cố gắng nêu lên một nhận xét chung chung:

- Napôlêông đã phạm sai lầm mà đáng lẽ ở cương vị ấy, ông ta không đáng phạm.

Rồi lặng im, mặt đỏ gay.

Bà Mactanh hỏi:

- Còn ông Venx, ông nghĩ về Napôlêông thế nào?

- Thưa bà, tôi không ưa những “bộ mặt béo phì đeo gươm”, và tôi cho những kẻ đi chinh phục chỉ là những thằng điên nguy hiểm. Tuy vậy, cái bộ mặt Hoàng đế ấy vẫn khiến tôi lưu tâm cũng như nó làm cho thiên hạ lưu tâm. Tôi thấy ông ta có cá tính và sinh lực. Không có tập thơ nào hay cuốn tiểu thuyết phiêu lưu nào có giá trị bằng cuốn Mémôrian^[31] mặc dù nó được viết một cách lố bịch.

Điều tôi nghĩ về Napôlêông – vì bà muốn biết điều đó – là sinh ra để hưởng vinh quang, ông ta đã xuất hiện với vẻ giản dị huy hoàng của một vị anh hùng sử thi. Người anh hùng phải mang tình người. Napôlêông là người mang tình người.

-Ồ!Ồ! – Mọi người kêu lên.

Nhưng Pôn Venx nói tiếp:

- Ông ta dữ dội và nông nổi, và qua đây tỏ ra “người” một cách sâu xa. Tôi muốn nói ông ta giống như mọi người. Ông ta muốn với một sức mạnh khác thường, tất cả những gì bàn dân thiên hạ ưa thích và mong muốn. Bản thân ông ta cũng có những ảo tưởng mà ông mang đến cho dân chúng. Đó là chỗ mạnh và chỗ yếu và đó cũng là chỗ tốt đẹp của Napôlêông. Ông ta tin tưởng vào võ công. Ông ta nghĩ về cuộc đời và về thiên hạ gần giống như lối suy nghĩ của một tay vệ binh của mình, ông ta luôn luôn giữ cái vẻ trang nghiêm trẻ thơ vốn ưa các trò chơi gươm giáo và trống chiêng cùng với các thứ ngậy thơ tạo nên những quân nhân lỗi lạc. Ông ta thành thực đánh giá cao vũ lực. Ông ta là con người của những con người, là máu thịt của máu thịt con người. Không một tư tưởng nào của ông ta không phải là hành động, mà mọi hành động của ông ta đều vĩ đại và bình thường. Chính cái vĩ đại thường tình ấy tạo nên những con người anh hùng. Và Napôlêông là người anh hùng hoàn hảo. Bộ óc ông ta không bao giờ vượt qua bàn tay ông ta, cái bàn tay bé nhỏ và xinh xắn đã nghiền nát thiên hạ. Không một giây phút nào ông ta lo lắng về cái ông ta không đạt được.

- Thế là, theo ông – Garan nói – ông ta không phải là một thiên tài trí tuệ. Tôi đồng ý với ông.

- Dĩ nhiên – Pôn Venx nói tiếp – ông ta cở đủ thiên tài để múa may một cách xuất sắc trong trường hoạt động dân sự và quân sự trên đời này. Nhưng ông ta không có thiên tài tư biện. Thiên tài ấy, như Buphông nói, lại là chuyện khác. Chúng ta có sưu tập những bài viết và bài nói của ông ta. Văn phong sống động và có hình ảnh. trong số tư tưởng ấy không có lấy một khuynh hướng triết học nào, một mối quan tâm nào về cái bất khả tri, một niềm lo lắng nào về cõi bí ẩn bao phủ số phận con người. Ở Xanh-Hêlen^[32], khi nói về Thượng đế và về linh hồn, ông ta giống như một cậu bé học sinh mười bốn tuổi. Ném vào trong thế gian, tâm hồn ông ta ở ngang tầm thế gian và bao quát hết tất cả. Tâm hồn ấy tuyệt nhiên không tiêu tan đi trong cõi vô biên. Là nhà thơ, ông ta chỉ biết thơ ca của hành động. Ông ta đóng khung giấc mơ hùng tráng của mình về

cuộc đời trong phạm vi trái đất. Trong nỗi niềm thơ ngây khủng khiếp và thống thiết của mình, ông ta định ninh con người có thể vĩ đại, tuổi tác và hoạn nạn cũng không làm ông ta xa rời tư tưởng thơ ngây ấy. Tuổi thanh xuân, hay nói đúng hơn, tuổi tráng niên diệu kỳ của Napôlêông kéo dài suốt đời ông ta vì ngày tháng cuộc đời ông ta không bổ sung cho nhau để tạo nên một độ chín muồi về tiềm thức. Đó là trạng thái diệu kỳ của những con người hành động. Họ sống hết mình trong mỗi phút giây của cuộc sống, và tài trí của họ tập trung vào một điểm. Họ luôn luôn tự đổi mới mình, chứ không bao giờ giữ nguyên trạng qua ngày tháng. Những giờ phút cuộc đời họ không hề nối tiếp nhau bằng sợi dây những sự suy tưởng nghiêm trang và vô tư. Họ không tiếp tục sống mà là tự nối tiếp mình trong một chuỗi hành động. Bởi vậy họ không có đời sống nội tâm. Sự khiếm khuyết ấy đặc biệt rõ rệt ở Napôlêông: ông ta không bao giờ có cuộc sống nội tâm. Đó chính là cội nguồn của tính cách nông nổi khiến ông ta dễ dàng chịu đựng sức nặng ghê gớm của những nỗi đau và những lỗi lầm của mình. Mỗi buổi sáng, tâm hồn luôn luôn mới mẻ của ông ta lại hồi sinh. Hơn ai hết, ông ta có khả năng vui đùa. Lần đầu tiên nhìn thấy mặt trời mọc trên đảo Xanh-Hêlen ảm đạm, ông ta nhảy xuống giường và huýt sáo một điệu tình ca. Ông ta có cái thanh bình của một tâm hồn đứng cao hơn số mệnh, và chủ yếu là cái thanh thoát của bộ óc nhanh chóng hồi sinh. Ông ta sống cuộc sống ngoại hình.

Không ưa lối suy nghĩ và nói năng tinh xảo, Garan muốn sớm kết luận:

- Tóm lại, – ông ta nói – có một quái vật trong con người ấy.

- Làm gì có quái vật. – Pôn Venx đáp – Và những ai bị coi là quái vật đều làm người ta ghê tởm. Còn Napôlêông thì được cả một dân tộc mến mộ. Đi tới đâu được người ta yêu mến tới đó, chính là sức mạnh của ông ta. Niềm vui của binh sĩ là được chết vì ông ta

Bà Mactanh muốn nghe ý kiến Mỗactơ. Nhưng anh không muốn nói, về khiếp hãi.

- Các ngài có biết – Sơ môn hỏi – giai thoại về ba chiếc nhẫn, nguồn cảm hứng tuyệt diệu của một người Do Thái Bồ Đào Nha không?

Vừa khen ngợi cái nghịch lý sắc sảo của Pôn Venx. Garanx vừa lấy làm tiếc là như thế thì trí tuệ lẫn át đạo đức và công lý.

- Có một nguyên tắc. – Ông ta nói – Nguyên tắc đó là phải đánh giá con người theo hành động.

- Thế còn đối với phụ nữ, – quận chúa Xơniavin đột ngột hỏi – ông có đánh giá họ theo hành động không? Và làm sao ông biết được họ làm gì?

Tiếng người nói hòa vào tiếng xúng xoảng của bát đĩa bằng bạc. Một không khí nóng bức, đầy hơi nước, tràn ngập phòng ăn. Những cánh hồng rơi lả tả trên khăn trải bàn. Đầu óc mọi người mỗi lúc một thêm sôi nổi.

Tướng Larivie thì mơ màng:

- Khi nào phải thôi việc, – ông ta nói với thiếu phụ ngồi bên cạnh, – tôi sẽ về sống ở Tua và trồng hoa.

Ông ta lấy làm kiêu hãnh mình là một người làm vườn giỏi. Người ta đã từng lấy tên ông ta đặt cho một loại hoa hồng, ông ta lấy thế làm thích thú.

Sơ môn lại hỏi cử tọa có biết giai thoại về ba chiếc nhẫn không.

Nhưng quận chúa Xơniavin muốn trêu chọc ngài nghị sĩ Garanx.

- Thế ông không biết là người ta làm những điền giống nhau vì những lý do rất khác nhau hay sao, thưa ông Garanx?

Môngtexxuy cho là bà ta nói không

- Quả như bà nói, thưa bà, là hành động chẳng chứng minh gì hết. Tư tưởng ấy nổi bật trong một tiểu tiết cuộc đời của Đông Gioăng^[33] mà cả Mòlie lẫn Môda đều không biết tới, những một truyền thuyết ở Anh đã tiết lộ; tôi biết được truyền thuyết ấy qua Ginam Lôsen, một người bạn ở Luân Đôn. Theo truyền thuyết này, anh chàng đại Sở Khanh ấy mất thì giờ đeo đuổi ba phụ nữ. Người thứ nhất là một bà trưởng giả: bà ta yêu chồng; người thứ hai là một nhà tu hành: bà ta không chịu vi phạm những lời thề nguyện; người thứ ba, sau một thời gian dài sống phóng đãng và trở nên xấu xí, vào làm người hầu bàn trong một quán rượu bất lương. Sau những điều mình từng nghe, từng thấy, ái tình đối với cô ta trở thành hoàn toàn vô nghĩa. Rõ ràng cả ba người có một thái độ giống nhau vì những lý do rất khác nhau. Một hành động chẳng chứng minh gì hết. Cả cái khối hành động, sức nặng của chúng, tổng số của chúng mới làm nên giá trị một con người.

- Một số hành động của chúng ta – Têredơ nói – mang dáng dấp, mang vẻ mặt của chính bản thân mình: đó là những đứa con đẻ của mình. Còn những hành động khác thì không giống chúng ta chút nào.

Nàng đứng dậy, khoác tay tướng Larivie.

Còn quận chúa Xơniavin thì khoác tay Garanb bước vào phòng khách và nói:

- Têredơ nói đúng... Những hành động khác không giống chúng ta chút nào. Chỉ là những cô bé da đen chúng ta cho ra đời trong giấc ngủ mà thôi.

Trên các bức tường, các nữ thần không còn vẻ tươi tắn như xưa, mỉm cười với khách nhưng khách vẫn thờ ơ.

Cùng với Benlem Đơ Xanhnông, cô em họ trẻ trung, bà Mactanh mời khách uống cà phê. Nàng khen ngợi Pôn Venx về những điều anh nói trong bữa ăn:

- Ông nói về Napôlêông với một thứ tự do tư tưởng rất hiếm thấy trong những buổi chuyện vãn tôi được nghe. Tôi nhận thấy hễ các cháu bé rất xinh đẹp hờn dỗi là chúng phảng phất giống Napôlêông trong buổi tối sau trận Oateclô. Ông làm tôi nhận ra những l do rất sâu xa của sự giống nhau ấy.

Rồi nàng quay sang Đơsactơ:

- Còn ông, ông có ưa Napôlêông không?

- Thưa bà, tôi không ưa Cách mạng. Mà Napôlêông chính là Cách mạng “đi bốt”.

- Vì sao ông không nói ra điều đó trong bữa ăn tối lúc này, ông Đơsactơ? Nhưng tôi hiểu rồi: ông chỉ muốn tỏ ra là người tài trí trong một phạm vi thân mật chứ gì!

Bá tước Mactanh-Benlem dẫn các vị khách nam giới sang phòng hút thuốc, chỉ một mình Pôn Venx ngồi lại với các bà. Quận chúa Xơniavin hỏi anh đã viết xong cuốn tiểu thuyết chưa và viết về đề tài gì. Đây là một công trình nghiên cứu trong đó anh cố gắng vươn tới sự chân thực bằng một chuỗi logích có vẻ hợp lý, chúng bổ sung lẫn nhau để đạt đến chân lý.

- Qua đó, – anh nói – tiểu thuyết có cái sức mạnh tinh thần chuyện kể không bao giờ có được với lối phù phiếm nặng nề của nó.

Nàng muốn biết có phải là một cuốn sách viết cho phụ nữ không. Anh khẳng định là không.

- Ông không viết cho phụ nữ là sai lầm đấy, ông Venx ạ. Đây là tất cả những gì một người đàn ông tuyệt diện có thể làm cho họ.

Và khi anh muốn biết do đâu nàng có ý nghĩ ấy, nàng đáp:

- Vì tôi thấy tất cả những người phụ nữ thông minh đều lấy những anh chồng ngu ngốc.

- Và làm phiền lòng họ.

- Dĩ nhiên! Nhưng những người đàn ông tuyệt diệu lại làm họ phiền lòng hơn. Những người đó có điều kiện để thành công hơn... Nhưng ông nói cho tôi biết đề tài cuốn tiểu thuyết của ông đi.

thiết tha điều đó sao?

- Tôi chẳng thiết tha điều gì hết.

- Thưa bà, đây là một công trình nghiên cứu phong tục dân gian, là câu chuyện một công nhân trẻ tuổi, thanh đậm và trong trắng, đẹp như một cô gái, với một tâm hồn trinh nữ, một tâm hồn khép kín. Anh ta là thợ khắc chạm vàng bạc và làm việc ra trò. Buổi tối, chàng trai nghiên cứu bên cạnh bà mẹ yêu quý. Anh ta đọc sách. Trong bộ óc giản dị và trần trụi của anh, các ý tưởng được tiếp thụ như những viên đạn bắn vào tường. Anh không có nhu cầu, không có những niềm đam mê và khuyết tật vốn gắn bó người ta với cuộc đời. Anh sống cô đơn và trong sạch. Anh kiêu hãnh về đạo đức của mình. Anh sống giữa đám người ngu ngốc đói nghèo. Anh thấy họ đau khổ. Anh có tấm lòng tận tụy không “người”, có tấm lòng nhân ái lạnh lùng mà người ta mệnh danh là lòng vị tha; anh không “người” vì không có tình dục.

- A! Phải có tình dục mới có thể là “người” hay sao?

- Chắc hẳn phải như thế, thưa bà. Lòng trắc ẩn nằm trong ruột gan cũng như tình yêu nằm trên da thịt. Anh chàng công nhân kia không đủ thông minh để nghi ngờ. Anh ta là người tin tưởng. Anh tin những điều anh đọc. Và anh đã

đọc được là muốn xây dựng hạnh phúc cho mọi người thì chỉ cần tiêu diệt xã hội. Khát vọng tuần tiết giày vò anh. Một buổi sáng, anh ra đi sau khi ôm hôn mẹ. Anh rình đón ông nghị sĩ đảng Xã hội trong quán; thấy ông ta, anh nhảy bổ vào, đâm một nhát dao vào bụng và kêu to: “Chủ nghĩa vô chính phủ muôn năm!” Người ta bắt anh ta, đo người chụp ảnh, thẩm vấn, xét xử, tuyên án tử hình và đưa lên đoạn đầu đài. Đây, cuốn tiểu thuyết của tôi là như thế.

- Như thế không thật hấp dẫn! – Quận chúa Xoniavin nói – Nhưng đâu phải lỗi tại ông: những nhân vật vô chính phủ của ông cũng rụt rè và ôn hòa như những người Pháp khác. Người Nga, khi đã vào cuộc, thì táo bạo và phóng túng hơn.

Nữ bá tước Mactanh đến hỏi Pôn Venx có biết cái ông rất hiền lành không nói nữa lời và ngơ ngác như một chú cún lạc đường kia là ai không. Ông ta là khách của chồng nàng. Nàng không biết tên và cũng không biết gì hết về ông ta.

Pôn Venx gặp ông ta ở điện Lucxămbua, trong hành lang dùng làm thư

- Hôm đó, tôi đến quan sát cái vòm điện Lucxămbua, nơi Đơlacroa^[34] đã vẽ, trên một lớp gỗ màu xanh nhạt, chân dung các vị anh hùng và nhà hiền triết thời Cổ đại. Ông thượng nghị sĩ có vẻ tội nghiệp, đáng thương, đứng sững ảm và như bốc ra mùi vải trải giường ẩm ướt. Ông ta nói chuyện với hai người đồng nghiệp già và vừa xoa hai tay va nói: “Theo tôi, điều chứng tỏ chính phủ Cộng hòa là chính phủ tốt hơn cả, là ở chỗ năm 1871, trong một tuần lễ, đã bán bản chết sáu vạn người nổi loạn mà vẫn không bị dân oán ghét. Bất kỳ chế độ nào khác cũng không sao tồn tại được sau khi đàn áp tàn khốc như vậy.

- Thì ra ông ta là một kẻ tàn ác. – Bà Maclanh nói – Thế mà thấy ông ta nhút nhát và vụng về, tôi lại đem lòng thương hại!

Thống thọt cúi cảm xuống ngực, bà Garanh ngồi thiếp đi với vẻ thư thái tâm hồn của một bà nội trợ mơ màng về khu vườn rau của mình trên ngọn đồi sông Loa, nơi các đội đồng ca đến chào mừng bà ta.

Giodep Sơmôn và tướng Larivie bước ra khỏi phòng hút thuốc, ánh mắt vẫn còn vẻ thú vị về những câu chuyện tục tĩu vừa trao đổi với nhau. Larivie ngồi giữa quận chúa Xơniavin và bà Mactanh.

- Sáng nay, ở rừng Bulônơ, tôi gặp bà nam tước Đơ Oacbuya cười một con ngựa tuyệt đẹp. Bà ấy hỏi tôi: “Tướng quân làm thế nào mà bao giờ cũng có đàn ngựa đẹp thế?” Tôi đáp: “Thưa bà, muốn có ngựa đẹp thì phải hoặc thật giàu có, hoặc thật láu lỉnh”.

Rất thích thú câu trả lời, ông ta hấp háy mắt nhắc lại hai lần.

Pôn Venx đến cạnh nữ bá tước Mactanh:

- Tôi biết tên ngài thượng nghị sĩ ấy rồi: ông ta tên là Loayê, phó chủ tịch một nhóm chính trị, tác giả một cuốn sách tuyên truyền nhan đề: *Tội ác ngày 2 tháng Chạp*.

Tướng Larivie nói tiếp câu chuyện bỏ dở

- Lúc đó, mưa tầm tã. Tôi đứng che ô. Lơ Mênin cũng có mặt. Tôi rất khó chịu vì ông ta ngằm chế giễu tôi, ông ta nghĩ đã là tướng thì tôi phải thích gió, thích mưa và tuyết tan. Thật phi lý! Ông ta bảo tôi là thời tiết xấu không làm ông ta khó chịu, và tuần sau ông ta sẽ cùng bạn bè đi săn chồn.

Im lặng một lúc, Larivie nói thêm:

- Tôi chúc ông ta vui vẻ trong buổi đi săn, nhưng không muốn làm nhục ông ta. Tôi không thích đi săn chồn.

- Nhưng đi săn như thế là bổ ích chứ! Môngtexxuy bảo.

Larivie nhún vai:

- Chồn chỉ nguy hiểm đối với chuồng gà vào mùa xuân, khi nó phải nuôi cả nhà nó thôi.

- Chồn thích thỏ rừng hơn gà vịt. – Môngtexxuy đáp – Nó là một con vật rình mồi khôn ngoan, nó làm hại các chủ trại ít hơn là làm hại những người săn bắn. Tôi có biết ít nhiều về cái đó.

Lơ đăng, Têredơ không lắng nghe Xơniavin nói gì với mình. Nàng mơ màng: “Anh ấy đi mà thậm chí cũng không báo cho mình biết!”

- Bà nghĩ gì thế, bà bạn thân mến?

- Chẳng có gì thú vị cả.

IV

Hai người bước vào một căn phòng nhỏ tối tăm, âm thầm, ngọt ngào với những màn gió, màn cửa, chăn đệm, da gấu và thảm phương Đông. Dưới ánh lửa vừa được đốt lên, những thanh kiếm bằng lapis lazuli lấp lánh trên lớp vải phủ tường, giữa những tấm cactôg làm bia tập bắn và những lớp kim tuyến nhàu nát trên những bộ váy áo bỏ đã ba năm nay. Trên nóc tủ nhỏ bằng gỗ huê đào là một cái cúp bằng bạc, giải thưởng của một hội thể thao. Một lọ pha lê có đường viền bằng đồng mạ vàng theo hình dây bim bim, trong cắm những cành tử đinh hương trắng, đặt trên một mặt bàn tròn bằng sứ có họa tiết. Những tia sáng nhấp nháy trong bóng đêm oi bức. Mắt đã quen bóng tối, Toredô và Rôbe đi lại dễ dàng giữa những đồ vật quen thuộc. Anh châm một điếu thuốc; còn nàng thì đứng chải lại tóc, lưng quay về phía lò sưởi, trước tấm gương thấp thoáng bóng mình. Nhưng nàng không muốn thắp đèn, đốt nến. Nàng với tay lấy mấy chiếc cặp tóc trong cái đĩa nhỏ bằng thủy tinh vùng Bôhem đặt trên bàn đã từ ba năm nay. Anh nhìn nàng đang luồn nhanh những ngón tay óng ả vào mái tóc lấp lánh màu vàng đậm. Bóng tối khiến nét mặt nàng đanh lại và sẫm màu như màu đồng hun, vẻ bí ẩn, làm anh có phần bần khoản. Nàng không nói không rằng.

Anh hỏi nàng:

- Bây giờ thì em hết giận rồi chứ, em yêu?

Anh giục nàng trả lời hay nói một điều gì đó. Nàng đáp:

- Anh muốn tôi nói gì nào? Tôi chỉ có thể nhắc lại điều tôi đã nói khi vừa tới đây. Tôi ngạc nhiên là dự định của anh lại do chính tướng Larivie cho tôi biết.

Anh thấy rõ nàng vẫn giận, thái độ lạnh lùng, khó chịu, chứ không còn thái độ phớt lờ vốn làm cho nàng hết sức dịu dàng như trước. Nhưng anh làm ra vẻ đó chỉ là một chút nũng nịu thoáng qua.

- Em yêu quý, anh đã giải bày rồi kia mà. Anh vừa nói với em và anh xin nói lại là trước khi gặp Lari-vie, anh nhận được thư anh Cômông nhắc lại lời anh đã hứa đi săn chồn trong khu rừng của anh ấy, và anh trả lời ngay. Anh tính hôm nay báo cho em biết. Anh lấy làm tiếc là tướng Larivie đã báo trước cho em, nhưng điều đó có gì quan trọng đâu em.

Hai cánh tay khùynh lên trên đầu, nàng quay nhìn anh với một ánh mắt điềm tĩnh mà anh không hiểu nổi:

- Thế là anh sẽ đi chứ?

- Tuần sau, vào thứ ba hay thứ tư gì đấy. Nhiều lắm thì anh sẽ vắng mặt mười ngày.

Nàng đội lên đầu chiếc mũ lông rái có thêu một cảnh tầm gửi.

- Việc đó không thể trì hoãn được hay sao?

- Ồ không! Chỉ một tháng nữa thì da chồn hoàn toàn mất giá. Vả chăng Cômông đã mời những người bạn tốt. Nếu anh vắng mặt thì họ buồn lắm.

Nàng găm mũ lên đầu bằng một chiếc cặp tóc dài và nhú mào.

- Cuộc săn ấy thú vị lắm phải không?

- Phải, rất thú vị, vì bọn anh sẽ tìm cách làm thất bại mưu mẹo của lũ chồn. Chúng là những con vật thông minh tuyệt vời. Ban đêm anh đã từng quan sát lũ chồn đi săn thỏ. Chúng dồn dần con mồi về một góc tổ chức một buổi săn

bắt thực sự. Anh cam đoan với em là không dễ gì nhử chồn ra khỏi hang. Những buổi đi săn chồn như thế thật thú vị. Rượu của Gômông lại rất ngon. Riêng anh chẳng lưu tâm điều đó nhưng những người khác thì hết lời ca ngợi. Một tá điền của Cômông bảo là anh ta học được cách dùng những lời phù chú để vây chặt chồn lại, em có thể hình dung được không? Anh thì không dùng tới thứ vũ khí đó, và hứa sẽ mang về cho em nữa tá da thật đẹp.

- Anh muốn tôi làm gì với những cái đó?

- Người ta vẫn dùng làm những tấm thảm đẹp tuyệt đấy em ạ.

- A!... Và anh sẽ săn trong tám ngày?

- Không hoàn toàn như thế. Vì ở đây gần Xê măngvin nên anh sẽ đến nghỉ hai ngày ở nhà dì Lanon. Năm ngoái đúng vào thời kỳ này, ở nhà dì, có một cuộc họp mặt rất vui. Hai cô con gái và ba cô cháu sống với chồng ở gần nhà dì. Cả năm cô đều xinh đẹp, vui tươi tuyệt vời. Chắc chắn vào đầu tháng tới, mọi người sẽ về họp mặt để ăn mừng sinh nhật của dì. Anh sẽ ở lại Xê măngvin hai ngày.

- Chừng nào anh còn thích thì anh cứ ở lại. Nếu vì tôi mà anh phải rút ngắn những ngày thú vị như vậy thì tôi sẽ ân hận lắm.

- Nhưng còn em, Têredơ?

- Tôi sẽ tự lo liệu lấy.

Lửa trong lò sưởi tàn dần. Bóng tối trong phòng thêm dày đặc. Nàng nói, về mơ màng và như thế trong lòng đang có một nỗi chờ mong.

- Để một người đàn bà ở lại một mình thì quả là không hay lắm đâu.

Anh bước lại, tìm ánh mắt nàng trong bóng tối và cầm lấy tay nàng.

- Em yêu anh chứ?

- Ồ, tôi bảo đảm với anh là tôi không yêu một ai khác... Nhưng...

- Em muốn hỏi thế nào?

- Không gì hết. Tôi nghĩ... tôi nghĩ chúng ta xa nhau suốt mùa hè, còn mùa đông thì anh sống một nửa thời gian với gia đình và bè bạn. Nếu chỉ gặp được nhau ít thế thì... chẳng nên gặp nhau làm gì.

Anh đốt nến. Nét mặt nàng hiện ra nghiêm nghị và thành thực. Anh nhìn nàng, tin cậy. Anh tin cậy với lối kiêu mãn thường tình của những người đang yêu thì ít, mà chính vì tư cách đứng đắn thường ngày của mình. Anh tin nàng với niềm tin cơ hữu của một người có tâm hồn giản dị và được giáo dục chu đáo.

- Têredơ, anh yêu em và em cũng yêu anh, anh biết thế. Vậy vì sao em cứ muốn giày vò anh? Đôi lúc em tỏ ra lạnh nhạt, nghiêm khắc làm anh thật đau lòng.

Nàng đột ngột lắc đầu:

- Biết làm sao? Em là kẻ hà khắc và quyết liệt. Cái đó nằm trong dòng máu em. Và em tiếp thu của bố em. Anh đã đến Gioăngvin, đã nhìn thấy tòa lâu đài, những trần nhà do Lơbrun^[35] trang trí, những tấm thảm dệt cho Phukê ở làn Manhxy^[36], những khu vườn thiết kế theo sơ đồ của Lơ Nôtrơ, những khuôn viên và khu săn bắn. Anh bảo là ở Pháp không thể có những khu săn bắn đẹp hơn thế, nhưng anh chưa thấy phòng làm việc của bố em: một cái bồn gỗ tạp và một chiếc tủ nhỏ gỗ huê đào. Mọi thứ đều từ đó mà ra cả đấy, Rôbe ạ. Trên cái bàn ấy, bên cạnh chiếc tủ ấy, rỗng rã bốn chục năm, bố em cặm cụi tính

toán, lúc đầu trong một căn buồng nhỏ ở quảng trường ngục Baxti, và về sau trong ngôi nhà ở đường Môbơgiơ, nơi em ra đời. Lúc đó, nhà em chưa thật giàu có. Em đã từng thấy cái phòng khách nhỏ trải thảm đỏ, nơi bố em lập gia đình và mẹ em rất ưa thích. Em là con gái một kẻ hãnh tiến, hay một kẻ chinh phục – cũng thế cả thôi – Bố con em là những người vụ lợi. Bố em muốn kiếm tiền, muốn có những gì phải trả giá, nghĩa là tất cả. Em, em muốn kiếm và giữ... cái gì... em chẳng biết nữa... niềm hạnh phúc mà em có... hay em không có. Em tham lam theo kiểu của em, tham lam ước mơ, ảo ảnh. Ô! Em biết rõ tất cả cái đó không xứng đáng với công sức bỏ ra, nhưng cái xứng đáng, chính là công sức vì công sức của em chính là em, là cuộc đời em. Em háms hường cái mà em yêu mến, cái mà em nghĩ là mình yêu mến. Em không muốn mất. Em giống bố em: em đòi những cái người ta mắc nợ em. Và lại...

Nàng hạ thấp giọng:

- Và lại, em, em có nhục cảm. Thế đấy! Anh thân yêu! Em làm anh phiền lòng. Anh muốn gì ở em nào?... Không nên để mất em.

Những lời lẽ hờn dỗi – mà anh đã quen ấy – làm anh mất vui. Nhưng anh không hoảng hốt. Anh nhạy cảm với mọi việc nàng làm, nhưng không hề nhạy cảm với những điều nàng nói, và không chú ý tới lời nói, nhất là những lời nói của một phụ nữ. Bản thân mình ít nói, anh khó có thể tưởng tượng nói cũng là hành động.

Tuy yêu nàng, hay nói đúng hơn vì yêu nàng mãnh liệt và tin tưởng, anh nghĩ là anh phải cưỡng lại những sở thích mà anh cho là phi lý. Cái đó khiến anh làm chủ được khi anh không làm phật ý nàng; và một cách ngây thơ, anh luôn luôn làm như vậy.

- Em biết đấy, Tôđơ, anh chỉ muốn làm em vui lòng trong mọi việc. Em chớ nông nổi như vậy

- Thế vì sao em lại không nông nổi đối với anh? Em để cho anh chiếm đoạt... hay em hiến thân, dĩ nhiên không phải vì lý trí cũng không phải vì bổn phận. Mà chỉ vì... nông nổi thôi.

Anh nhìn nàng, vừa kinh ngạc vừa rầu rĩ.

- Cái từ ấy làm anh bực mình phải không anh? Thì cứ cho là vì tình yêu vậy. Và thực sự là hoàn toàn tự nguyện – vì em cảm thấy anh yêu em. Nhưng yêu phải là một niềm vui, và nếu trong tình yêu em không thỏa mãn được cái mà anh gọi là sự nông nổi, không thỏa mãn được, ước vọng, được cuộc sống, thì ngay cả tình yêu, em cũng không thiết nữa, thà em sống một mình còn hơn. Anh ngạc nhiên à?

Em nông nổi à? Trên đời còn có gì khác nữa? Việc anh đi săn chồn không phải là một sự nông nổi hay sao?

Anh trả lời rất chân thành:

- Têredơ, anh xin thề với em, nếu anh không lờ hứa thì anh sẵn sàng vì em mà hy sinh cái thú vui nhỏ nhặt đó.

Nàng cảm thấy anh nói thật lòng. Nàng biết anh luôn giữ lời hẹn trong những công việc nhỏ nhặt nhất. Luôn luôn bị lời nói ràng buộc, trong quan hệ xã hội, anh có ý thức đúng đắn đến chi li. Nàng cảm thấy nếu nàng tha thiết thì anh sẽ không đi. Nhưng đã quá muộn: nàng không còn muốn “được” nữa. Từ nay, nàng chỉ đi tìm cái thú vui dữ dội là để cho “mất”. Nàng làm như thế nàng coi lý do của anh là quan trọng tuy thực lòng nàng thấy nó khá ngớ ngẩn:

- A! Anh đã hứa!

Và nàng nhượng bộ tuy trong lòng không muốn.

Lúc đầu anh ngạc nhiên, nhưng rồi trong bụng mừng thầm là đã làm nàng nghe ra lẽ phải. Anh biết ơn nàng đã không một mực khăng khăng. Ôm ngang lưng nàng, anh khẽ đặt lên gáy, lên mi mắt người yêu những cái hôn hiền lành như thể một thứ phần thưởng. Anh vội vã muốn ngỏ ý dành cho nàng những ngày anh còn ở lại Pari trước khi ra đi

- Em yêu quý, trước khi anh đi, chúng ta có thể gặp nhau ba, bốn lần hay nhiều hơn nữa nếu em muốn. Anh sẵn sàng chờ em.

Ngày mai, có được không em?

Ngày mai và cả những ngày sau nữa, nàng cũng sẽ không tới, và nàng lấy thể làm thú vị. Rất dịu dàng, nàng nêu lên những lý do mắc bận. Lúc đầu chỉ là những trở ngại cón con: phải đi thăm viếng, đi thử áo, đi tham gia một buổi bán hàng cứu trợ, đi dự triển lãm, đi xem và có thể mua mấy tấm thảm. Nhưng càng nghĩ, khó khăn càng nhiều ra, càng lớn lên: nàng không thể trì hoãn những buổi thăm viếng, phải tham gia khi không phải là một, mà là những ba buổi bán hàng; các cuộc triển lãm sắp đóng cửa; các bức thảm người ta sẽ mang sang Mỹ. Rốt cuộc, nàng không thể gặp lại anh trước khi anh đi.

Anh không hề nhận ra việc Têredơ nêu lên những lý do đó là không bình thường, vì anh vốn có thói quen chấp nhận. Anh đành lặng im, về bối rối và khổ sở trước những sự ràng buộc xã giao nàng nêu lên.

Với tay trái nâng tấm màn cửa, đặt bàn tay phải lên khóa, mình bận chiếc áo len phương Đông màu hồng ngọc và lam ngọc, đầu quay về phía người yêu để chia tay, nàng nói, đượm chút châm biếm và hầu như bi thảm:

- Vĩnh biệt, Rôbe! Chúc anh vui chơi thoải mái. Những buổi thăm viếng, những việc mua bán của tôi, những cuộc hành trình nho nhỏ của anh, chẳng là gì hết. Quả là những cái “chẳng là gì hết” ấy lại tạo thành định mệnh. Vĩnh biệt!

Nàng đi ra. Anh muốn tiễn nàng, nhưng lại giữ ý không muốn cùng với nàng có mặt ngoài đường khi nàng không nhất thiết bắt buộc anh.

Ra đến ngoài, Têredơ bỗng cảm thấy cô đơn, cô đơn trên cõi đời, không vội vã cũng không buồn. Nàng theo thói quen đi bộ về nhà. Đêm khuya, trời lạnh, bầu không khí tĩnh mịch, trong suốt. Nhưng trên những đường phố nàng đi trong bóng đêm, đó đây có những luồng ánh sáng. Nàng cảm thấy hơi ấm của phố phường, cái làn hơi ấm dân thành phố cảm thấy hết sức êm đềm cho đến cả trong tiết đông giá lạnh. Nàng đi giữa những dãy lều lụp xụp và nhà thương ván, vết tích của thời kỳ thôn dã ở Otor. Thịnh thoảng chen một ngôi nhà cao tầng với những viên đá xây dở nhô ra chờ được xây tiếp. Những cửa hiệu của mấy nhà buôn nhỏ ấy, những cánh cửa sổ đơn điệu ấy chẳng có ý nghĩa gì đối với nàng. Nhưng nàng cảm nhận được cái tình cảm âm thầm của sự vật. Những viên đá, những cánh cửa, những luồng ánh sáng trên các tầng gác phía sau các ô kính đều như ủng hộ nàng. Nàng chỉ có một mình và nàng muốn chỉ có một mình.

Nàng đã đến ngôi nhà này không biết bao nhiêu lần; nó đã trở nên quen thuộc chẳng khác ngôi nhà của chính gia đình nàng. Nhưng hôm nay, nàng bỗng có cảm giác sẽ không bao giờ còn quay trở lại nữa. Vì sao? Ngày hôm nay mang lại những gì cho nàng? Chỉ một thoáng khó chịu, chứ không một chút xích mích. Thế nhưng nó để lại một dư vị nhạt nhẽo, xa lạ, dai dẳng. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Không gì cả. Nhưng cái “không gì cả” này xóa nhòa tất cả. Nàng định ninh một cách âm thầm là sẽ không bao giờ quay trở lại căn phòng ấy, nơi vừa mới đây thôi còn ấp ủ bao kỷ niệm sâu lắng nhất, thân thiết nhất của đời nàng. Một mối tình đứng đắn. Nàng hiện thân một cách vô tư với một niềm sung sướng tự nhiên. Sinh ra để yêu và một cách rất hợp lẽ, trong lúc hiến thân, nàng vẫn giữ nguyên cái bản năng suy nghĩ, cái nhu cầu an toàn vốn rất mạnh trong con người nàng. Nàng không hề lựa chọn: có ai lựa chọn bao giờ? Nàng cũng không hiến thân một cách ngẫu nhiên và bất ngờ. Nàng đã làm điều nàng muốn, giống như người ta làm điều người ta muốn trong loại công việc này. Nàng không có gì phải ân hận. Chàng đã xử sự đúng mức: phải thừa

nhận điều đó ở một con người rất được ngưỡng mộ và có thể chiếm đoạt mọi người đàn bà chàng ham muốn. Dẫu sao nàng cũng cảm thấy tất cả đã chấm dứt, và chấm dứt hết sức tự nhiên. Nàng nghĩ ngợi với một nỗi âu sầu lạnh lùng: “Ba năm đời mình, một người đàn ông trung hậu yêu mình và được mình yêu: quả là mình yêu chàng. Phải như thế mình mới hiến thân cho chàng. Mình đâu phải là một người đàn bà hư. Nhưng nàng không sao có lại được những tình cảm thời kỳ ấy, những niềm rạo rức trong tâm hồn và trong da thịt khi nàng hiến thân. Nàng nhớ lại những cảnh huống nhỏ nhặt và hoàn toàn vô nghĩa: cánh hoa giấy và những bức tranh trong buồng ngủ ở khách sạn. Nàng nhớ lại những lời hơi buồn cười nhưng hầu như xúc động chàng nói với mình. Nhưng nàng lại có cảm giác việc đó xảy ra đối với một người đàn bà khác, một người đàn bà xa lạ mà nàng chẳng yêu mến bao nhiêu và không mấy thấu hiểu.

Sự việc vừa xảy ra lúc này, những cái vuốt ve mơn trớn mà nàng còn mang theo trên người, tất cả đều đã trở nên xa xăm. Chiếc giường nằm, những cành tử đinh hương trong lọ hoa pha lê, cái đĩa con bằng thủy tinh Bôhem để đựng cặp tóc, nàng nhìn thấy tất cả như qua một ô cửa sổ khi qua đ. Nàng không xót xa, thậm chí cũng không âu sầu. Than ôi! Nàng không có gì phải tha thứ cho chàng. Chàng vắng mặt một tuần lễ, đó đều phải là một hành vi phản bội, một tội lỗi chống lại nàng, nó chẳng là gì hết, nhưng nó là tất cả. Thế là hết. Nàng biết như thế. Nàng muốn đoạn tuyệt. Nàng muốn như vậy, giống như tảng đá muốn rơi khi nó rơi. Một sự chấp nhận tất cả những sức mạnh âm thầm của con người nàng và của tạo vật. Nàng nghĩ bụng: “Mình không có lý do gì để yêu chàng ít hơn. Phải chăng mình không yêu chàng nhiều hơn? Phải chăng mình chưa bao giờ yêu chàng?” Nàng không biết và nàng cũng không muốn biết.

Ba năm đã trôi qua, ba năm nàng hiến thân mỗi tuần hai hay bốn lần. Có những tháng, chàng và nàng ngày nào cũng gặp nhau. Như thế không là gì hết hay sao? Nhưng đời có gì là lớn lao! Và người ta cho đời ít ỏi lắm!

Rốt cuộc nàng không có gì phải phàn nàn. Nàng chấm dứt đi thì hơn. Mọi suy nghĩ đều đưa nàng tới đó Không phải là một quyết định; quyết định, thì có

thể thay đổi. Đàng này quan trọng hơn: nó là một trạng thái tâm tưởng.

Nàng bước tới một quảng trường mà ở giữa có một bể nước và một phía là ngôi nhà thờ kiểu thôn dã, quả chuông treo trong một khung cửa tò vò lộ thiên. Nàng sức nhớ bó hoa violet hai xu chồng mua tặng nàng một buổi tối, trên cầu Nhỏ, gần nhà thờ Đức bà. Hình như ngày hôm đó, hai người yêu nhau nồng nàn hơn, hết mình hơn thường ngày. Nhớ lại kỷ niệm ấy, lòng nàng xúc động. Nàng lục, nàng kiếm nhưng chẳng tìm thấy gì hết. Trong ký ức nàng, bó hoa nhỏ tội nghiệp vẫn cô đơn, tàn tạ.

Nàng cất bước, mơ màng. Bị trang phục giản dị của nàng đánh lừa, mấy người đàn ông qua đường bám theo. Một anh chàng ngỏ lời, mời nàng đi ăn tối trong buồng riêng và đi xem hài. Nàng vui vui trong bụng và không để ý. Nàng không hề bối rối: đâu phải là một cuộc khủng hoảng. Nàng nghĩ bụng: “Những người đàn bà khác, họ làm thế nào? Còn mình, mình kiêu hãnh đã không bỏ phí cuộc đời. Giá trị cuộc đời là thế đấy!”

Đến gần chiếc đèn lồng kiểu Tân-Hy Lạp trước viện bảo tàng Tôn giáo, nàng thấy mặt đất bị đào bới lên vì những công trình ngầm. Trên một cái hố sâu, giữa những mô đất đen, những đồng bê tông và gạch lát, người ta bắt một chiếc cầu nhỏ bằng một tấm ván hẹp rập rình. Nàng bước lên thì thấy ở phía cuối cầu một người đàn ông dừng lại trước mặt chờ nàng. Người đó nhận ra nàng và chào. Đơsactơ! Khi đi qua tranh, nàng như cảm thấy anh sung sướng về cuộc gặp gỡ, nàng mỉm cười cảm ơn. Anh xin phép được đi cùng nàng mấy bước. Và hai người cùng bước vào khoảng không gian rộng lớn giữa không khí trong lành. Ở đây, những ngôi nhà cao tầng lùi ra phía sau, để lộ một mảng trời xanh.

Anh nói anh nhận ra nàng từ xa qua đường nét và cử chỉ uyển chuyển của nàng.

- Những cử chỉ đẹp, – anh nói thêm – chính là nhạc điệu đối với con mắt.

Nàng đáp nàng rất thích đi bộ; đi bộ đối với nàng là niềm vui, là sức khỏe.

Anh cũng thích những cuộc đi bộ đường dài trong các thành phố đông đúc và những vùng quê tươi đẹp. Cái bí ẩn của đường trường cám dỗ anh. Anh thích đi du lịch: du lịch ngày nay đã trở nên bình thường và dễ dàng, nhưng đối với anh vẫn có sức lôi cuốn mãnh liệt. Anh đã từng chứng kiến những buổi nắng vàng rực rỡ và bầu trời xanh lồng lộng ban đêm, đã từng thăm Hy Lạp, Ai Cập và eo biển Bôxpho. Nhưng anh luôn luôn trở lại đất Ý như trở lại tổ quốc của tâm hồn mình.

- Tuần sau, tôi sẽ tới đấy. – Anh nói – Tôi muốn thấy lại Ravenơ lặng lẽ giữa những rặng thông đen trĩu trên đôi bờ cần cỗi. Bà đã đến Ravenơ chưa, thưa bà? Nó là một khu mộ có phù phép, nơi xuất hiện những bóng ma chập chờn. Pháp thuật của cái chết là ở đấy. Những bức chạm nổi trên mộ Xanh Vitan và mộ Xanh Apôline^[37] với những thiên thần man rợ và các nữ hoàng lấp lánh hào quang, khiến người ta liên tưởng đến niềm hoan lạc kỳ quái của phương Đông. Ngày nay, khi không còn những cái đai bằng bạc nữa ngôi mộ của Ganla Placidia^[38] vừa óng ánh vừa tối tăm, trông thật khủng khiếp. Nhìn qua kẽ hở ngôi mộ tưởng như còn thấy người con gái của Têôđôđơ, ngồi trên ngai vàng, thẳng đờ trong tấm áo dài đính đá quý và thêu những cảnh trong Cựu ước, khuôn mặt nhan sắc và tàn ác nay khô đét và đen đui vì hương liệu ướp xác, hai bàn tay bóng lộn như mun, bất động đặt trên đầu gối. Ròng rã mười ba thế kỷ, nàng vẫn giữ nguyên dáng vẻ oai vệ cho tới hôm một chú bé, trong lúc đưa một ngọn nến qua kẽ hở ngôi mộ, đốt cháy xác chết cùng với tấm áo bào.

Bà Mactanh – Benlem muốn biết người đàn bà quá cố kiêu hãnh ấy, lúc sống làm gì.

- Hai lần làm nô lệ, – Đơsactơ đáp – Và hai lần lên ngôi hoàng đế.

- Nàng chắc phải nhan sắc lắm. – Bà Mactanh nói – Ông vừa miêu tả nàng trong ngôi mộ, nàng làm tôi khiếp hãi. Thế ông sẽ không đi Vonidơ hay sao, ông Bosactơ? Hay ông đã chán những chiếc du thuyền, những kênh lạch với những lâu đài hai bên bờ và những đàn bò câu ở quảng trường Xanh Mác? Tôi thú thật với ông là tôi vẫn yêu Vonidơ sau khi đã tới đây nhiều lần.

Anh cho là nàng nói đúng. Anh cũng yêu Vonidơ. Mỗi lần tới đây là từ một nhà điêu khắc, anh trở thành họa sĩ và anh tập vẽ. Cái anh muốn vẽ là bầu không khí Vonidơ.

- Ở những nơi khác, – anh nói – ngay cả ở Phlôrăngx nữa, bầu trời cũng xa tít, cao vợi vợi, sâu thăm thẳm. Còn ở Vonidơ, bầu trời ở khắp mọi nơi; nó vuốt ve mặt đất và mặt nước, nó âu yếm bao phủ lên những vòm nhà màu chì và mặt trước nhà màu cẩm thạch, nó chiếu vào không gian lấp lánh những ánh hào quang rực rỡ như pha lê, như bảo ngọc. Cái đẹp của Vonidơ là bầu trời và phụ nữ. Phụ nữ Vonidơ đẹp tuyệt vời, dáng điệu táo bạo tuyệt vời! Những thân hình mảnh mai và uyển chuyển mà người ta có cảm giác tròn đầy dưới tấm khăn choàng màu đen. Dù chỉ còn lại của những thiếu phụ ấy một đốt xương, người ta vẫn tìm thấy trong đốt xương đó sức quyến rũ của thân hình tuyệt mỹ của họ. Ngày chủ nhật, ở nhà thờ, họ họp thành những nhóm nhỏ hơn hỏ, xôn xao, trong cảnh hỗn độn với những cặp hông núng nính, những cái gáy kiêu diễm, những nụ cười tươi tắn, những ánh mắt long lanh. Họ cúi gập xuống, uyển chuyển như những con thú non khi một vị linh mục có cái đầu như đầu Vitenlinyx^[39], cầm nhô ra ngoài cổ áo lễ, đi qua với bình rượu thánh, có hai chú bé lễ sinh đi trước.

Đosactơ chân bước không đều, theo nhịp những ý nghĩ trong đầu, khi nhanh khi chậm. Nàng thì bước đều chân hơn và tìm cách vượt lên trước. Nhìn chệnh chếch, anh thấy nàng có dáng đi uyển chuyển và vững chãi anh rất ưa thích. Chốc chốc chiếc mũ vải thêu hình những cảnh tâm gửi khê đưng đưa trên đầu nàng.

Bất giác anh cảm thấy sức quyến rũ của buổi hội ngộ hầu như thân mật này với một thiếu phụ hầu như chưa quen biết.

Hai người bước tới đoạn đại lộ có bốn dãy tiêu huyền, đi dọc lan can bằng đá phía trên có một lớp hoàng dương che khuất vẻ xấu xí của những trại lính rải rác ở phía dưới, dọc kè đá. Xa xa thấp thoáng dòng sông, một bầu không khí bàng bạc màu sữa phảng phất trên mặt nước. Trời trong xanh. Ánh sáng thành phố hòa vào ánh sao. Phía nam lấp lánh ba ngôi sao sáng rực trong chòm Lạp hộ. Đơsactơ nói tiếp:

- Năm qua ở Vơnidơ, sáng nào ra khỏi nhà, tôi cũng thấy một cô gái nhan sắc tuyệt vời đầu nhỏ, cổ tròn và khỏe, cặp hông núm nính, ngồi trước cửa, trên bậc tam cấp ở bờ kênh. Dưới ánh nắng mặt trời và giữa khu phố lam than, nàng ngồi, tinh khiết như pha lê, nồng nàn như một đóa hoa. Nàng mỉm cười. Ôi đôi môi! Viên ngọc lộng lẫy nhất giữa luồng ánh sáng đẹp đẽ nhất! Nhưng tôi kịp hiểu ra là nụ cười ấy dành cho một anh chàng hàng thịt đứng sau lưng tôi, chiếc thúng đội trên đầu.

Đến góc đường phố hẹp thoai thoải chạy về phía bến cảng, giữa hai dãy sườn hẹp hai bên, bà Mactanh di chậm lại,

- Quả là ở Vơnidơ, – nàng nói – phụ nữ đều đẹp.

- Hầu như tất cả đều đẹp, thưa bà. Tôi muốn nói đến các cô gái bình dân, những cô bán thuốc lá, những

công nhân ngành thủy tinh. Những người khác thì cũng như ở khắp mọi nơi.

- Những người khác ông muốn nói là đám phụ nữ quý tộc phải không... Và ông không yêu họ?

- Phụ nữ thượng lưu, thưa bà? Ồ! Có những người tuyệt vời. Nhưng yêu họ thì lại là việc khác.

- Ông nghĩ như thế à?

Nàng chia tay và đột ngột quặt qua đường rẽ.

V

Nàng ăn tối một mình với chồng. Trên mặt bàn ăn không đặt lọ hoa có hình phượng hoàng rực rỡ, cũng không có tượng các Nữ thần Chiến thắng có cánh. Những cây đèn bạch lạp phía trên các cánh cửa có hình vẽ những con chó của họa sĩ Udry cũng không thấp sáng. Trong lúc anh kể lại những việc xảy ra ngày hôm đó thì nàng đắm mình trong một giấc mơ rầu rĩ, nàng có cảm giác bập bênh, cô đơn trong một lớp sương mù và xa lánh tất cả. Một nỗi đau êm ả, hầu như dịu dàng. Nàng mơ màng nhìn thấy qua lớp sương mù, căn buồng nhỏ ở phố Xpôngtini được những thiên thần mình đen trùi trũi mang lên đỉnh núi Himalava. Còn chàng, trang phục hết sức giản dị, vừa xỏ găng tay, vừa tan dần đi giữa cơn giông giạt của ngày tận thế. Nàng sờ mạch xem có phải mình bị sốt không. Bỗng tiếng thìa nĩa bằng bạc loảng xoảng trên bàn làm nàng thức tỉnh. Nàng nghe chồng nói:

- Têredư, hôm nay ở Nghị viện, Gavô đọc một bài diễn văn tuyệt vời về vấn đề quỹ lương hưu. Tư tưởng ông ta trở nên lành mạnh đến mức kì lạ và bây giờ ông ta đánh trúng biết chừng nào!Ồ! ông ta thẳng to.

Nàng không kìm được nụ cười:

- Nhưng Gavô là một kẻ khốn nạn chỉ nghĩ cách chen lấn với đám người đầy tham vọng và hãnh tiến. Tư tưởng của lão chỉ được một gang tay. Chính giới có thực sự cho lão là một người đúng đắn không? Anh hãy tin là chưa bao giờ lão gây ảo tưởng cho phụ nữ, kể cả cho vợ lão. Thế mà muốn gây những trò ảo tưởng đó, có gì khó lắm đâu, em bảo đảm với anh như vậy.

Rồi đột ngột nói thêm:

- Có bạn mời em đến nghỉ ở nhà cô ta một tháng, tại Phidơn, anh biết chứ? Em đã nhận lời và nay mai sẽ đi.

Bất bình hơn là kinh ngạc, anh hỏi nàng cùng đi với ai.

Nàng nghĩ ra ngay và nói:

- Với bà Macmê!

Anh không có gì để phản đối. Bà Macmê là một loại nữ tùy tùng hoàn toàn đứng đắn, đặc biệt thích hợp với những cuộc du lịch ở Ý, nơi xưa kia, Macmê Etruyri, chồng bà, đã làm những cuộc khai quật ở các khu mộ cổ. Anh chỉ hỏi:

- Thế cô đã báo cho bà ta chưa? Và định bao giờ đi?

- Tuần sau.

Anh khôn khéo lúc này không phản đối gì hết, vì sợ nếu phản đối thì chỉ càng khẳng định hứng thú nhất thời của nàng và làm cho ý tưởng điên rồ đó bám chắc vào đầu óc nàng. Anh nói nhẹ nhàng:

- Đi du lịch thì hẳn là một sự giải trí thú vị. Anh đã nghĩ là mùa xuân tới, chúng ta có thể đi thăm Côcadơ, Tân Cương và biển Caxpiên. Một xứ sở thú vị và ít được biết đến. Tướng Annencôp có thể huy động cho chúng ta những chuyến tàu riêng trên con đường sắt do ông ta thiết lập. Bạn anh đấy, chắc em sẽ làm ông ta rất vui lòng. ông sẽ cho kỵ binh đi theo hộ vệ – Như thế là long trọng lắm chứ.

Anh đành ninh thuyết phục được nàng bằng hư danh vì nghĩ rằng nàng ưa phù phiếm và bị lòng kiêu hãnh lôi kéo như bản thân mình.

Nàng hờ hững đáp có thể đó là một cuộc du lịch thú vị. Anh liền ca ngợi các ngọn núi vùng Côcadơ, những thành phố cổ, các cửa hiệu bách hóa, quần áo, vũ khí và nói thêm:

- Chúng ta sẽ mời một số bè bạn cùng đi: quận chúa Xơniavin, tướng Larivie, có lẽ cả Venx hoặc Lơ Mênin nữa.

Mím cười lạnh nhạt, nàng đáp là còn chán thì giờ để chọn khách.

Anh có vẻ chăm chú, sẵn đón:

- Em không ăn gì cả. Em để quen dạ đi

Tuy chưa tin là nàng sẽ vội đi như thế, nhưng anh vẫn băn khoăn. Họ đã trả lại tự do cho nhau, song anh tuyệt nhiên không muốn sống một mình. Anh chỉ cảm thấy mình tồn tại khi có vợ bên cạnh và trong ngôi nhà được chăm nom chu đáo. Và lại, anh quyết định tổ chức mấy bữa ăn tối thịnh soạn để mời các chính khách trong khóa họp này của Nghị viện. Chính đảng của anh ngày một lớn dần. Đây là thời cơ xuất đầu lộ diện một cách huy hoàng. Anh nói, vẻ bí mật:

- Có thể lúc nào đó chúng ta cần đến sự giúp đỡ của tất cả bạn bè. Em không theo dõi tình hình mấy lâu nay diễn biến ra sao phải không, Têredơ?

- Không, anh ạ.

- Tiếc thật! Em có óc phán đoán, và rất thông minh. Giá có theo dõi thời cuộc thì em phải kinh ngạc trước trào lưu đưa đất nước trở lại những quan điểm ôn hòa. Cả nước đã chán ngấy những trò cực đoan. Người ta loại bỏ những kẻ dính líu với đường lối cấp tiến và những cuộc tàn sát tôn giáo. Thế nào cũng phải có ngày lập lại một nội các Cadimia Perie^[40] với những con người khác, và ngày đó...

Anh ngừng lại: quả là nàng nghe anh ít quá và không hiểu anh.

Nàng ngồi trầm ngâm, rầu rĩ, thất vọng. Người đàn bà vùi đôi bàn chân trần vào lớp lông gấu màu nâu trong bóng tối oi bức của căn phòng đóng kín ở đường Xpôngtini và đứng búi tóc trước tấm gương trong lúc người yêu khẽ hôn lên gáy, nàng cảm thấy người đàn bà ấy tuyệt nhiên không phải là nàng, thậm chí cũng không phải là người đàn bà nàng biết rõ hay muốn biết, mà chỉ là một thiếu phụ không dính dáng gì tới nàng. Một chiếc cặp tóc cài không chặt mà nàng lấy trong đĩa bằng thủy tinh Bôhem, tuột xuống cổ, nàng bắt giác rùng mình.

- Nhưng ta phải mời các bạn hữu chính khách ăn tối ba bốn bàn. Mời cả những người cấp tiến trước đây lẫn những người thuộc phái ta. Tìm được vài ba vị phu nhân nhan sắc thì hay lắm. Chúng ta rất có thể mời bà Bêra Đơ La Manlơ: đã hai năm nay, chúng ta chẳng hề nhắc nhở gì tới bà ấy. Em nghĩ thế nào

- Nhưng tuần sau em đã đi rồi kia mà, anh...

Anh bối rối.

Im lặng và rầu rĩ, hai người bước sang phòng khách. Pôn Venx đang ngồi chờ. Anh thường đến vào buổi tối như một người thân.

Nàng bắt tay anh.

- Tôi rất mừng được gặp ông. Xin tạm biệt ông, tạm biệt một thời gian ngắn thôi. Pari trời lạnh và âm u lắm. Thời tiết này làm tôi mệt mỏi, khó chịu. Tôi sẽ đi Phlôrăngx, nghỉ sáu tuần ở nhà cô Ben.

Mactanh-Benlem ngược mắt lên trời.

Venx hỏi nàng đã đi Ý nhiều lần chưa.

- Ba lần rồi. Nhưng tôi chưa thấy gì cả. Lần này tôi muốn xem, muốn nhìn, muốn đắm mình vào sự vật. Từ Phlôrăngx, tôi sẽ đến chơi Tôxcan và thăm Ôngbri. Và cuối cùng, tôi sẽ đến Vonido.

- Bà làm thế là phải. Vơnidơ là nơi nghỉ ngơi ngày chủ nhật, trong tuần lễ thánh của nước Ý sáng tạo và tuyệt vời.

- Ngài Đơsactơ bạn ông hết lời ca ngợi Vơnidơ, và bầu không khí Vơnidơ với những hạt sương long lanh như những viên ngọc.

- Vâng, trời Vơnidơ giàu màu sắc. Còn trời Phlôrăngx thì cao vời vợi. Một tác giả ngày trước có nói: “Bầu trời Phlôrăngx nhẹ nhàng, tinh tế, nuôi dưỡng những tư tưởng cao đẹp của con người”. Tôi đã sống những ngày tuyệt diệu ở Tôxcan. Tôi thiết tha muốn được trở lại đây.

- Thế thì mời ông đến với tôi.

Vcnx thở dài:

- Tôi còn bận với mấy tờ báo, mấy tờ tạp chí và công việc hàng ngày

Mactanh-Benlem cho như thế là phải: ai cũng muốn đọc sách báo của Venx và không muốn anh sao nhãng công việc.

Ô! Sách của tôi!... Trong một cuốn sách, người ta đâu có nói hết được những điều muốn nói. Không sao tự biểu lộ mình được... Vâng, tôi có thể nói bằng ngòi bút của mình như mọi người khác. Nhưng cứ nghĩ đến chuyện nói và viết lại thấy buồn! Thật khổn khổ cho những ký hiệu nhỏ nhoi tạo nên âm tiết, nên từ, nên câu! Tư tưởng tốt đẹp trở thành cái gì với những con chữ

tượng hình ác nghiệt vừa tầm thường vừa kỳ cục ấy? Trong sách của tôi, độc giả dùng làm được cái gì? Một loạt hiện tượng sai nghĩa, trái nghĩa, vô nghĩa thôi mà! Đọc, nghe, chính là dịch. Có thể có những bản dịch tốt, nhưng không có những bản dịch trung thành. Độc giả dù có ca ngợi sách tôi thì điều đó có nghĩa gì đối với tôi? Họ chỉ ca ngợi cái mà bản thân họ đưa vào trong sách thôi mà. Độc giả nào chẳng đem quan điểm của mình thay thế quan điểm của tác giả? Chúng tôi tạo điều kiện để kích thích trí tưởng tượng của họ. Tạo cơ cho những trò như vậy thì thật khủng khiếp. Thật là một nghề nghiệp ô nhục.

- Ông đùa đấy chứ? – Mactanh hỏi.

- Tôi thì không nghĩ như vậy. – Têredơ nói – Ông ấy thừa nhận và lấy làm đau khổ là tâm hồn người ta không thể thông cảm lẫn nhau, ông ấy cảm thấy cô đơn khi nghĩ, cô đơn khi viết. Làm gì đi nữa, bao giờ người ta cũng cảm thấy cô đơn trên đời. Đó là điều ông ấy muốn nói. Ông ấy có lý. Người ta luôn luôn bực bực với nhau, nhưng người ta không bao giờ hiểu nhau.

- Song có những cử chỉ. – Pôn Venx nói.

- Ông không nghĩ đó cũng là một loại chữ tượng hình hay sao, ông Venx? ông có tin gì về ngài Sulet cho tôi biết không? Tôi không hề gặp ông ta ở đâu nữa.

Vensex đáp là lúc này Sulet đang bận rộn với việc cải tổ hội thánh Xanh-Phrăngxo.

- Thừa bà, ông ta nảy ra cái ý làm công việc ấy một cách kỳ diệu hôm đến thăm Maria, nhà ở phía sau bệnh viện trung ương, trên một đường phố luôn luôn ướt át, nhà cửa xiên vẹo. Maria là vị nữ thánh và người tuần đạo chịu tội thay cho dân chúng, bà biết đấy. Ông ấy kéo nùm dây chuông nhầy nhụa vì khách khứa đã từng kéo suốt hai thế kỷ. Không hiểu vì Maria đang ở hiệu bán vàng quen biết hay đang bận trong buồng mà không thấy ra mở cửa. Sulet kéo

mãi và kéo mạnh tới mức cả núm chuông lẫn dây chuông bị đứt và nằm gọn trong tay. Là người có tài nhận biết các tín hiệu tượng trưng và nắm được ý nghĩa bí ẩn của sự vật, ông ta hiểu ngay là sợi dây không tự rơi ra nên không được thần linh cho phép, ông ta suy ngẫm. Sợi dây bằng gai phủ một lớp cấu bản đen dùi và dính đập được ông dùng làm thắt lưng và cho rằng mình được chọn để phục hồi sự tinh khiết cội nguồn cho hội thánh Xanh-Phrăngxoá. Ông ta khước từ nhan sắc của phụ nữ, những niềm khoái cảm của thơ ca và ánh hào quang của danh vọng, chỉ chăm lo nghiên cứu cuộc đời và học thuyết của Chúa. Thế nhưng ông ta đã bán cho nhà Xuất bản cuốn sách Lê Blăngđix^[41]. Theo lời ông, cuốn sách miêu tả tất cả các loại ái tình. Ông kiêu hãnh tỏ ra mình phạm trọng tội đó với phong cách ít nhiều thanh nhã. Nhưng sách không những không cản trở mà còn ủng hộ hoạt động thần bí của ông ta. Quả vậy, sau khi được chỉnh lý, sách trở nên rất đứng đắn và mẫu mực. Về tiền nhuận bút được trả bằng vàng – ông ta dùng số nhiều đã nói về vàng – sẽ giúp ông ta làm một cuộc hành hương ở Axxido; nếu là một cuốn sách “sạch sẽ” hơn thì không thể được thanh toán số vàng như thế.

Thích thú, bà Mactanh hỏi câu chuyện đó có thật hoàn toàn chứ. Venx đáp là không nên biết làm gì.

Anh thú nhận nữa vời là mình kể chuyện theo lối duy tâm về nhà thơ Sulet, và không nên hiểu những câu chuyện anh kể về ông ta theo nguyên văn từng câu, từng chữ một.

Nhưng dẫu sao, anh cũng khẳng định là Sulet xuất bản cuốn Lê Blăngđix và muốn đi thăm phòng ở và mộ thánh Phrăngxoá.

- Thế thì, – bà Mactanh thốt lên – tôi sẽ kéo ông ta đi Ý. Ông Venx, ông tìm giúp ông ta và đưa ông ta đến đây. Tuần sau, tôi đã đi rồi.

Mactanh xin thứ lỗi không thể lưu lại lâu hơn. Anh phải viết xong bản báo cáo để kịp nộp ngày mai.

Bà Mactanh bảo không có ai làm mình thú vị hơn Sulet. Pôn Venx cũng cho ông ta là một con người hết sức kỳ lạ:

- Ông ta không khác mấy những bậc thánh mà sử sách vẫn nói đến cuộc đời khác thường. Cũng chân thành như họ, cũng cùng một sự tinh tế tuyệt vời về tình cảm và một sức mạnh là tâm hồn dữ dội. Sở dĩ nhiều hành động của ông làm người ta khó chịu, là vì ông ta yếu hơn, ít được ủng hộ hơn, hoặc có thể chỉ vì bị xem xét tỉ mỉ hơn các vị thánh. Và chẳng có những ông thánh xấu cũng như có những thiên thần xấu: Sulet là một ông thánh xấu, chỉ có thể thôi. Nhưng thơ ông ta là những bài thơ thực sự có ý vị và có giá trị hơn rất nhiều tất cả những gì các vị giám mục nịnh bợ và các nhà thơ giả dối có thể sản sinh ra ở thế kỷ XVII.

Bà Mactanh ngắt lời anh:

- Nghĩ tới điều đó, tôi muốn ca ngợi ông có ông bạn Đơsactơ. Một bộ óc tuyệt vời:

Rồi nói thêm:

- Nhưng có lẽ khép kín hơi quá mức.

Venx nhắc lại là anh đã từng nói rõ Đơsactơ có thể là cho nàng có cảm tình.

- Tôi biết anh ấy tường tận, một người bạn thời thơ ấu mà.

- Thế ông biết gia tộc ông ấy?

- Vâng, anh là con một của Philip Đơsactơ.

- Nhà kiến trúc sư...

- Vâng, nhà kiến trúc sư đã từng trùng tu biết bao lâu đài và nhà thờ Turen và trong vùng Ooclê-ăng, dưới thời Napôlêông III. Ông cụ vừa thanh nhã vừa có tri thức. Cô đơn và rất mực hiền hòa, cụ đã lại đội công kích Viôlet Lơ Duye^[42] lúc đó rất có thể lực. Cụ phê phán ông này muốn phục hồi các công trình kiến trúc theo thiết kế khởi thủy, y như lúc chúng được xây dựng hay đáng lẽ được xây dựng đầu tiên. Ngược lại, Philip Đơsactơ muốn tôn trọng tất cả những gì các thế kỷ đã dần dà bổ sung cho một nhà thờ, một tu viện, một lâu đài. Theo cụ, đem những sự khác biệt về thời đại đi và đưa một công trình về trở về sự nhất quán ban đầu của nó là một hiện tượng man rợ trong khoa học và cũng đáng sợ như sự đốt nát. Cụ không ngớt nhắc đi nhắc lại: “Xóa nhòa những dấu ấn do bàn tay và khối óc của tổ tiên lần lượt để lại trên đá, là một tội phạm. Những viên đá mới mà được đẽ gọt theo phong cách cổ chỉ là những chứng nhân giả”. Cụ muốn nhiệm vụ của nhà kiến trúc – khảo cổ học chỉ đóng khung lại trong việc bảo vệ và củng cố các bức tường thành. Cụ nói có lý. Nhưng người ta cho cụ nói sai. Rốt cuộc cụ rước vạ vào thân và chết sớm, trong sự thắng lợi của địch thủ. Dầu sao cụ vẫn để lại cho người vợ góa và đứa con trai một tài sản thích đáng. Giã Đơsactơ được mẹ nuôi dưỡng và rất mực yêu thương. Tôi không thấy một tình mẫu tử nào mãnh liệt đến thế. Giã là một cậu con trai rất xinh đẹp, nhưng là một đứa trẻ được nuông chiều.

- Thế sao ông ta có vẻ vô tư, dễ tính và cũng cô đơn đến thế!

- Bà chớ tin vào cái đó. Anh ấy có cái tình tự giày vò mình và giày vò người khác đấy.

- Ông ta có yêu phụ nữ không?

- Sao bà lại hỏi tôi điều đó?

- Ờ! không phải cho một cuộc hôn nhân đâu

- Có, anh ấu yêu phụ nữ. Tôi đã nói với và anh ấu là một kẻ vị kỷ. Chỉ có những người vị kỷ mới thực sự yêu phụ nữ. Sau khi bà mẹ qua đời, Đơsactơ có quan hệ một thời gian dài với một nữ nghệ sĩ sân khấu quen thuộc, cô Gian Tăng cre đơ.

Bà Mactanh thoáng nhớ lại Gian Tăng cre đơ không thật đẹp, nhưng thân hình cân đối, vẻ duyên dáng có chút ít thiếu tự nhiên trong vai những cô gái si tình.

- Vâng, chính cô ta. Pôn Venx nói tiếp – Hầu như họ hoàn toàn sống với nhau trong một ngôi nhà nhỏ tại khu cư xá Hoa nhài ở Otơi. Tôi thường đến thăm họ. Tôi thấy anh ấy ngồi mơ màng, một mình một bóng, theo đuổi ý tưởng của mình, tuyệt nhiên không nghe thấy bất cứ ai nói gì và quên cả việc nặn tượng. Còn Tăng cre đơ thì miệt mài tập vai, da mặt xin lại vì son phấn, cặp mắt nồng nàn thông mình và hoạt bát đến dễ thương. Nàng phàn nàn anh ấy lơ đãng, âu sầu, khó tính. Nàng rất yêu anh và chỉ lừa dối anh để được giao vai diễn. Và khi lừa anh thành động ngay, sau đó không nghĩ tới nữa. Nàng là một người phụ nữ đứng đắn, nhưng thích người ta để ý tới mình, thường cặp kè với Giô dep Xpringgiơ với hy vọng được hãnh đưà vào nhà hát lớn ở Pari. Đơsactơ giận và đoạn tuyệt. Bây giờ nàng còn thấy sống với các vị giám đốc của mình thực tế hơn, còn Giắc thì thấy đi du lịch thú vị hơn.

- Thế ông ta có luyện tiếc nàng không?

- Làm sao biết được cái gì xảy ra trong một đầu óc luôn luôn băn khoăn và bất định, ích kỷ và đam mê khát khao tự hiểu mình nhưng lại nhanh chóng thay đổi ý kiến, yêu chính bản thân mình một cách nồng nhiệt khi thấy mọi cái đẹp trên đời?

Tê đơ đột ngột chuyển hướng câu chuyện:

- Còn cuốn tiểu thuyết của ông thế nào rồi, ông Venx?

- Tôi đang viết chương cuối, thưa bà. Anh chàng làm nghề khắc chạm, nhân vật của tôi, phải lên đoạn đầu đài. Anh ta chết với thái độ dửng dưng của những cô trinh nữ không có dự vọng và đôi môi chưa bao giờ được biết hương vị nóng bỏng của cuộc đời. Báo chí và công chúng tán thành một cách thỏa đáng hành vi công lý đó. Nhưng trong một căn gác xép, một công nhân khác trong ngành hóa chất, vốn ôn hòa và rầu rĩ thì phản đối và quyết phạm tội giết người để giải oan cho bạn.

Venx đứng dậy cáo từ.

Têredơ nhắc lại:

- Ông Venx, ông biết là tôi đang nói nghiêm túc đấy. Ông nhớ dẫn Sulet tới giúp tôi.

Khi Têredơ bước lên phòng ngủ thì Mactanh đang đứng trên tam cấp chờ nàng trong bộ quần áo ngủ bằng nhung màu vàng cháy, một chiếc mũ vải kiểu chính khách Vơnidơ để lộ khuôn mặt xanh xao, hai má hóp lại. Anh có vẻ nghiêm trang. Sau lưng anh, qua cánh cửa mở của phòng làm việc, dưới ánh đèn, thấy đặt một chõng hồ sơ và tài liệu có bìa xanh, những trang giấy gấp thành bốn về ngân sách hàng năm. Nàng định bước vào phòng. Anh ra hiệu cho nàng: anh muốn nói chuyện.

- Têredơ này, anh không thể hiểu nổi em. Sự nông nổi em có thể dẫn tới sai lầm nghiêm trọng đấy. Em bỏ nhà ra đi không có lý do, thậm chí không có một duyên cớ nào. Và em định chạy khắp châu Âu với ai kia chứ? Với một kẻ lang thang, một gã nát rượu cái lão Sulet ấy.

Nàng đáp là nàng đi với và Mac mê, và chuyến đi này hoàn toàn hợp lẽ.

- Nhưng em loan báo khắp thiên hạ, trong lúc cũng chưa biết bà Mac mê có thể cùng đi hay không.

- Ô! Bà Mac mê tốt bụng sẽ thu xếp hành trang thôi. Chỉ cô con Teeby là giữ chân bà tại Pari. Bà sẽ gửi lại nhờ anh chăm sóc.

- Thế còn ông cụ, em đã báo cho ông cụ biết chưa?

Mactanh chỉ còn cách viện đưa uy quyền của Môngtexas khi quyền lực của mình bị phủ nhận. Anh biết nàng rất sợ làm ông bố bất bình hay đánh giá nàng thấp. Anh năn nỉ:

- Ông cụ là người rất khôn ngoan và tinh tế. Anh sung sướng thấy cụ nhiều lần thống nhất với anh trong những lời khuyên can em. Cũng như anh, cụ thấy nhà bà Mây ăn không thích hợp với một người đàn bà như em. Khách khứa ở đấy hỗn tạp lắm và bà ta lại khuyến khích những trẻ lẳng nhăng. Anh phải nói thật là em phạm sai lầm lớn khi ít đếm xỉa đến dư luận. Anh tin chắc ông cụ không khỏi ngạc nhiên khi thấy em bay nhảy một cách... nông nổi như vậy. Và thiên hạ sẽ càng ngạc nhiên, vì trong khóa Nghị viện này- anh xin nhắc lại- anh được chú ý là nhờ thời cơ. Rõ ràng không phải do công lao của anh. Nhưng nếu lúc này em chịu nghe anh nói trong khi ăn tối khi anh đã chỉ cho em rõ là chính quyền đã ở trong tầm tay nhóm chính khách bạn anh, em không nên khước từ bốn phận nữ chủ nhân vào lúc này. Tự em, em hiểu lấy điều đó.

Nàng đáp:

- Anh làm rầy em quá.

Rồi quay lưng, bước vào phòng, đóng cửa

Tối hôm đó, nằm trên giường, nàng mở một cuốn sách như thường lệ trước khi ngủ. Một cuốn tiểu thuyết. Nàng hờ hững giở các trang sách thì bắt gặp

những dòng sau đây:

“Tình yêu cũng giống như lòng sùng đạo: nó đến muộn. Ở tuổi hai mươi, người con gái chưa yêu cũng như chưa sùng đạo, trừ phi một khuynh hướng đặc biệt, một thứ thành tính bẩm sinh. Chính bản thân những cô gái được “tuyển lựa” cũng chống lại một cách lâu dài cái lối yêu “trời cho” ấy, nó còn dữ dội hơn cả một cơn sét bất thần” Thông thường phụ nữ chỉ chấp nhận mỗi tình say đắm vào cái tuổi không còn khiếp hãi sự cô đơn nữa. Quả đam mê là một bãi sa mạc cằn cỗi, một nơi ảm náy chấy bóng. Đam mê là sự khổ hạnh ngoài đời. Gian khổ chẳng khác sự khổ hạnh trong đạo.

“Vì vậy, những người đàn bà yêu đam mê cũng hiếm thấy như những người phụ nữ khổ tu quyết liệt. Nhưng ai từng trải đều biết, phụ nữ không sẵn sàng nhả ly rượu tình đắng cay trong tình yêu chân chính. Họ biết không có gì khác thường bằng một sự hy sinh dai dẳng. Và bạn đọc hãy hình dung người phụ nữ quý phái phải hy sinh những gì khi yêu. Tự do, yên tĩnh, sự phóng túng yêu kiều của một tâm hồn không bị ràng buộc, lối làm duyên, những trò vui thú, tất cả sẽ mất hết”.

“Trò ve vãn thì được, chuyện đó có thể dung hòa với mọi yêu cầu của đời sống thanh nhã. Nhưng tình yêu thì tuyệt đối không. Nó là niềm đam mê kém thanh nhã nhất, man rợ nhất, chống lại tổ chức xã hội hơn cả. Vì vậy người ta phán xét nó nghiêm khắc hơn cả thói phong tình, lãng lơ. Ở một mặt nào đó, người ta có lý. Một cô gái Pari si tình sẽ làm mất bản chất của mình và không làm tròn bổn phận của một con người thuộc về mọi người, như một công trình nghệ thuật và là một công trình nghệ thuật kỳ diệu nhất nền công nghiệp của loài người chưa bao giờ sản sinh nổi. Nàng là một sản phẩm có sức quyến rũ mạnh mẽ nhất, là sự kết hợp giữa mọi nghệ thuật có tính kỹ thuật với mọi nghệ thuật tự do, là một công trình chung, một tài sản chung bổn phận của nàng là ra mắt mọi người”.

Têredơ gập sách lại vì nghĩ bụng đó là những cơn mộng của những nhà tiểu thuyết không hiểu đời. Còn nàng thì biết là trên thực tế không làm gì có nổi

thông khổ của đam mê, không làm gì có ly rượu đắng tình ái, cũng không làm gì có cái thiên mệnh đẹp đẽ và dữ dội mà cô gái được tuy lựa không cưỡng nổi. Nàng cũng biết tình yêu chỉ là một cuộc say sưa ngắn ngủi và khi hết say, thì người ta có chút buồn bã. Nhưng giá nàng không biết hết tất cả, giá không có những mối tình trong đó người ta giày vò nhau một cách tuyệt diệu!... Nàng tắt đèn. Từ quá khứ sâu thẳm, những ước mơ của tuổi thanh xuân trở về với nàng.

VI

Trời mưa. Qua những tấm kính xe ngựa nước chảy xối xả, bà Mactanh-Benlem mơ màng nhìn thấy vô số tán ô qua lại, giống như những con rùa đen trũi dưới những dòng nước mưa. Nàng suy nghĩ. Ý tưởng của nàng cũng buồn bã và mơ hồ như cảnh đường phố và qung trường mờ nhạt đi, trong cơn mưa.

Giờ đây, nàng không còn biết vì sao lại nảy ra ý nghĩ đến nghỉ một tháng ở nhà cô Ben. Và quả thật nàng không hề biết vì sao. Chẳng khác nào một dòng suối nhỏ bị che khuất dưới mấy nhánh mã đề bỗng trở thành một con sông ào ạt. Nàng nhớ lại rõ rệt hôm thứ ba, trong bữa ăn tối, nàng đột ngột bảo là mình muốn đi, nhưng nàng không lần ngược lại cuội nguồn của ước muốn ấy. Không phải nàng muốn xử sự với Rôbe Lơ Mênin như anh đã xử sự với nàng. Dĩ nhiên nàng thấy đi dạo chơi ở Caxxin là tuyệt vời trong lúc anh đi săn chồn. Nàng thấy như một thứ đối xứng thú vị. Rôbe bao giờ cũng sung sướng khi gặp lại nàng, nhưng lần này đi săn trở về sẽ không gặp. Nàng cho rằng gây cho anh một sự khó chịu đích đáng như vậy là phải. Nhưng đó không phải là ý nghĩ ngay từ đầu. Và từ bấy tới nay, nàng cũng không hề nghĩ như vậy. Quả tình nàng ra đi không phải vì ý thích làm anh đau khổ và cũng không phải vì nghịch ngợm muốn trả thù anh chút đỉnh. Nàng giận dữ, không phải với một nỗi lòng đả đàng cay, nhưng âm thầm, bứt rứt. Nàng không muốn sớm gặp lại anh. Tuy quan hệ giữa hai người không hề đoạn tuyệt, giờ đây, đối với nàng, anh vẫn là người xa lạ. Chỉ như là một người đàn ông giống mọi người đàn ông khác, tốt hơn số đông những người khác, đáng vẻ, phong cách tuyệt vời, tính tình dễ thương, ít làm nàng khó chịu, nhưng không khiến nàng quan tâm nhiều. Đột nhiên anh bước ra khỏi cuộc đời nàng. Nàng không muốn nhớ lại xem anh đã dự bao nhiêu phần trong đó. Nàng khó chịu với ý nghĩ mình thuộc về anh, nàng cho như thế là phi lý. Ý nghĩ có thể gặp lại nhau trong căn buồng nhỏ ở phố Xpôngtini khiến nàng bực bội, nàng vội gặt đi ngay. Nàng muốn có một sự kiện bất ngờ, tất yếu, đến ngăn cản buổi hội ngộ: ngày tận thế chẳng hạn. Tối

hôm trước, ở nhà bà Đơ Mooclen, ông Lagrănggiơ ở Viên Hàn lâm khoa học có nói tới một ngôi sao chổi. Tận trên bầu trời thăm thẳm, có thể một ngày nào đó, nó sẽ gặp trái đất bằng hơi thở của nó, bắt cỏ cây, muông thú hít thở những thứ thuốc độc lạ lùng và bắt loài người chết trong tiếng cười điên loạn hay nổi kinh hoàng thảm thiết. Tháng tới, nàng cần có cái như thế hoặc tương tự như thế. Vì vậy việc nàng muốn ra đi, không phải là không giải thích nổi. Nhưng nàng không hiểu vì sao cùng với ý muốn ra đi, có lẫn lộn một niềm vui mơ hồ và một sức quyến rũ ngay từ đầu. Xe ngựa dừng lại ở góc đường La Sedơ.

Sau khi chòng mắt, bà Macmê đến ở đây, trong một căn phòng hẹp rất sạch sẽ, dọc ban công một ngôi nhà cao tầng, sau năm ô cửa sổ ấm nắng mặt trời buổi sang.

Nữ bá tước Mactanh đến thăm bà vào ngày bà tiếp khách. Trong phòng khách đơn sơ nhưng sạch bóng, nàng thấy ông Lagrănggiơ ngủ chập chờn trong ghế bành trước mặt bà già mái tóc bạc trắng, dịu dàng và điềm tĩnh.

Nhà khoa học luống tuổi và hào hoa ấy vẫn chung thủy với bà. Sau lễ tang Macmê một hôm, chính ông mang đến cho người đàn bà góa bụa tội nghiệp bài diễn văn độc địa của Sômôn. Tưởng là để an ủi bà, ngờ đâu phần nộ và đau thương bóp nghẹt tim bà, bà ngắt đi trên tay ông. Bà Macmê cho là ông thiếu óc phán đoán. Ông là người bạn tốt nhất của bà. Hai người thường cùng nhau dự những buổi ăn tối ở nhà những bè bạn giàu có.

Mảnh dẻ nhưng rắn chắc trong tấm áo lông chồn với những hang đặng ten lượn song, bà Mactanh bước vào nhà. Ánh mắt quyến rũ từ đôi mắt màu hạt dẻ của nàng đánh thức ông già dậy, ông vốn nhạy cảm trước sắc đẹp nữ giới. Tối hôm trước, ở nhà bà Đơ Mooclen, ông đã nói với nàng ngày tận thế sẽ đến như thế nào. Bây giờ ông hỏi nàng trong đêm nàng có sợ không khi nhớ lại cảnh tượng trái đất bị ngọn lửa tàn phá hay bị tiêu diệt trong cơn lạnh giá, trắng xóa như ánh trăng. Trong lúc ông tìm cách diễn đạt thật duyên dáng thì nàng nhìn tủ sách bằng gỗ huê đào chiếm hết cả dãy vách phòng khách đối diện cửa sổ. Không còn sách vở nữa nhưng trên lớp giá phía dưới có một bộ xương người

với vũ khí. Nàng ngạc nhiên thấy ở nhà người đàn bà hiền hòa này, bộ xương một chiến binh Etruyri với chiếc mũ đồng thau màu xanh trên sọ và những mảnh áo giáp đã tàn tạ trước ngực. Bộ xương nằm đó, dữ tợn, lẫn lộn giữa những hộp kẹo, bình sứ mạ vàng, tượng Đức bà bằng giả cẩm thạch và những mảnh gỗ nhỏ cắt gọt, vật lưu niệm của Luyxecơ và Righi^[43].

Trong cảnh góa bụa túng quẫn, bà Macmê bán đi những cuốn sách- công trình của chồng để lại, và trong số đồ vật cổ nhà khảo cổ học sưu tập được, bà chỉ giữ lại bộ xương người Etruyri. Không phải là người ta không tìm cách mua lại của bà. Những bạn đồng nghiệp cũ của Macmê tìm được nơi bán. Pôn Venx đã thương lượng với cơ quan Bảo tàng mua cho viện Lơ Luvrơ. Nhưng bà muốn giữ lại. Bà cảm thấy nếu mất cái bộ xương người chiến binh đội mũ đồng thau màu xanh, xung quanh người thắt một vành lá vàng rực ấy thì bà cũng sẽ mất luôn cái tên họ mà bà mang một cách kiêu hãnh, và bà sẽ không còn là người vợ góa của Lui Macmê ở Viện Hàn lâm Văn bia nữa.

- Xin bà yên tâm, thưa bà. – Lagrănggiơ nói tiếp – Sao chối không đến va vào trái đất sớm thế đâu. Những sự va chạm như vậy rất ít khi xảy ra.

Bà Mactanh đáp nàng không thấy có gì thiệt hại nghiêm trọng nếu như trái đất và loài người có bị tiêu diệt ngay lập tức đi nữa.

Ông già Lagrănggiơ phản đối hết sức thành thực. Theo ông, điều cực kỳ quan trọng là trì hoãn cho được mỗi tai họa này.

Nàng nhìn ông. Trên vầng trán căn cõi chỉ lưa thưa vài sợi tóc nhuộm đen. Ánh mắt vẫn tươi cười nhưng hai mí mắt đã nhăn nheo, da mặt vàng ệch và thân hình căn cõi.

Nàng nghĩ bụng: “Ông già yêu đời!”.

Bà Macmê cũng không muốn ngày tận thế đến sớm thế.

- Thưa ông Lagrănggiơ. – Bà Mactanh hỏi – Có phải ông ở một ngôi nhà nhỏ xinh xắn, cửa sổ phủ kín cây đậu tía, ngoảnh ra vườn Bách thảo không ạ? Tôi cảm thấy thật sung sướng nếu được sống trong khu vườn ấy, nó sẽ làm tôi nhớ lại những chiếc cầu vồng Nôê^[44] thời tôi còn thơ ấu, và chốn thiên đường trần gian trong Cựu ước.

Nhưng ông chẳng lấy gì làm vui thích. Ngôi nhà thì bé nhỏ, sắp đặt lộn xộn, đầy chuột.

Nàng thừa nhận không ở đâu sung sướng cả, đâu đâu cũng có chuột, hoặc đích thực hoặc tượng trưng, và vô số những con vật bé nhỏ quấy nhiễu con người. Tuy nhiên nàng yêu vườn Bách thảo; nàng luôn luôn muốn đến đó nhưng chưa đến bao giờ. Cũng có cả Viện bảo tàng nàng muốn đến tham quan nhưng cũng chưa vào.

Tươi cười, vui vẻ, ông mời nàng tới thăm. Bảo tàng cũng như nhà của ông thôi mà. Ông sẽ giới thiệu các thiên thạch với nàng. Ở đây, ông bảo tồn những mảnh thiên thạch đẹp tuyệt vời.

Nàng không hiểu một thiên thạch là thế nào. Nhưng nàng nhớ là người ta bảo nàng ở Viện bảo tàng có những mảnh xương tuần lộc do người nguyên thủy đẽo gọt, những mảnh ngà voi trên đó khắc chạm những con vật mà giống loài đã tuyệt chủng từ lâu. Nàng hỏi Lagrănggiơ có đúng thế không. Ông không mỉm cười nữa... Ông đáp với một vẻ thờ ơ rầu rĩ là những thứ đó liên quan đến một đồng nghiệp của ông.

- A! – Bà Mactanh nói – Đây không phải là tả kính của

Nàng biết các nhà khoa học không phải là những người tò mò, và hỏi họ về những cái không nằm trong tủ kính của họ là điều thiếu tế nhị. Quả là Lagrănggiơ đã thành công trong khoa học với các mảnh thiên thạch. Từ đó ông

quan sát sao chổi. Nhưng ông là người thận trọng. Đã hai mươi năm nay, ông chỉ chuyên tâm đi dự các bữa cơm khách.

Sau khi Lagrănggiơ ra về, nữ bá tước Mactanh ngỏ ý với bà Macmê:

- Tuần sau, tôi sẽ đến nhà cô Ben ở Phidơn. Mời bà cùng đi với tôi.

Vàng trán diềm tĩnh và đôi mắt dò xét, bà Macmê lặng im một lát rồi từ chối một cách yếu ớt, Têredơ năn nỉ và bà nhận lời.

VII

Chuyến tàu nhanh đi Macxây dừng bánh trước sân ga. Nhân viên đường sắt chạy qua chạy lại, những chiếc xe tải lăn bánh trong khói, trong tiếng rú ầm ầm, dưới ánh sáng nhờ nhờ từ các ô cửa kính hắt xuống. Hành khách mặc măngtô dài qua lại trước cửa tàu để mở. Ở cuối hành lang ám bụi và bồ hóng, như cuối ống kính thiên lý, hiện ra một chiếc cầu vồng nhỏ chỉ bằng bàn tay. Cái vô tận của hành trình. Nữ bá tước Mactanh và bà Macmê ngồi trong toa tàu, dưới giá hang chất đầy túi đi đường, mấy tờ báo quảng bên cạnh, trên gối nằm. Không thấy Sulet tới và bà Mactanh cũng không chờ nữa. Thế nhưng ông ta đã hứa sẽ có mặt ở ga, đã thu xếp để đi và nhận tiền nhuận bút cuốn Lê Blăngđixơ. Một buổi tối, Pôn Venx dẫn ông ta tới gia đình Mactanh- Benlem ở đường ở Đơbily. Ông ta tỏ ra hiền hòa lịch sự, vui vẻ một cách ngây thơ và hóm hỉnh. Bởi vậy, nàng cảm thấy sẽ khá thú vị nếu đi du lịch với một người đàn ông như ông ta; tài năng, độc đáo, xấu xí nhưng dễ thương, nông cuồng đến buồn cười, thơ ngây như một đứa trẻ hư hỏng nhưng già nua, đầy rẫy những khuyết tật chân thật. Cửa tàu đóng lại: nàng không chờ nữa. Phải chăng không nên trông chờ con người bột phát và bất định ấy? Nhìn qua cửa tàu, bà Macmê điềm tĩnh nó

“Có lẽ ngài Sulet kia kìa!”.

Ông ta đi dọc sân ga, một chân cà nhắc, mũ lật ngửa ra sau cái đầu có bướu, râu ria tua tủa và kéo lê một chiếc vali vải cũ kỹ. Ông ta trông đến dễ sợ và tuy tuổi đã năm mươi, vẫn có vẻ trẻ trung: đôi mắt trong xanh rực sáng, khuôn mặt vàng vố và hóp lại vẫn giữ một vẻ táo tợn chất phác, từ thân hình già nua tàn tạ vẫn toát ra sức thanh xuân vĩnh hằng của nhà thơ và người nghệ sĩ. Nhìn thấy ông ta, Têredơ ân hận đã chọn một người bạn đồng hành kỳ cục làm vậy. Ông ta bước đi, nhìn vội vào mỗi toa tàu, ánh mắt mỗi lúc nhận ra một thêm bực dọc, nghi ngại. Nhưng khi đến gần và nhận ra bà Mactanh, ông mỉm cười

duyên dáng và cất tiếng chào với giọng êm ái không còn một chút gì dấu vết của tên vô lại gớm guốc vừa lang thang trên sân ga, ngoài chiếc vali vải cũ rách ông ta kéo lê bằng hai cái quai sắp đứt tung.

Ông ta đặt vali lên giá hàng hết sức thận trọng vẻ xấu xí, tồi tàn của nó nổi bật lên giữa đồng túi nguyên lành bọc vải, và chiếc vali chাম phá những bông hoa vàng trên nền đỏ thẫm.

Hết sức thoải mái, ông ngỏ lời khen ngợi tấm áo choàng màu nâu nhạt của bà Mactanh.

- Xin hai bà thứ lỗi – Ông ta nói thêm – tôi chỉ sợ nhờ tào. Sáng nay, tôi đi dự lễ buổi sáu giờ ở giáo khu Xanh-Xêvơranh, trong giáo đường Đức bà, dưới những cây cột kỳ quặc cao vút với những hình thù xấu xí chẳng khác chúng ta, những kẻ tội lỗi đáng thương.

- Thế hôm nay. – bà Mactanh hỏi – ông là người kinh tín hay sao?

Rồi bà hỏi thêm ông ta có mang theo sợi dây của hội thánh không.

Ông tỏ vẻ nghiêm trang và rầu rĩ:

- Thưa bà, tôi e về vấn đề này Pôn Venx đã bịa ra nhiều điều dối trá phi lý. Người ta bảo tôi là hăn rêu rao sợi dây chuông, và là thứ chuông như thế nào nữa kia! Tôi rất phiền lòng nếu người ta bị đánh lừa, dù chỉ trong chốc lát, bởi những trò bày đặt khốn nạn đến thế. Thưa bà, sợi dây đơn sơ người ta mang trong người sau khi một người nghèo khổ sờ tay vào, để muốn nói tăng nghèo đói là thiêng liêng, nghèo đói sẽ cứu thoát trần thế... Trong nghèo đói, chỉ có điều tốt lành mà thôi; và từ khi tôi nhận tiền nhuận bút tập Lê Biăngđixơ, tôi cảm thấy mình trở nên bất công và khắc nghiệt. Tôi cần nói là tôi đã bỏ vào trong túi xách một vài sợi dây thần bí ấy

Và ông chỉ tay lên cái vali vải góm guốc màu đỏ thẫm:

- Tôi cũng cho vào trong đó một chiếc bánh thánh quà của một ông linh mục bất kính, các tác phẩm của Đơ Mextơ^[45], sớ mi và những thứ khác.

Bà Mactanh ngược mắt, có phần kinh hoàng. Nhưng bà Macmê vẫn giữ bộ mặt điềm nhiên thường ngày.

Tàu lặn bánh qua vùng ngoại ô xấu xí, trên dải đất đen ngòm âm đạm bao bọc thành phố. Sulet lấy từ túi áo ra một chiếc ví và lục lọi. Con người phiêu lãng hiện hình thành kẻ viết lách. Sulet là con người giầy tờ tuy không muốn tỏ ra như vậy. Ông ta chăm chăm không để mất những mẫu giấy ghi những ý thơ trong quán cà phê và hàng chục lá thư ngợi ca để cho lem luốc, mất hết chữ ở chỗ gấp. Lúc nào ông ta cũng mang những thứ đó trong người để sẵn sàng cho những người bạn đồng hành, gặp trên đoạn đường đêm, dưới những ngọn đèn khí đốt. Khi thấy mọi thứ trong ví còn đủ cả, ông ta rút ra một lá thư gấp trong một chiếc phong bì để mở, đung đưa hồi lâu trong tay, vè bí mật đến khó chịu, rồi đưa cho bà nửa bá tước Mactanh. Một bức thư nữ hầu tước Đơ Sămbo^[46]. Bà quả phụ già ấy sống ẩn dật ở cửa ô Phlôrăngx. Khoái trá đình ninh gây được tác dụng cần thiết, ông ta bảo có lẽ sẽ đến thăm bà quận chúa, bà ấy là một người tốt bụng và sùng đạo. Ông ta nói thêm:

- Một vị phu nhân cao quý thực sự, và không trưng bày cảnh huy hoàng của mình bằng áo mũ. Bà ta mặc áo sớ mi sáu tuần lễ liền không thay và có khi còn lâu hơn thế nữa. Những nhà quý tộc trong đám tùy tùng thấy bà ta mang những đôi tất trắng rất bẩn tụt xuống Tây Ban Nha sống lại trong người bà ta. Ôi! Những đôi tất bẩn ấy, niềm vui vinh quang chân chính biết chừng nào!

Sulet lấy lại thư, cho vào ví. Rồi ông cầm con dao cán sừng, dùng mũi dao khắc nốt một khuôn mặt được phác họa trên cán ba toong. Và tự ca ngợi mình:

- Tôi là đứa khéo tay trong mọi nghệ thuật giữa đám hành khất vô lại. Dùng đinh tôi có thể mở được khóa và khắc chạm gỗ bằng một con dao tời.

Cái đầu người bắt đầu xuất hiện, một khuôn mặt phụ nữ gầy gò ủ ê.

Sulet muốn thể hiện nỗi đau khổ của con người, không phải một nỗi đau khổ đơn sơ làm xúc động lòng người, như kiểu người xưa có thể cảm nhận trong cái giới lẫn lộn cái xấu tốt này, mà là một nỗi khổ đau gớm guốc được tô son trát phấn. Các nhà tư sản tự do tư tưởng và các quân nhân yêu nước, thoát thai từ Cách mạng Pháp đã làm cho nó trở nên hoàn toàn tồi tệ. Theo ông, chế độ hiện nay chỉ là tàn bạo và đạo đức giả. Ông kinh tởm chế độ quân phiệt.

Trại lính là một phát minh gớm guốc của thời cận đại. Nó chỉ có cội nguồn từ thế kỷ XVII. Trước kia, trong các tổ chức vệ binh đứng đắn, lính tráng chỉ chơi bài và kể chuyện tiểu lâm. Lui XII là người tiên báo Quốc ước và Bônapactơ. Nhưng tai họa đã lên tới tột đỉnh với chế độ tòng quân quái gở. Bắt người ta chém giết, đó là nỗi ô nhục của các hoàng đế và các nền cộng hòa, là tội ác của các tội ác. Ở thời kỳ mà người ta gọi là man rợ, các thành phố và vua chúa giao việc bảo vệ cho những đội lính đánh thuê, những đội này chỉ tiến hành chiến tranh với tư cách những con người thận trọng và khôn ngoan. Thịnh thoàng mới có năm sáu người chết trong một cuộc chiến lớn. Vì khi kỳ binh ra chiến trường thì ít nhất họ cũng không bị cưỡng bức; họ chết vì sở thích. Chắc hẳn họ sinh ra chỉ để làm công việc đó. Ở thời thánh Lui^[47], không một ai có ý nghĩ đưa ra trận một con người có học thức và trí tuệ. Và cũng không ai cưỡng ép người nông dân rời bỏ ruộng đồng để ra trận mạc. Ngày nay, người ta bắt người dân cày tội nghiệp đi lính. Người ta bắt anh ta rời bỏ mái nhà tỏa khói trong khung cảnh yên tĩnh của buổi chiều rực rỡ nắng vàng, rời bỏ những cánh đồng cỏ phì nhiêu với đàn bò gặm cỏ, những thửa ruộng, những khu rừng quê hương; trong sân trại lính gớm ghiếc, người ta đe dọa, chửi mắng tổng giam anh ta, bảo anh ta đó là vinh dự, và nếu anh không muốn có “vinh dự” kiểu đó thì bắn chết anh ta. Anh vâng lời vì sợ hãi và vì trong số tất cả gia súc, anh là con gia súc hiền lành nhất, vui vẻ nhất và dễ bảo nhất. Ở pháp, chúng ta là quân nhân và cũng là công dân. Là công dân, đó lại là một lý

do để kiêu hãnh! Để người nghèo ủng hộ và bảo vệ bọn nhà giàu có trong uy quyền và cảnh ăn không ngồi rồi của chàng. Họ phải lao động trước sự bình đẳng “tôn nghiêm” của pháp luật, thứ bình đẳng cấm người giàu cũng như người nghèo không được ngủ dưới gầm cầu, đi hành khất ngoài đường và ăn cắp bánh mì. Đây là một trong những “ân huệ” của Cách mạng. Cuộc cách mạng ấy do những thằng điên và những đứa vô lại tiến hành để làm lợi cho những kẻ chiếm đoạt tài sản quốc gia, rốt cuộc chỉ làm giàu cho đám nông dân xảo trá và bọn tư sản cho vay nặng lãi. Nhân danh sự bình đẳng nó nâng cao uy thế của sự giàu có. Người ta giao phó nước pháp cho bọn giàu có đã từng ngổn ngáo nó hàng trăm năm nay. Chúng là chủ nhân, là chúa tể. Chính phủ hữu danh vô thực gồm những kẻ khốn khổ, xác xơ, tội nghiệp, là do bọn tài phiệt trả công. Đã hàng trăm năm nay ở đất nước bị đầu độc này, ai yêu người nghèo đều bị xem là phản bội xã hội. Và sẽ bị coi là phần tử nguy hiểm những ai cho là có người nghèo khổ. Thậm chí người ta còn ra những đạo luật chống sự phần nộ và lòng trắc ẩn. Và những điều tôi nói ở đây đâu có được in thành sách. Sylet hăng hái, khua khua con dao trong lúc dưới bầu trời rét mướt, con tàu băng qua những cánh đồng đất màu gan gà, giữa những chùm hoa tím trên những thân cây trụi lá vì tiết đông và những hàng liễu dọc theo dòng sông lấp lánh. Âu yếm nhìn khuôn mặt khắc chạm trên cây gậy, ông ta nói:

- Ôi nhân loại tội nghiệp, ốm ó và uế oải, ngây thơ vì tủ nhục và khổ nghèo! Lính tráng và bọn nhà giàu, củ nhân của nhà người, đã làm nên nhà người như thế đấy.

Có một người cháu họ là đại úy pháo binh, một thanh niên dễ thương, gắn bó với binh nghiệp, bà Mac-mê khó chịu về lời công kích dữ dội của Sulet đối với quân đội. Còn và Mactanh thì chỉ cho là một trò đùa vô hại. Những ý tưởng của Sulet không làm nàng khiếp hãi; nàng không sợ gì hết, những nàng thấy chúng có phần phi lý; nàng không hề nghĩ quá khứ có lúc nào lại tốt hơn hiện tại.

- Ông Sulet ạ, tôi nghĩ ở thời đại nào, con người cũng chỉ là con người hôm nay, ích kỷ, tàn bạo, bủn xỉn và không có lòng thương. Tôi nghĩ bao giờ luật pháp và phong tục cũng khốc liệt và tàn bạo đối với bất hạnh.

Trên đoạn đường La Rôsr – Đigiông, họ ăn trưa trong toa khách sạn và để Sulet ở lại đó một mình với tẩu thuốc, ly rượu và tâm trí xáo động của ông ta.

Trong toa tàu, bà Macmê âu yếm dịu dàng nói về người chồng quá cố. Bà lấy ông vì tình yêu ông làm tặng vì những vần thơ tuyệt diệu hiện bà vẫn giữ và không đưa cho ai xem bao giờ. Ông vốn rất vui tính và sôi nổi. Không thể ngờ về sau ông trở nên mệt mỏi vì công việc và yếu đuối đi vì bệnh tật. Ông vẫn nghiên cứu cho tới phút cuối cùng. Bị chứng phì đại về tim, ông thường mất ngủ và thức đêm trên ghế bành với sách vở đặt trên một chiếc bàn con. Hai tiếng trước khi chết, ông vẫn cố gắng đọc. Ông là người tốt, có tình thương. Trong khi đau đớn, ông vẫn một mực dịu dàng.

Không biết nói gì khác, bà Mactanh đành ậm ừ:

- Bà đã từng sống nhiều năm sung sướng và còn giữ được kỷ niệm; đó là một phần hạnh phúc trên đời này.

Nhưng bà Macmê thở dài, một thoáng ưu tư trên vầng trán thanh thản.

- Vâng, – bà nói – Lui là người đàn ông và người chồng tốt nhất trên đời. Thế nhưng đã là tình làm tội tôi nhiều lắm. Ông ấy chỉ có một chút tật xấu nhưng làm tôi rất mực đau buồn. Ông ấy cả ghen lắm. Là người tốt bụng, dịu dàng, khoan dung, ông ấy trở nên bất công, độc đoán, thô bạo vì sự đam mê khủng khiếp ấy. Tôi cam đoan với bà là thái độ tôi không có gì đáng phải ngờ vực. Tôi không làm đom. Nhưng lúc đó tôi trẻ trung, tươi mát, hầu như xinh đẹp. Chỉ cần có thế. Nhà tôi cấm không cho tôi ra khỏi nhà một mình, không tiếp khách lúc ông ấy đi vắng. Mỗi lần cùng nhau đi khiêu vũ là tôi lo sợ ông ấy sẽ rầy la trên đường về nhà.

Và bà Macmê thở dài, nói thêm:

- Quả là tôi thích khiêu vũ. Nhưng đành phải bỏ. Nhà tôi quá khổ sở về việc đó.

Nữ bá tước, Mactanh tỏ vẻ ngạc nhiên. Nàng luôn luôn hình dung Macmê là một ông già nhút nhát và đăm chiêu, có phần lố bịch giữa bà vợ béo tốt, trắng trẻo rất mực hiền hòa và vương người chiến binh Etruyri đội mũ đồng thau có nạm vàng. Nhưng người đàn bà rất mực dịu dàng ấy tâm sự với nàng là vào tuổi năm nhăm, lúc bà năm ba, Lui vẫn ghen tuông như những ngày mới cưới.

Teredơ nghĩ bụng Rôbe không bao giờ giày vò nàng vì ghen tuông. Phải chăng vì tinh tế thanh nhã, vì tin cậy hay vì không yêu tới mức làm nàng đau khổ? Nàng không rõ và cũng không thiết tha muốn tìm cho rõ. Muốn thế thì phải soi lại lòng mình mà nàng thì không muốn.

Nàng bất giác thầm thì:

- Chúng ta muốn được yêu, nhưng khi người ta yêu chúng ta người giày vò hay làm ta phiền muộn.

Cả buổi chiều hôm đó, hai người ngồi đọc báo và mơ mộng. Sulet chưa trở lại. Bóng tối bao phủ dần lên những hàng dâu vùng Đôphinê. Bà Macmê nằm ngủ ngon lành, người co lại như ngủ trên một đồng gối. Têredơ nhìn bà và nghĩ bụng:

- Quả là bà ta sung sướng vì thích nhớ lại đời mình.

Cái buồn ban đêm làm lòng nàng cũng buồn lây. Ánh trăng rọi xuống cánh đồng ô liu. Nàng nhìn theo ruộng đồng, đồi núi êm ả lướt qua với những bóng cây xanh. Cảnh vật gợi nên sự thanh bình và quên lãng, tuyệt nhiên không có gì nhắc nhở đến nàng. Têredơ bỗng luyến tiếc, dòng sông Xen, Khải hoàn môn với các đại lộ tỏa ra xung quanh những lối đi trong rừng Bulônơ; ở đó ít ra cây cối và sỏi đá cũng biết đến nàng.

Bỗng đột ngột một cách bí hiểm, Sulet nhảy bổ vào toa tàu. Tay cầm gậy, đầu và mặt trùm những mảnh len đỏ và những tấm da khủng khiếp, hầu như ông ta làm nàng run sợ. Quả ông ta muốn làm nàng run sợ. Cử chỉ dữ dội và cách ăn mặc man rợ của ông bao giờ cũng được sắp đặt. Luôn luôn tìm cách gây nên những trò trẻ thơ và kỳ cục, ông ta luôn tìm cách gây nên những trò trẻ thơ và kỳ cục, ông ta thích làm người ta khiếp hãi. Là người vốn hay sợ sệt, ông ta muốn làm cho người khác cũng kinh hoàng như mình. Trước đó một lát, ngồi hút thuốc một mình ở tận cuối hành lang, ông ta ngắm nhìn vầng trăng chuyển động trong mây trên vùng Camacgơ. Ông ta bỗng thấy sợ, một nỗi sợ hãi của trẻ thơ, không duyên cớ, khiến tâm hồn giàu tưởng tượng và nhạy cảm của ông xáo trộn. Ông ta muốn được trấn tĩnh

- Aclơ, bà có biết vùng Aclơ không? – Ông ta hỏi – Một cảnh đẹp tuyệt vời! Trong tu viện Trôpai- mơ hồ câu đến đậu lên vai các bức tượng và những con tắc kè nhỏ màu xác sười nắng mặt trời trên những ngôi mộ cổ ở đường Alixcăng. Ngày nay, mộ được đặt hai bên đường đi vào nhà thờ. Mộ xây theo lối hình chậu và ban đêm dùng làm giường ngủ cho những người bất hạnh. Moojy buổi tối, cùng dạo chơi với Pôn Aren^[48] tôi gặp một bà cụ đang trái cổ khô vào mộ một cô gái đồng trinh qua đời hôm làm lễ kết hôn. Chúng tôi chúc cụ ngon giấc. Cụ đáp: “Cầu trời ban phước lành! Nhưng vì một số mệnh tai ác, ngôi mộ này lại mở về phía gió bắc. Nếu mở ở phía bên kia thì già này đã ngủ ngon như một bà hoàng rồi”.

Têredơ không đáp. Nàng buồn ngủ. Còn Sulet thì rùng mình trong đêm giá lạnh vì sợ chết.

VIII

Từ ga Phlôrăngx, ben tự lái lấy chiếc xe riêng kiểu Anh dọc theo triền đồi, đưa nữ bá tước Mactanh – Ben – lem và bà Macmê về ngôi nhà xung quanh có lan can bao bọc trông ra một phố đẹp tuyệt vời ở Phidơ. Chị hầu phòng chờ hành lý theo sau. Ben giới thiệu Sulet đến nghỉ ở nhà bà vợ góa người trông coi nhà thờ Phi- đơ và hàng ngày đến nhà cô ăn ti. Ben xấu gái nhưng dễ thương, tóc cắt ngắn, ngoài khoác áo vét, trong mặc sơ mi đàn ông, ngực như ngực con trai, hông không nở nang. Ngôi nhà đón những người bạn Pháp hôm nay phản ánh thị hiếu thanh nhã của một tâm hồn nửa sĩ sôi động. Trên tường phòng khách vẽ hình những cô gái đồng trinh thành Xiênơ nét mặt âu sầu, ngón tay thon thả, giữa những bức chạm bộ ba mạ vàng với hình các thiên thần, trưởng lão và các vị thánh. Trên một cái đế đặt một bức tượng Madolen hành khất trên đường đi Pixtôia, sạm đen vì sương gió và ánh nắng mặt trời, tóc bỏ xõa, gầy gò, già nua đến dễ sợ. Đó là sản phẩm bằng đất sét mô phỏng một cách trung thành đến xúc động của một nghệ sĩ vô danh, người tiên báo sự ra đời của Đônatenlô^[49]. Và khắp nơi là những biểu trưng của Ben: những cái chuông to, chuông nhỏ. Những chiếc lớn nhất, vòm bằng đồng thau, đặt ở bốn góc buồng; những chiếc khác, bé hơn, kê sát nhau, làm thành một dãy dài chân tường. Những chiếc bé hơn nữa thì nằm dọc theo các mái đua. Đâu đâu cũng thấy chuông: trên mặt lò sưởi, trên hòm xiềng, trên tủ đựng cốc chén. Trong các tủ kính để đầy chuông màu bạc, màu son. Chuông to bằng đồng thau, khắc chạm hình những bông huệ vùng Phlôrăngx; chuông nhỏ thế kỷ XVI, mang hình một thiếu phụ mặc váy phồng rộng thùng thình; chuông nhỏ báo tin người chết có vẽ những dòng nước mắt và những bộ xương người; chuông nhỏ nửa chạm lõng hình những con vật tượng trưng và cành lá, đứng trong nhà thờ thời thánh Lui; chuông nhỏ để bàn thế kỷ XVII, nuốm chuông là một bức tượng xinh xinh; chuông nhỏ dẹt màu sáng để gọi bò ở vùng thung lũng Ruytli; chuông nhỏ Ấn Độ người ta rung khẽ với một chiếc gạc hươu; chuông Trung

Hoa hình trụ. Từ khắp các đất nước và thời đại, chuông đến đây theo tiếng gọi đầy ma lực của cô bé Ben.

- Mời bạn nhìn các vũ khí biết nói của tôi. – Cô bảo bà Mactanh – Tôi nghĩ tất cả các “cô Ben” ấy đều thích thú ở đây và giả một hôm nào đó, họ cùng nhau cất tiếng hát thì tôi cũng không quá kinh ngạc. Nhưng không nên ca ngợi tất cả các “cô Ben” ấy một cách đồng đều. Phải dành những lời ca ngợi trong sáng và nhiệt thành nhất cho “cô Ben” này.

Rồi dùng ngón tay gõ gõ lên một cái chuông màu nâu, không trang trí – chuông khẽ phát ra một tiếng trong lạnh lót – Ben nói:

- “Cô Ben” này là một vị nữ thánh thôn dã thế kỷ V. Đây là người con tinh thần của thánh Polanh Đơ Nôlơ, người đầu tiên rung chuông nhà thờ trên đầu chúng ta. Chuông làm bằng một kim loại hiếm quý người ta gọi là đồng thau Cămpani. Nay mai, tôi sẽ chỉ cho bạn xem một cái chuông vùng Phlôrăngx hết sức xinh xắn, bà hoàng của các loại chuông. Nó sắp được mang tới đây. Nhưng với mấy cái thứ đồ chơi trẻ em này, tôi làm phiền lòng cô lắm phải không *Darling*? Và làm phiền lòng cả bà Macmê tốt bụng nữa. Thật là dở!

Ben dẫn khách về buồng.

Một tiếng sau, bà Mactanh tươi tắn trong y phục lụa mỏng có thêu ren, bước xuống hàng hiên gặp Ben. Bầu không khí ẩm ướt được ánh mặt trời tuy còn yếu ớt những đã hào phóng sưởi ấm, mang tới cái êm ả, chập chờn của ngày xuân. Chống khuỷu tay lên bao lơn mắt nàng ngập trong ánh nắng. Phía dưới, những hàng tùng bách vươn cao, những thân đen trũi và những dây ô liu nhấp nhô trên sườn đồi. Trong lòng thung lũng Phlôrăngx trải dài những vòm nhà, những ngọn tháp và vô số mái ngói đỏ rực. Dòng sông Acnô^[50] thấp thoáng uốn lượn. Xa hơn nữa là những triền đồi

Nàng cố nhận ra khu vườn bách thảo Bôbôli – nơi nàng đã cho chơi trong cuộc du lịch đầu tiên – khu Caxxin mà nàng không ưa thích, lâu đài Phiti và

nhà thờ Xaphơ – Mari – đơla – Phơ. Nhưng trên bầu trời vô tận đầu sức quyến rũ thu hút nàng. Nàng theo dõi những hình thù chuyển động trong các lớp mây.

Im lặng một lúc lâu, Vivian Ben dang tay về phía chân trời.

- *Darling*, tôi không thể nói, tôi không biết nói thế nào. Nhưng *Darling* nhìn xem, nhìn nữa xem. Thật là có một không hai trên đời này. Không ở đâu cảnh vật thiên nhiên lại tinh tế, thanh nhã và xinh đẹp đến thế. Vị thần nặn nên những ngọn đồi Phlơrăngx quả là một nghệ sĩ. Ôi! Thần là thợ kim hoàn, là người chạm bội tinh, là nhà điêu khắc, là người đúc đồng thau, là họa sĩ, tóm lại là một người Phlơrăngx. Trên đời, thần chỉ làm có thế, *Darling* ạ! Phần còn lại là sản phẩm của một bàn tay ít tinh tế hơn, là một công trình lao động ít hoàn mỹ hơn. Ngọn đồi Xan Mintato tím ngắt kia, ới những đường nét cứng cáp và tinh tế đến thế, sao lại có thể là sản phẩm của tác giả ngọn Bạch sơn được? Dứt khoát không thể được. Cảnh trí này có vẻ đẹp của một tấm kỷ niệm chương ngày trước và của một bức tranh quý *Darling* ạ. Là một công trình nghệ thuật hoàn mỹ, mực thước. Và sau đây là một điều khác mà tôi không biết tả thế nào và cũng không biết nên hiểu thế nào, nhưng là một *ddieuf* có thực. Ở xứ sở này, tôi cảm thấy, và cô cũng sẽ cảm thấy như tôi, *Darling* ạ, là mình nửa sống, nửa chết, trong một một trạng thái rất thanh nhã, rất buồn và rất êm đềm. Cô nhìn đi, nhìn nhiều đi; cô sẽ tìm thấy vẻ âu sầu của những ngọn đồi bao quanh Phlơrăngx và một nỗi buồn êm ái từ Trái đất của những xác chết dâng lên.

Trời ngả về chiều. Cây cối mờ dần và trên bầu trời, mây bỗng đỏ rực.

Bà Macmê hắt hơi.

Ben cho mang khăn choàng tới và nói cho hai vị khách người Pháp biết là buổi tối ở đây mát lạnh và độc.

Rồi nàng đội ngọt nói thêm:

- *Darling* này, cô có biết Giắc Đơsactơ chứ? Anh biên thư cho tôi là tuần tới sẽ đến Phlơrăngx. Tôi sung sướng l được gặp cô ở thành phố này. Anh sẽ đưa chúng ta đến nhà thờ và viện bảo tàng. Anh là người hướng dẫn tốt, hiểu biết những cái đẹp vì yêu mến chúng. Và là một tài năng điêu khắc tuyệt vời. Các bức tượng lớn nhỏ của anh được ca ngợi ở Anh còn hơn cả ở Pháp. Ô! Giắc Đơsactơ được gặp cô ở Phlơrăngx, điều đó làm tôi rất vui lòng, *Darling* ạ!

IX

Ngày hôm sau, ra khỏi nhà thờ Xanh-Mari-Nouven, chủ và khách đi qua quảng trường, nơi trồng hai cột mốc bằng cẩm thạch theo kiểu các trường đua thời Cổ đại. Bỗng bà Macmê bảo nữ bá tước Mactanh:

- Hình như ngài Sulet kia kìa!

Ngồi trong quầy hàng một người thợ giày, tẩu thuốc cầm tay, Sulet vừa đánh nhịp vừa như đang đọc thơ. Bác thợ giày Phlô-răng-xê nghe với một nụ cười hồn hậu trên môi, tay vẫn đưa mũi dùi. Bác ta nhỏ nhắn, hói đầu, tiêu biểu cho một trong những kiểu người quen thuộc của nền hội họa Phlăng-đơ. Trên mặt bàn, giữa những cái cốt giày bằng gỗ, những miếng da thuộc những cục nhựa thông và đinh, đặt một cái chậu trồng cây hoặc hương, vòm lá xanh tròn trĩnh. Một chú chim sẻ, một chân cụt được thay bằng que diêm, vui vẻ nhảy nhót trên vai, trên đầu ông già.

Vui mắt trước cảnh ấy, Mactanh từ ngoài hiên gọi Sulet lúc đó đang khẽ khàng đọc những lời du dương, và hỏi ông ta vì sao vừa qua không cùng đi thăm nhà thờ người Tây Ban Nha.

Sulet đứng dậy đáp:

- Thưa bà, bà quan tâm đến những hình ảnh hảo huyền, nhưng tôi thì tôi ở trong đời sống và trong chân lý.

Ông ta siết tay bác thợ giày và theo chân hai người phụ nữ. Nhưng giữ họ lại một lát trên hàng hiên, ông ta bảo:

- Trên đường đi tới nhà thờ Xanh-Mari-Nouven tôi thấy ông già đang khâu giày, người cúi gập trên bàn, hai đầu gối như một chiếc ô tô kẹp chặt cái cốt giày. Tôi cảm thấy ông cụ và tốt bụng. Tôi nói với cụ bằng tiếng Ý: “Thưa cụ, cụ có muốn uống cùng tôi một ly vang đỏ không?” Ông cụ rất vui lòng, vội chạy đi lấy bình rượu và cái ly, còn tôi thì ngồi trông cửa hàng.

Chỉ hai cái ly và một cái chai đặt trên mặt lò sưởi Sulet nói tiếp:

- Khi ông cụ trở về, chúng tôi cùng uống với nhau, tôi nói với cụ những điều bí ẩn và tốt lành, giọng nói êm đềm của tôi làm cụ say mê. Tôi sẽ trở lại gian hàng của cụ, học cụ đóng giày và sống không có dục vọng. Sau đó, tôi sẽ hát phiền muộn. Vì chỉ có dục vọng và nhàn rỗi là làm người ta phiền muộn.

Nữ bá tước Mactanh mỉm cười:

- Thưa ông Sulet, tôi không ham muốn gì hết, thế nhưng tôi lại không vui. Phải chăng tôi cũng phải khâu giày?

Sulet nghiêm trang trả lời:

- Chưa đến lúc đâu, thưa bà.

Đến vườn bách thảo Orixenlari, bà Macmê ngồi phịch xuống ghế. Ở nhà thờ Xanh-Mari-Nouven, bà đã xem kỹ những bức bích họa trầm mặc của Ghiêclăng-dagio^[51], những dây ghế ngồi cầu kinh, ảnh Đức bà của Ximabuyê^[52], những bức tranh trong tu viện. Bà xem xét kỹ lưỡng, để nhớ lại người chống quá cố mà theo lời bà là người rất yêu nghệ thuật Ý. Bà có vẻ mệt mỏi. Sulet ngồi cạnh bà và hỏi:

- Thưa bà, bà có thể nói cho tôi biết có phải quả là Giáo hoàng thuê may áo ở hiệu Ooctơ không?

Bà Macmê không tin điều đó. Nhưng Sulet nghe người ta nói như vậy ở quán cà phê. Bà Mactanh kính ngạc thấy Sulet, người Cơ đốc giáo và theo chủ nghĩa xã hội, lại có thể nói với thái độ ít cung kính như vậy về một giáo hoàng, bạn của nền cộng hòa. Nhưng Sulet không tra Lêông XIII. Ông ta n

- Trí tuệ các giáo hoàng chẳng được là bao; Lê-ông XIII tin tưởng và mong muốn nền Cộng hòa Ý sẽ là vị cứu tinh của Giáo hội, nhưng Giáo hội sẽ không được cứu thoát theo lối suy nghĩ của một Makiavon trong tôn giáo đầu. Cách mạng sẽ làm giáo hoàng mất hết những thứ được biểu xén một cách phi lý cùng với tài sản. Và đó mới là con đường cứu thoát. Bị tước đoạt và trở nên nghèo khổ, giáo hoàng sẽ có sức mạnh. Ông sẽ làm rung chuyển cả thế giới. Chúng ta sẽ gặp lại Pie, Lanh, Cie, Anaclê và Clêmăng, những người nhỏ bé, những người dốt nát, những vị thánh buổi đầu đã làm thay đổi bộ mặt trái đất. Nếu vạn nhất nay mai, ngồi trên ghế giáo hoàng là một đức giáo mục chân chính, một tín đồ Cơ đốc giáo chân chính, thì tôi sẽ đến gặp và nói: “Giáo hoàng chớ làm một ông già bị chôn sống trong ngôi mộ vàng, mà hãy bỏ lại đám thị tùng, “hộ vệ và hồng y giáo chủ, bỏ lại thành thất và những ảo ảnh uy quyền, để khoác tay đi xin bố thí của dân tộc. Rách rưới, nghèo khổ, bệnh tật, tàn tạ, đi trên mọi nẻo đường, lấy bản thân mình làm hình ảnh của chúa Giêsu. Ngài hãy nói: “Tôi xin được bố thí miếng bánh để lên án bọn giàu có”. Ngày hãy đến các phố phường và kêu ở từng nhà với cái vẻ ngồi nghếch cao siêu: “Các người hay làm những con người nhỏ bé, hiền hậu, nghèo đói”. Ngài hãy tuyên bố hòa bình và nhân ái ở các đô thành tối tăm, trong các túp nhà tồi tàn, trong trại lính. Người ta sẽ khinh bỉ, sẽ ném đá xua đuổi ngài. Bọn hiến binh sẽ lôi ngài vào nhà tù. Trước mặt những người hèn mọn cũng như những kẻ có uy quyền, trước mặt những người nghèo cũng như kẻ giàu, ngài sẽ là một trò cười, một vật kinh tởm và tội nghiệp. Các linh mục sẽ phế truất ngài và tôn lên một giáo hoàng chống giáo hoàng. Mọi người sẽ bảo ngài là một thằng điên. Và mong sao họ nói đúng; mong sao ngài là một thằng điên: chính những thằng điên đã cứu thoát thiên hạ. Loài người sẽ cho ngài oai vương miện bằng gai góc và cây thiên trưng bằng lau sậy và sẽ nhổ vào mặt ngài. Chính qua tín hiệu ấy, ngài sẽ trở thành chúa Giêsu và vị chúa chân chính; và cũng chính

bằng cách đó, ngài sẽ thiết lập chủ nghĩa xã hội cơ đốc giáo, nó là Thiên đường của chốn trần gian.

Nói xong, Sulet châm một điều xì gà Ý dài ngoẵng và ngoằn ngoèo, ở giữa có một cộng rơm, hít mất hơi rồi điềm nhiên nói tiếp:

- Và như thế là tiên lợi. Người ta có thể khước từ tôi mọi cái, trừ một cái nhìn rất rõ rệt đối với tình hình. A! Thưa bà Macmê, những sự nghiệp lớn trên đời này đều do những thằng điên làm nên, bà sẽ không bao giờ biết được là điều đó chính xác tới mức nào. Thưa bà Mactanh, bà có nghĩ rằng giá như Phrăngxoa Đax-xidơ^[53] là người khôn ngoan thì ông ta đã trút xuống trần gian những dòng nước nhân ái mạnh mẽ và tất cả hương vị của tình yêu để đem lại sức sống cho các dân tộc không?

- Tôi không biết – Bà Mactanh đáp - Nhưng tôi thấy bao giờ những người khôn ngoan cũng rất khó chịu. Tôi có thể nói điều đó với ông, ông Sulet ạ

Họ trở về Phidơn trên tàu điện đi ngược ngọn đồi. Trời đổ mưa. Bà Macmê ngồi ngủ còn Sulet thì than vãn. Cùng một lúc ông ta phải chịu mọi thứ tội: không khí làm đầu gối nhức nhối, ông ta không co chân lại được; cái túi du lịch hôm trước bị thất lạc trên đường từ nhà ga về Phidơn, nay không tìm thấy đâu – một tai họa không phương cứu chữa; một tờ tạp chí ở Pari vừa xuất bản một bài thời của ông với những lỗi ấn loát “lớn bằng cái bình đựng nước thánh, chẳng kém con ốc biển của Aphrôdit”^[54]

Sulet lên án người và vật, cho là tất cả đều thù địch và làm hại mình. Ông ta tỏ ra thơ ngây, phi lý, đáng ghét. Phiền lòng vì Sulet và trời mưa, Mactanh-Beulem nghi đoạn đường trên sườn đồi này không bao giờ chấm dứt. Khi về đến ngôi nhà chứa đầy những chuông là chuông, nàng thấy Ben đang ngồi trong phòng khách chép lại bằng mực vàng, theo lối chữ nghiêng của anh em nhà Andơ^[55], trên một tấm da cừu thuộc, những dòng thơ đến với cô đêm hôm trước, cô ta ngẩng đầu lên, cái đầu nhỏ xấu xí nhưng với cặp mắt rất đẹp, sáng rực.

- *Darling*, tôi xin giới thiệu hoàng thân Anbecli-nenli

Đứng dựa vào lò sưởi, đẹp như một thiên thần với bộ râu dày, đen nhánh, hoàng thân chào nàng:

- Thưa bà, giá lòng chúng tôi chưa yêu nước Pháp thì bà cũng khiến chúng tôi phải yêu.

Nữ bá tước và Sulet muốn Ben đọc cho họ nghe những vần thơ cô vừa viết. Là người nước ngoài, cô xin được miễn, không phải đọc những lời thơ trúc trắc trước một thi sĩ Pháp mà cô ưa thích hơn cả sau Phrăngxoa Vilông^[56], rồi cất giọng vui vẻ như tiếng chim líu lo, cô đọc:

Chân núi đá, một dòng suối bạc

Tựa thủy thần ca hát, cười vang

Vung tay mạnh mẽ, hiên ngang

Acnô nhằm hướng thẳng đường chảy xuôi.

- Cảnh đẹp quá – Sulet lên tiếng – Nó mang đặc điểm nước Ý với những màn sương mù phơn phớt của Thuylê^[57]!

- Đúng – nữ bá tước Mactanh tiếp lời – cảnh thực đẹp. Những vì sao, Vivian thân mến, cặp trai gái ngây thơ ấy lại phải chết?

- Ô, *Darling*, bởi vì họ cảm thấy hết sức sung sướng và không còn ham muốn gì nữa hết. Buồn quá, *Darling* ạ, thật buồn quá. Làm sao cô lại không hiểu được điều đó!

- Thế cô nghĩ sở dĩ chúng ta sống là vì còn có hy vọng sao?

- Ô! đúng thế, *Darling*, chúng ta sống trong chờ mong mà. Chúng ta chờ mong những điều mà ngày mai, phải, ngày mai - vị quân vương của xứ sở các tiên nữ - sẽ mang tới trong tấm áo choàng màu đen hay màu anh, lấp lánh những bong hoa, những ngôi sao và những giọt nước mắt. *Oh! bring King tomorrow*^[58]

X

Mọi người đã trang phục chỉnh tề để dự bữa ăn tối. Ngồi trong phòng khách Ben vẽ những con quái vật phỏng theo Lêona^[59]. Cô vẽ để xem sau đó chúng nói những gì. Cô tin chắc chúng sẽ nói và nói lên những ý tưởng hiểm thấy với những nhịp điệu kỳ lạ, cô thường tìm ra từ thơ bằng cách đó.

Ngồi trước piano, hoàng thân Ambeetenli khẽ hát bài hát *Xixin Ô lalo!*. Ngón tay anh nhẹ lướt trên phím đàn.

Sulet, thô bạo hơn thường ngày, hỏi xin kim chỉ để khâu vá lấy quần áo. Ông ta ca cẩm để mất đi đâu mấy thứ lặt vặt cần thiết mang trong túi áo suốt ba chục năm nay, mấy thứ ấy thân thiết đối với ông ta vì những kỉ niệm êm đềm và những “lời khuyên hảo” quý giá của chúng đối với mình. Ông ta cho là đánh rơi trong phòng khách lâu Pitti^[60] và phàn nàn rằng vì dòng họ Mêđrixix^[61] và các họa sĩ Ý mà ông ta đánh rơi.

Nhìn Ben với ánh mắt dữ dằn, ông nói:

- Tôi thì vừa vá áo vừa làm thơ. Tôi thích công việc tay chân. Tôi hát những bài hát của tôi trong lúc quét buồng: bởi vậy những bài hát ấy đi vào long người như những bài hát thuở trước của dân cày và thợ thủ công, những bài hát này hay hơn những bài hát của tôi, nhưng kém tự nhiên hơn. Niềm kiêu hãnh của tôi chỉ lất bản thân mình làm tôi tở cho mình. Bà vợ góa ông lão trông coi nhà thờ bảo để bà ấy và giúp tôi. Nhưng tôi từ chối. Những công việc bản thân mình có thể tự làm lấy với một thứ tự do cao thượng mà lại để người khác làm một cách nô lệ là điều không hay.

Anbeclinenli là lướt chơi điệu nhạc là lướt. Tám ngày qua, Têredơ cùng bà Macmê đến các nhà thờ và viện bảo tàng. Bà làm nằng khó chịu vì luôn luôn cho rằng chân dung họa sĩ ngay trước có nét giống người này người nọ trong số bạn bè bà ta. Sáng nay, ở lâu đài Ricardi^[62], chỉ nội mấy bức bích họa của Bơ nô dô Gô dô li:

[63 không thôi mà bà ta cũng đã cho là có những nét của Garan, của Lagrangio của Sômôn, của quân chúa Xơ niavin với v. phục hợp thời trang và của Rơ nãg. Bản thân bà ta cũng kinh ngạc thấy đầu đầu cũng có Rơ nãg. Mọi ý tưởng bà ta đều quy về cái giới viên sĩ nhỏ bé của mình và về đám người thượng lưu với một lối suy nghĩ giản đơn khiến cho Têredơ khó chịu. Bà ta diu dàng nhắc lại những buổi họp công khai của Viện Hàn Lâm, những buổi lên lớp ở Xoocbon, những buổi tối hung biện của các nhà triết học duy tâm và duy vật. Còn phụ nữ thì bà ta cho là tất cả đều yêu kiều, tuyệt mỹ, Bà đến ăn tối ở tất cả các gia đình ấy, Têredơ nghĩ bụng: “Bà Macmê, bà ta khôn ngoan quá và làm mình đến khó chịu”. Nàng có ý định để bà ta ở lại Phidơ và đi một mình thăm viếng các nhà thờ. Rồi dùng một từ của Lơ Mênin, nàng tự bảo mình:

“Mình sẽ “phốt lờ” bà Macmê”.

Một ông già mảnh khảnh bước vào phòng khách. Với bộ ria mép bôi sáp và chòm râu cằm bạc trắng, ông có vẻ một cựu quân nhân. Nhưng sau cặp kính, cái nhìn của ông ta để lộ vẻ dịu dàng của đôi mắt đã yếu đi vì hoạt động khoa học và vì khoái lạc. Giáo sư Arighi là người Phlô rãngx, bạn của Ben và Ambectinenli. Ngày trước, phụ nữ yêu ông say đắm, còn ngày nay ông nổi tiếng ở Tô xcan và ở Ê mili về các công trình nghiên cứu nông nghiệp.

Ngay lập tức ông ta làm vui lòng bá tước Mactanh. Tuy không ca ngợi cuộc sống nơi thôn dã ở Ý, nàng vẫn chú ý hỏi han giáo sư về phương pháp và kết quả của ông

Ông là người làm công tác nghiên cứu vừa kiên quyết vừa thận trọng:

“Đất – ông ta nói – cũng giống như đàn bà: nó muốn người ta đối với nó không nhút nhát nhưng cũng không thô bạo”

Tất cả chuông nhà thờ gióng giả rung lên làm chuyển động cả bầu trời.

- *Darling* này! – Ben hỏi – Cô có nhận thấy buổi chiều bầu không khí Phlô rãngx vang lên tiếng chuông lạnh lùng như tiếng vàng tiếng bạc không?

- Kỳ lạ thật, – Sulet tiếp lời – chúng ta có vẻ như những người đang ngóng đợi.

Vivian Ben đáp quả họ đang ng đợi Đơisactơ. Chưa thấy anh đến, cô lo anh nhớ tàu.

Sulet bước tới bên cạnh bà Macmê, và nói rất nghiêm trang:

- Thưa bà Macmê, bà có thể nhìn một cánh cửa, một cánh cửa đơn sơ bằng gỗ quét sơn, như cánh cửa nhà bà (ấy là tôi giả định) hay nhà tôi, hay như cánh cửa này, hoặc bất kỳ cánh cửa nào khác, mà không khiếp hãi hay kinh tởm khi nghĩ tới người khách bất kỳ lúc nào cũng có thể tới không? Thưa bà Macmê, cách cửa nhà chúng ta mở ra chốn vô biên. Bà có nghĩ đến điều đó không? Có bao giờ chúng ta biết được học tên đích thực của người đàn ông hay người đàn bà bước vào nhà chúng ta dưới bề ngoài của một con người, với một bộ mặt quen thuộc, trong những bộ quần áo bình thường không?

Về phần ông ta, ru rú trong buồng, ông ta không thể nhìn ra cửa mà không dựng tóc gáy.

Nhưng bà Macmê thì không kinh hãi gì hết khi thất cửa phòng khách mở ra. Bà ta biết tên mọi người đến nhà mình: họ đều là những người dễ thương.

Sulet buồn bã nhìn và lắc đầu nói:

- Thưa bà Macmê, thưa bà Macmê, những người mà bà gọi bằng cái tên trần thế của họ, đều có một cái tên khác, đó là tên đích thực của họ mà bà không biết.

Bà Mactanh hỏi Sulet là muốn vào nhà người ta, thì nổi bất hạnh có phải bước qua ngưỡng cửa không?

- Nó tài tình và tinh tế lắm! – Nàng nói – Nó leo qua cửa sổ, vượt qua tường. Nó không xuất đầu lộ diện nhưng không bao giờ vắng mặt. Những cánh cửa đáng thương hoàn toàn vô oan về sự thăm viếng của vị khách xấu chơi ấy.

Sulet nghiêm khắc cảnh báo bà Mactanh là tuyệt nhiên không được cho việc viếng thăm của nỗi bất hạnh là điều xấu.

- Bất hạnh là người thầy lớn nhất và là người bạn tốt nhất của chúng ta. Chính bất hạnh dạy cho ta ý nghĩa cuộc đời. Thưa quý bà, khi quý bà đau khổ, quý bà sẽ biết điều cần biết, sẽ tin cái phải tin, và phải làm việc phải làm, quý bà phải như thế nào thì sẽ như thế ý. Và khoái lạc sẽ xua đuổi niềm vui của quý bà.

Niềm vui rụt rè lắm và nó không hợp chút nào với cảnh hội hè.

Hoàng thân Anbectinenli chơ rằng có Ben và hai bà bạn Pháp của cô tuyệt nhiên không cần phải gặp bất hạnh cũng đã hoàn mỹ rồi, và cái học thuyết cho rằng có đau khổ mới hoàn mỹ là một sự độc ác man rợ, người ta kinh tởm nó dưới bầu nước Ý đẹp đẽ. Rồi trong không khí uể oải của một buổi nói chuyện, anh lại thận trọng tìm những câu trong bài hát Xixin vì sợ hát nhầm sang một điệu của bài Trôvator vốn cùng một phong cách.

Vivian Ben thăm hỏi những cái hình quái vật cô vẽ ra và phàn nàn về những lời giải đáp vô lý và ranh mãnh của chúng.

- Lúc này, – cô ta nói – tôi chỉ muốn nghe các hình nét trên mấy tấm thảm nói những lời êm ái, cổ xưa và quý giá như bản thân chúng.

Lôi cuốn theo điệu nhạc, Anbectinenli cất tiếng hát. Giọng hát lả lướt, uốn, éo cất lên cao rồi bỗng tắt ngấm với những “a! a! a!” rầu rĩ.

Ngước mắt lên tấm cửa kính, bà Macmê cất tiếng:

- Hình như ngài Đơsactơ đến kia.

Ben đón anh với những líu lo như tiếng chim.

- Ông Đơsactơ, chúng tôi nóng lòng chờ ông, Ngài Sulet nói xấu các cánh cửa.... Vâng, cánh cửa ở các ngôi nhà và ông ta cũng nói về nỗi bất hạnh là một kẻ hòa hoa rất mực ân oán. Ông đã không được nghe những điều tốt đẹp ấy. Ông để chúng tôi chờ đợi mãi đấy, ông Đơsactơ ạ; Vì sao vậy?

Đơsactơ xin lỗi: anh chỉ vừa đủ thì giờ ghé qua khách sạn và trang phục vội vàng. Thậm chí cũng không kịp đến từ biệt pho tượng Xan Maccô bằng đồng thau, đặt trong khám ở Ô Xau Misen mà anh xem là người bạn lớn và tốt, vốn dễ gây xúc động, Anh ca ngợi nữ sĩ Ben và chào nữ bá tước Mactanh với niềm hoan hân như không kìm hãm nổi.

- Trước khi rời Pari, tôi đến phố Đơbily thăm bà nhưng người ta bảo đi nghỉ tại nhà cô Ben ở Phidon trong những ngày đầu xuân. Thế là tôi nảy ra hy vọng được gặp lại bà trên đất nước mà tôi yêu quý hơn hết này

Nàng hỏi anh có dừng lại ở Vơnidơ không, có đến Ravenơ thăm những lực lượng nữ hoàng có vàng hào quang quanh đầu và những lượng yêu quái sáng ngời không.

Không, anh không dừng lại đâu hết.

Nàng lặng im.

Nàng dăm dăm nhìn cái chuông thành Polanh đặt góc nhà.

Anh hỏi rằng:

- Bà nhìn cái chuông ấy à?

Vivian Ben thôi không vẽ nữa.

- Nay mai ông sẽ thấy một kỳ quan làm ông xúc động hơn, ông Đơsactơ ạ. Tôi đã vớ được “bà hoàng” của những chiếc chuông nhỏ. Tôi tìm thấy ở Rimini trong một xưởng ép dầu đổ nát nay dùng làm kho hàng, nơi tôi đến kiếm những mảnh gỗ cũ thấm dầu và trở nên răn, sẫm màu, và lấp lánh vô cùng! Tôi mua chuông và tự tay gói lấy. Tôi chỉ còn chờ chứ không lo nữa. Ông sẽ nhìn thấy nó. Trên bụng chuông có hình Giêsu trên thánh giá, giữa hình Đức bà và thánh Giăng, với niên điểm 1400 và các binh khí của dòng họ Malatexta^[64]... Ông Đơsactơ, hình như ông không chú ý nghe. Xin ông nghe tôi nói. Năm 1400, trốn chiến tranh và dịch hạch, Lêrrendơ Ghibecti^[65] đến Rimini ẩn náu ở nhà Paolo Malatexta. Chắc hẳn ông ta là người khắc chạm các hình trên chuông. Và tuần sau, tại đây, ông sẽ nhìn thấy một công trình của Ghibecti

Người nhà đến báo đã soạn xong bữa ăn tối.

Ben xin lỗi vì để khách ăn tối theo kiểu Ý. Đầu bếp của cô là một nhà thơ ở Phidơn.

Ngồi ăn, trước những bình rượu có lá ngô lơ xung quanh, học chuyện trò về thứ kỷ 15 hạnh phúc mà họ ưa ái. Hoàng thân Anbectinenli ca ngợi các nghệ sĩ thời ấy về bộ óc toàn năng và nhiệt tâm đối với nghệ thuật và về tài trí cuốn thu hút hết tâm lực của họ. Ông ta nói một cách khoa trương giọng ngọt ngào.

Đơsactơ cũng ca ngợi các nghệ sĩ ấy nhưng ca ngợi cách khác

- Muốn ca ngợi một cách thỏa đáng những con người ấy – anh nói – những con người từ Giôttô^[66] đến Maxaxiô^[67] đã từng tận tâm làm việc, tôi thấy lời ca

ngợi phải khiêm tốn và cụ thể. Trước hết, phải giới thiệu họ trong sương thợ, trong cửa hiệu, nơi học song với tư cách những nghệ nhân. Chính ở đấy, khi thấy họ lao động, người ta sẽ thưởng thức cái giản dị và tài năng của họ. Họ vốn dốt nát và thô bạo. Họ chỉ biết chó thành phố mình, thánh kinh và vài pho tượng cổ đồ nát mà họ nghiên cứu, vuốt ve một cách âu yếm.

- Ông nói đúng – giáo sư Arishi tiếp lời – họ chỉ quan tâm sử dụng những thủ pháp tốt nhất. họ căng hết đầu óc ra để luyện lớp hồ bên ngoài và nghiên cứu các thứ bột màu cho thật nhuyễn. Người nào nghĩ ra được cách dán một tấm vải lên pano để tranh không bị nỉ theo gỗ lúc đó được xem là một con người lý diệu, Mỗi bậc thầy đều có và giấu kín phương pháp và công thức của mình.

- Quả là một thời đại hạnh phúc – Đơsactơ nối tiếp – lúc đó, người ta không nghi ngờ tính độc đáo mà ngày nay chúng ta chạy đi tìm kiếm với bao nỗi thèm khát. Người học việc cũng cố sức làm như người thầy. Anh ta chỉ có tham vọng làm giống thầy, và nếu có khác biệt những người khác thì cũng không phải cố tình. Họ làm việc không phải vì danh vọng mà là để sống.

- Họ có lý! – Sulet nói – không có gì tốt hơn là lao động để sống.

- Họ không băn khoăn tìm cách lưu lại cho hậu thế – Đơsactơ nói tiếp – không hề biết quá khứ, họ cũng không quan niệm về tương lai, và ước mơ của họ không vượt quá cuộc sống. Họ lo rèn luyện cho mình một ý chí mạnh mẽ. Là những người giản dị, họ không lăm lăm nhiều và tìm thấy chân lý mà sự thông thái che khuất chúng ta.

Sulet bắt đầu kể lại với bà Macmê việc ngày hôm đó ông ta vừa mang thư giới thiệu của nữ hầu tước Đơ Riơ đến thăm quận chúa dòng họ Phrăngx. Sulet thích thú tỏ cho người ta thấy ông ta, một kẻ lang thang vô lại, đã được bà hoàng ấy đón tiếp trong lúc cô Ben cũng như nữ bá tước Mactanh khó có thể có vinh dự đó. Hoàng thân Anbectinenli cũng hãnh diện đã được gặp quận chúa một hôm trong một buổi lễ.

- Quận chúa làm những công việc từ thiện hết sức tỉ mỉ. – Anh nói.

- Bà ấy vừa cao thượng vừa giản dị tuyệt vời! – Sulet tiếp lời – Khi ở nhà, giữa đám vương tôn, mệnh phụ, bà buộc mọi người tuân thủ nghi thức hết sức chặt chẽ để làm cho cảnh quyền quý của mình trở thành một cảnh khổ hạnh, và sáng sủa, bà lau chùi đường đi trong nhà thờ. Đây là một ngôi nhà thờ làng, nơi đi kiếm ăn của đàn gà mái, trong lúc ông linh mục thì chơi bài với người giữ nhà thờ.

Cúi xuống mặt bàn, Sulet cầm một cái giẻ lau bắt chước bà quận chúa ngồi lau mặt đường. Rồi ngẩng đầu lên, nghiêm trang nói:

- Sau một buổi chờ đợi phải phép trong những phòng khách kế tiếp nhau, tôi được hôn bàn tay quận chúa.

Rồi lặng im.

Bà Mactanh sốt ruột hỏi:

- Rốt cuộc, bà ta nói gì với ông, cái bà quận chúa cao thượng và giản dị tuyệt vời ấy?

- Bà ấy nói với tôi: “Ông đã đi thăm Phlôrăngx chưa? Người ta cam đoan với tôi là gần đây, ở đó đã mở những cửa hiệu rất đẹp, buổi tối đèn sáng rực”. Bà ấy lại còn bảo: “Ở đây chúng tôi có một ông dược sĩ khá lắm. Các ngài dược sĩ ở Áo cũng không tốt hơn đâu. Cách đây sáu tuần, ông ta đập vào chân cho tôi một miếng cao dán mà đến nay vẫn không bị bong ra”. Đây là những lời Mari-Têredơ hạ cố nói với tôi. Ôi, tấm lòng cao thượng giản dị, ôi, đức độ Cơ đốc giáo! Ôi, người con gái thánh Lui! Ôi, tiếng vang vọng diệu kỳ của Elidabet rất thánh của Hunggari!¹⁶⁸

Bà Mactanh mỉm cười. Nàng cho là Sulet đùa. Nhưng ông ta giận dữ phản đối. Và Ben cho là nàng sai lầm. Theo cô, người Pháp có thiên hướng nghĩ rằng lúc nào người ta cũng đùa.

Mọi người quay trở lại các quan niệm về nghệ thuật là những vấn đề “cơm bữa” ở Ý.

Tôi không đủ thông thái để chiêm ngưỡng Giôttô và trường phái của ông. – Nữ bá tước Mactanh nói – Cái làm tôi ngạc nhiên là tính nhục cảm của nghệ thuật thế kỷ XV mà người ta gọi là nghệ thuật Cơ đốc giáo. Tôi chỉ thấy sự kịch tính và trong sáng trong tranh của Phra Ănggiêlicô^[69] trong lúc chúng vẫn rất đẹp. Còn nữa, tượng gái đồng trinh và thiên thần đều mang vẻ mơn trớn, khêu gợi nhục cảm và có khi lại có vẻ ngây thơ một cách đôi bại. Có gì là thành kính ở các pho tượng đạo sĩ trẻ, đẹp như phái đẹp, ở tượng thánh Xêbaxchiêng tràn đầy sức thanh xuân và giống như thần Bacuyx đau khổ của đạo Cơ đốc?

Đơsactơ đáp anh cũng nghĩ như nàng và cả hai người, nàng và anh, đều có lý vì Xavônarôn^[70] tán thành ý kiến của họ và muốn đốt hết các công trình nghệ thuật vì không một công trình nào mang vẻ kính tin. Anh nói:

- Ở Phlôrăngx, vào thời Manphret huy hoàng^[71] nửa theo đạo Cơ đốc nửa theo đạo Hồi, đã có những người thuộc môn phái Êpiquya^[72] tìm kiếm luận chứng phản bác sự tồn tại của Thượng đế. Nhà thơ Ghiđô Cavancăngti^[73] khinh miệt những kẻ đốt nát tin vào linh hồn bất tử. Người ta nhắc lại câu nói của ông: “Cái chết của con người cũng hoàn toàn giống nh cái chết của loài thú”. Và về sau bầu không khí trong nhà thờ Thiên Chúa giáo trở nên âu sầu khi xuất hiện tranh ảnh ca ngợi vẻ đẹp của những người đã chết tthời kỳ xa xăm. Các họa sĩ làm việc trong các nhà thờ và tu viện đều không sùng đạo và cũng không tinh khiết. Lơ Pêruyganh^[74] là một người vô thần, ông không giấu giếm điều đó.

- Vâng, – Ben đáp – nhưng người ta bảo ông ấy có cái đầu cứng, và những chân lý về Thượng đế không thể xuyên qua cái sọ dày cộp của ông ta. Ông ta tham lam và bủn xỉn, hoàn toàn chìm đắm vào những quyền lợi vật chất, chỉ lo việc mua nhà, tậu cửa.

Giáo sư Arighi bênh vực Piêtrô Vanuyxi ở Pêruder:

- Piêtrô là một người liêm khiết. Một tu viện trưởng ở Phlôrăngx đã hoàn toàn sai lầm khi ngờ vực ông. Vị tu viện trưởng ấy vốn có nghệ thuật nghiền đá đã nung thành vôi để làm ra bột bích ngọc. Bột này lúc đó trị giá ngang vàng; và ông ta nhờ Piêtrô Vanuyxi trang trí hai căn buồng tu viện và chờ đợi những điều kỳ diệu từ tài ba của người họa sĩ bậc thầy ít hơn là từ bản thân chất bột bích ngọc quý giá. Trong suốt thời gian họa sĩ tái hiện cuộc đời Giêsu bằng đường nét, nhà tu hành đứng bên cạnh để đích thân đưa thứ bột quý đựng trong một cái túi nhỏ mà ông ta không rời ra một phút. Piêtrô lấy bột dưới mắt của chủ nhân và trưng bút vẽ đã nhúng bột vào một lọ đựng đầy nước, trước khi quét lên tường. Bằng cách đó, ông phải dùng một lượng bột lớn. Thấy túi bột vơi dần, nhà tu hành thở dài: “Lạy Chúa! Thứ vôi này ngốn hết không biết bao nhiêu là bột ngọc thạch!”. Sau khi hoàn thành các bức bích họa và nhận số tiền công đã thỏa thuận, họa sĩ đặt vào tay nhà tu hành một gói bột màu xanh: “Thưa cha, cái này là của cha. Bột bích ngọc mà tôi lấy bằng bút vẽ rơi xuống đáy lọ và mỗi ngày tôi thu hồi lại. Tôi xin trả lại cha. Cha nên tập tin cậy những con người lương thiện.”

- Ô! – Têredơ nói – Lơ Pêruyganh vừa biến lận vừa liêm khiết, cái đó không hề có gì là lạ cả. Không phải bao giờ những kẻ vụ lợi cũng là những người ít lương thiện hơn hết. Vẫn có nhiều kẻ biến lận lương thiện chứ!

- Dĩ nhiên, *Darling!* – Ben đáp – Kẻ biến lận không muốn mắc nợ, còn người vung phí thì rất thích thú chịu nợ. Họ không hề nghĩ đến số tiền họ có và càng ít nghĩ hơn tới tiền họ thiếu nợ. Tôi không bảo Piêtrô Vanuyxi ở Pêruder là một người không liêm khiết. Tôi chỉ nói ông ta có cái đầu cứng, và mua nhà, mua nhiều nhà. Tôi rất vui mừng ông ta đã trả bột bích ngọc cho ông tu viện

- Vì Piêtrô của cô giàu có – Sulet nói – nên ông ta phải trả lại bột bích ngọc. Về mặt đạo đức, người giàu bắt buộc phải liêm khiết; còn người nghèo thì không.

Vào lúc ấy, người đầu bếp đưa lên một cái bình khắc chạm đặt trong chiếc chậu lớn bằng bạc và một cái ly hai đáy để khách dùng sau bữa ăn theo tập quán xưa.

Nhưng Sulet không đụng tay vào, lấy cớ không muốn làm tí nào cái cử chỉ của Pilat^[75], nhưng thực ra vì ông ta không muốn rửa tay.

Và ông ta đứng dậy, vẻ dữ dằn, đi theo sau Ben lúc đó khoác tay giáo sư Arighi bước ra khỏi phòng ăn.

Trong phòng khách, trong lúc mời mọi người uống cà phê, Ben hỏi:

- Thưa ông Sulet, vì sao ông lại bắt chúng tôi phải chịu đựng những nỗi buồn bã man rợ của sự bình đẳng? Vì sao? Ống sáo của Đaphonix^[76] không thể réo rất được đến thế nếu nó được làm bằng bảy đoạn sậy bằng nhau. Ông muốn phá hỏng sự hài hòa đẹp đẽ giữa thầy và tớ, giữa giới quý tộc và thợ thủ công.Ồ! Ông là một người dã man đấy, ông Sulet ạ. Ông xót thương những người nghèo khổ nhưng lại không xót thương nữ thần Nhan sắc tuyệt vời mà ông lưu đày ra khỏi thế gian này. Ông xua đuổi thần, thưa ông Sulet, ông phủ nhận thần trong cảnh trần trụi và đang khóc than. Ông cứ yên trí là thần không ở trên trái đất này chừng nào tất cả những con người bé nhỏ tội nghiệp đều ốm o, dốt nát.Ồ! Kẻ nào làm tan rã cái nhóm do những con người có địa vị khác nhau, hèn mọn lẫn cao sang, lập nên một cách tài tình trong xã hội, thì kẻ đó là kẻ thù của người nghèo cũng như của người giàu, là kẻ thù của nhân loại.

- Kẻ thù của nhân loại! – Sulet vừa đáp vừa cho đường vào cà phê – Chính Rômanh sắt đá đã từng gọi như vậy những tín đồ đạo Cơ đốc giảng giải cho

ông về tình yêu.

Trong lúc đó, ngồi cạnh Mactanh-Benlem, Đơsactơ hỏi nàng về thị hiếu nghệ thuật và sắc đẹp ủng hộ, khêu gợi, khích lệ những sự ngưỡng mộ của nàng, thỉnh thoảng lại thôi thúc nàng, lời lẽ vừa đọt ngọt vừa mơn trớn. Anh muốn nàng thấy tất cả những gì anh thấy, yêu tất cả những gì anh yêu.

Anh cũng không kém thiết tha mong ước hễ vào đầu xuân là nàng đi thăm các vườn hoa. Anh hình dung nàng đứng trên những bậc cao ánh nắng lấp lánh sau gáy và trên tóc, bóng râm những cây trúc đào tỏa xuống tận mắt nàng. Theo anh, đất trời Phlôrăngx chỉ để làm vật trang sức cho người thiếu phụ này.

Anh ca ngợi cách trang phục giản dị, phong thái dịu dàng và những đường nét hiện lên duyên dáng theo mỗi cử chỉ của nàng. Anh thổ lộ là anh ưa lối trang phục sống động, uyển chuyển, tinh tế và thoải mái của nàng mà anh rất hiếm thấy và không thể nào quên.

Nàng chưa bao giờ được nghe những lời làm nàng vui thích đến thế. Nàng biết mình ăn bận rất khéo, với một phong cách táo bạo và chững chạc. Nhưng về mặt này trừ cha nàng ra chưa một người đàn ông nào tỏ với nàng những lời khen của một kẻ sành sỏi. Nàng cho là đàn ông chỉ có thể cảm nhận tác động của cách ăn mặc chứ không thể hiểu những chi tiết tinh tế trong đó. Một vài người am hiểu về trang phục phụ nữ thì làm nàng thất vọng vì dáng điệu ẻo lả và phong cách đáng ngờ. Nàng đành phải để cho giới nữ đánh giá cách ăn bận trang nhã của mình, nhưng họ có đầu óc hẹp hòi, ác ý và ganh ghét. Lối ca ngợi có tính nghệ sĩ và tính đàn ông của Đơsactơ làm nàng ngạc nhiên và thích thú. Nàng khoan khoái nhận những lời ngợi khen ấy và không hề nghĩ là quá thân mật và hầu như thô lỗ.

- Ông ngắm nghía trang phục của phụ nữ hay sao, ông Đơsactơ?

Không, anh không hề ngấm. Anh thấy rất ít phụ nữ khéo ăn mặc, kể cả ngày nay, khi họ trang phục lịch sự hơn bao giờ hết! Anh không ưa nhìn những người ăn mặc xoàng xĩnh. Nhưng hễ một thiếu phụ đường nét uyển chuyển đi qua là anh cầu Chúa phù hộ cho nàng.

Anh nói tiếp, giọng cất cao hơn chút ít:

- Hễ nghĩ tới người phụ nữ hàng ngày chăm chút tô điểm là tôi không thể không suy ngẫm về bài học quan trọng họ nén lên cho các nghệ sĩ. Họ sửa sang quần áo, tóc tai không mất hết bao nhiêu thì giờ, và công sức đó không bị bỏ phí. Cũng như họ, chúng tôi phải tô điểm cuộc đời mà không nên nghĩ tới tương lai. Vẽ, khắc, viết cho thế chỉ là một sự kiêu ngạo dại dột.

- Ông Đơsactơ, – hoàng thân Anbectinenli hỏi – ông nghĩ thế nào về một chiếc áo choàng màu hoa cà lấm chấm những bông hoa bạc đối với cô Ben?

- Riêng tôi, – Sulet nói – tôi rất ít nghĩ tới tương lai trần thế nên tôi chép những bài thơ hay nhất của mình trên giấy cuốn thuốc lá. Giấy sẽ bị tiêu hủy, chỉ để lại cho thơ một thứ đời sống siêu hình.

Đấy chỉ là một vẻ cầu thả giả tạo. Thực ra, ông ta chưa bao giờ để mất một dòng chữ. Đơsactơ thành thực hơn. Anh không hề muốn lưu danh. Ben cự nự anh về cái đó.

- Ông Đơsactơ này, muốn cho cuộc sống lớn lao và tràn đầy thì phải đưa vào trong đấy cả quá khứ lẫn tương lai. Các công trình thơ ca và nghệ thuật của chúng ta phải nhằm ca ngợi những người đã mất và nghĩ tới những thế hệ sẽ ra đời. Và như thế, chúng ta góp phần vào cái đã tồn tại, đang tồn tại và sẽ tồn tại. Ông không muốn bất tử sao, ông Đơsactơ? Ông hãy cẩn thận đừng để lọt đến tai Thượng đế.

Anh đáp:

- Tôi chỉ cần sống một lúc nữa là đủ.

Rồi cáo từ, hẹn hôm sau đến sớm để đưa bà Mactanh đến nhà thờ Brăngcaxi.

Một tiếng sau, trong buồng ngủ trang trí theo đúng phong cách thẩm mỹ, với những tấm thảm dệt hình những cây chanh trĩu quả chín vàng như một cánh rừng thần tiên, Têredơ nằm nghỉ, cánh tay trần nõn nà đặt trên gối. Nàng mơ màng dưới ánh đèn và thấp thoáng thấy hiện lên hình ảnh cảnh đời hiện nay của mình. Nàng thoáng thấy Vivian Ben giữa đám chuông lớn, chuông bé, thấy những bức tượng tiền Raphaen^[77] là lướt như những cái bóng: tượng các vị phu nhân, tượng các chàng kỹ sĩ cô đơn, lạnh lùng, vẻ mặt âu sầu đăm đăm nhìn về phía trước giữa những cảnh tượng thành kính nên càng dễ thương và thân thiết trong một trạng thái uể oải dịu dàng. Nàng cũng thoáng thấy hiện lên buổi tối ở biệt thự Phidơ, hoàng thân Anbectinenli, giáo sư Arighi và Sulet, nhớ lại những lời nói linh hoạt, những ý tưởng chuyển động một cách kỳ cục. Nàng nhớ lại Đơsactơ, ánh mắt trẻ trung trên khuôn mặt có phần mệt mỏi, dáng vẻ người Phi với nước da nâu sẫm và chòm râu cằm nhọn hoắt.

Nàng thầm nghĩ anh có trí tưởng tượng tuyệt vời, có tâm hồn phong phú hơn tâm hồn tất cả những người đã từng tâm tình với nàng, có một sức cuốn hút nàng không cưỡng lại được. Lúc đầu, nàng thấy anh có tài làm người khác vui lòng. Giờ đây, nàng thấy anh có ý muốn đó. Ý nghĩ ấy thật êm ái, nàng nhắm mắt lại như để giữ chặt nó trong lòng. Rồi đột nhiên nàng giật mình.

Trong tận chiều sâu bí ẩn của con người mình, nàng bỗng cảm thấy một sự choáng váng đau đớn. Một cách bất ngờ, đột ngột, nàng thoáng thấy người yêu, nách cằm sừng đi trong rừng. Trong rừng sâu, chân anh bước chắc nịch, đều đặn. Việc nàng không nhìn thấy rõ nét mặt anh khiến nàng bối rối. Nàng không giận anh nữa, không bất mãn đối với anh nữa. Giờ đây, chính nàng bất mãn đối với bản thân mình. Và Rôbe đi thẳng về phía trước không quay đầu lại, đi xa, xa mãi, cho tới khi chỉ còn là một chấm đen li ti trong cánh rừng cô tịch. Nàng

cảm thấy mình thô bạo và nhõng nhẽo, phũ phàng ra đi không một lời từ biệt, thậm chí không một dòng thư. Anh là người yêu, người yêu duy nhất của nàng. Nàng chưa bao giờ có một người yêu nào khác. Nàng nghĩ bụng: “Mình không muốn anh đau khổ vì mình”.

Dần dà, nàng trấn tĩnh lại. Dĩ nhiên anh yêu nàng nhưng anh không thật nhạy cảm, và may sao ít bận khoăn, ít tìm cách tự giày vò mình. Nàng nghĩ bụng: “Anh ấy đi sẵn. Anh hài lòng. Anh đến thăm bà dì Đơ Lanoa, anh thả sức ca ngợi...”. Nàng trở lại yên tâm và thích thú với những cảnh đẹp Phlôrăngx. Trong lúc một mình đến thăm Lâu đài Opphix^[78], nàng ngỡ là bức vẽ Hecquyn của Angtônio Pôlaiolô^[79], ngay từ đầu đã kích thích trí tò mò của mình. Nhưng thực ra, nàng chỉ chú ý tới nó vào hôm, trong lúc nói chuyện, Đơsactơ tình cờ ca ngợi bức vẽ về cái vẻ khỏe khoắn của đường nét cái mỹ lệ của phong cảnh và cái hấp dẫn của ngòi bút phối hợp mảng sáng – mảng tối, khiến người ta linh cảm được nghệ thuật của Vanhxy. Và giờ đây, nhớ không rõ bức vẽ Hecquyn ấy, nàng hết sức nóng lòng đi thăm lại. Nàng tắt đèn, nằm ngủ.

Gần sáng, nàng nằm mơ gặp Rôbe Lơ Mênin trong một ngôi nhà thờ vắng vẻ. Anh khoác một chiếc áo lông thú chưa bao giờ nàng thấy anh mặc. Anh chờ nàng, nhưng một đông linh mục và tín đồ đột ngột xuất hiện và tách họ ra. Nàng không biết sau đó anh ra sao. Nàng không được thấy mặt anh và vì thế nàng lo lắng. Tỉnh giấc, nàng nghe qua ô cửa sổ tối hôm qua không đóng, một tiếng kêu nhỏ, đơn điệu và buồn bã, và thấy trong ánh bình minh bàng bạc một cánh én bay qua. Nàng khóc, không duyên cớ, không lý do.

XI

Từ sáng sớm, lòng nàng khấp khởi. Ngồi trong phòng trang điểm, nàng chăm chút y phục cho thật trang nhã. Với những bộ phận sành sứ tráng men thô sơ, những chiếc bình lớn bằng đồng và nền lát gạch vuông, phòng trang điểm giống như một căn bếp, nhưng là một căn bếp thần tiên, vừa dân dã vừa diệu kỳ. Nữ bá tước Mactanh ngạc nhiên một cách thú vị trước “sáng kiến” mỹ thuật này của Vivian Ben và ngỡ mình là nàng công chúa Da lừa^[80]. Pôlin, cô gái hầu phòng, chải tóc cho nàng trong lúc nàng lắng nghe Đơsactơ và Sulet chuyện vãn phía ngoài cửa sổ. Nàng xoa tóc ra, chải lại hoàn toàn, táo bạo để lộ những đường nét trên cái gáy nõn nà. Nàng soi gương một lần cuối rồi bước ra vườn.

Khu vườn trồng thông đỏ như một nghĩa trang yên tĩnh. Ánh mắt hướng về Phlôrăngx, Đơsactơ đọc thơ Đăngơ:

“Khi thoát khỏi những miền nhục cảm...”

Bên cạnh anh, Sulet ngồi thông hai chân trên lan can hàng hiên và cúi gập xuống khắc hình Thần nghèo khổ lên cây gậy đường trường của mình.

Đơsactơ đọc lại mấy dòng thơ:

“Khi thoát khỏi những miền nhục cảm

Khi xa rời những nỗi ưu tư

Tâm hồn ta bay tới hư vô...”

Nàng che dù đi tới, dọc theo dây hoàng dương, trong tấm áo dài. Trời mùa đông êm dịu tỏa ánh nắng vàng nhạt.

Đơsactơ chào nàng, không che giấu nỗi niềm vui.

Nàng nói:

- Tôi không được biết những lời thơ ông đọc. Tôi chỉ biết Mêtaxtadơ^[81]. Giáo sư tiếng Ý của tôi rất thích và chỉ thích Mêtaxtadơ. Bao giờ thì “tâm hồn ta bay tới hư vô”, thưa ông?

- Vào buổi bình minh, thưa bà. Và có lẽ cũng là bình minh của lòng tin và tình yêu.

Sulet không tin là nhà thơ muốn nói tới những giấc mơ buổi sáng thường để lại ấn tượng rất mạnh mẽ, đôi khi cũng thật xót xa, những giấc mơ không xa lạ đối với nhục cảm. Nhưng Đơsactơ chỉ đọc những câu thơ ấy khi nhìn thấy ánh bình minh hiện lên rực rỡ trên những ngn đồi vàng hoe sáng nay. Đã từ lâu, anh băn khoăn về những hình ảnh đến trong giấc ngủ, cho là chúng không đáng tới điều người ta thường nghĩ đến nhiều nhất, mà trái lại, tới những ý tưởng người ta xa lánh lúc ban ngày.

Têredơ nhớ lại giấc mơ sáng nay, nhớ lại hình ảnh người đi săn bị lạc trong rừng sâu.

- Vâng, – Đơsactơ nói – những cái ta nhìn thấy ban đêm, chính là dư âm khốn khổ của những cái ngày hôm trước ta không hề chú ý. Giấc mơ thường là sự phục thù của những cái ta khinh miệt hay sự trách móc của những con người bị ta bỏ rơi. Giấc mơ bởi vậy thường bất ngờ và đôi khi buồn bã.

Trầm ngâm một lát, nàng nói:

- Có lẽ đúng như vậy.

Rồi sôi nổi hỏi Sulet đã khắc xong Thần nghèo khổ lên nuốm chiếc gậy đường trường của ông ta chưa. Tượng Nữ thần đã biến thành một Pieta^[82], và Sulet nhận ra trong đó chân dung Đức bà. Ông ta còn làm một bài thơ tứ tuyệt theo đường xoắn ốc ở phía dưới chân dung, bài thơ mang tính giáo huấn về luân lý. Ông ta chỉ thích làm những câu thơ Pháp theo phong cách những lời giáo huấn của Chúa. Bốn câu thơ viết theo lối giản dị đó:

Chân Thánh giá, tôi ngời than khóc

Hãy cùng tôi yêu, khóc và tin

Dưới cây nhân đức lành hiền

Bóng trùm hết thảy mọi miền nhân gian.

Cũng như hôm mới tới, Têredơ đứng tựa lan can hàng hiên, mắt dõi theo chốn xa xăm, tận chân trời rực sáng, nhìn nóc nhà tu viện Vanlôngbrôdơ cao vút lung linh chẳng khác vàng dương. Đơsactơ nhìn nàng. Anh ngỡ mới gặp nàng lần đầu tiên vì tìm thấy vẻ âu sầu trên khuôn mặt mà tác động của cuộc sống và hoạt động của tâm hồn có ghi dấu ấn nhưng vẫn không làm giảm vẻ duyên dáng trẻ trung và tươi mát. Ánh nắng mặt trời – mà nàng yêu thích – như ủng hộ nàng. Và quả là nàng đẹp, đắm mình trong bầu không khí nhẹ nhõm của Phlôrăngx, nó mơn trớn những đường nét kiều diễm và ấp ủ những ý tưởng thanh cao. Trên khuôn mặt đầy đặn, thoáng một chút ửng hồng tươi mát. Cặp mắt màu xanh nhạt tươi cười. Nàng nói, để lộ hai hàm răng lóng lánh vừa dịu dàng vừa nồng nàn. Anh nhìn, một cái nhìn như ôm ấp lấy tấm thân tròn đầy và uyển chuyển của nàng. Tay trái nàng cầm dù, tay phải vuốt ve mấy cành viôlet. Đơsactơ yêu say mê những bàn tay đẹp. Bao giờ anh cũng thấy bàn tay có một diện mạo đáng chú ý như nét mặt, có tính cách, có tâm hồn. Đôi bàn tay nàng làm anh say mê. Chúng vừa gợi dục cảm vừa gợi xúc cảm. Anh thấy

chúng như trần trụi và khoái lạc. Anh say mê những ngón tay nàng thon thả, những móng tay nàng màu hồng, lòng bàn tay nàng đầy đặn và mềm mại với những đường nét thanh tú xuyên qua những đường uốn khúc và tạo thành ở đầu ngón tay hình những đỉnh núi tí xíu xinh xắn. Anh say sưa nhìn ngắm cho tới khi nàng nắm tay lại trên cán dù. Đứng hơi lui ra phía sau, anh lại vẫn nhìn nàng. Nửa mình trên và hai cánh tay thon thả, thanh tú, cặp hông nở nang, đôi mắt cá chân mảnh mai, tất cả trong thân hình cân đối của nàng đều làm anh hứng thú.

- Cái chấm đen ở tận kia là khu vườn Bôbôli phải không, ông Đơsactơ? Cách đây ba năm, tôi đã tới đấy. Lúc đó, vườn chưa có hoa. Thế mà không hiểu vì sao tôi vẫn ưa thích nó với những thân cây cao lớn âu sâu.

Anh hầu như sửng sốt thấy nàng nói, nàng suy nghĩ. Âm thanh trong trẻo trong giọng nói của nàng làm anh kinh ngạc như thể anh chưa nghe bao giờ.

Anh bất giác trả lời và cố mỉm cười để che giấu niềm khao khát dữ dội dâng lên rạo rức trong lòng. Anh tỏ ra vụng về, lúng túng. Nhưng hình như nàng không nhận thấy. Nàng có vẻ hài lòng. Tiếng nói như xa xăm, huyền ảo của anh vô tình mơn trớn nàng. Cũng như anh, nàng nói một cách tự nhiên:

- Cảnh đẹp quá và trời thật êm ả.

XII

Buổi sáng, đầu đặt trên chiếc gối thêu phù hiệu hình chuông, Têredơ nghĩ tới những buổi dạo chơi ngày hôm trước, nghĩ tới những bức tượng Đức bà tuyệt mỹ giữa đám thiên thần, tới vô số tượng và hình vẽ trẻ em, tất cả đều xinh tươi, đều hoan hỉ và như đang cất tiếng hát ngây thơ ca ngợi sắc đẹp và vẻ duyên dáng của con người. Trong ngôi nhà thờ Brăngcaxi nổi tiếng, trước những bức tranh tường vừa êm dịu vừa rực rỡ như ánh bình minh huyền diệu, anh nói với nàng về họa sĩ Maxaxiô bằng một ngôn ngữ linh hoạt và bóng bẩy khiến nàng như nhìn thấy người thanh niên – nghệ sĩ bậc thầy của những bậc thầy, cặp môi hé mở, đôi mắt màu xanh sẫm, mắt lơ đãng, đắm đuối hân hoan. Nàng ưa thích những cảnh mê ly ấy trong một buổi sáng còn tươi đẹp hơn cả ánh nắng mặt trời. Trước mắt nàng, Đơsactơ là linh hồn của những hình thù tráng lệ ấy, là tinh thần của những sự vật cao quý ấy. Chính qua anh, ở anh mà nàng hiểu nghệ thuật và cuộc sống. Nàng chỉ chú ý tới cảnh tượng của cuộc đời chùng nào bản thân anh chú ý tới.

Mỗi đồng cảm ấy đã đến với nàng như thế nào? Nàng không nhớ lại rõ rệt. Lúc đầu, khi Pôn Venx ngỏ ý giới thiệu anh, nàng không mảy may muốn làm quen, không hề có linh cảm là anh sẽ làm nàng vừa lòng. Nàng có nhớ tới những bức tượng đồng thanh nhã, những bức tượng nhỏ bằng sáp ong có mang chữ ký của anh mà nàng đã từng thấy trong phòng trưng bày ở Săngđơ Max hoặc ở nhà Đuyrăng Ruyen. Nhưng nàng không nghĩ bản thân anh có thể là người dễ ưa hay hấp dẫn hơn biết bao nghệ sĩ và người yêu chuộng nghệ thuật mà nàng từng chế giễu trong những bữa ăn thân mật ở nhà mình. Khi gặp nàng, anh làm nàng vui lòng và trong lòng nàng nảy ra cái ý nghĩ thanh thản là lôi cuốn anh, gặp gỡ anh. Hôm anh tới ăn tối, nàng nhận thấy mình có một mối cảm tình rất thanh nhã đối với anh và bản thân nàng lấy thế làm kiêu hãnh. Nhưng chẳng bao lâu, anh làm nàng hơi khó chịu: nàng sốt ruột thấy anh qu khép kín trong cuộc sống nội tâm và lưu ý quá ít đến nàng. Nàng muốn làm

anh xao xuyến. Chính trong tâm trạng sốt ruột, bực dọc ấy và trong lúc cảm thấy cô đơn, nàng đã gặp anh một buổi tối trước dãy rào sắt viện bảo tàng Tôn giáo và nói chuyện với anh về Ravennơ, về nữ hoàng ngồi trên ngai vàng trong ngôi mộ cổ. Nàng thấy anh nghiêm trang và duyên dáng, giọng nói sôi nổi, ánh mắt dịu dàng trong bóng đêm, nhưng quá xa lạ, quá ngăn cách. Nàng cảm thấy khó chịu và lúc đó, đứng bên dãy hàng dương phía ngoài sân bảo tàng, nàng bối rối không biết có nên ngày ngày gặp anh hay không bao giờ nhìn thấy nhau nữa.

Từ khi gặp lại ở Phlôrăngx, nàng một mực thích thú cảm thấy anh gần mình, thích thú nghe anh nói. Anh làm cho đời nàng dễ chịu, đa dạng và vui tươi, mới mẻ, hoàn toàn mới mẻ. Anh tiết lộ với nàng những niềm vui tinh tế và những nỗi buồn sâu lắng trong tâm tưởng, đánh thức những khoái cảm tiềm ẩn trong con người nàng. Giờ đây, nàng quyết giữ lấy anh. Nhưng bằng cách nào? Nàng thấy trước khó khăn; đầu óc tinh táo và khí chất của nàng khiến nàng lưỡng lự hết những khó khăn ấy. Có lúc nàng tìm cách tự lừa dối lòng mình: nàng nghĩ bụng có lẽ anh là người mơ mộng, bông bột, lơ đãng, say mê nghiên cứu nghệ thuật, nên không cuồng nhiệt đối với phụ nữ, có lẽ anh vẫn ân cần mà không yêu sách. Nhưng ngay lập tức nàng lắc đầu – mái tóc đen nhánh xõa ra lấp lánh trên gối – nàng không muốn tin luồng suy tư ấy. Nếu Đơsactơ không phải là một chàng trai đa tình thì anh không có gì hấp dẫn nàng nữa. Nàng không còn dám nghĩ tới tương lai. Mắt lim dim, nàng sống giờ phút hiện tại, sung sướng nhưng lo âu.

Nàng nằm mơ màng. Thỉnh thoảng, trong bóng đêm lóe lên những tia sáng. Bông Pôlin mang thư từ và trà sáng tới. Trên một chiếc phong bì ghi ngày gửi từ câu lạc bộ đường phố Hoàng gia, nàng nhận ra nét chữ viết nhanh và rõ ràng của Lơ Mênin. Nàng đinh ninh sẽ nhận được lá thư này, nhưng lại ngạc nhiên là cái phải xảy tới quả đã xảy tới, giống như lúc nàng còn nhỏ, chuông đồng hồ bất di bất dịch điểm giờ học pianô.

Trong thư, Rôbe có những lời lẽ trách nàng đúng mực. Vì sao nàng ra đi không nói nửa lời, không để lại một câu tạm biệt? Từ hôm trở về Pari, sáng

nào anh cũng mong thư nhưng không thấy tới. Năm trước, anh sung sướng nhận được, lúc ngủ dậy, mỗi tuần hai ba lần, những lá thư hết sức dễ thương và tinh tế, anh tiếc không thể cho in lại được. Lo lắng, anh chạy đến nhà nàng.

“Anh sẽ sờ khi được tin em đã đi. Chồng em tiếp anh, nói với anh là nghe theo lời anh ấy, em đi nghỉ cho đến cuối đông tại Phlôrăngx, ở nhà cô Ben. Ít lâu nay, anh ấy thấy em xanh và gầy, và nghĩ rằng đi thay đổi không khí sẽ có lợi cho sức khỏe em không muốn đi; nhưng vì em ngày một thêm mệt mỏi nên cuối cùng anh ấy đã thuyết phục được em đi.

“Riêng anh thì không thấy em gầy yếu. Trái lại, anh thấy sức khỏe em không hề có gì đáng lo ngại. Và chẳng Phlôrăngx không phải là một nơi nghỉ đông tốt. Anh không hiểu tí nào việc em ra đi, lòng anh vô cùng day dứt. Em hãy nói cho anh yên tâm ngay, anh van em...

“Em có thể nghĩ là anh thích thú nhận được tin em qua chồng em và nghe anh ấy tâm tình hay sao? Anh ấy buồn về sự vắng mặt của em và lấy làm tiếc là phải ở lại Pari lúc này vì công vụ. Ở câu lạc bộ, anh nghe nói anh ấy có thể làm bộ trưởng kia đấy. Anh kinh ngạc vì người ta không quen chọn bộ trưởng trong đám người lịch lãm.”

Rồi anh kể chuyện đi săn. Anh có mang về cho nàng ba tấm da chồn, trong đó có một tấm rất đẹp, nó là tấm da một con chồn dững cảm bị anh cầm đuôi lôi từ trong hang ra và quay lại cắn anh vào tay. “Dẫu sao, anh nói thêm, đấy là quyền của nó”.

Ở Pari, anh có những điều lo nghĩ. Người anh em họ của anh ra tranh cử. Anh sợ anh ta bị thiếu số. Nhưng danh sách ứng cử đã niêm yết. Anh không dám khuyên anh ta rút lui, trách nhiệm ấy quá lớn. Mặt khác, nếu thất bại thì quả là rất khó chịu. Cuối thư anh năn nỉ nàng cho biết tin tức và sớm trở về.

Đọc xong, nàng từ từ xé thư, ném vào lửa và nhìn thư bốc cháy, trong lòng dâng lên một nỗi buồn lạnh lùng và trong lúc mơ màng không lấy gì làm thích thú.

Dĩ nhiên, anh ấy có lý. Anh nói điều anh phải nói; anh phàn nàn đúng như anh phải phàn nàn. Trả lời anh thế nào đây? Tiếp tục gây gổ, hờn dỗi anh hay sao? Vừa qua thì quả là chuyện hờn dỗi, nhưng bây giờ! Nguyên nhân hờn dỗi nhau, nay đối với nàng đã trở nên hờ hững tới mức nàng phải suy nghĩ để nhớ lại. Ồ! Không, nàng không muốn giày vò anh nữa. Trái lại, nàng cảm thấy âu yếm đối với anh biết bao nhiêu! Thấy anh tin yêu mình, với một thái độ điềm tĩnh hết mực, nàng lấy làm buồn và kinh hãi. Riêng anh thì không thay đổi. Anh vẫn là người đàn ông trước kia. Còn nàng thì không còn là người đàn bà ngày nào nữa. Giờ đây họ bị ngăn cách bởi những cái vô hình nhưng mãnh liệt như ảnh hưởng của khí trời đem lại cuộc sống hay cái chết. Khi cô gái hầu phòng tới trang phục cho nàng, bức thư nàng viết vẫn chưa xong.

Trầm ngâm, nàng nghĩ bụng: “Anh ấy tin cậy mình. Anh ấy yên tâm”. Điều đó là nàng sốt ruột hơn cả. Nàng bực mình với những con người giản đơn không ngờ vực bản thân họ và cũng không ngờ vực người khác.

Bước vào phòng ngón ngang những áo xống, nàng thấy Vivian Ben đang viết. Cô bảo nàng:

- *Darling* này, cô có biết tôi làm gì trong lúc chờ cô không? Không làm gì cả và làm tất cả. Làm thơ. Ồ, *Darling*, thơ ca phải là sự bộc bạch tự nhiên của tâm hồn.

Têredơ ôm hôn Ben, và kê đầu lên vai bạn, nàng hỏi:

- Xem được chứ?

- Ô, *Darling*, mời cô xem. Những câu thơ viết theo mô hình dân ca Pháp đấy.

Và Têredơ đọc:

Nàng ném viên cuội trắng

Xuống đáy nước hồ sâu

Cuội chạm mặt sóng lặng

Thành vòng nhỏ lăn lăn

Nàng bồn chồn, đau khổ

Như thể vừa vứt bỏ

Vào đáy nước hồ sâu

Trái tim mình nặng trĩu.

- Thơ tượng trưng phải không, Vivian? Giảng cho tôi nghe nào.

- Ô, *Darling*, vì sao lại giảng, vì sao? Một hình tượng thơ ca phải có nhiều nghĩa. Cô tìm thấy nghĩa nào thì đó là nghĩa thực sự đối với cô. Nhưng có một cái nghĩa hết sức rõ ràng *my love*^[83] ạ: ấy là không nên nhẹ dạ bỏ đi những gì ta đã đặt vào tim ta.

Ngựa đã thẳng vào xe. Như đã y ước, họ sẽ đến thăm phòng trưng bày mỹ thuật Anbectinenli theo đường Đơ Môô. Hoàng thân Anbectinenli chờ họ, và Đơsactơ sẽ đến gặp. Xe lăn bánh trên những tấm lát rộng trên lòng đường. Vivian Ben, với giọng líu lo, khẽ khàng bộc lộ niềm vui nghịch ngợm và kiêu

cách của mình. Trong lúc xe chạy giữa những dãy nhà quét vôi màu hồng, màu trắng, những mảnh vườn bậc thang có những pho tượng và vòi nước, cô chỉ cho bạn ngồi biệt thự nấu mình dưới những rặng thông xanh nhạt, nơi các bà mệnh ph và các chàng kỹ sĩ trong Đêcamêrông^[84] đến tránh nạn dịch hạch lúc đó đang tàn phá Phlôrăngx, và họ kể cho nhau nghe những câu chuyện phong tình, hài hước hay bi thảm. Ben thú nhận ý nghĩ hôm qua của mình:

- *Darling* này, hôm qua, cô đi Cacmin cùng Đơsactơ và để bà Macmê ở lại Phidơn. Bà ấy là một bà già dễ chịu, ôn hòa và lịch sự. Bà biết nhiều giai thoại về những người danh giá ở Pari. Và khi kể những giai thoại ấy, bà làm giống như anh chàng đầu bếp Pampalôni của tôi lúc anh ta dọn món trứng lập là: anh ta không cho muối vào trứng mà chỉ để bình đựng muối bên cạnh. Bà Macmê nói rất dịu dàng. Bà cũng để “muối” trong ánh mắt bà. Giống như đĩa trứng của Pampalôni, *my love* ạ: mặn nhạt thế nào tùy ý mỗi người. Ô! Tôi rất mến bà Macmê. Hôm qua, sau khi cô đi, tôi thấy bà ngồi một mình, rầu rĩ trong một góc phòng khách. Bà nghĩ tới chồng, một ý nghĩ tang tóc. Tôi nói với bà: “Bà có muốn tôi cũng nghĩ về ông nhà không? Tôi sẵn sàng cùng bà nghĩ về ông ấy. Người ta bảo ông là một nhà bác học, và là thành viên Hội Hoàng gia Pari. Bà Macmê, bà hãy nói cho tôi biết về ông nhà”. Bà trả lời tôi là ông ta đã toàn tâm toàn ý dành cả cuộc đời cho người Etruyri! Ô, *Darling* này, thế là ngay lập tức, tôi quý mến kỷ niệm về ông Macmê, người chỉ lo toan cho người Etruyri. Và thế là tôi nảy ra một ý ngờ ngộ. Tôi bảo bà Macmê: “Ở Phidơn, trong lâu đài Prêtôriô, có một viện bảo tàng nhỏ về người Etruyri. Mời bà đến thăm với tôi! Bà có muốn không?” Bà đáp đó là điều bà muốn biết hơn cả trong toàn bộ nước Ý này. Hai chúng tôi đến lâu đài Prêtôriô; chúng tôi thấy tượng một con sư tử cái và nhiều tượng nhỏ đàn ông bằng đồng thau, kỳ cục, hoặc rất béo hoặc rất gầy. Người Etruyri là một dân tộc cực kỳ vui vẻ. Họ đúc những bức tượng hoạt kê bằng đồng thau. Nhưng những bức tượng nhỏ kỳ cục ấy, bức thì nặng nhọc bê cái bụng thê lê, bức thì sừng sờ bày cả bộ xương ra, và bà Macmê nhìn ngắm chúng, ca ngợi chúng với một nỗi lòng xót xa. Bà chiêm ngưỡng chúng như thế... có một từ tiếng Pháp rất hay tôi đang cố tìm... như thế chúng là những tấm bia kỷ niệm những chiến công của ông Macmê ấy.

Mactanh – Benlem mỉm cười. Nhưng âu sầu. Nàng thấy bầu trời âm đạm, đường phố nhớp nháp, khách qua đường tầm thường.

- Ô, *Darling* này, hoàng thân Anbectinenli sẽ rất sung sướng được đón tiếp cô trong lâu đài ông ta.

- Tôi không tin.

- Vì sao, *Darling*, vì sao?

- Vì tôi không hề làm ông ta hài lòng.

Vivian Ben khẳng định là trái lại. Anbectinenli là người rất ngưỡng mộ nữ bá tước Mactanh.

Xe ngựa dừng bánh trước lâu đài Anbectinenli. Mặt trước tòa nhà xám xịt, trang trí kiểu quê mùa, có gắn những cái vòng bằng đồng thau, xưa kia, trong những đêm hội hè, dùng để cắm những bó đuốc nhựa thông. Ở Phlôrăngx, những cái vòng ấy đánh dấu nhà ở của những gia đình có danh vọng lớn. Tòa lâu đài có một vẻ kiêu hãnh dữ dằn; phía trong, nó trống rỗng, buồn bã, im lìm. Hoàng thân Anbectinenli sốt sắng ra gặp khách, đưa họ đi qua các căn phòng không còn đồ đạc, đến tận phòng trưng bày. Ông ta xin được thứ lỗi vì phải giới thiệu những bức tranh chắc hẳn không được đẹp lắm. Phòng trưng bày do hồng y giáo chủ Giuylô Anbectinenli thiết lập vào thời kỳ người ta ưa chuộng phong cách của Lơ Ghidô^[85] và của anh em nhà Caraso^[86] – phong cách ấy ngày nay đã lạc hậu. Tổ phụ hoàng thân Anbectinenli lúc đó thích sưu tập tác phẩm của trường phái Bôlônơ. Nhưng ông ta sẽ giới thiệu với nữ bá tước Mactanh vài bốn bức vẽ đã từng được cô Ben ưa thích, trong đó có một bức của Măngtênha^[87].

Ngay từ đầu, nữ bá tước Mactanh nhận ra một phòng trưng bày bị cắt xén, một cái kho những kiệt tác giả hiệu bán, những bức tranh cho các nhà hoạt

động tài chính, như những bức trước kia thân sinh nàng đã được người ta mời mọc rất nhiều lần và đã bị ông khước từ vì tranh chỉ nhằm kinh doanh và thiếu thẩm mỹ.

Một người hầu phòng đến trình một tấm danh thiếp.

Anbectinenli đọc to lên cái tên Giắc Đơsactơ. Lúc đó đang đứng quay lưng lại hai vị khách nữ, nét mặt Anbectinenli lộ vẻ bất bình một cách dữ tợn, vẻ bất bình chỉ thấy trên những bức tượng các hoàng đế La Mã bằng cẩm thạch. Đơsactơ đứng trên bậc tam cấp chính giữa.

Anbectinenli bước ra gặp anh với một nụ cười rầu rĩ.

- Chính bản thân tôi, hôm qua, đã mời ông Đơsactơ tới lâu đài Anbectinenli đấy! – Ben nói – Tôi biết sẽ làm anh vui lòng. Ông ấy muốn được xem phòng trưng bày của anh.

Và quả là Đơsactơ muốn có mặt ở đây cùng với bà Mactanh. Bây giờ, cả bốn người đi giữa các tác phẩm của Lơ Ghidơ và của Anbanô^[88].

Ben nói líu lo với Anbectinenli những điều thú vị về tượng những ông già và những cô gái đồng trinh này; những tấm áo choàng trên tượng như bị một cơn giông bão vô hình lay động. Đơsactơ âu sầu, cau có, bước tới bên cạnh Têredơ và hạ thật thấp giọng nói với nàng:

- Phòng trưng bày này là cái kho chứa những thứ cặn bã trong cửa hiệu các nhà buôn tranh trên khắp thế giới. Và ông hoàng này bán ở đây những thứ mà trước kia người Do Thái không bán được.

Anh đưa nàng tới trước một bức tượng Thánh tộc bày trên một cái giá phủ nhung xanh và trên đường viền có khắc tên Miken-Lănggiơ.

- Tôi đã từng thấy bức tượng Thánh tộc này ở các hiệu buôn ở Luân Đôn, ở Balơ, ở Pari. Vì các chủ hiệu không bán được hai mươi lăm đồng lui^[89] – theo đúng giá trị của chúng nên họ giao cho anh chàng con cháu cuối cùng của dòng Anbectinenli này đòi người ta trả giá năm mươi nghìn phrăng.

Thấy hai người thì thầm và đoán khá rõ họ nói gì, Anbectinenli bước tới gần, vẻ rất duyên dáng:

- Có một bản sao phỏng bức tranh này mà người ta bày bán hầu như ở khắp nơi. Tôi không khẳng định bức này là nguyên bản. Nhưng từ xưa nó vẫn ở trong gia đình chúng tôi, và các bản mục lục cũ cho nó là sản phẩm của Miken-Lănggiơ. Tôi chỉ có thể nói đến thế.

Rồi quay trở lại với Ben lúc đó đang đi tìm công trình của các nghệ sĩ trước thời Phục hưng.

Đơsactơ tỏ vẻ bất rứt. Từ tối hôm qua, anh luôn luôn nghĩ tới Têredơ. Suốt đêm hình ảnh nàng làm anh thao thức. Giờ đây, anh vẫn thấy nàng dịu dàng nhưng dịu dàng một cách khác và còn kêu gọi ham muốn hơn cả đêm qua anh mơ thấy nàng trong khi thao thức. Giờ đây, không còn cái hình ảnh mờ nhạt và bập bễ nữa mà là một sự kêu gọi nhục cảm sắc hơn, mạnh hơn, da diết hơn, và cũng một tâm hồn thầm kín hơn, bí ẩn hơn. Nàng buồn; anh cảm thấy nàng lạnh lùng và lơ đãng. Anh nghĩ bụng mình không là gì hết đối với nàng, mình trở thành một kẻ quấy rầy và lỗ bịch. Anh buồn bực. Giọng chua chát, anh thầm thì bên tai nàng:

- Tôi đã suy nghĩ. Tôi đã không muốn tới. Thế mà không hiểu vì sao tôi lại tới.

Nàng hiểu ngay anh muốn nói gì, hiểu rằng giờ đây anh sợ nàng, anh sốt ruột, nhút nhát và vụng về. Thái độ đó làm nàng thích thú và nàng thầm cảm ơn anh đã khiến lòng nàng rạo rức, ham muốn.

Tim nàng đập rộn ràng. Nhưng giả vờ hiểu là anh phàn nàn mất công vô ích vì những bức tranh chẳng ra gì, nàng trả lời anh là quả phòng trưng bày không có gì thú vị. Lúc này lo sợ làm nàng không vừa lòng, giờ đây anh yên tâm và tin rằng vì thờ ơ và lơ đãng, quả thực nàng đã không nắm được thanh điệu lẫn ý nghĩa của lời nói anh lỡ thốt ra.

Anh nói tiếp:

- Không, không có gì thú vị.

Vì giữ hai vị khách nữ ở lại ă cũng mời anh bạn của họ cùng ở lại. Đờsactrở cáo từ. Anh soạn sửa ra về thì bỗng thấy mình đứng một mình với bà Mactanh trong gian phòng khách lớn vắng vẻ, trên các giá kê có đặt những cái hộp của các cửa hiệu mút kẹo. Lúc này, anh có ý định trốn tránh nàng; giờ đây, anh chỉ muốn được gặp lại nàng. Anh nhắc nàng là ngày mai, nàng phải đến thăm Bacgiênô^[90].

- Bà đã vui lòng cho phép tôi cùng đi.

Nàng hỏi anh có thấy nàng hôm nay là người âu sầu, khó chịu không.Ồ! Không, anh không thấy nàng khó chịu, nhưng hình như anh thấy nàng có đượm chút buồn.

- Than ôi! – Anh nói thêm, – những niềm vui, nỗi buồn của bà, tôi đâu được quyền biết đến.

Nàng lướt nhìn anh với một ánh mắt thoáng qua, hầu như nghiêm khắc.

- Ông không nghĩ là tôi sắp xem ông là người tâm tình chứ?

Rồi đột ngột bỏ đi.

XIII

Sau bữa ăn tối, trong phòng khách để đầy chuông lớn, chuông bé, bà Macmê ngồi trước lò sưởi, ôm một con meo trắng trên đầu gối. Bị những cái tán đèn to tướng che khuất, ánh sáng đèn chỉ rọi lờ mờ lên mấy pho tượng Đức bà thành Xiennơ với đôi bàn tay thon thả. Buổi tối mát trời. Bà Mactanh tươi cười, sung sướng tuy có mệt mỏi sau buổi dạo chơi, ánh mắt như còn in dấu bầu trời thoáng đãng và những hàng cây sum suê hai bên đường. Nàng cùng với Ben, Đơsactơ và bà Macmê đến thăm tu viện Ema. Và giờ đây, say sưa ảo ảnh, nàng quên hết những nỗi ưu tư ngày hôm trước, những lá thư đến không đúng lúc, những lời trách móc kín đáo trong thư. Nàng chỉ còn thấy những căn buồng khắc chạm và vẽ hình trong tu viện với một giếng nước giữa thảm cỏ ngoài sân, những xóm làng mái ngói đỏ tươi và những con đường báo hiệu mùa xuân trong khi nàng lắng nghe những lời ca ngợi như vượt ve, mơn trớn. Đơsactơ vừa nặn một bức tượng Béatrix^[91] nhỏ xíu bằng sáp ong cho Ben. Còn Ben thì ngồi vẽ hình các thiên thần. Hoàng thân Anbectinenli cúi xuống nhìn, dáng điệu mềm mại, tay mân mê râu cằm và nhìn ra xung quanh, ánh mắt phong tình.

Giải đáp một ý nghĩ của Vivian Ben về hôn nhân và tình yêu, anh nói:

- Người đàn bà phải chọn. Họ không thể tĩnh tâm với một người đàn ông được phụ nữ yêu mến; nhưng với một người đàn ông không được phụ nữ ái mộ thì họ lại không có hạnh phúc.

- *Darling*, – Ben hỏi – cô sẽ chọn cái gì cho một người bạn thân?

- Tôi mong sao bạn tôi có hạnh phúc và tôi cũng mong sao bạn tôi được tĩnh tâm, Vivian ạ. Bạn ấy có thể tĩnh tâm khi khinh thị sự phản phúc, những nỗi lòng ngờ vực đến ô nhục, những sự nghi kỵ hèn hạ.

- Nhưng ông hoàng bảo một người đàn bà không thể vừa có hạnh phúc vừa có thể tinh tâm kia mà. Vậy *Darling*, hãy nói cho tôi biết bạn cô nên chọn cái gì. *Darling*, hãy nói, nói đi nào!

- Người ta không chọn, Vivian ạ, người ta không chọn đâu. Cô đừng để tôi nói tôi suy nghĩ như thế nào về hôn nhân.

Đúng lúc đó, Sulet xuất hiện, vẻ ngạo nghễ như một lão hành khất ở cửa ô các thành phố cổ. Ông ta vừa mới chơi bài với những người nông dân trong một quán rượu ở Phidon.

- Sulet về kia! – Ben bảo – Ông ấy sẽ chỉ bảo chúng ta nên suy nghĩ như thế nào về hôn nhân. Tôi sẵn sàng nghe ông như nghe một nhà tiên tri. Ông ta không thấy những điều chúng ta thấy, nhưng lại thấy những điều chúng ta không thấy. Thưa ông Sulet, ông nghĩ thế nào về hôn nhân?

Sulet ngồi xuống ghế và giơ lên trời một ngón tay với vẻ Xôcrat^[92]:

- Thưa cô, cô muốn nói sự hôn phối được tổ chức trọng thể giữa người đàn ông và người đàn bà phải không? Nếu thế thì đó là một lễ thánh. Do vậy hầu như bao giờ đó cũng là một sự phạm thánh. Còn hôn nhân hợp pháp, thì là một thủ tục. Tầm quan trọng mà xã hội chúng ta gán cho nó là một trò ngờ nghếch có thể làm trò cười cho phụ nữ trong Chế độ Cũ. Tiền lệ đó cũng như bao tiền lệ khác, chúng ta phải chịu là do sự sôi nổi của giới trường giả, sự bông bột của các nhà tài chính và của các vị quan tòa, cái mà người ta gọi là Cách mạng và hình như được những kẻ sống vì nó hết lời ca ngợi. Nó chính là mục Gigônho^[93] mẹ đẻ của những trò ngu ngốc. Từ một thế kỷ nay, hàng ngày từ những chiếc váy tam tài của mục ta, đã ra đời không biết bao nhiêu những sự đại dột khác. Thực ra, hôn nhân hợp pháp cũng chỉ là một việc đăng ký, như biết bao việc đăng ký khác của Nhà nước để đảm bảo địa vị của công dân: bởi vì trong một quốc gia có tổ chức, mỗi người phải có tấm phiếu của mình. Và trước Chúa,

mỗi tấm phiếu đều có giá trị như nhau. Về mặt tinh thần, việc ghi tên trong sổ đăng ký cũng khó có khả năng xúi giục một người đàn bà có chồng đi ngoại tình. Có ai nghĩ tới chuyện phản lại lời thề của mình trước mặt ông thị trưởng? Phải là một người đàn bà kính tin mới dám thường thức cái thú vui ngoại tình.

- Nhưng thưa ông, – Têredơ nói – chúng tôi đều làm lễ cưới ở nhà thờ cả đấy.

Rồi, giọng chân thành, nàng nói tiếp:

- Tôi không hiểu vì sao một người đàn ông lại kết hôn cũng như vì sao một người đàn bà lại có thể làm cái việc điên rồ ấy vào cái tuổi mà người ta đã hiểu biết điều mình làm.

Anbectinenli nhìn nàng, vẻ ngờ vực. Tuy là người tinh tế, anh vẫn hoàn toàn không thể quan niệm người ta có thể nói không mục đích, một cách vô tư và để biểu đạt những ý tưởng chung chung. Anh hình dung nữ bá tước Mactanh-Benlem đã khám phá ra và muốn cản trở những dự định của anh. Nghĩ tới cách tự vệ và trả thù, anh nhìn nàng ra vẻ dụi dàng và nói, giọng thanh nhã âu yếm:

- Thưa bà, bà tỏ rõ niềm kiêu hãnh của các thiếu phụ Pháp xinh đẹp và thông minh, không chịu cảnh áp chế. Phụ nữ Pháp yêu tự do, và không một ai trong số họ xứng đáng với điều đó hơn bà. Bản thân tôi có sống ít nhiều ở Pháp. Tôi đã được làm quen và tôi khâm phục cuộc sống Pari thanh lịch, các khách thính, hội hè, những buổi đàm và các trò chơi. Còn chúng tôi, trong cảnh rừng núi, dưới những rặng ô liu, chúng tôi lại trở thành những kẻ quê mùa. Chúng tôi lấy lại những phong tục thôn dã, và đối với chúng tôi, hôn nhân là một cuộc giao duyên hết sức tươi mát.

Vivian Ben ngấm nhìn bức tượng mẫu Đơsactơ để lại trên bàn và nói:

- Ô, quả Béatrix ngày trước là như thế, tôi tin chắc làm vậy. Ông Đơsactơ này, ông có biết là có những kẻ độc ác nói rằng không hề có Béatrix không?

Sulet tuyên bố ông ta nằm trong số ấy. Ông ta không tin Béatrix quả có tồn tại cũng như không tin sự tồn tại của những người phụ nữ khác mà các thi sĩ tình yêu ngày trước dùng hình ảnh để thể hiện một tư tưởng kinh viện nào đó, tinh vi đến nỗi bịch.

Bất bình về những lời ngợi khen cuồng nhiệt mà mình không được nhận bao giờ, ganh tị với Đăngtơ cũng như với cả thiên hạ, và chẳng lại là một học giả rất tinh tế, ông ta cho lời bênh vực của Ben là không thỏa đáng nên phản công:

- Tôi cho là cô em gái ấy của các thiên thần chỉ sống trong trí tưởng tượng lạnh lùng của Đăngtơ, nhà thơ kiệt xuất, mà thôi. Chưa kể hình như đó chỉ là một lối phúng dụ đơn thuần, hay đúng hơn, một bài tập tính và một đề tài chiêm tinh học. Đăngtơ – chúng ta nói riêng với nhau – là một bác sĩ giỏi ở Bôlônơ và có nhiều ý nghĩ điên rồ trong đầu, dưới chiếc mũ vải hình vuông, ông ta tin vào năng lực các con số. Nhà hình học sôi động ấy mơ màng trên những con số, và nàng Béatrix của ông là một bông hoa số học. Chỉ có thể thôi!

Sulet châm tấu thuốc.

Vivian Ben phản đối:

- Ô! Ông đừng nói thế, ông Sulet. Ông làm tôi buồn đấy và nếu ông bạn Goba^[94] chúng ta nghe được thì ông ấy sẽ rất giận ông đấy. Để phạt ông, ông hoàng Anbectinenli sẽ đọc cho ông nghe bản thánh ca trong đó Béatrix giảng giải những vết lõm đốm trên mặt trăng. Anh Ôxobiô, mời anh cầm lấy cuốn *Hài kịch thần thánh*. Quyển sách bìa trắng anh thấy ở trên bàn ấy. Mời anh đọc.

Trong khi Anbectinenli đọc sách dưới ánh đèn thì Đơsactơ ngồi trên tràng kỷ cạnh nữ bá tước Mactanh. Anh thì thầm say sưa ca ngợi Đấngơ là nhà thơ khắc họa tinh tế nhất. Anh nhắc lại bức tranh nàg cùng anh xem hai hôm trước ở Xăngta Maria, bức chân dung nhà thơ trên mũ có vạnh nguyệt quế trong quang cảnh thành phố Phlơrăngx. Chừng ấy là đủ ể ca ngợi người nghệ sĩ. Nhưng nàg không nhận ra được gì hết, nàg không xúc động. Và nàg thú nhận: Đấngơ quá âu sầu không hấp dẫn nàg. Vốn quen thấy nàg chia sẻ mọi ý kiến của mình về nghệ thuật và thơ ca, Đơsactơ ngạc nhiên và có phần bất bình. Anh cao giọng nói:

- Có những cái vĩ đại và hùng tráng bà không cảm nhận được.

Ngẩng cao đầu, Ben hỏi những cái *Darling* không cảm nhận được ấy là những cái gì, và khi nghe nói đấy là thiên tài của Đấngơ thì kêu toáng lên với một vẻ giận dữ giả đò:

- Ô! Cô không tôn kính người cha, người thầy xứng đáng với mọi lời ca ngợi, vị *giang thần* ấy hay sao? Tôi không yêu cô nữa đâu, *Darling* ạ. Tôi ghét cô lắm.

Và như thế để trách cứ Sulet và nữ bá tước Mactanh, Ben kể lại tấm gương kính tìn của một công dân Phlơrăngx cầm những cây nến thắp trên bàn thờ Chúa Giêsu và mang lại trước bức tượng bán thân của Đấngơ.

Anbectinenli tiếp tục đọc thơ:

Ta thấy trong nàg viên ngọc vĩnh hằng.

Đơsactơ khăng khăng muốn làm cho Têredơ ca ngợi những điều nàg không biết. Dĩ nhiên anh có thể dễ dàng hy sinh Đấngơ và tất cả các thi sĩ với toàn bộ vũ trụ. Nhưng nàg ngồi cạnh anh, thản nhiên và khơi gợi, vẻ đẹp tươi mát của nàg mê hoặc anh, kích động anh mà nàg không hay biết. Anh

khăng khăng muốn nàng chia sẻ những ý kiến, những niềm say mê nghệ thuật, cho đến cả những sở thích nhất thời, thoáng qua của anh nữa. Hạ thấp giọng xuống, anh thúc ép nàng với những lời lẽ hàm súc, có phần trêu chọc. Nàng bảo:

- Lạy Chúa! Ông dữ dằn quá đấy!

Thế là anh ghé sát tai nàng và nói vi một giọng sôi nổi mà anh cố kìm bót lại:

- Bà cần hiểu tôi với cả tâm hồn tôi. Tôi sẽ không sung sướng nếu tranh thủ được bà với một tâm hồn xa lạ.

Lời nói làm Têredơ khẽ rùng mình cả vì sợ hãi lẫn sung sướng.

XIV

Hôm sau, khi ngủ dậy, nàng định bụng viết thư trả lời Rôbe. Trời mưa. Nàng uể oải nghe mưa rơi tí tách. Chu áo và tinh tế, Vivian Ben đã đặt lên mặt bàn cả một thếp giấy trang nhã, tờ thì trắng mịn như giấy trong Kinh thánh, tờ lại phơn phớt tím lấm chấm màu tro bạc; những chiếc ngòi bút bằng xenluloit trắng và nhẹ phải dùng như dùng bút vẽ; một thứ mực óng ánh, khi viết lên mặt giấy thì có cả màu thanh thiên lẫn màu vàng rực. Têredơ bực mình với những thứ tinh tế và cầu kỳ ấy, chúng không thích hợp với một lá thư mà nàng muốn viết đơn sơ và kín đáo. Nhìn thấy từ “bạn” dùng để gọi Rôbe trong dòng thư đầu tiên lấp lánh trên mặt giấy bạc và biến thành màu xanh biếc như màu lông cổ chim bồ câu và màu trắng lóng lánh như màu xà cừ, nàng nở một nụ cười nửa miệng. Những câu đầu tiên, nàng viết một cách khó khăn. Nàng viết vội phần sau, nói nhiều về Vivian Ben và về ông hoàng Anbectinenli, chút ít về Sulet, nói nàng có gặp Đơsactơ ghé qua Phlôrăngx. Nàng ca ngợi mấy bức tranh ở các viện bảo tàng, nhưng viết không mấy hào hứng và chỉ cốt lấp cho đầy trang giấy. Nàng biết Rôbe không ưa thích gì hội họa và anh chỉ khen đọc một bức tranh nhỏ vẽ một kỵ binh của họa sĩ Đơtay^[95] mua ở hiệu Gupin. Nàng nhớ lại bức vẽ kỵ binh ấy một hôm anh kiêu hãnh chỉ cho nàng xem, trong buồng ngủ, bên cạnh tấm gương, dưới các bức chân dung của gia đình. Tất cả cái đó, trong ký ức xa xăm, hiện ra tũn mủn, chán ngấy, buồn bã. Kết thúc bức thư là những từ ngữ thân ái, và dịu dàng không có gì là giả tạo. Bởi vì nàng chưa bao giờ thực sự cảm thấy yên tĩnh và khoan dung đến mức này đối với Rôbe. Viết bốn trang thư, nhưng nàng chẳng nói bao nhiêu và lại càng để cho anh hiểu ít hơn. Nàng chỉ bảo nàng có thể ở lại một tháng ở Phlôrăngx, không khí ở đây rất tốt với đối với nàng. Nàng viết tiếp thư cho bố, cho chồng và cho quận chúa Xoniavin. Nàng cầm thư bước xuống thang gác. Bước vào tiền sảnh, nàng bỏ ba bức lên chiếc khay bạc dùng để đựng thư từ đưa đi bưu điện. Nghi ngại cặp mắt hay dò xét của bà Macmê, nàng chuôi vào trong ví xách tay

lá thư viết cho Lơ Mênin, để trong lúc dạo chơi gặp thùng thư ở đâu thì bỏ ở đấy.

Hầu như ngay sau đó, Đơsactơ đến mời ba bà bạn đi phố. Đứng chờ trong tiền sảnh, anh nhìn thấy ba bức thư trên khay.

Anh không tin thuật xét đoán tâm hồn qua chữ viết nhưng nhạy cảm với hình dạng con chữ như với một thứ hình vẽ có tính trang nhã riêng của nó. Chữ viết của Têredơ làm anh say sưa vì nó khiến anh nghĩ tới nàng và nó như một thứ thánh tích mới mẻ; anh cũng thường thức lỗi viết rất mực chân phương, nét bút táo bạo và giản dị. Anh ngắm nhìn địa chỉ trên thư nhưng không đọc, với một niềm say mê nhục cảm.

Sáng hôm ấy, họ đến thăm viếng nhà thờ Xanhtrơ-Mari-Nouven mà trước đó nữ bá tước Mactanh đã đến xem cùng với bà Macmê. Nhưng Ben trách họ đã không chú ý xem chân dung Ginevra của Benxi¹⁹⁶¹ trên một bức tranh tường ở chỗ hát kinh trong giáo đường. “Phải đến xem bộ mặt tươi mát ấy – cô ta nói – trong ánh sáng ban mai tươi mát”. Trong lúc nữ sĩ Ben và Têredơ chuyện vãn thì Đơsactơ bước theo bà Macmê, kiên nhẫn nghe bà kể những giai thoại về các viện sĩ hàn lâm ăn tối ở nhà các vị phu nhân trang nhã; và anh chú ý tới niềm băn khoăn của bà đã mấy ngày nay, bà thiết tha muốn mua một tấm mạng che mặt bằng tuyn. Ở Phlôrăngx, bà không tìm được tấm nào hợp với ý thích trong các cửa hiệu. Bà luyến tiếc đường phố Lơ Bắc...

Ra khỏi nhà thờ, họ đi ngang qua cửa hàng người thợ giày mà Sulet đã nhận làm thầy. Ông lão đang vá những chiếc giày thô kệch. Bên cạnh ông, cây hoắc hương vươn cao cái ngọn xanh rờn và con chim sẻ có chiếc chân gỗ thì kêu chiếp chiếp.

Bà Mactanh hỏi thăm sức khỏe và việc làm của ông lão, hỏi ông có mãn nguyện không. Ông trả lời bằng tiếng “có” duyên dáng của người Ý, khẽ thốt

ra từ khoang miệng đã rụng hết răng. Nàng hỏi chuyện ông về con chim sẻ. Thì ra một hôm con vật tội nghiệp trụng chân vào nhựa thông đang sôi sùng sục.

- Tôi làm cho chú ta một cái chân gỗ bằng que diêm, và chú lại đậu trên vai tôi như xưa.

- Chính ông già tốt bụng này, – Ben nói – dạy không cho ông Sulet. Ở Aten, có một bác thợ giày tên là Ximông viết sách triết học và là bạn Xôcrat. Tôi luôn luôn thấy Sulet giống Xôcrat.

Têredơ muốn biết tên, biết chuyện ông lão thợ giày. Ông cho biết tên là Xêraphinô Xtôppini, quê ở Xchia. Cho đến già, cuộc đời ông vẫn vất vả.

Ông nâng kính lên trán, để lộ cặp mắt xanh rất hiền từ và hầu như không còn khí sắc dưới hai mí mắt đỏ hoe:

- Trước kia, tôi có vợ, có con; nay thì không còn nữa. Trước kia, tôi biết những cái mà nay tôi không biết nữa.

Bà Macmê và Ben đi tìm mua mạng che mặt.

“Trên đời, – Têredơ thầm nghĩ – ông lão chỉ có ít dụng cụ, một nắm đinh, cái khay để trụng da và một cái chậu trồng hoắc hương, thế nhưng ông lão vẫn sung sướng”.

Nàng nói với ông:

- Cây hoắc hương này có mùi thơm và chắc sẽ sớm nở hoa.

Ông lão đáp:

- Nếu cái cây bé nhỏ tội nghiệp này nở hoa thì nó sẽ chết.

Từ giã ông lão ra về, Têredơ để lại trên bàn một đồng tiền.

Đơsactơ đi cạnh nàng. Thái độ nghiêm trang, hầu như nghiêm khắc, anh nói với nàng:

- Bà biết?...

Nàng nhìn anh, chờ đợi.

Anh nói tiếp:

-... là tôi yêu bà không?

Nàng lặng im, dăm dăm nhìn anh, hai hàng mi chớp chớp trên đôi mắt xanh trong. Rồi gật đầu ra hiệu là “có”. Và anh không tìm cách giữ nàng lại, nàng bước đến gặp bà Macmê và Ben đang đứng ở cuối phố.

XV

Chia tay Đơsactơ, Têredơ cùng với bà Macmê và Ben đến ăn trưa ở nhà một bà già quý tộc ở Phlôrăngx, người yêu của Victo-Emanuen¹⁹⁷¹ lúc còn là công tước miền Xavoa. Đã ba chục năm nay, bà chưa hề bước ra khỏi lâu đài bên dòng sông Acnô.

Bà đánh phấn, trang điểm, đầu đội bộ tóc giả màu tím và chơi ghita trong những căn phòng quét vôi trắng rộng thênh thang. Bà tiếp giới thượng lưu Phlôrăngx, và Ben thường tới thăm bà. Trong bữa ăn, bà cụ ẩn dật tám mươi bảy tuổi ấy hỏi nữ bá tước Mactanh về nữ giới Pari mà bà có theo dõi qua báo chí và trong những buổi chuyện vãn. Vẻ phù phiếm của bà trong lúc hỏi han trở nên trang nghiêm do tuổi tác. Sống một mình, bà cụ vẫn tôn sùng khoái lạc.

Ra khỏi lâu đài, để tránh luồng gió lạnh trên sông, Ben dẫn hai người bạn đi theo những đường phố hẹp cũ kỹ với những ngôi nhà xây bằng đá đen; cuối đường bỗng xuất hiện chân trời và một ngọn đồi với ba thân cây mảnh mai trong bầu không khí trong lành. Họ tiếp tục cất bước và Vivian chỉ cho bạn, trên những mặt ngoài xấu xí của các ngôi nhà, nơi vắt lưng lẳng những thứ quần áo rách rưới, một viên đá cẩm thạch, một bức tượng Đức bà, một bông huệ, một tượng nữ thánh Catơrin đặt trong một cái khảm bằng vỏ sò trong tường. Họ đi bộ, qua những đường phố hẹp ấy của chốn cố đô, cho tới nhà thờ Ô Man Misen, nơi Đơsactơ sẽ đến gặp họ. Giờ đây, Têredơ nghĩ tới anh, với một mối quan tâm thực sự. Bà Macmê thì muốn tìm mua một chiếc mạng. Ben bảo bà có thể tìm mua ở phố Cooxô. Câu chuyện mua mạng làm bà nhớ lại một trường hợp đáng trí của ông Lagrănggiơ. Một hôm, trong một buổi tối giảng bài, từ trên diễn đàn, Lagrănggiơ rút từ túi áo ra một chiếc mạng lấm chấm vàng để lau trán, đỉnh ninh đó là chiếc mùi soa. Thính giả kinh ngạc và rì rầm. Đây là tấm mạng tối hôm trước cô cháu Gian Misô gửi ông trong khi hai bác cháu đi dự hòa nhạc. Và bà Macmê giảng giải: Lagrănggiơ tìm thấy mạng

trong túi áo khoác nên mang nó theo để trả lại cho cháu, không ngờ vô ý, ông đã rút mạng ra hươ lên trước cử tọa, khiến không ai nhin cười được.

Nghe nhắc tới cái tên Lagrănggiơ, Têredơ bỗnggôi sao rực cháy theo dự báo của nhà bác học này. Nàng vừa âu sầu vừa nghịch ngợm nghĩ bụng đã đến lúc ngôi sao ấy làm công việc tận thế của nó để cho nàng thoát khỏi cảnh bối rối. Nhưng phía trên dãy tường kiểu cách của ngôi nhà thờ cổ, nàng nhìn thấy bầu trời khô khốc vì gió biển, và sáng lên một màu xanh nhạt đầy vẻ uy hiếp. Bên chỉ cho nàng một pho tượng đồng đặt trong chiếc khảm có khắc chạm trong số tượng trang trí mặt trước nhà thờ.

- *Darling* xem, bức tượng thánh Giooc kia trẻ trung và oai hùng biết chừng nào. Thuở trước, thánh Giooc là chàng hiệp sĩ mà các cô gái hằng mơ tưởng. Và cô có biết là khi nhìn thấy Rômêô, Giuyliet đã thốt lên: “Quả là một thánh Giooc xinh đẹp!” không?

Nhưng *Darling* thấy tượng có vẻ đứng đắn, khó chịu và bướng bỉnh. Lúc đó, nàng bỗng nghĩ tới bức thư vẫn nằm trong ví.

Hình như ông Đơsactơ kia! – Bà Macmê lên tiếng.

Anh đi tìm họ trong nhà thờ, trước bàn thờ của Oocanha^[98]. Chắc hẳn anh không thể quên sự hấp dẫn không sao cưỡng nổi của tượng thánh Gioocgiơ của Đônatenlô^[99] đối với Ben. Anh cũng chiêm ngưỡng bức tượng nổi tiếng này, nhưng vẫn giữ một tình cảm đặc biệt đối với tượng thánh Mac, mộc mạc và thẳng thắn trong chiếc khảm bên trái phía con đường nhỏ có bức tường chống đỡ dựa vào ngôi nhà cũ kỹ của những người thợ chài len ngày trước.

Tới gần, Têredơ thấy một thùng thư ở tường trên con đường hẹp đối diện với tượng. Còn Đơsactơ đứng ở chỗ thích hợp để ngắm tượng và say sưa nói:

- Vừa đến Phlôrăngx là trước tiên tôi đến thăm tượng. Tôi chỉ bỏ lỡ cơ hội có một lần. Chắc hẳn Đức thánh sẽ tha thứ cho tôi: Ngài là một con người tuyệt vời. Tượng không được quần chúng ưa chuộng và chú ý. Riêng tôi, tôi thích xem tượng. Tượng mới thật sống động. Tôi hiểu là sau khi làm cho bức tượng có hồn, Đônatenlô đã thốt lên: “Mac, vì sao tượng không nói đi?”

Chán ngấm tượng thánh Mac và thấy rất mệt vì gió lạnh, bà Macmê kéo Ben đi về phố Candaiôli để tìm mua mạng.

Cả hai người ra đi, để *Darling* và Đơsactơ đứng lại ngấm bức tượng. Họ sẽ gặp lại nhau ở cửa hiệu bán thời trang.

- Tôi yêu, – Đơsactơ nói tiếp – tôi yêu tượng thánh Mac này vì tôi cảm nhận rõ hơn so với tượng thánh Gioocgiơ, bàn tay và tâm hồn Đônatenlô, một người thợ giỏi và tội nghiệp suốt cả cuộc đời. Hôm nay, tôi lại càng yêu tượng hơn vì với vẻ chất phác đáng kính làm xúc động lòng người, tượng làm tôi nghĩ tới ông cụ thợ giày ở Xanta Maria Nôvenla mà sáng nay bà đã tiếp chuyện hết sức dịu dàng.

- A! – Nàng nói – Tôi không nhớ tên ông cụ nữa. Cùng với ông Sulet, chúng tôi gọi cụ là Căngtanh Matxix^[100] vì cụ giống hình vẽ các ông già của nhà họa sĩ này.

Hai người quàng qua góc nhà thờ để nhìn mặt trước, đối diện với ngôi nhà thợ chải len. Ở mặt trước ấy, dưới ôvăng ngói đỏ tươi, có đắp tấm phù đi u hình một chú cừ non. Têredơ chợt trông thấy cái thùng thư bụi bặm và han rỉ tới mức tưởng chừng người đưa thư chưa bao giờ lại gần. Nàng chuôi thư vào thùng, dưới ánh mắt ngây thơ của tượng thánh Mac.

Đơsactơ nhìn thấy lá thư và cảm thấy lồng ngực như dội lên. Anh cố nói, cố cười, nhưng bàn tay đi găng bỏ thư vào thùng vẫn hiển hiện trước mặt. Anh nhớ lại sáng nay có thấy những bức thư của Têredơ trên chiếc khay trong tiền

sánh. Vì sao nàng không để bức thư này cùng với những bức kia? Không khó gì đoán ra lý do.

Anh đứng im, trầm ngâm, nhìn mà chẳng thấy gì. Anh tìm cách tự trấn tĩnh: có thể là một bức thư không quan trọng nhưng nàng muốn tránh cặp mắt tò mò khó chịu của bà Macmê.

- Ông Đơsactơ, có lẽ đã tới lúc chúng ta đến gặp hai bà bạn ở cửa hiệu thời trang đường Coocxô rồi đấy.

Phải chăng nàng viết cho bà Sơmôn là người đã có mối bất hòa với bà Macmê? Nhưng ngay lập tức anh thấy điều mình giả định thật

Rõ ràng quá rồi! Nàng có người yêu. Nàng viết thư cho người đó. Có thể nàng viết: “Hôm nay em gặp Đơsactơ, anh chàng tội nghiệp ấy say mê em”. Nhưng dù nàng viết thế hay viết gì khác thì điều rõ ràng là nàng có người yêu. Anh chưa hề nghĩ tới điều đó. Bỗng đột ngột biết nàng thuộc về một người khác, anh cảm thấy đau đớn trong cả thịt da lẫn tâm hồn. Và bàn tay ấy, cái bàn tay nhỏ nhắn chuôi bức thư ấy, vẫn hiển hiện trước mắt anh, làm mắt anh đau nhức nhối.

Nàng không hiểu vì sao anh bỗng trở nên âu sầu, cảm lạnh. Khi thấy ánh mắt anh băn khoăn nhìn thùng thư thì nàng đoán ra. Nàng thấy anh ghen tuông trong lúc không có quyền ghen tuông thì thật kỳ cục, nhưng nàng không giận.

Tới đường Coocxô, từ xa họ thấy bà Macmê và Ben từ cửa hiệu bán trang phục phụ nữ bước ra.

Đơsactơ nói với Têredơ, giọng khẩn thiết, van vỉ:

- Tôi cần nói chuyện với bà. Ngày mai, tôi cần gặp riêng bà; sáu giờ tối, mời bà tới Lungacnô Axiaôli.

Nàng lặng thinh.

XVI

Nàng tới Lungacnô Axiaôli lúc sáu rưỡi, trong chiếc áo khoác màu nâu nhạt. Đơsactơ đón nàng với ánh mắt tội nghiệp và hân hoan khiến nàng xúc động. Mặt trời chiều tà nhuộm đỏ dòng nước dâng cao trên sông Acnô. Hai người lặng im một lát. Rồi bước theo con đường hai bên chạy dài một cách đơn điệu các tòa lâu đài, đi tới Cầu Cũ. Nàng nói trước tiên:

- Ông thấy đấy, tôi đã tới. Tôi hiểu là tôi phải tới. Tôi cảm thấy mình không phải là không có lỗi trong chuyện xảy ra. Tôi biết rõ điều đó: tôi đã làm những gì phải làm để ông đối với tôi như hiện giờ ông đang đối với tôi. Thái độ của ông đã làm cho ông có những ý tưởng mà nhẽ ra ông

Anh hình như không hiểu. Nàng nói tiếp:

- Tôi là người ích kỷ, đại dột. Tôi mến ông, tôi khâm phục trí tuệ ông, tôi nghĩ tôi không thể sống không có ông. Tôi cố sức cuốn hút ông, giữ ông lại. Tôi làm duyên làm dáng... không phải bằng cách tỏ ra lạnh lùng, cũng không xảo quyệt, nhưng quả tôi đã làm duyên làm dáng.

Anh lắc đầu, không thừa nhận.

- Có! Tôi đã từng làm duyên làm dáng, tuy không có thói quen ấy. Nhưng tôi đã làm duyên với ông. Tôi không nói là ông tìm cách lợi dụng – dù ông có quyền làm như vậy, và cũng không cho là ông lấy thế làm kiêu hãnh. Tôi thấy ông không phải là người hợm mình. Có thể ông không biết gì hết về những điều đó. Những con người siêu phàm cũng có khi thiếu sâu sắc. Nhưng tôi biết rõ tôi đã không xử sự đúng lẽ. Tôi xin lỗi ông. Tôi đến đây là vì vậy. Chúng ta hãy là những người bạn tốt. Vẫn chưa muộn.

Vừa dịu dàng, vừa rầu rĩ, anh nói anh yêu nàng. Những giây phút đầu tiên của tình yêu này là những giây phút bình dị, êm đềm. Anh chỉ muốn được gặp nàng luôn. Nhưng chẳng bao lâu, nàng khiến anh rạo rức, trần trọc không sao tự chủ được. Nỗi đau bùng lên đột ngột và dữ dội vào một hôm trên hàng hiên quán cà phê ở Phidơn. Và giờ đây, anh không còn đủ can đảm để đau khổ trong im lặng. Anh phải thổ lộ. Anh không tới đây với một ý định có sẵn. Anh nói lên nỗi lòng say mê của mình là vì buộc phải nói và bất đắc dĩ phải nói, không sao dừng được, với chính nàng về bản thân nàng, bởi đối với anh, nàng là người duy nhất tồn tại trên đời này. Cuộc sống của anh không còn thuộc về anh nữa mà là thuộc về nàng. Vậy nàng phải biết là anh yêu nàng, và không phải yêu với tình cảm âu yếm yếu ớt, mơ hồ, mà với một sự cuồng nhiệt khắc nghiệt, dữ dội. Than ôi! Anh có trí tưởng tượng chính xác và cụ thể. Luôn luôn anh biết, anh thấy điều anh mong muốn, và đấy là một sự dẫn dắt.

Vả chẳng, anh cảm thấy bên nhau họ sẽ có được những niềm vui làm cho cuộc đời đáng sống. Đời họ sẽ là một công trình mỹ thuật diễm lệ và kín đáo. Họ sẽ cùng nhau suy nghĩ và cảm nhận. Và đời họ sẽ là một thế giới những cảm xúc và ý tưởng diệu kỳ.

- Chúng ta sẽ làm cho cuộc sống thành một vườn hoa

Nàng làm như thể không hiểu ước mơ thơ ngây ấy.

- Ông biết rõ là tôi nhạy cảm với sức cuốn hút của trí tuệ ông. Tôi cảm thấy cần được gặp ông, nghe ông nói và tôi đã để ông nhận ra quá rõ điều đó. Mong ông tin vào tình bạn của tôi và đừng tự giày vò mình.

Nàng chìa tay. Anh từ chối và đột ngột đáp:

- Tôi không muốn tình bạn của bà. Tôi không muốn. Hoặc bà phải thuộc về tôi hoàn toàn, hoặc tôi không bao giờ gặp bà nữa. Bà biết rõ điều đó. Vì sao bà chìa tay cho tôi với những lời chế giễu? Dù bà muốn hay không, bà đã gieo

vào lòng tôi một tình cảm đau đớn, một ham muốn tuyệt vọng. Bà là nguyên nhân nỗi niềm đau khổ và sự dằn vặt của tôi. Và bà bảo tôi làm một người bạn vui vẻ. Chính bây giờ bà là một kẻ làm điều làm bộ và độc ác. Nếu bà không thể yêu tôi thì bà hãy để tôi đi, tôi sẽ đi không biết đến chốn nào để lãng quên bà, để thù ghét bà. Vì tôi cảm thấy vô cùng căm giận bà. Ô! Tôi yêu, tôi yêu bà!

Nàng tin lời anh, sợ anh bỏ đi và khiếp hãi trước nỗi buồn tủi phải sống không có anh. Nàng nói:

- Em đã tìm thấy anh trên đường đời. Em không muốn mất anh. Em không muốn.

Anh thì thầm, vừa rụt rè vừa dữ dội; lời nói nghẹn lại trong cổ họng. Từ những đỉnh núi xa xa, hoàng hôn ngả bóng và những tia nắng mặt trời cuối cùng nhạt dần ở đằng đông đông trên đồi Xan Miniatô. Nàng nói tiếp:

- Nếu anh biết đời em, nếu anh biết nó buồn tẻ biết bao trước khi gặp anh, thì anh hiểu anh là người như thế nào đối với em, và anh sẽ không nghĩ tới chuyện ruồng bỏ em.

Nhưng giọng nói điềm tĩnh của nàng, bước chân đều đặn của nàng trên hè phố làm anh tức tưởi. Anh giận dữ nói với nàng niềm đau khổ của mình, lòng ham muốn cháy bỏng của mình đối với nàng; anh không sao thoát khỏi nỗi ám ảnh giày vò: bất cứ ở đâu, vào lúc nào, ban đêm hay ban ngày, anh cũng thấy nàng, gọi nàng, dang rộng hai tay đón nàng. Bây giờ thì anh hiểu cái đó rồi, cái căn bệnh tuyệt vời đó

- Ý nghĩ tươi sáng, lòng dũng cảm thanh cao, niềm kiêu hãnh tinh tế của em, anh hít thở những đó như hít thở hương vị thịt da em. Khi em cất tiếng anh cảm thấy như tâm hồn em phảng phất trên môi, và anh đau khổ biết bao vì không được áp môi mình lên cặp môi ấy. Đối với anh, tâm hồn em cũng chính

là hương, là sắc của em. Anh gìn giữ bản năng của con người nguyên thủy, và em đã đánh thức chúng dậy. Anh có cảm giác anh yêu em với một sự đơn giản man rợ.

Nàng im lặng, dịu dàng nhìn anh. Lúc đó trong bóng đêm, từ đâu xa có những luồng sáng rọi tới và văng lên tiếng hát náo nê. Rồi như những bóng ma trước luồng gió, xuất hiện những tu sĩ dòng tu khổ. Một người mang thánh giá chạy trước. Mũ bịt kín mặt, tay cầm đuốc, đoàn người hát thánh ca đưa người chết ra nghĩa địa. Theo phong tục Ý, họ đi ban đêm, bước chân vội vã. Thánh giá, áo quan, cờ hiệu nhấp nhô trên bờ sông hoang vắng. Giắc và Têredơ đứng nép vào tường chỗ đám tang đi qua với các linh mục, các lễ sinh và dòng người che kín mặt. Tử thần như giục giã họ cất bước và ở xứ sở say mê khoái lạc này, người ta không chào vị thần hay quấy nhiễu ấy.

Đoàn người đen kịt đi qua như một cơn lốc. Chạy theo sau cỗ quan tài trên vai những bóng ma đi những đôi giày to sụ đóng đế sắt là những người đàn bà khóc lóc thảm thiết.

Têredơ thở dài:

- Chúng ta tự hành dạ mình trên trái đất này mà làm gì?

Anh hình như không nghe thấy và nói tiếp, giọng điềm tĩnh hơn trước:

- Khi chưa được biết em, anh không phải là người khổ sở. Anh yêu đời. Anh gắn bó với cuộc sống vì sự hiếu kỳ và những ước mơ. Anh thường thức vẻ đẹp của những thân hình và bản chất của chúng, thưởng thức những dáng vẻ bề ngoài mơn trớn, vuốt ve. Anh vui niềm vui chứng kiến và ước mơ. Anh tận hưởng hết và không phụ thuộc và bất kỳ điều gì. Ham muốn của anh, phong phú và dễ dãi, lôi cuốn anh một cách thoải mái. Anh quan tâm đến mọi thứ nhưng chẳng thiết tha một thứ gì: người ta sợ dĩ đau khổ chỉ là vì dục vọng. Hôm nay anh đã biết đến điều đó. Anh chưa hề có dục vọng đen tối. Anh sung

sướng mà không biết mình sung sướng. Ô! Mà có là bao nhiêu đâu, chỉ đủ cho cuộc sống thôi mà! Giờ đây, anh không còn niềm hạnh phúc ấy nữa. Những niềm vui của anh, mối quan tâm của anh đối với các hình ảnh của cuộc sống và của nghệ thuật, niềm hứng thú mạnh mẽ được tự tay mình sáng tạo nên một khuôn mặt mình mơ ước, tất cả những cái đó, em đã làm anh đánh mất hết, không còn gì và thậm chí em cũng không để anh luyện tiếc chúng. Anh không còn thiết tha gì cuộc sống tự do, yên tĩnh trước kia nữa. Anh cảm thấy trước khi gặp em, anh chưa hề sống. Và giờ đây, khi anh cảm thấy mình sống thì anh không thể sống xa em, cũng không thể sống gần em. Anh còn khốn khổ hơn cả những người hành khất chúng ta gặp trên đường Ema. Họ có không khí để thở. Còn anh thì chỉ có thể hít thở hương vị của em, song lại không có. Thế nhưng gặp em thì anh hoan hỉ. Chỉ có cái đó là có ý nghĩa trong cuộc đời anh. Lúc này anh ngỡ là anh thù ghét em. Anh đã nhầm. Anh yêu em say đắm và anh cảm tạ em về nỗi đau em đã gây cho anh. Anh yêu tất cả những gì quan hệ tới em.

Hai người bước tới gần hàng cây đen kịt sừng sững ở lối vào cùng Xan Nicôla. Bên kia sông, bóng đêm làm cho cảnh u tịch trên những bãi đất hoang càng thêm buồn bã. Thấy anh điềm tĩnh và đượm chút u sầu, nàng nghĩ tình yêu của anh, hoàn toàn trong tâm tưởng, đã cuốn theo lời nói, và ham muốn của anh đã trôi theo ước mơ. Nàng không ngờ anh khước từ nhanh đến thế và nàng hầu như thất vọng thấy mình thoát khỏi một bước hiểm nghèo mà mình khiếp hãi.

Nàng chìa tay cho anh, lần này mạnh dạn hơn lần trước.

- Thôi anh, chúng ta hãy cùng nhau kết bạn. Đêm đã khuya rồi. Chúng ta hãy trở về và anh đưa em ra xe đỗ ở quảng trường Xenhori nhé. Vừa qua em đối với anh thế nào thì em vẫn thế ấy, vẫn là một người bạn thật tử tế. Anh đã không làm em phiền muộn.

Nhưng anh dẫn nàng đi về phía đồng quê, quang cảnh ngày một thêm hoang vắng trên bờ sông.

- Không, anh chưa nói được với em điều anh muốn nói thì anh không thể để em về. Nhưng anh không biết nói thế nào, không tìm ra lời để nói. Anh yêu em, anh ham muốn em. Anh muốn biết chắc là em thuộc về anh. Anh thề với em là nếu còn bản khoản điều đó thì dù chỉ một đêm anh cũng không sao nhịn được nổi hải hùng ấy.

Anh ôm nàng vào lòng, và mặt áp mặt, anh dò xét ánh mắt nàng bị che khuất sau tấm mạng.

- Em phải yêu anh. Anh muốn như vậy và chính em cũng muốn như vậy. Em hãy nói là em thuộc về anh đi. Em nói đi

Nhẹ nhàng gỡ tay anh ra, nàng đáp giọng nhỏ nhẹ:

- Em không thể. Em không thể. Anh thấy rõ là em thành thật với anh. Lúc này em đã nói là anh không làm em phiền muộn. Nhưng em không thể chiều theo ý anh.

Và bỗng nghĩ tới người vắng mặt đang chờ mình, nàng nhắc lại:

- Em không thể.

Cúi xuống, anh lo âu dò xét ánh mắt nàng: cặp mắt nàng như hai vì sao chớp chớp và mờ dần đi.

- Sao vậy? Em yêu anh kia mà, anh cảm nhận và anh thấy được điều đó. Em yêu anh. Vì sao em lại để thiệt cho anh, không chịu thuộc về anh?

Anh kéo nàng vào lòng, muốn đặt cả miệng và tâm hồn mình lên đôi môi che kín sau tấm mạng. Lần này nàng lệ làng thoát ra và nói:

- Em không thể. Anh đừng hỏi em nhiều hơn. Em không thể thuộc về anh đâu.

Hai môi anh run run, cả khuôn mặt như quặn quại. Anh hét lên:

- Cô có người yêu và cô yêu người ta. Vì sao cô lại đem tôi ra làm trò cười?

- Em thề với anh là em không hề muốn đem anh ra làm trò cười, và nếu trên đời này em có yêu một người thì người đó phải là anh.

Nhưng anh không nghe nàng nói.

- Hãy buông tha tôi! Buông tha tôi!

Và chạy về phía cánh đồng tối đen như mực. Dòng sông Acnô, giờ đây tràn lên bờ, tạo thành trên mặt đất nhấp nháp những vũng nước soi bóng trắng nửa tỏ nửa mờ. Anh bước qua nước và bùn, những bước chân vội vã, vô định và khủng khiếp.

Nàng sợ, kêu thét lên. Nàng gọi. Nhưng anh không quay đầu lại và không trả lời. Anh bỏ đi với một vẻ điềm nhiên đến đáng sợ. Nàng chạy theo sau anh. Chân bị đau vì đá sỏi, vấy sũng nước, nàng bắt kịp anh, kéo mạnh anh về phía mình:

- Anh định làm gì thế?

Nhìn nàng, thấy đôi mắt nàng khiếp hãi, anh nói:

- Cô đừng sợ gì hết. Tôi bước đi mà mắt chẳng thấy gì. Tôi cam đoan với cô là tôi không tìm cách quyến sinh đâu. Ồ! Xin cô yên tâm. Tôi tuyệt vọng nhưng tôi rất tinh táo. Tôi tránh cô. Tôi xin cô thứ lỗi. Nhưng tôi không thể,

không, tôi không thể nhìn mặt cô nữa. Hãy buông tha tôi ra, tôi xin cô. Vĩnh biệt!

Bối rối và không cưỡng nổi lòng mình, nàng đáp:

- Anh nghe em nói này! Làm được thế nào, chúng ta cố gắng làm.

Anh vẫn âu sầu, im lặng.

Nàng nhắc lại.

- Nào, anh nghe em nói này!

Nàng cầm lấy cánh tay anh. Bàn tay êm ái làm anh phấn chấn. Anh hỏi:

- Em bằng lòng à?

- Em không muốn mất anh.

- Em hứa với anh nhé!...

- Phải hứa thôi.

Và, bàng hoàng, lo sợ, hầu như nàng mỉm cười, trong bụng nghĩ sao anh thành công nhanh đến thế vì sự cuồng dại của mình.

Anh bảo nàng

- Mai, em nhé!

Nàng vội vã đáp, với bản năng tự vệ:

- A! Không, không phải mai đâu!

- Em không yêu anh rồi; chắc em hối hận đã nhờ hứa.

- Không, em không hối hận, nhưng...

Anh năn nỉ, thiết tha. Nàng nhìn anh chốc lát, quay đầu, ngật ngừng và hạ thật thấp giọng xuống nói:

- Thứ bảy.

XVII

Sau bữa ăn tối, Ben ngồi vẽ trong phòng khách. Cô vẽ những khuôn mặt nhìn nghiêng của người Etruyri râu cằm tua tủa để rồi bà Macmê sẽ thêu lên mặt gối. Ông hoàng Anbectinenli chọn những sợi chỉ theo thị hiếu màu sắc của phụ nữ. Trời đã về khuya. Chơi cờ xong như thường lệ với anh chàng đầu bếp ở nhà chủ quán, Sulet trở về, vui vẻ thỏa thuê. Ông ta đến ngồi trên tràng kỷ, cạnh bà Mactanh và âu yếm nhìn nàng. Đôi mắt màu xanh long lanh khoái lạc, Sulet thốt ra những lời ngợi ca ngọt ngào, đầy thi vị tựa lời phác họa một bản tình ca ứng khẩu. Bằng những câu ngắn, dồn dập và kỳ cục, ông ta ca ngợi vẻ hấp dẫn của nàng.

Nàng nghĩ:

“Cả ông ta nữa!”

Và nàng thích thú trêu chọc ông, hỏi ông ta có tìm thấy trong các khu phố tồi tàn của Phlôrăngx một phụ nữ nào trong số những người ông ta thường nói tới không. Bởi nàng đã biết sở thích của Sulet. Ông ta không thể phủ nhận: người ta không lạ việc ông tìm thấy sợi dây chuông hội Thánh ở đâu. Bạn bè vẫn gặp ông ta đi trên đại lộ Xanh-Misen với những cô gái để đầu trần. Hứng thú của ông đối với những con người khốn khổ đó, ông đã nói tới trong những bài thơ đẹp nhất của mình.

- Ô! Nếu tôi không nhầm thì những cô gái ông ưa thích, chẳng ra gì cả, ông Sulet ạ.

Ông ta long trọng đáp.

- Thừa bà, bà có thể nghe những lời ông Pôn Veux nói xấu tôi, và bà tha hồ xỉ vả. Tôi đâu chú ý tới cái đó. Bà không cần phải biết tôi là kẻ thanh khiết và tâm hồn tôi trong sạch. Nhưng xin bà đừng nông nổi đánh giá những cô gái mà bà bảo là khốn khổ ấy, bà phải coi họ là những người đáng tôn kính vì lẽ họ khốn khổ. Người con gái bị khinh miệt và hư hỏng là thứ đất sét dễ nặn dưới ngón tay người thợ gốm thiên tài, là vật hy sinh để chuộc tội, là bàn thờ làm lễ thiêu tế vật. Các cô gái mãi dâm ở gần Chúa hơn những người đàn bà lương thiện đấy, họ không còn lối cao ngạo và họ khước từ niềm kiêu hãnh. Cái hư vô mà các vị phu nhân lấy làm vinh hạnh thì họ không hề tự hào. Họ có tính khiêm nhường, đó là hòn đá thử vàng đối với những đức hạnh Chúa ưa thích. Họ chỉ cần một chút hối hận là sẽ được lựa chọn đầu tiên, vì tội lỗi của họ, không hề gian ác và cũng không đem lại cho họ niềm vui, đã mang trong bản thân chúng sự chuộc tội và sự tha thứ. Lỗi lầm của họ, vốn là những nỗi niềm khổ đau, có quan hệ tới những giá trị gắn liền với đau khổ. Phải phục tùng ái tình thô bạo, họ không được hưởng một chút khoái cảm nào và do vậy họ gần giống những người đàn ông chịu thiên nhằm lên cõi cực lạc. Họ cũng là những người phạm tội như chúng ta, nhưng sự ô nhục chảy trên tội lỗi của họ như một thứ dầu thơm, nỗi đau khổ tẩy sạch nó như một hòn than rừng rực. Vì vậy Chúa chấp nhận ánh mắt đầu tiên họ hướng lên Người. Ở chốn thiên đường, một bà hoàng hậu và một nữ hoàng sẽ sung sướng nếu được ngồi dưới chân cô gái lang thang. Bà đừng nghĩ là ngôi nhà chốn Thiên đình được xây dựng theo quan điểm của con người. Thiếu hết mọi thứ mà, thưa bà.

Tuy nhiên Sulet thừa nhận có nhiều con đường dẫn tới hạnh phúc. Có thể đi theo con đường tình yêu.

- Tình yêu của người đời là thấp kém! – Ông ta nói – Nhưng nó đi lên theo những con đường dốc gian khổ và dẫn tới Chúa.

Anbectinenli đứng dậy. Hôn tay Ben, anh nói:

- Hẹn thứ bảy.

- Vâng chiều thứ bảy. – Vivian đáp.

Têredơ giật mình. Thứ bảy! Họ điềm tỉnh nói tới thứ bảy, như nói tới một ngày bình thường sắp tới. Cho đến lúc này, nàng không ngờ thứ bảy tới nhanh thế và tự nhiên đến thế.

Họ vừa chia tay nhau được nửa tiếng. Lơ đãng và mệt mỏi, Têredơ đang mơ màng trên giường thì nghe có tiếng gõ khê ở cửa. Cánh cửa trên hé cửa, và cái đầu nhỏ của Vivian xuất hiện sau tấm màn cửa thêu hình những cây oanh sum suê.

- Tôi không quấy rầy cô chứ, *darling*? Cô không buồn ngủ phải không?

Không, *darling* không buồn ngủ. Nàng chống tay ngồi dậy, Vivian ngồi lên giường, người mảnh mai không hề làm nệm giường lún xuống.

- *Darling*, tôi biết cô rất khôn ngoan.Ồ! Tôi tin chắc như thế. Cô là người khôn ngoan cũng như Xatle là nghệ sĩ viôlông vậy. Ông ta chơi nhạc hơi sai đi một chút tùy theo ý muốn. Cô cũng vậy, có lúc cô lập luận không hoàn toàn đúng là vì cô thích thú muốn làm một kẻ kỳ tài.Ồ! *darling*, cô là người rất khôn ngoan và có óc phán đoán. Tôi đến xin cô một lời khuyên đây.

Ngạc nhiên và có phần bần thần, Têredơ không nhận mình là người không ngoan. Nàng không nhận một cách thành thực. Nhưng Vivian không nghe.

- *My love*, tôi đọc Phrăngxoa Rabơle^[101] nhiều lắm. Chính nhờ đọc Rabơle và Vilông^[102] mà tôi học được tiếng Pháp. Họ là những bậc thầy ngày trước về ngôn ngữ. Nhưng *darling* này, cô có biết Păngtagruyen^[103] không?Ồ! *Păngtagruyen* là một thành phố mỹ lệ và quý phái đầy rẫy lâu đài trong ánh bình minh rực rỡ, trước khi những người quét rác chưa đi qua.Ồ! Không, *darling* ạ, những người quét rác chưa dọn rác đi và các cô hầu gái chưa lau sân nhà thờ lát cẩm thạch. Và tôi thấy họ nữ Pháp không đọc *Păngtagruyen*. Cô

không biết tác phẩm ấy à? Khng à?Ồ! Không cần thiết. Trong *Păngtagruyen*, Panuêgiơ hỏi y có nên lấy vợ không và làm trò cười cho thiên hạ, *my love* ạ. Và tôi, tôi cũng đáng cho người ta chế nhạo như y, vì tôi cũng đặt câu hỏi như thế với cô.

Têredơ trả lời với một vẻ khó chịu không che giấu:

-Ồ! Về cái đó thì đừng hỏi han gì tôi hết, bạn thân mến ạ. Tôi đã nói ý kiến của tôi với cô rồi.

- Nhưng, *darling*, cô chỉ nói là đàn ông lấy vợ là sai. Còn tôi, tôi không thể coi đó là lời khuyên đối với mình.

Bà Mactanh nhìn cái đầu xinh xinh như đầu con trai của Ben, cô ta để lộ vẻ mắc cỡ một cách kỳ cục, như cách một cô gái muốn yêu.

Nàng ôm hôn bạn và nói:

- Bạn thân mến, trên đời này, không có người đàn ông nào đủ ngọt ngào và tinh tế cho bạn đâu.

Rồi vừa nghiêm trang vừa âu yếm, nàng nói tiếp:

- Bạn không phải là một đứa trẻ: nếu có người yêu bạn và bạn cũng yêu, thì bạn hãy làm điều mình thấy nên làm và đừng bao giờ để tình yêu dính dáng tới những quyền lợi và mưu toan không có quan hệ gì tới tình cảm. Đây là lời khuyên của một người bạn.

Ben ngật ngưỡng một lúc không muốn hiểu. Rồi đỏ mặt và đứng dậy. Cô ta tự ái.

XVIII

Theo đúng lời hứa, bốn giờ chiều ngày thứ bảy, Têredơ đến trước cổng nghĩa trang người Anh. Cô gặp Đơsactơ trước dãy sào đất. Anh tỏ ra nghiêm trang và bối rối, hầu như chẳng nói gì. Nàng hài lòng thấy anh không bộc lộ niềm vui. Anh nàng đi dọc theo những dãy tường vắng vẻ xung quanh các khu vườn tới một con đường nhỏ nàng chưa đến bao giờ. Nàng thấy ghi trên một tấm biển: Via Anphiêri¹⁰⁴. Đi khoảng năm chục bước anh dừng lại trước một lối đi hoang vắng.

- Đây rồi! – Anh nói.

Nàng nhìn anh, ánh mắt buồn vô hạn.

- Anh muốn em vào?

Thấy anh cả quyết, nàng im lặng theo anh trong bóng tối ẩm ướt bao phủ lối đi. Anh vượt qua một cái sân cỏ chen mọc giữa những viên gạch lát. Ở cuối sân là một ngôi nhà nhỏ có ba ô cửa sổ, những dãy cột và một mái nhà khắc chạm hình những con dê và thủy thần. Đứng trên bậc tam cấp đầy rêu xanh, anh cho chìa khóa vào ổ, khóa không xoay và rít lên, anh nói, giọng trầm thì:

- Khóa bị rỉ.

Không suy nghĩ, nàng đáp như một người không hồn:

- Ở cái xứ này, chìa khóa nào cũng bị rỉ hết.

Hai người bước lên một thang gác xây theo kiểu Hy Lạp và hoang vắng như thể chưa có dấu chân người. Anh đẩy một cánh cửa và đưa Têrêđơ vào. Không nhìn ngó gì hết, nàng đi thẳng tới ô cửa sổ để mở, ngoảnh ra phía nghĩa trang. Phía trên bức tường, vươn lên những ngọn thông không hề có vẻ thô lương trên mảnh đất này, nơi tang tóc xen lẫn với hoan lạc và không làm vẫn đục hoan lạc, nơi niềm vui trong cuộc sống trải rộng đến chỗ yên nghỉ của những người chết. Anh cầm tay dắt nàng đến một chiếc ghế bành. Nàng vẫn đứng và nhìn căn phòng anh đã sắp đặt sao cho nàng khỏi thấy quá ngỡ và phiêu lưu. Mấy tấm vải hoa, với những họa tiết hài hước, phủ trên tường gợi lại những niềm vui của quá khứ với một vẻ âu sầu dễ thương. Anh treo trong một góc buồng bức tranh vẽ chì mờ nhạt họ đã nhìn thấy ở một cửa hiệu đồ cổ, bức tranh được nàng đặt cho cái tên gọi “hình bóng Rôdanba”^[105] vì cái vẻ duyên dáng đã nhạt phai của nó. Một chiếc ghế bành êm ái, những chiếc ghế tựa sơn trắng; trên chiếc bàn tròn, mấy cái chén có vẽ hoa và mấy cái ly Vonidơ. Ở bốn góc nhà là những tấm bình phong bằng giấy tô màu trên có những hình mặt người, những bức kí họa và những bài mục ca, dấu hiệu tâm hồn khoáng đạt của Phlôrăngx, Bulônơ và Vonidơ vào thời các đại công tước và các vị thống đốc cuối cùng. Nàng nhận thấy anh cẩn thận đặt khuất chiếc giường sau một bức bình phong có khắc chạm những hình trang trí vui mắt. Một tấm gương, mấy tấm thảm, và chỉ có thế. Anh không dám mua sắm gì nhiều hơn trong một thành phố mà những tay buôn đồ cũ lấu linh có thể dò theo dấu vết anh.

Anh đóng cửa sổ và đốt lò sưởi. Nàng ngồi trong ghế bành Anh quỳ xuống, hôn tay nàng và dăm dăm nhìn nàng, vẻ say sưa vừa rụt rè vừa kiêu hãnh. Rồi bỗng đặt môi lên mũi giày nàng.

- Anh làm gì vậy?

- Anh hôn đôi chân đã đưa em tới với anh.

Anh đứng dậy, dịu dàng kéo nàng vào lòng và đặt lên môi nàng một cái hôn thăm thiết. Nàng đứng sững, đầu ngả ra sau, hai mắt lim dim. Chiếc mũ vải rơi xuống, mái tóc nàng xõa ra.

Nàng hiển thân không một chút đắn đo.

Hai tiếng sau, trong bóng chiều, bước đi một mình trên đường phố, Têredơ bỗng thấy mình đứng trước hai ngọn tháp Xanh-Mari-Nouven mà không hiểu mình đã tới đây như thế nào. Ở góc quảng trường, ông lão đóng giày tươi cười ngồi khâu giày với những cử chỉ muôn thuở và con chim sẻ đậu trên vai.

Nàng bước vào gian hàng, ngồi lên chiếc ghế đầu và hỏi bằng tiếng Pháp:

- Bác Căngtanh Matxix này, tôi đã làm gì và tôi sẽ ra sao đây?

Ông lão điềm tĩnh nhìn nàng, tươi cười, nhân hậu, không hiểu đầu đuôi ra sao và cũng không băn khoăn. Không có gì làm ông ngạc nhiên nữa. Nàng lắc đầu.

- Bác Căngtanh tốt bụng ạ, tôi đã làm như vậy bởi vì anh ấy đau khổ và bởi vì tôi yêu anh ấy. Tôi không ân hận gì hết.

Ông lão đáp theo thói quen bằng một tiếng “có” âm vang của ngôn ngữ Ý:

- Có! Có!

- Tôi không hành động sai trái phải không bác Căngtanh? Nhưng lạ Chúa, cái gì sẽ xảy ra bây giờ đây?

Nàng định ra đi. Ông lão ra hiệu cho nàng chờ một lát. Ông cẩn thận hái một cành hoắc hương nhỏ tặng nàng:

- Một chút hương thơm, thưa bà.

XIX

Một ngày sau.

Đặt cẩn thận lên bàn phòng khách cây gậy đi đường có nhiều mẫu, chiếc tẩu thuốc và cái túi vải cũ kỹ, Sulet đến chào bà Mactanh đang ngồi đọc trước cửa sổ. Ông ta sẽ đi Axxidor. Mình khoác tấm áo da dê, ông nom có vẻ như những ông lão chần chừ trên những bức tranh Thiên chúa giáng sinh.

- Tạm biệt bà. Tôi xin tạm biệt Phidor, tạm biệt bà lẫn Đơsactơ cùng ông hoàng Anbectinenli bảnh trai và con yêu tinh Ben rất mực dễ thương. Tôi sẽ đi thăm núi Axxidor. Chúng ta không nên gọi là núi Axxidor nữa, mà là núi phương Đông vì lẽ mặt trời tình yêu mọc ở đó. Tôi sẽ đến quỳ trước ngòi một được ban phước lành, nơi có thánh Phrăngxoạ trần trụi nằm nghỉ bên dưới, trong một cái âu bằng đá và đầu đặt trên một chiếc gối cũng bằng đá. Ngài không muốn mang theo, dù chỉ một tấm vải liệm của cõi trần thế này, nơi ngài khám phá ra cái bí ẩn của mọi niềm vui và mọi tấm lòng nhân hậu.

- Xin tạm biệt ông, ông Sulet. Ông nhớ mang về cho tôi một chiếc huy hiệu nữ thánh Clerơ. Tôi rất yêu nữ thánh Clerơ.

- Bà nói rất có lý, thưa bà. Clerơ là người phụ nữ đầy nghị lực và rất mực khôn ngoan. Khi thánh Phrăngxoạ ốm đau và hầu như mù lòa đến nghỉ vài hôm ở Xanh Đamiông, tại nhà bà, Clerơ tự tay mình dựng cho ông một túp lều trong vườn. Ông mừng lắm. Mệt mỏi, đau đớn, hai mí mắt như bị cháy bỏng, ông không sao yên giấc. Những con chuột to tướng kéo đến quấy nhiễu ông suốt đêm. Ông bèn làm một bài thánh ca hào hùng ca ngợi Người anh Mặt trời rực rỡ và Người chị Nước trinh khiết, hữu ích và trong lành. Những bài thơ hay nhất của tôi, kể cả những bài về khu Vườn cấm, cũng không dễ hấp dẫn và huy hoàng một cách tự nhiên như bài thánh ca ấy. Và như thế là phải, vì tâm

hồn thánh Phrăngxoa cao đẹp hơn tâm hồn tôi. Tuy tốt hơn tất cả những người đương thời mà tôi biết, tôi vẫn chẳng ra gì. Phrăngxoa rất hài lòng với bài hát ca ngợi Mặt trời. Ông nghĩ: các anh em tôi và tôi, chúng tôi sẽ đến các đô thành, ngày phiên chợ, chúng tôi cầm ống sáo đứng ở nơi công cộng. Những con người tử tế sẽ đến gần chúng tôi và chúng tôi sẽ nói với họ: “Chúng tôi là những thi sĩ giang hồ của Chúa, chúng tôi sẽ ngâm một bài thơ tự tình. Nếu hài lòng thì bà con sẽ thưởng cho chúng tôi”. Họ sẽ chấp nhận. Và hát xong, chúng tôi sẽ nhắc lại lời hứa của họ. Chúng tôi sẽ bảo họ: “Bà con phải thưởng cho chúng tôi. Và phần thưởng chúng tôi xin bà con là mọi người hãy yêu thương nhau. “Chăn hăn để giữ lời hứa và không làm thiệt hại đến các thi sĩ giang hồ tội nghiệp của Chúa, họ sẽ tránh không làm hại người khác.

Bà Mactanh cho thánh Phrăngxoa là vị thánh dễ thương nhất trong tất cả các thánh.

- Tác phẩm của thánh Phrăngxoa bị hủy diệt ngay lúc sinh thời. – Sulet nói tiếp – Nhưng ông chết hạnh phúc vì ông lấy đức khiêm nhường làm niềm vui. Ông quả là nhà thơ hiền hòa chỉ biết ca ngợi Chúa. Cần có một thi sĩ khốn khổ khác tiếp tục nhiệm vụ của ông và truyền dạy cho thiên hạ một nền tôn giáo chân chính và niềm vui chân chính. Nhà thơ đó sẽ là tôi, thưa bà, nếu tôi biết kiêu hãnh vứt bỏ lý trí. Vì trên cõi trần này, mọi vẻ đẹp tinh thần đều được thực hiện với thứ trí tuệ kỳ lạ bắt nguồn từ Thượng đế và giống như sự điên dại.

- Tôi không làm ông thất vọng đâu, ông Sulet ạ. Nhưng tôi bán khoản cho số phận ông dành cho những người đàn bà tội nghiệp trong cái xã hội mới của ông. Ông sẽ nhốt tất cả họ vào tu viện mất.

- Tôi thú nhận – Sulet đáp – là họ làm tôi rất lúng túng trong dự án cải cách của mình. Người ta yêu họ với một thái độ hung bạo đến chua xót và xấu xa. Khoái lạc họ mang lại không hề yên ổn và không dẫn tới niềm vui. Trong đời mình, tôi đã vì họ mà phạm hai ba tội khủng khiếp tuy người ta không biết đến.

Tôi không tin là có lúc nào có thể mời bà dự bữa ăn khuya ở Xanh-tơ-Mari-đê-Đănggiơ.

Cầm túi vải và cây gậy có chạm đầu người, Sulet nói tiếp:

- Những lỗi lầm trong tình yêu sẽ được tha thứ. Hay nói đúng hơn, người ta không làm gì có hại khi người ta chỉ yêu không thôi. Nhưng một tình yêu nhục dục chứa đựng bao nhiêu tình yêu thì cũng chứa đựng bấy nhiêu hận thù, ích kỷ và giận dữ. Một buổi tối trên tràng kỷ này, vì thấy bà đẹp, lòng tôi đã bị xâu xé bởi vô số ý tưởng thô bạo. Lúc đó, tôi ở quán ăn về, nơi tôi vừa nghe anh chàng đầu bếp của cô Ben đọc một nghìn hai trăm câu thơ ứng khẩu tuyệt vời về mùa xuân. Lòng tôi tràn ngập một niềm vui siêu phàm, nhưng nó tiêu tan khi tôi trông thấy bà. Sự trừng phạt Evơ^[106] phải chịu chứa đựng trong nó một chân lý sâu xa. Vì ở cạnh bà, tôi trở nên âu sầu và xấu xa. Trên môi tôi đọng những lời dịu dàng. Đó là những lời dối trá. Trong thâm tâm mình, tôi cảm thấy tôi là địch thủ, là kẻ thù của bà, tôi hận thù bà. Thấy bà tươi cười, tôi những muốn giết bà.

- Thật thế ư?

- Ồ! Thưa bà, một tình cảm rất tự nhiên thôi mà, và chắc hẳn do chính bà gợi ra nhiều lần. Kẻ tầm thường thì chỉ bất giác nhận ra điều đó, còn trí tưởng tượng mãnh liệt của tôi thì luôn luôn cho tôi nhận ra chính bản thân mình. Tôi chiêm nghiệm tâm hồn tôi, thỉnh thoảng nó rục rờ, nhưng thông thường nó xấu xa. Nếu tối hôm ấy bà nhìn thấy nó, mặt đối mặt, thì bà phải kêu lên vì kinh hoàng.

Têrêdơ mỉm cười:

- Tạm biệt, ông Sulet, ông chớ quên huy hiệu nữ thánh Clerơ cho tôi.

Ông ta đặt vali xuống đất, và giơ cánh tay lên trời, ngón trỏ thẳng đứng lên, như người chỉ bảo và giáo huấn:

- Bà không có gì phải sợ về phía tôi cả. Nhưng người được bà yêu và yêu bà sẽ làm hại bà đấy. Tạm biệt bà.

Ông ta xách hành lý bước ra. Nàng thấy dáng người què mùa lêu đều của ông khuất sau hàng cây kim tước ngoài vườn.

Buổi chiều nàng đi Xan Maccô. Đờsactơ chờ nàng. Nàng vừa muốn vừa sợ sớm gặp lại anh. Nàng cảm thấy một nỗi ki nhưng nó dịu đi vì một tình cảm xa lạ, hết sức êm đềm. Nàng không còn mê mê như lần đầu tiên hiến thân vì tình yêu, không còn cái ảo ảnh đột ngột về điều không sao cứu vãn được. Giờ đây, nàng bị chi phối bởi những ảnh hưởng chậm rãi hơn, mơ hồ hơn nhưng cũng mãnh liệt hơn. Giờ đây, một mộng tưởng kỳ thú làm nàng nhớ lại những vết ve, mơn trớn và làm dịu bớt vết thương lòng. Nàng băn khoăn, khắc khoải, nhưng không hề cảm thấy hổ thẹn và ân hận. Nàng hành động vì ý muốn của mình thì ít mà chính vì một sức mạnh nàng đoán biết ngày càng dữ dội hơn. Nàng tự tha thứ cho mình vì sự vô tư của bản thân. Nàng không dựa vào gì hết vì không hề tính toán gì hết. Dĩ nhiên, nàng phạm tội hiến thân khi không còn tự do nhưng chính vì vậy nàng không đòi hỏi gì hết. Có thể chỉ là một sở thích, một ham muốn trong chốc lát tuy dữ dội và thành thực. Nàng chưa trải qua những sự huyền hoặc mạnh mẽ và bấp bênh như vậy, chúng vượt xa cái tầm thường hàng ngày về mặt tốt cũng như mặt xấu. Nếu đột ngột anh xa rời nàng và biến mất thì nàng cũng không trách anh, không giận anh – ít ra nàng cũng nghĩ bụng như vậy. Nàng sẽ ấp ủ kỷ niệm và dấu vết của cái hiếm nhất, quý nhất trên đời. Có thể anh không thật sự gắn bó. Anh chỉ tưởng mình yêu. Anh đã yêu nàng trong một tiếng. Nàng không dám mong ước nhiều hơn trong tình thế lúng túng, không minh bạch này. Nó làm cho sự chân thành và lòng kiêu hãnh của nàng bị tổn thương, trí óc của nàng mất sáng suốt. Ngồi trên xe ngựa trên đường đi Xan Macrô, cuối cùng nàng đành nhìn anh sẽ chẳng nói gì đâu về ngày hôm trước: kỷ niệm về căn buồng ái ân, nơi nhìn thấy những ngọn thông

vườn cao như những cái suốt chỉ đen kịt, chỉ để lại cho anh, cho nàng giấc mơ của một giấc mơ.

Anh đứng cạnh bậc thang lên xuống xe chìa tay đón nàng. Anh chưa kịp nói gì nàng đã thấy, qua ánh mắt anh, anh yêu nàng và vẫn ham muốn nàng. Và cũng lúc đó, nàng thấy mình cũng muốn như vậy.

- Em – anh nói – em... Anh đến đây từ trưa, anh chờ, tuy biết là em chưa tới, nhưng anh chỉ có thể sống ở chỗ anh phải gặp em. Thế là em đã đến!... Em hãy nói đi để anh được nghe em, được thấy em.

- Thế anh vẫn yêu em?

- Chính lúc này anh yêu em. Anh tưởng anh yêu em khi em chỉ là cái bóng ma đục vọng của anh. Giờ đây, em là máu thịt mà anh đã đặt linh hồn anh trong đó. Có đúng là, em nói đi, có đúng em là của anh không? Anh đã làm gì để có được niềm hạnh phúc lớn nhất, niềm hạnh phúc độc nhất trên đời? Thế mà những con người chen chúc trên thế gian này, họ cứ ngỡ là họ sống! Chỉ có một mình anh sống thôi! Em nói đi, anh đã làm gì để có được em?

- Ồ! Nhưng cái gì phải làm, chính em là người đã làm. Em phải nói thật với anh. Chúng ta ở trong tình cảnh này là do lỗi của em. Anh thấy không, có phải bao giờ phụ nữ cũng thú nhận cả đâu, nhưng bao giờ cũng là lỗi ở họ cả thôi. Bởi vậy, bất luận thế nào, em cũng không oán trách anh đâu.

Một đám hành khất và người dẫn đường nhanh nhẹn, ồn ã rời khỏi cửa lớn nhà thờ đến vây quanh hai người. Thật không đúng lúc, nhưng ở đám người đó vẫn phảng phất một chút duyên dáng của người Ý thoáng đạt. Họ nhạy bén đoán định đây là một cặp người yêu, và họ biết những người đang yêu bao giờ cũng hào phóng. Đơsactơ quảng cho họ ít tiền và tất cả lại trở về cảnh nhác nhớn nhàn nhã của mình.

Hai người đến thăm cái trai phòng trong tu viện, nơi Phra Angiolicô^[107], với sự giúp đỡ của người anh em là Bênêdêtrô đã vẽ trên nền vô trần trụ những bức tranh chất phác cho các nhà tu hành, những người bạn của ông.

- Em có còn nhớ buổi tối mùa đông anh gặp em trên chiếc cầu vắt qua cái hầm trước bảo tàng Ghimê không? Anh cùng đi với em tới tận con đường nhỏ chạy dọc những khu vườn xinh xinh đến bến tàu Đobily. Trước khi chia tay, chúng ta dừng lại một lát bên dãy lan can lơ thơ mấy hàng cây hoàng dương. Em nhìn hàng cây khô đét đi vì mùa đông. Và sau khi em về, anh nhìn mãi hàng cây.

Hai người bước vào trai phòng trước kia của Xavônarôn, tu viện trưởng Xan Maccô. Người hưng dẫn giới thiệu với họ chân dung và thánh tích của nhà tuấn đạo.

- Hôm ấy, làm sao anh thấy được là em đẹp? Trời có sáng đâu mà.

- Anh thấy em cất bước. Hình dáng con người bao giờ cũng bộc lộ ra qua cử chỉ. Mỗi bước chân em đều nói với anh về những điều bí ẩn của nhan sắc lồ lộ và mê ly của em. Ô! Anh chưa bao giờ có những suy tưởng sâu kín về em. Anh đâu có dám nói gì với em. Thấy em là anh sợ. Anh kính hãi trước mặt em, người mà anh cho là làm gì đối với anh cũng được. Khi em đến, anh vừa say mê em vừa run rẩy. Nhưng xa em, trong anh nảy sinh tất cả những ý tưởng vô đạo của dục- Em tin như vậy. Nhưng anh có còn nhớ lần đầu tiên chúng ta gặp nhau khi Pôn Venx giới thiệu anh không? Lúc đó, anh ngồi gần tấm bình phong. Anh nhìn những bức ảnh treo ở đấy. Anh bảo em: “Bức ảnh phụ nữ này do Xicacđi vẽ, giống thân mẫu Angđrê Sêniê^[108]”. Em nói với anh: “Bà nội chồng tôi đấy. Còn thân mẫu Angđrê Sêniê thì thế nào?” Và anh đáp: “Chúng tôi có chân dung cụ: một phụ nữ Á đông rũ rượi.”

Anh không nhận đã nói khiếm nhã đến thế.

- Nhưng có đấy! Em nhớ rõ hơn anh mà.

Trong bầu không khí lặng như tờ, hai người bước đi giữa tu viện, đến thăm căn phòng có bức tranh mỹ lệ nhất của Anggơlicô. Ở đó, trước bức tượng Đức bà đang đứng đón nhận từ tay Chúa chiếc vương miện bất tử, dưới bầu trời mờ nhạt, anh ôm Têredơ vào lòng và hôn môi nàng, hầu như trước mắt hai phụ nữ. Anh đang tra cứu một cuốn Bađơơ^[109] trong hành lang.

- Suýt nữa thì chúng ta quên mất trai phòng của thánh Angtônin.

- Têredơ, anh sung sướng vì có em nhưng anh lại đau khổ vì có những cái thuộc về em mà anh không nắm giữ được. Anh đau khổ vì em không chỉ sống vì một mình anh và cho một mình anh. Anh muốn em hoàn toàn là của anh, cả hiện nay và cả trong quá khứ.

Nàng khẽ nhún vai:

- Ồ! Quá khứ!

- Quá khứ, đó là hiện thực duy nhất của con người. Tất cả những gì tồn tại hiện nay đều có quá khứ.

Nàng ngược lên nhìn anh, ánh mắt như những mảng trời đẹp lúc vừa nắng vừa mưa.

- Vậy em có thể nói với anh thế này: em chỉ cảm thấy em sống khi có anh mà

Trở về Phidơ, nàng nhận được lá thư văn tắt với lời lẽ hăm dọa của Lơ Mênin. Anh không hiểu gì hết về sự vắng mặt kéo dài và sự im lặng của nàng. Nếu nàng không báo ngay cho anh biết ngày trở về thì anh sẽ đến tìm nàng.

Nàng đọc thư, không chút ngạc nhiên, nhưng buồn bã thấy cái phải xảy ra đã xảy ra và tất cả những gì nàng lo sợ đều đã đến với nàng. Nàng vẫn còn có thể an ủi anh, làm anh yên tâm. Nàng chỉ cần nói là nàng yêu anh, là nay mai nàng sẽ trở về Pari, là anh phải từ bỏ cái ý nghĩ điên rồ đến gặp nàng ở đây, là Phlôrăngx chỉ là một cái làng bé nhỏ, sẽ bị lộ ngay lập tức nếu anh đến. Nhưng nếu thế thì phải viết: “Em yêu anh”. Phải phỉnh phờ anh với những lời âu yếm. Nàng không có can đảm. Nàng hé cho anh biết sự thật. Nàng tự lên án mình với những lời lẽ mập mờ. Nàng nói một cách kín đáo về những linh hồn bị cuốn theo dòng đời: con người nhỏ bé xiết bao giữa mớ sự vật sôi động như một đại dương. Với một giọng rầu rĩ, âu yếm, nàng xin anh giữ một chút kỷ niệm êm đềm về nàng trong một góc nhỏ tâm hồn anh.

Nàng mang thư ra bưu điện ở quảng trường Phidơ. Trong cảnh hoàng hôn, trẻ em chơi nhảy cò. Từ trên đồi cao, nàng ngắm nhìn phố phường Phlôrăngx xinh đẹp như một viên ngọc quý đặt trong một cái ly thanh nhã. Và cảnh chiều thanh bình làm nàng giật mình. Nàng chuồi là thư vào hộp. Cho tới lúc ấy, nàng mới nhận thấy rõ rệt mình đã làm gì và hậu quả sẽ ra sau.

XX

Mặt trời ấm áp mùa xuân trải những tia nắng hồng nhạt trên quảng trường. Trưa đến, đám người bán ngũ cốc và bột từ nông thôn tới chợ, ra về hết. Những người bán kem đắp lên trên mặt bàn trải vải bông màu đỏ, những tòa lâu đài con con phía dưới có khắc chữ *Bibite ghiacciate*^[110]. Một niềm vui thanh thoát từ bầu trời tỏa xuống mặt đất. Buổi sáng, đi dạo chơi ở vườn bách thảo Bôbôli trở về, Têredơ và Giắc đi qua cái ban công nổi tiếng. Têredơ nhìn bức tượng Xabin^[11] của Giăng Đơ Bôlônho^[112] với cái vẻ tò mò chăm chú của một người đàn bà quan sát một người đàn bà. Còn Đơsactơ chỉ ngắm Têredơ. Anh nói với nàng:

- Ánh nắng mặt trời rực rỡ mơn trớn đôi má hồng mịn của em, vuốt ve thân hình em, tôn thêm sắc đẹp của em, thật kỳ diệu.

- Vâng. – Nàng đáp – Ánh sáng nấn làm nét mặt em đanh lại. Em vẫn nhận ra điều đó. Em không hợp với buổi tối, thật là không may: buổi tối chính là lúc phụ nữ có cơ hội ra mắt và làm đẹp lòng người ta. Buổi tối, quận chúa Xơniavin có một làn da rực rỡ; còn dưới nắng mặt trời thì vàng ệch. Cái đó, phải thừa nhận bà ta không hề quan tâm. Bà ta không làm đom.

- Còn em thì làm đom hay sao?

- Ồ! Có. Trước kia, em làm đom cho em, nhưng bây giờ thì cho anh đấy.

Nàng lại nhìn pho tượng Xabin cao lớn, lực lưỡng đang cố thoát ra khỏi hai cánh tay Rômanh^[113].

- Người đàn bà đẹp phải có thân hình rắn chắc và tay chân thon thả như thế phải không anh? Em thì không có như vậy.

Anh nói để nàng yên tâm. Nhưng không phải nàng bán khoán. Bây giờ nàng nhìn tòa lâu đài tí hon của anh chàng bán kem lưu động, những chiếc khay bằng đồng đựng kem lấp lánh trên tấm khăn trải bàn đỏ rực. Bỗng nhiên nàng thèm đứng ăn một cây kem như những người nữ công nhân vừa ăn lúc nãy. Anh bảo nàng:

- Em chờ một lát.

Rồi vội chạy về con đường ở phía trái.

Lát sau, anh trở lại trao cho nàng một chiếc thìa nhỏ bằng bạc mạ vàng, lớp mạ đã bị tróc đi một nửa, cuối cán thìa chạm một bông huệ Phlô-răng-x, đài hoa lấm chấm màu đỏ.

- Em dùng mà ăn kem. Anh chàng bán kem không có thìa, và nếu em phải lè lưỡi ra mút kem thì cũng vui lắm đấy. Nhưng em không quen.

Nàng nhận ra chiếc thìa, một báu vật nhỏ nàng đã nhìn thấy hôm trước trong tủ kính một cửa hiệu đồ cũ bên cạnh.

Cả hai người hân hoan, không giấu được niềm vui tràn đầy và đơn sơ trong lòng. Họ nói với nhau những lời hầu như vô nghĩa. Và cũng cất tiếng cười vang khi anh chàng người Phlô-răng-x vừa làm điệu bộ vừa kể chuyện theo lời những người kể chuyện ngày trước ở Ý. Nàng thú vị về điệu bộ làm trò tuyệt vời trên khuôn mặt tươi tắn với dáng dấp cổ kính ấy nhưng không hiểu chuyện kể những gì. Nàng hỏi Giắc:

- Anh chàng nói gì thế?

- Em muốn biết à?

Nàng muốn biết.

- Vậy thế này: hẳn nói là hẳn sẽ sung sướng nếu những con rệp trong giường hẳn cũng được như em.

Nàng ăn xong kem, anh giục nàng đi thăm lại Ô Xan Misen. Ngay bên cạnh thôi mà! Chỉ cần đi tắt qua quảng trường là thấy ngay bảo vật bằng đá ngày xưa. Hai người ra đi. Họ ngắm nhìn tượng thánh Giooc và thánh Mac bằng đồng hun. Đờsactơ thấy lại trên bức tường lờm chờm của ngôi nhà cái thùng thư, và nhớ lại với một sự chính xác đến nhức nhối bàn tay nhỏ nhắn đi găng bỏ thư và trong đó. Anh thấy cái mồm bằng đồng đã từng nuốt gọn điều bí ẩn của Têredơ. Anh không sao có thể quay mặt đi được. Tất cả niềm vui trong lòng tiêu tan. Còn nàng thì vẫn say sưa ngắm nhìn bức tượng răn ròi của tác giả kinh Phúc âm^[114].

- Quả là vị thánh này có vẻ trung thực và thẳng thắn. Nếu thánh nói thì có lẽ miệng chỉ thốt ra những lời chân lý.

Anh chua chát đáp:

- Nhưng không phải là miệng một phụ nữ.

Nàng hiểu tâm tư anh và nói rất dịu dàng:

- Sao anh nói với em như vậy? Em nói thành thực kia mà.

- Em bảo thế nào là thành thực? Em biết là phụ nữ bắt buộc phải nói dối chứ!

Sau một thoáng ngập ngừng, nàng đáp:

- Một người đàn bà là thành thực khi người đó không nói những điều dối trá vô ích.

XXI

Trang phụ màu xám sẫm, Têredơ lướt nhẹ dưới rặng kim tước hoa. Hoa dương mai tựa những ngôi sao lấp lánh phủ kín triền dốc khu vườn. Hoa nguyệt quế ngào ngạt, rực rỡ trên những sườn đồi thoan thoải. Phlôrăngx nở đầy hoa.

Vivian Ben, trang mục màu trắng, đi lại trong khu vườn thơm ngát.

- *Darling* thấy đấy, Phlôrăngx quả là thành phố hoa. Người ta lấy bông huệ đỏ làm biểu tượng là đúng. Hôm nay là ngày hội đấy, *daling* ạ.

- A! Hôm nay là ngày hội?...

- *Darling*, cô không biết hôm nay là ngày một tháng năm, ngày Primavera^[115] hay sao? Sáng nay, cô không thức giấc trong một cảnh thần tiên tuyệt vời hay sao? Ồ, *darling*, cô không tổ chức ngày hội Hoa? Cô, người yêu hoa, cô không cảm thấy vui mừng sao? Tôi biết cô yêu hoa mà, *my love*: cô dịu dàng với chúng. Cô đã từng bảo tôi là hoa biết vui mừng, biết buồn bã, là chúng cũng đau khổ như chúng ta kia mà.

- A! nói là chúng cũng đau khổ như chúng ta à?

- Ồ! Cô đã bảo tôi như vậy. Hôm nay là ngày hội Hoa. Phải tổ chức hội theo phong tục của tổ tiên và theo nghi thức do các họa sĩ ngày xưa quy định.

Têredơ nghe mà chẳng hiểu gì hết. Nàng vò lá thư vừa nhận được trong bàn tay đi gặng. Lá thư dán tem bưu điện Ý và vền vện hai dòng:

“Đêm nay, tôi đã tới khách sạn Anh, Lungacnô Axxiaoli. Tôi chờ cô trong buổi sáng mai. Buồng số 18. “

- Ô, *darling*, cô không biết phong tục ăn mừng mùa xuân vào ngày một tháng năm ở Phlôrăngx hay sao? Nếu thế thì cô không thể hiểu hoàn toàn ý nghĩa bức *Mùa xuân*, bức tranh tuyệt vời phảng phất một niềm vui mơ màng của Bôttixenli^[116] vẽ về ngày hội hoa. Trước kia, vào ngày đầu tháng năm này, cả thành phố sống trong hân hoan, *darling* ạ. Các cô gái ăn mặc quần áo ngày hội và kết những vành hoa sơn trà, đi thành từng đoàn dài dọc sông Coocxô, dưới những cổng chào kết hoa và hợp thành những đội đồng ca trên thảm cỏ tươi, dưới tán nguyệt quế. Chúng ta sẽ làm như họ. Chúng ta sẽ nhảy trong vườn.

- A! Chúng ta sẽ nhảy trong vườn?

- Đúng thế, *darling* ạ, và tôi sẽ tập cho cô cách nhảy của người Tôxcan thế kỷ XV mà ông Môrixông, vị niên trưởng trong số các giám đốc thư viện Luân Đôn, tìm thấy trong một bản viết tay. Cô sớm trở về nghe, *my love*; chúng ta sẽ đội mũ hoa và sẽ nhảy.

- Phải đấy, bạn thân mến, chúng ta sẽ nhảy.

Và, đẩy cửa vườn, nàng vội chạy theo con đường nhỏ, con đường bị nước bào mòn như một dòng khe, lờm chờm đá dưới những hàng cây hoa hồng. Nàng nhảy vào cỗ xe đầu tiên trên đường. Anh chàng xà ích cầm những bông xa cúc lam trên mũ và cán roi ngựa.

- Khách sạn Anh, Lungacnô Axxiôli!

Nàng đã từng biết Lungacnô Axxiôli... Nàng đã tới đó một buổi chiều và nàng nhớ lại ánh nắng mặt trời vàng ruộm, chói chang trên dòng sông xao động. Sau đó là đêm tối, là tiếng sóng nước rì rào trong vắng lặng, là những lời

nói, những ánh mắt làm nàng rạo rức, là cái hôn đầu tiên của người yêu và những giây phút đầu tiên của mối tình không sao cưỡng nổi. Ô! Đúng, nàng nhớ lại Lungacnô Axxiaôli và bờ sông phía bên kia Cầu Cũ... Khách sạn Anh... Nàng biết rõ: mặt trước khách sạn bằng đá ngoảnh ra bờ sông. Cũng còn may là anh ấy tới đây, vì anh cũng có thể đến ở khách sạn Thành phố, trên quảng trường Manin, nơi ở của Đơsactơ. Cũng còn may là hai người không ở đối diện với nhau trong cùng một hành lang... Lungacnô Axxiaôli!... Người chết mà Đơsactơ và nàng thấy những người thầy tu mang đi như chạy trên đường, giờ đây, đã nằm bình yên đâu đó, trong một nghĩa trang có hoa lá...

“Buồng 18”

Một phòng khách sạn không trang trí, có lò sưởi theo kiểu Ý. Một bộ bút vẽ bày ra cẩn thận trên bàn và cuốn chỉ nam ngành đường sắt. Không một cuốn sách, một tờ báo. Anh ngồi kia: trên gương mặt gầy gò hiện lên nỗi đau khổ sâu đậm, một dáng dấp như người đang bị sốt. Nàng cảm thấy có một điều gì nghiêm trọng và nặng nề. Anh chờ đợi một lời nói, một cử chỉ, nhưng nàng vẫn xa lạ, không dám làm gì hết. Anh đưa ghế mời nàng ngồi. Nàng đẩy ghế ra và vẫn đứng.

- Têredơ, có một điều gì đó tôi không rõ, cô nói đi.

Im lặng một lát, nàng trả lời chậm rãi, khó nhọc:

- Lạy Chúa, tại sao anh lại bỏ đi, khi tôi ở Pari?

Nghe giọng nói rầu rĩ, anh nghĩ và anh muốn tin đó là một lời trách móc âu yếm. Sắc mặt anh ửng hồng. Anh sôi nổi đáp:

- A! Giá như anh biết trước! Thực ra, buổi đi săn ấy, chắc em biết rõ là anh chẳng mất quan tâm! Nhưng lá thư ngày 27 (anh có cái tài nhớ ngày tháng) của

em khiến anh bàng hoàng. Chắc lúc đó xảy ra điều gì. Em hãy nói hết cho anh biết.

- Lúc đó, tôi nghĩ anh không yêu tôi nữa.

- Nhưng bây giờ, khi em đã biết là ngược lại thì sao

- Bây giờ...

Nàng ngồi im một lát thông xuống đan vào nhau.

Rồi, với một vẻ điềm tĩnh bề ngoài:

- Lạy Chúa! Chúng ta hiến thân cho nhau mà không hay biết. Có bao giờ chúng ta hay biết đâu. Anh trẻ, trẻ hơn tôi, vì chúng ta tuổi suýt soát nhau. Chắc hẳn anh có những dự định cho tương lai.

Anh kiêu hãnh nhìn nàng trực diện. Nàng nói tiếp, thái độ ít tự tin hơn:

- Những người thân, mẹ anh, các cô anh, vị tướng – bác anh đều có những dự định cho anh. Đó là điều rất tự nhiên. Tôi có thể là một vật cản... Tôi không còn dính dáng gì tới cuộc đời anh thì tốt hơn. Chúng ta sẽ giữ kỷ niệm tốt về nhau.

Nàng chìa bàn tay đeo găng cho anh. Anh vẫn đứng, hai tay khoanh lại:

- Thế là cô không muốn tôi nữa? Cô tưởng cô làm cho tôi sung sướng hơn bất kỳ người đàn ông nào, rồi bỏ rơi tôi, và mọi cái sẽ kết thúc đơn giản như vậy? Cô nghĩ thế nghĩa là cô không còn lưu luyến gì tôi nữa!... Cô vừa nói gì với tôi? Yêu rồi bỏ. Hiến thân cho nhau, rồi bỏ nhau... Ồ! Cô, tôi đâu phải là người mà người ta dễ dứt ra được.

- Vâng, có thể anh đã đặt ở tôi nhiều hy vọng hơn người khác, trong trường hợp tương tự. Đối với anh, tôi không phải chỉ là để tiêu khiển. Nhưng nếu tôi không phải là người đàn bà mà anh tin tưởng, nếu tôi lừa dối anh, nếu tôi nông nổi... Anh biết đấy: người ta đã nói... Vâng, giá như tôi đã không xử sự với anh đúng như tôi phải xử sự...

Nàng ngậm ngừng một lát rồi nói tiếp, giọng nghiêm trang và chân thành không ăn khớp với những điều nàng nói:

- Nếu tôi hiến thân cho anh, chỉ vì những sự cảm dỗ, vì hiếu kỳ, nếu tôi bảo anh tôi không phải là đứa có tình cảm đúng đắn...

Anh cắt ngang lời nàng:

- Cô nói dối.

- Đúng, tôi nói dối. Và tôi nói dối không khéo. Tôi muốn bơi đen quá khứ của chúng ta. Tôi có lỗi. Như anh đã biết đấy. Nhưng...

- Nhưng làm sao?...

- A! Cái đó! Tôi đã nói mãi với anh rồi đấy; tôi không tin chắc ở mình. Có những người đàn bà – như người ta vẫn nói – có thể tin chắc ở mình. Tôi đã từng bảo anh tôi không như họ và tôi không tin chắc ở bản thân mình.

Anh lắc đầu lia lịa như một con thú bị chọc tức nhưng còn lưỡng lự trước khi xung trận.

- Cô muốn nói gì? Tôi không hiểu, không hiểu gì hết. Cô hãy nói rõ.. cho rõ, cô nghe không? Có một cái gì đó giữa chúng ta. Tôi không biết là cái gì. Tôi muốn biết cái đó. Cái đó là cái gì?

- Như tôi vừa nói với anh đấy, tôi không phải là người đàn bà tin chắc ở mình, và anh không nên trông cậy vào tôi. Không! Anh không nên. Tôi không hề hứa hẹn gì hết... Và chẳng, giá tôi có hứa, thì lời nói là cái gì?

- Cô không yêu tôi nữa! Ồ! Cô không yêu tôi nữa, tôi thấy rõ lắm. Nhưng mặc cô! Tôi, tôi yêu cô. Trước kia, cô không nên hiến thân. Giờ đây, cô đừng hy vọng thoát thân. Tôi yêu cô và sẽ giữ cô lại... Cô nghĩ cô có thể lạng lẹ thoát khỏi bước này sao? Cô hãy nghe tôi nói chút đỉnh. Cô đã làm tất cả để tôi yêu cô, để tôi gắn bó với cô, để tôi không thể sống không có cô. Chúng ta đã cùng nhau hưởng những lạc thú vô song. Và cô đã không từ chối phần mình. Ồ! Tôi đâu có cưỡng đoạt cô. Cô muốn lắm chứ! Mới cách đây sáu tuần thôi, cô không mong muốn gì hơn. Đối với cô lúc đó, tôi là tất cả. Có những lúc chúng ta không còn biết tôi có phải là cô và cô có phải là tôi nữa không. Thế rồi, bỗng nhiên cô muốn tôi không biết gì nữa, tôi không quen cô nữa, cô muốn đối với tôi, cô chỉ là một kẻ xa lạ, một người đàn bà nào đó bất chợt gặp trên đường đời. A! Cô quá tự tin đấy! Nào, có phải tôi mơ màng không? Những cái hôn của cô, hơi thở của cô bên người tôi, những tiếng rúc rích của cô, những cái đó không có thật chẳng? Tôi bịa ra tất cả chẳng? Ồ! Không có gì phải nghi ngờ: cô đã từng yêu tôi. Tình yêu của cô, tôi vẫn cảm thấy trên người mình. Thế đấy, tôi không thay đổi. Tôi vẫn như xưa. Cô không có gì phải trách tôi. Tôi không lừa dối cô, tôi không yêu ai khác. Không phải tôi tự ca ngợi mình. Vì quả tôi không thể yêu ai khác. Khi đã biết cô thì những người đàn bà nhan sắc nhất cũng đều vô vị. Tôi không bao giờ có ý nghĩ lừa dối cô. Tôi vẫn luôn luôn xử sự với cô một cách hào hiệp. Vì sao cô không yêu tôi nữa? Cô trả lời tôi đi, nói đi. Cô hãy nói là cô vẫn yêu tôi đi. Cô hãy nói đi vì quả là như thế. Têredơ, đến đây, đến đây, em sẽ cảm thấy ngay lập tức là em vẫn yêu anh như em đã từng yêu anh trước đây, trong cái tổ ấm của chúng ta ở đường Xpôngtini, nơi chúng ta đã sung sướng biết bao nhiêu. Em đến đây!

Anh ôm choàng lấy nàng, nồng nhiệt, hai cánh tay thềm khát. Còn nàng, ánh mắt hết sức hãi hùng, nàng đẩy anh ra với một nỗi kinh hoàng lạnh lùng.

Anh hiểu, dừng lại và nói:

- Cô đã có tình nhân!

Nàng chậm rãi cúi đầu, rồi ngẩng lên, im lặng và nghiêm trang.

Thế là anh đánh nàng vào ngực, vào vai, vào mặt. Nhưng ngay lập tức, anh lùi lại, xấu hổ. Anh cúi mặt, im lặng. Hai môi nhấm nhấm móng tay, anh thấy bàn tay bị xước chảy máu vì đụng phải chiếc kim găm trên áo lót của nàng. Anh ngồi sụp xuống ghế bành, thờ ơ như kẻ không hồn và rút mùi soa lau máu.

Còn nàng thì đứng dựa vào cánh cửa, đầu ngẩng cao, sắc mặt xanh xao, ánh mắt mơ màng. Nàng gỡ tấm mạng bị rách ra và sửa lại mũ với một sự chăm chút bản năng. Nghe tiếng vải sột soạt – thứ tiếng xưa êm đềm biết bao – anh giật mình, nhìn nàng và trở lại giận dữ.

- Kẻ đó là ai? Tôi muốn biết kẻ đó là ai.

Nàng không nhúc nhích. Trên khuôn mặt tái nhợt, in dấu năm tay phủ phàng. Nàng đáp, dịu dàng nhưng kiên quyết:

- Tất cả những gì có thể nói với anh, tôi đã nói. Đừng hỏi gì tôi. Chỉ vô ích thôi.

Anh nhìn nàng với một ánh mắt dữ dằn nàng chưa từng thấy bao giờ.

- Ô! Cô không phải xưng tên hẳn ra. Tôi sẽ tìm ra thôi.

Nàng lặng im, buồn cho anh, lo lắng cho anh. Lòng khiếp hãi, kinh hoàng nhưng nàng không ân hận, không xót xa, không sầu não, tâm hồn ở tận đâu đâu.

Anh như có cảm giác mơ hồ về những gì đang diễn ra trong óc nàng. Thấy nàng dịu dàng và thanh thản đến thế, thấy nàng đẹp hơn lúc nàng thuộc về mình và đẹp cho một kẻ khác, anh những muốn giết nàng, anh thét lên:

- Cô đi đi!

Rồi, rã rời vì hành động hận thù vừa qua, vội xa lạ với anh, hai tay ôm lấy đầu, anh khóc nức nở.

Nỗi đau ấy làm nàng xúc động, nàng hy vọng có thể an ủi anh, có thể làm cho cuộc chia tay bớt cay đắng. Nàng có ảo tưởng có thể làm anh quên nàng.

Với thái độ thân thiện và tin cậy, nàng đến ngồi cạnh anh:

- Anh cứ trách mắng tôi đi. Tôi là kẻ đáng trách mắng và hơn nữa còn đáng khinh. Anh cứ khinh bỉ tôi nếu anh muốn và nếu người ta có thể khinh bỉ một con người khốn khổ phó mặc số phận cho cuộc đời. Anh cứ tùy ý phán xét. Nhưng trong giận hờn, xin anh hãy giữ lại một chút tình bạn, một kỷ niệm chưa xó nhưng êm đềm tựa tiết trời mùa thu với cả ánh mặt trời lẫn gió bắc lạnh giá. Tôi đánh như vậy. Mong anh đừng quá nghiêm khắc đối với người khách dễ chịu và phù phiếm đã lướt qua cuộc đời anh. Mong anh chia tay tôi như chia tay một cô gái lữ hành buồn rầu đi đâu không ai biết. Bao giờ ra đi cũng âu sầu biết bao! Lúc này, anh giận dữ. Tôi không trách anh đâu. Tôi chỉ đau khổ thôi. Mong anh giữ lại một chút cảm tình. Ai biết rồi sẽ ra sao? Tương lai bao giờ cũng là điều bí ẩn. Tương lai rất mơ hồ, rất tăm tối trước mắt tôi. Mong sao tôi có thể tự nói với lòng mình là tôi đã xử sự tử tế, giản dị, ngay thẳng đối với anh, và anh cũng không quên điều đó. Với năm tháng, anh sẽ hiểu, anh sẽ tha thứ. Từ nay, mong anh rủ chút lòng xót thương.

Anh không nghe nàng nói, nhưng giọng nói dịu dàng, âm thanh trong trẻo của nàng làm dịu lòng anh. Anh thảng thốt nói:

- Cô không yêu hẳn. Chính tôi mới là người cô yêu. Vậy thì...?

Nàng ngập ngừng rồi thốt ra:

- A! Nói yêu cái gì, không yêu cái gì, đó là điều không dễ đối với một người đàn bà, ít ra cũng là đối với tôi. Vì tôi không biết những người khác họ làm thế nào. Nhưng cuộc sống thì không khoan dung. Người ta bị xô đẩy, bị thúc bách, bị lay động...

Thái độ hết sức điềm tĩnh, anh nhìn nàng. Anh nảy ra một ý nghĩ; anh đi tới một quyết định. Đơn giản thôi. Anh tha thứ, anh lãng quên, miễn nàng trở lại ngay với anh.

- Têredơ, em không yêu hẳn phải không? Đấy chỉ là một sai lầm, một sơ sót trong chốc lát, một việc khủng khiếp và ngu ngốc mà em đã làm vì yếu đuối, vì bất ngờ, có thể vì hờn giận nữa. Em hãy thề với anh là em sẽ không gặp lại hẳn nữa.

Anh cầm cánh tay nàng:

- Em thề với anh đi.

Nàng lặng im, hai hàm răng nghiến chặt, nét mặt ủ rũ; anh bóp mạnh cổ tay nàng. Nàng kêu lên:

- Anh làm tôi đau!

Thế nhưng anh vẫn theo đuổi ý định của mình. Anh kéo nàng đến tận chiếc bàn trên đặt bộ bút vẽ, lọ mực và mấy tờ giấy viết thư có hình vẽ màu xanh mặt ngoài khách sạn Anh với vô số cửa sổ.

- Cô hãy viết theo lời tôi đọc. Tôi sẽ cho mang thư đi.

Nàng cương lại, và anh đẩy nàng quỳ xuống. Kiêu hãnh và điềm tĩnh, nàng đáp:

- Tôi không thể, tôi không muốn.

- Vì sao?

- Vì... Anh muốn biết à?... Vì tôi yêu anh ấy. ột ngọt anh buông cánh tay nàng ra. Giá có khẩu súng sáu trong tay thì có thể anh giết nàng. Nhưng hầu như ngay lập tức, cơn giận của anh thấm đượm nỗi buồn và giờ đây trong cơn tuyệt vọng, chính anh là người muốn chết.

- Điều cô nói đó có đúng không? Có thể như thế được chăng? Có đúng thế không?

- Tôi làm sao biết được? Làm sao nói được? Làm sao hiểu được? Làm sao tôi còn có được một ý nghĩ, một tình cảm, một tia sáng về bất kỳ điều gì? Làm sao...

Rồi nàng gắng gượng nói thêm:

- Làm sao vào lúc này tôi có thể nghĩ đến điều gì khác ngoài nỗi buồn của tôi và nỗi thất vọng của anh?

- Cô yêu hẳn! Cô yêu hẳn! Hẳn có cái gì, hẳn như thế nào khiến cô yêu hẳn?

Anh kinh ngạc đến sững sờ, đến tê dại. Nhưng điều nàng nói đã chia rẽ họ. Anh không còn dám thô bạo nữa, không còn dám lôi kéo, đánh đập, giày vò nàng như một cái gì xấu xa, bướng bỉnh nhưng là của anh nữa. Anh nhắc lại:

- Cô yêu hắn! Cô yêu hắn! Nhưng hắn đã nói gì, đã làm gì khiến cô yêu hắn? Tôi hiểu cô: những lúc ý tưởng của cô làm tôi khó chịu, tôi không hề nói với cô. Tôi cam đoan hắn thậm chí cũng không phải là một người thanh nhã. Và cô tưởng hắn yêu cô. Cô tưởng thế à? Thế thì cô nhầm đấy: hắn không yêu cô đâu. Hắn chỉ lấy làm kiêu hãnh mà thôi. Hễ có cơ hội là hắn sẽ bỏ rơi cô. Khi đã làm thương tổn kha khá đến danh dự cô, hắn sẽ đoạn tuyệt thôi. Và cô sẽ ê chề trong cảnh lẳng lơ của mình. Năm tới, người ta sẽ bàn tán về cô: “Cô ta lê la với khắp mọi người”. Tôi lấy làm buồn phiền cho ông cụ cô, ông là bạn tôi và ông sẽ biết cách xử sự của cô và cô đừng hy vọng đánh lừa được ông.

Nàng ngồi nghe, ô nhục nhưng bớt băn khoăn, nghĩ rằng giá anh khoan dung thì nàng còn đau khổ nhiều hơn.

Là con người bản tính đơn giản, anh thực sự khinh miệt nàng. Sự khinh miệt ấy làm anh dễ chịu. Lúc này, anh giận lên đến tận cổ.

- Việc đó xảy ra như thế nào? Cô có thể nói với t chứ?

Nàng nhún vai, vẻ thương hại tới mức anh không dám tiếp tục nói với giọng đó nữa. Anh trở lại cảm hờn.

- Cô có hình dung là tôi sẽ giúp cô cứu vãn bề ngoài, là tôi sẽ đến nhà cô, tiếp tục gặp chồng cô, và vờ đóng vai người tình của cô không?

- Tôi nghĩ là anh sẽ làm điều mà một người đàn ông lịch duyệt phải làm. Tôi không xin anh gì hết. Tôi những muốn giữ kỷ niệm về anh như về một người bạn tuyệt vời. Tôi những tưởng anh khoan dung và tốt bụng đối với tôi. Điều đó giờ đây không thể được nữa. Giờ đây, tôi thấy không bao giờ người ta có thể chia tay nhau tử tế cả. Sau này, sau này, anh sẽ đánh giá tôi đúng hơn. Vĩnh biệt!

Anh nhìn nàng. Giờ đây nét mặt anh biểu lộ sự đau khổ hơn là căm giận. Chưa bao giờ nàng thấy đôi mắt anh ráo hoảnh và có quầng đến như thế, hai bên thái dương căng cỗi với mấy sợi tóc lưa thưa như thế. Hình như chỉ trong một tiếng đồng hồ mà anh đã già hẳn đi.

- Tôi muốn báo trước cho cô biết. Tôi không thể gặp lại cô được. Cô không phải là người đàn bà tôi có thể gặp lại trước mặt mọi người sau khi tôi đã từng chiếm đoạt cô mà rồi cô không còn thuộc về tôi nữa. Tôi đã nói điều đó với cô. Cô không giống những người khác. Cô có một thứ thuốc độc mà cô đã cho tôi uống và giờ đây tôi cảm thấy nó trong khắp cơ thể, trong mạch máu mình. Vì sao tôi lại quen cô kia chứ.

Nàng nhìn anh, vẻ khoan dung:

- Vĩnh biệt! Và mong anh cứ nghĩ là tôi không đáng để anh phải thiết tha luyến tiếc đến thế.

Còn anh, khi nhìn nàng đặt tay lên khóa cửa, và cảm thấy sẽ mất nàng, sẽ không bao giờ còn gặp nàng nữa, thì anh thét lên một tiếng và nhảy vọt ra. Anh không còn nhớ gì nữa. Chỉ còn lại nỗi sững sờ về một tai họa lớn quá sức, về một sự mất mát không sao cứu vãn nổi. Và từ sâu thẳm của nỗi kinh hoàng, trong anh dâng lên một đục vọng. Anh muốn một lần nữa chiếm đoạt nàng, chiếm đoạt người đàn bà sẽ mãi mãi ra đi. Anh kéo nàng về phía mình. Anh ham muốn nàng một cách tự nhiên, với tất cả sức mạnh của một ham muốn thú vật. Nàng cưỡng lại với tất cả ý chí còn lại, ý chí tự do và cảnh giác. Nàng thoát ra được, lòng bị xúc phạm tan nát, đau đớn và thậm chí không chút khiếp sợ.

Anh hiểu lúc này làm gì cũng vô ích; anh nhận ra điều lúc này anh không thấy được. Sự tình đã diễn ra đúng như vậy và nàng không còn thuộc về anh nữa vì đã thuộc về một người khác. Đau đớn trở lại, anh nguyên rủa và đẩy nàng ra ngoài.

Nàng đứng một lát trong hành lang, kiêu hãnh chờ một tiếng nói, một ánh mắt xứng đáng với mối tình vừa qua của họ.

Nhưng anh lại hét lên: “Đi đi” và sập mạnh cửa.

Nàng trở lại Anphiêri, trở lại ngôi lầu vắng lặng hôm nào. Với các tượng thủy thần và đàn dê khắc trên đá, lầu vẫn giữ nguyên kỷ niệm về những cặp người yêu thời quận chúa Êlida. Ngay lập tức, nàng cảm thấy thoát khỏi thế giới đau khổ và tàn bạo và như được đưa tới một đoạn đời không biết gì đến buồn đau. Dưới chân cầu thang lát đá những cánh hoa hồng. Đờsactơ ngồi chờ nàng. Nàng ngả vào lòng anh, hoàn toàn phó thác. Anh bế trên tay người đàn bà trước kia đã từng khiến anh sợ hãi, run rẩy giờ đây mê man như một cái xác quý giá vô ngần. Mắt lim dim, trong lòng nàng dâng lên một nỗi tủi nhục xót xa lẫn một niềm hân hoan diệu kỳ. Mệt mỏi, buồn đau, nàng nhớ lại những nỗi chán chường trong ngày với thái độ thô bạo của Rôbe, đồng thời cảm thấy lấy lại được tự do, cảm thấy cần lãng quên tuy còn vương vấn một chút sợ hãi. Tất cả khiến nàng càng thêm âu yếm. Ngả mình trên giường, nàng quàng hai tay vào cổ người yêu.

Sau những giờ phút đắm đuối là những niềm vui trẻ con. Họ cười cười, nói nói những chuyện không đâu, họ đùa giỡn, cắn những trái cây đặt bên cạnh, trên chiếc đĩa vẽ hoa. Trên mình chỉ còn chiếc sơmi mỏng màu hồng trễ xuống vai, để hở một bên ngực và bên kia núp vú hồng hồng lộ ra sau lớp vải mỏng, nàng thường thức thân hình lồ lộ của mình. Hai môi nàng hé nở, hai hàm răng lấp lánh. Vẻ bản khoăn và nũng nịu, nàng hỏi anh có thất vọng không sau những phút giây anh đắm say mơ tưởng tới nàng.

Ánh nắng mặt trời dịu dàng rọi vào phòng. Anh say sưa nhìn ngắm nàng, nói những lời yêu đương và hôn nàng thắm thiết.

Họ đắm mình trong những sự vượt ve đắm thắm, những lời trêu chọc âu yếm, những ánh mắt hoan hỉ. Rồi bỗng nhiên trở nên trang nghiêm, mắt tối sầm lại, môi mím chặt, như bị một cơn giận dữ kỳ dị giày vò, cơn giận dữ biến ái ân thành thù hận, họ lại vồ vập lấy nh trong hoan lạc, trong sự tìm kiếm cái tận cùng.

Nàng hé mở cặp mắt đắm đuối và mỉm cười, đầu đặt trên gối, mái tóc xõa ra, dịu dàng như một người bệnh trong thời kỳ điều dưỡng.

Anh hỏi nàng vì sao có vết đỏ nhỏ bên thái dương. Nàng đáp nàng không nhớ nữa và điều đó chẳng quan trọng gì. Hầu như nàng chỉ nói dối chút đỉnh và nói dối “thực lòng”. Quả là nàng không còn biết nữa.

Họ nhớ lại chuyện của họ – đẹp đẽ và gần gũi – nhớ lại quãng đời từ ngày họ gặp nhau.

-Anh còn nhớ lúc đứng ngoài hàng hiên, sau hôm anh đến chứ? Hôm đó, anh nói với em những điều mơ hồ, chẳng có đầu đuôi gì cả. Em đoán anh yêu em.

- Lúc đó, anh sợ tỏ ra ngờ nghệch trước mặt em.

- Lúc đó đúng là anh tỏ ra khá ngờ nghệch; đó là thắng lợi của em đấy. Em bắt đầu sốt ruột thấy anh chẳng có vẻ gì xúc động khi ở bên em. Em yêu anh trước khi anh yêu em.Ồ! Em không lấy thế làm xấu hổ đâu.

Anh rót vào miệng nàng một giọt vang sủi bọt vùng Axti^[117]. Nhưng trên mặt bàn có một chai vang Traximen^[118]. Nàng muốn thưởng thức thứ vang này để nhớ lại cái hồ hoang vắng và mỹ lệ, nơi nàng đã đến thăm một buổi chiều, nhớ lại mặt hồ trong vắt gợn sóng lăn tăn. Lúc đó là lần đầu tiên nàng đến thăm đất Ý, cách đây đã sáu năm.

Anh trêu chọc nàng đã khám phá ra vẻ đẹp của các sự vật trong lúc không có anh.

Nàng đáp:

- Không có anh, em không biết nhìn, không thấy gì hết. Vì sao anh không tới sớm hơn?

Anh trả lời nàng bằng một cái hô hấp thăm. Và khi ra khỏi cơn mê, trong niềm sung sướng đến tuyệt đỉnh, cơ thể vừa khoái lạc vừa mệt mỏi, nàng thốt lên:

- Đúng rồi, em yêu anh! Đúng rồi, bao giờ em cũng chỉ yêu một mình anh!

XXII

Lơ Mênin viết cho nàng: “Bảy giờ tối mai, tôi khởi hành. Cô hãy ra ga.”

Nàng ra ga. Nàng thấy anh mặc măng tô dài màu xám, đứng trước dãy xe ngựa của khách sạn, vẻ đứng đắn điềm tĩnh. Anh chỉ nói:

- À! Cô đã đến kia đấy!

- Thì anh gọi tôi đến kia mà.

Anh không dám thú nhận anh đã viết thư với niềm hy vọng phi lý là nàng sẽ trở lại yêu anh và mọi chuyện khác sẽ quên đi, hoặc nữa là nàng sẽ nói với anh: “Chỉ là một thử thách”

Giá nàng nói như vậy thì anh tin ngay.

Thất vọng thấy nàng lặng im, anh nói với một cách lạnh lùng:

- Cô có gì cần nói với tôi? Người phải nói là cô, chứ không phải là tôi. Tôi, tôi không có gì phải giải bày cả. Tôi có phản bội đâu mà phải thanh minh.

- Anh đừng độc ác, đừng bội bạc với quá khứ. Đó là điều tôi phải nói với anh. Và tôi vẫn phải nói với anh là tôi chia tay với nỗi buồn của một người bạn thực sự.

- Chỉ có thể thôi à? Nếu vậy thì cô đi nói với hắn, cái đó quan hệ tới hắn hơn là tới tôi.

- Anh gọi tôi, và tôi đã tới; anh đừng làm phải ân hận là đã tới.

- Tôi lấy làm tiếc là đã làm phiền cô. Chắc hẳn cô có thể sử dụng thì giờ thứ vị hơn. Tôi không giữ cô. Cô hãy về gặp hẳn, có chết thềm đi rồi mà.

Chợt nghĩ những lời nói tội nghiệp và khổ khổ ấy thoáng thể hiện nội đau muôn thuở của nhân loại, và các tác phẩm bi kịch cũng đã minh họa những nỗi đau tương tự, nàng có cảm giác buồn bã pha lẫn chút châm biếm và bất giác hơi nhếch mép. Anh lại ngỡ nàng cười.

- Xin cô đừng cười và nghe tôi nói đây: Hôm kia ở khách sạn, tôi muốn giết cô. Chỉ suýt nữa thôi, nhưng bây giờ thì tôi hiểu thế nào rồi. Bởi vậy tôi không làm việc đó nữa đâu. Cô có thể hoàn toàn yên tâm. Và chẳng, để làm gì? Vì tôi muốn giữ phép lịch sự cho bản thân mình nên sau này tôi sẽ đến thăm cô ở Pari. Người ta sẽ bảo là cô không thể tiếp tôi. Tôi sẽ thăm chồng cô, và cả thân sinh cô nữa. Để chia tay, vì tôi sẽ đi một chuyến du lịch hơi dài ngày. Tạm biệt cô!

Lúc anh quay lưng lại, Têredơ thấy Ben bà Anhectimenli ở ga hàng hóa, bước ra và đi về phía mình. Ông hoàn rất bảnh. Vivian hớn hờ đi bên cạnh.

- Ô, *darling*, gặp cô ở đây thật ngạc nhiên và thú vị! Hoàng thân và tôi, chúng tôi vừa đến xác nhận ở cơ quan Hải quan chiếc chuông vừa mới được gửi tới.

- Á! Chuông đã tới hả cô?

- *Darling*, nó đã tới đây, cái chuông của Ghibecti^[119]! Tôi vừa nhìn thấy trong cái chuông gỗ. Nó không kêu vì đang bị nhốt. Nhưng ở Phidơ, tôi sẽ đặt nó vào vào cái tháp. Khi nó cảm nhận được không khí Phlôrăngx, nó sẽ hân hoan gióng lên tiếng chuông lanh lảnh. Chim câu sẽ bay đến và chuông sẽ rung lên

cùng một nỗi vui buồn của chúng ta. Nó sẽ rung lên vì cô, vì tôi, vì ông hoàng, vì bà Macmê tốt bụng, vì ông Sulet, vì tất cả bè bạn chúng ta.

- Bạn thân mến, chuông không bao giờ rung lên với những buồn vui thực sự cả. Chúng chỉ là những viên chức trung thực chỉ biết những tình cảm công khai mà thôi

- Ô, *darling*, cô nhầm rồi. Chuông nằm trong nỗi niềm thầm kín của tâm hồn; chúng biết hết tất cả. Nhưng tôi rất sung sướng được gặp cô ở đây. Ô, *my love*, tôi biết vì sao cô ra ga. Cô gái hầu phòng đã tiết lộ bí mật của cô. Cô bé bảo tôi là cô mong chờ chiếc áo màu hồng mãi không thấy tới và cô sốt ruột đến héo hon đi. Nhưng cô đừng bun phiền. Bao giờ cô cũng là người đẹp tuyệt vời, *my love* ạ.

Ben dắt bà Mactanh lên xe ngựa.

-Về nhanh lên, *darling*; hôm nay Giắc Đơsactơ đến ăn tối và tôi không muốn để ông ấy phải chờ.

Họ đi trong buổi chiều tà vắng lặng, trên những con đường nhỏ ngào ngạt hương vị hoang dã.

- *Darling*, cô có nhìn thấy những búp sợi của các nữ thần Paccơ^[120], những cây bách ở nghĩa trang kia không? Tôi muốn đến nghỉ ở đó.

Têredơ lo lắng suy nghĩ: “Họ đã không thấy anh ấy. Không biết cô ta có nhận ra anh không? Chắc không. Chỗ mình đứng lúc ấy đã, thỉnh thoảng lại lóe lên những tia sáng làm lóa mắt người ta. Có điều, Ben có biết anh ấy không? Mình không nhớ năm ngoái cô ta có gặp anh ở nhà mình hay không”.

Điều khiến nàng băn khoăn là cái vẻ hờ hững có vẻ nham hiểm của anh chàng hoàng thân.

- *Darling*, cô có muốn có một chỗ cạnh tôi, trong nghĩa trang thôn dã kia, chúng ta sẽ yên nghỉ bên nhau dưới một ít đất và nhiều khoảng trời không? Nhưng tôi có lỗi đã đưa ra một lời mời mà cô không sao chấp nhận được. Cô không được phép ngủ giấc ngủ nghìn thu dưới chân đồi Phidơn, *my love* ạ. Chỗ yên nghỉ của cô phải là Pari, trong một ngôi mộ trắng lệt, bên cạnh bá tước Mactanh-Benlem cơ!

- Vì sao? Bạn thân mến, cô nghĩ là vợ hẳn phải gắn bó với chồng, cả sau khi chết nữa à?

- Chắc chắn phải như thế, *darling* ạ. Hôn nhân là cho hiện tại và cho cả vĩnh hằng. Thế ra cô không biết câu chuyện cặp vợ chồng trẻ ở tỉnh Ovecnhơ à? Hai người chết hầu như cùng một lúc và được an táng trong hai ngôi mộ ở hai bên đường. Nhưng mỗi đêm, một cây tầm xuân lại ngả cành cây đầy lá đầy hoa của nó từ ngôi mộ này sang ngôi mộ kia. Nó muốn hai cỗ áo quan được đặt cạnh nhau.

Trên đường, họ gặp một đám rước đi ngược lên đồi, gió chiều thổi trên những ngọn nến còn lại trên những chiếc chân nến bằng gỗ thiếp vàng. Những dòng người quần áo màu trắng, màu xanh thuộc các giáo đoàn đi theo sau những cây cờ hiệu sặc sỡ. Tiếp đến là một chú bé tóc hung uốn quăn, trần truồng, khoác tấm da cừu non, đóng vai thánh Giăng và một cô bé bảy tuổi, mái tóc lượn sóng vàng ánh đóng vai nữ thánh Mari-Madơlen. Dân Phidơn đi theo rất đông. Ông ta hát, một tay cầm một cây nến, tay kia cầm sách, cặp kính màu xanh đặt trên sống mũi; những tia sáng vàng hoe bập bùng nơi những đường gãy góc trên khuôn mặt ngắn và dẹt, nơi những cái bướu trên mái đầu gồ ghề của ông ta. Bộ râu cằm hoang dại vểnh lên, cụp xuống theo nhịp bài thánh ca. Do tác dụng của những mảng tối và mảng sáng dữ dội trên khuôn mặt, ông ta có vẻ vừa già lão vừa lực lưỡng tựa những ẩn sĩ có khả năng chịu cả một thế kỷ khổ hạnh.

- Ông ta đẹp quá – Têredơ thốt lên – Ông ta tự mình làm trò cười cho mình. Quả là một nghệ sĩ lớn.

-Ồ, *darling*, vì sao cô lại muốn ông Sulet không phải là một người kính tít? Vì sao? Niềm tin bao giờ cũng đem lại nhiều nguồn vui và nhiều cái đẹp. Các nhà thơ biết điều đó. Giá không có niềm tin thì Sulet không thể làm những câu thơ tuyệt diệu như ông đã làm.

- Thế còn bạn, bạn có niềm tin không, cô bạn thân mến?

-Ồ! Có, tôi tin Chúa và tin lời của Giêsu.

Kiệt, cờ lệnh, những khăn choàng màu trắng đã khuất sau những chỗ gập ghềnh trên con đường khúc khuỷu. Nhưng lửa nển vẫn chiếu những tia sáng vàng rực trên mái đầu trần của Sulet.

Một mình Đơsactơ ngồi chờ trong vườn. Têredơ thấy anh đang chống tay trên lan can ngoài hiên, nơi anh cảm nhận những nỗi đau đầu tiên của tình yêu. Trong lúc Ben và Anbectinenli tìm chỗ đặt lâu chuông để nay mai treo chuông, thì anh kéo người yêu đi về phía rặng kim tước

- Thế mà em hẹn gặp anh trong vườn. Anh chờ em đã một tiếng, một tiếng dằng dằng. Nhẽ ra em không nên đi. Em vắng mặt làm anh ngạc nhiên và thất vọng.

Nàng đáp một cách mơ hồ là nàng bắt buộc phải ra ga, và Ben đã đánh xe ngựa đưa nàng về.

Anh xin lỗi đã tỏ ra bần khoản. Nhưng mọi cái đều làm anh kinh hoàng. Hạnh phúc của anh cũng khiến anh sợ hãi. Mọi người đã ngồi vào bàn khi Sulet xuất hiện với bộ mặt của một kẻ phóng đảng cố lỗ; một niềm vui dữ dội lấp lánh trong đôi mắt sáng rực. Từ khi Axxidơ về, ông ta chỉ sống với tầng

lớp cùng dân, suốt ngày uống vang Siăngti với các cô hầu và các nghệ nhân. Ông giảng thuyết cho họ về niềm vui và sự trong sạch, về sự ra đời của Chúa Giêsu, về sự bãi bỏ thuế khóa và chế độ quân dịch trong tương lai không xa. Sau khi đám rước kết thúc, ông ta tập hợp đám người lang thang lại trong nhà hát La Mã đổ nát và bằng một ngôn ngữ hổ lốn cả tiếng Pháp lẫn tiếng Tôxcan, ông ta đọc một bài thuyết giáo mà ông vốn thích đọc đi đọc lại:

“Các nhà vua, các nhà thượng nghị sĩ và các quan tòa đã nói: “Cuộc sống của dân chúng nằm trong tay tôi” Thế nhưng họ đối trái, chẳng khác nào cỗ áo quan nói: “Ta là cái nôi”.

“Cuộc sống của dân chúng nằm trong mùa lúa trêu các cánh đồng đang chín vàng dưới con mắt của Chúa. Nó nằm trong những dây nho leo trên các cành du non, và trong tia nắng và giọt mưa của đất trời thấm đượm hoa trái trong các vườn cây quả.

“Nó không nằm trong các đạo luật do bọn nhà giàu và bọn quyền thế đặt ra nhằm duy trì quyền uy và sự giàu có.

“Những người đứng đầu các vương quốc và các nước cộng hòa ghi vào sử sách rằng quyền của con người là quyền chiến tranh. Và họ ca ngợi bạo lực. Và họ tôn kính những kẻ chính phục; và ở những nơi công cộng, họ lập tượng đài cho con người và con ngựa chiến thắng. Nhưng quyền của người ta không phải là giết chóc: bởi thế, người chính trực không đắc cử trong các cuộc bỏ phiếu. Người ta có quyền không dung dưỡng sự điên rồ và tội ác của một ông hoàng được đưa lên cầm đầu một vương quốc hay một nước cộng hòa: bởi thế, người chính trực không nộp thuế, và không đóng đồng nào cho bọn quản lý. Người đó sẽ yên ổn hưởng thụ kết quả lao động của mình, sẽ làm ra bằng lúa mì mình gieo vãi và sẽ ăn trái những cây mình chn.”

- A! Ông Sulet – hoàng thân Anbectinenli nghiêm trang nói – ông rất có lý khi quan tâm đến tình trạng khốn khổ của đồng ruộng tươi đẹp của chúng ta

mà thuế khóa đã làm cho kiệt quệ. Đánh thuế đến ba mươi ba phần trăm thu nhập thì còn thu được gì nữa của đất đai? Chủ và tớ đều là nạn nhân của bọn quản lý cả thôi.

Đơsactơ và bà Mactanh ngạc nhiên về sự thành thật bất ngờ trong giọng nói ông hoàng.

Ông ta nói thêm:

- Tôi yêu nhà vua. Tôi đảm bảo lòng trung thành của mình. Nhưng tôi thông cảm với những nỗi đau khổ của nhân dân.

Sự thực là ông ta khéo léo ra sức chuẩn bị một sự nghiệp duy nhất: hồi phục khu trang trại Caxentinô mà thân sinh ông ta, hoàng thân Caclô, quan hầu của Victo-Emmanuyen^[121] đã để cho ba phần tư rơi vào tay bọn cho vay nặng lãi. Thái độ khéo léo bề ngoài của ông ta che đậy một sự ngoan cố dai dẳng. Ông ta là kẻ vụ lợi và chỉ theo đuổi một lợi ích riêng của mình. Chính vì muốn trở lại thành một điền chủ lớn ở Tôxcan mà ông ta buôn bán tranh cô, bán bất hợp pháp những bức họa nổi tiếng trên trần lâu nhà mình, lấy lòng các bà và cuối cùng muốn kết hôn với Ben mà ông ta biết là người kiếm ra tiền rất sành sỏi và quản lý nhà cửa rất thành thực. Ông ta thành thực yêu ruộng đất và nông dân. Những lời nói sôi nổi của Sulet – mà ông ta hiểu một cách mơ hồ – khuấy động tình yêu ấy trong lòng ông ta. Ông bất giác bộc lộ tư tưởng của mình:

- Ở một đất nước mà chủ và tớ hợp thành một gia đình duy nhất thì số phận của người này tùy thuộc vào số phận của những người khác. Thuế khóa làm chúng tôi khánh kiệt. Anh em tá điền của chúng ta là những người dũng cảm biết bao! Họ là những người làm ruộng đầu tiên trên đời này.

Têrendơ thú nhận là trước đây nàng không nghĩ như thế. Nàng chỉ thấy có riêng các cánh đồng ở Lôngbacđi là được cày bừa cẩn thận và có vô số mương

máng cắt ngang dọc. Còn Tôxcan, thì nàng thấy như một vườn cây ăn quả hoang vu.

Anbectinenli mỉm cười đáp là có lẽ Têredơ không nói như vậy nếu nàng hạ c đến thăm trang ấp của ông ta tuy chúng đã phải chịu đựng những vụ tranh chấp kéo dài và tốn kém. Nếu đến nàng sẽ thấy thế nào là người nông dân Ý.

- Tôi rất quan tâm đến điền địa của mình. Chiều nay khi ở đây ra về, tôi có được hai niềm vui là gặp ở ngoài ga cô Ben ra xem chuồng và bà Mactanh đang chuyện vãn với một người bạn Pari.

Anbectinenli tin là Têredơ sẽ khó chịu khi nghe nói tới chuyện gặp gỡ ấy. Nhìn xung quanh bàn, thấy Đơsactơ không giữ nổi cử chỉ ngạc nhiên đượm vẻ băn khoăn, ông ta liền nhấn mạnh:

- Xin bà thứ lỗi cho một kẻ quê mùa dám tự phụ am hiểu thiên hạ: tôi nhân ra người nói chuyện với bà là một người Pari: ông ta có vẻ như người Anh, và trong lúc làm ra vẻ cứng rắn, ông ta vẫn tỏ ra hoàn toàn thoải mái và đặc biệt sôi nổi.

- Ô! – Têredơ hững hờ đáp. – Đã từ lâu tôi không gặp ông ta. Và tôi hết sức ngạc nhiên khi bỗng dưng thấy lại ông ta ở Phlôrăngx trước khi ra đi.

Nàng nhìn Đơsactơ nhưng anh làm như không nghe thấy gì.

- Nhưng tôi biết ông ấy. – Ben nói – Ông Lơ Mênin ấy mà. Tôi đã hai lần ngồi ăn cạnh ông ấy, ở nhà bà Mactanh, ông ta trò chuyện với tôi rất thú vị. Ông ấy bảo tôi ông thích bóng đá, chính ông đã đưa trò thể thao này vào đất Pháp và hiện nay môn bóng đá rất thịnh hành. Ông ấy cũng kể với tôi những buổi đi săn. Ông yêu loài vật. Tôi nhận thấy dân săn bắn rất yêu loài vật. Tôi bảo đảm với cô là Lơ Mênin nói chuyện tuyệt vời về loài thỏ, *darling* ạ. Ông ta biết thói quen của chúng. Ông ta bảo xem thỏ nhảy múa dưới ánh trăng, trong

những bụi thạch thảo thật thú vị. Ông cam đoan với tôi là chúng rất thông minh, và ông đã cam đoan với tôi là chúng rất thông minh, và ông đã từng thấy một con thỏ già bị đàn chó săn đuổi, dùng từng thấy một con thỏ già bị đàn chó săn đuổi, dùng chân buộc một chú thỏ khác ra khỏi hang để đánh lừa. Lơ Mênin có nói chuyện thỏ với cô không, *darling*?

Têredơ đáp là nàng không biết và nàng thấy dân đi săn là những kẻ chán ngấy.

Ben phản đối. Cô không bao giờ cho Lơ Mênin là người đáng chán khi ông ta nói về những chú thỏ nhảy múa dưới ánh trăng, trong các bụi thạch thảo hay các ruộng nho. Nàng cũng muốn nuôi một chú thỏ con Phaniông.

- *Darling* này, cô không biết Phaniông đâu.Ồ! Tôi tin chắc Đơsactơ biết cô ấy. Cô ấy đẹp và thân với các nhà thơ. Cô ở trên đảo Côx, trong một ngôi nhà nhỏ trên sườn đồi trồng đầy chanh và cây nhựa điều chạy thoai thoải xuống tận bờ biển. Người ta bảo cô ta thích nhìn “ánh mắt” màu da trời của sóng biển. Tôi kể chuyện Phaniông cho Lơ Mênin nghe, và ông ta rất thích thú được biết chuyện. Cô ta nhận được một người đi săn một con thỏ con, hai tai dài ngoẵng bị bắt khi đang bú mẹ. Cô ta bế con thỏ trên đầu gối và nuôi nó bằng những cánh hoa mùa xuân. Nó yêu Phaniông và quên mất mẹ. Nhưng nó đã chết vì ăn quá nhiều hoa, Phaniông khóc nó, đem chôn nó trong vườn chanh, dưới nấm mồ mà từ giường nằm cô có thể nhìn thấy. Mất thỏ con, Phaniông được an ủi bằng những lời ca của nhà thơ.

Bà Maomê cho rằng Lơ Mênin có cách xử sự thanh nhã và chín chắn làm vui lòng người, mà lớp thanh niên không hề có. Bà rất muốn gặp ông ta và nhờ giúp một việc.

- Việc cho người cháu họ tôi ấy mà. – bà nói – Hẳn là đại úy pháo binh, được cấp trên yêu mến và nhận xét tốt. Viên đại tá, thủ trưởng của cháu, trong một thời gian dài làm việc dưới quyền một ông bác của ông Lơ Mênin là tướng

Đơ La Brisơ. Tôi sẽ rất biết ơn ông Lơ Mênin nếu ông ấy vui lòng nhớ ông bác viết mấy chữ cho đại tá Phôơ giúp đỡ chán tôi. Và chẳng nó không xa đối với ông Lơ Mênin. Năm qua, hai người đã gặp nhau trong buổi khiêu vũ hóa trang do đại úy Đơ Lêxxay tổ chức ở khách sạn Anh cho các sĩ quan trong doanh trại Caăng và cho thanh niên các gia đình tử tế vùng lân cận.

Đầu cúi thấp, bà Macmê nói thêm:

- Dĩ nhiên, đám phụ nữ được mời không thuộc giới thượng lưu. Nhưng nghe nói có những người rất nhan sắc. Họ được mời từ Pari về kia đấy. Cháu tôi – người kể lại những chi tiết này – hóa trang thành người đánh xe trạm. Còn Lơ Mênin thì đóng rất đạt vai lính khinh kỵ của Tử thần.

Ben bảo rất buồn phiền không được biết Lơ Mênin đến Phlôrăngx. Nếu biết được thì nhất định cô đã mời ông ta đến nghỉ ở Phidơ.

Cho đến cuối bữa ăn, Đơsactơ tỏ vẻ rầu rĩ và lơ đãng. Lúc chia tay, Têredơ có cảm giác anh tránh không bắt tay n

XXIII

Hôm sau, trong tòa lâu kín đáo trên đường Anphiêri nàng thấy anh âu sầu. Lúc đầu, nàng tìm cách làm anh khuây khỏa: nàng tỏ ra vui vẻ một cách dịu dàng tha thiết với thái độ khiêm nhường tuyệt vời của một người tình sẵn sàng hiến thân. Nhưng anh vẫn rầu rĩ. Suốt đêm, anh suy tư, trăn trở, vừa buồn vừa bực dọc. Anh thấy có lý do để đau khổ. Trong óc anh hình thành mối liên hệ giữa cái bàn tay chuối lá thư vào trong thùng thư trước pho tượng Xan Maccô bằng đồng hun với kẻ lạ mặt gọi tên được nỗi đau của mình. Ngồi trong chiếc ghế bành mà Têredơ đã ngồi hôm nàng đến lần trước và lần nàng chính nàng mời anh ngồi, những hành ảnh ảo não vương vấn trong đầu anh, còn nàng, cúi xuống tay ghế, như ôm ấp lấy anh bằng thân hình ấm áp và trái tim yêu thương của mình. Nàng biết rõ nỗi đau của anh nên tránh không hỏi han.

Nhằm đưa anh trở lại những ý nghĩ êm đẹp, nàng nhắc lại những điều thầm kín trong căn buồng họ đã cùng sống với nhau, nhắc lại ký ức về những buổi cùng nhau dạo chơi trong thành phố. Nàng có những lời lẽ và cử chỉ duyên dáng, dễ thương.

- Chiếc thìa con anh em hôm trước, chiếc thìa có chạm bông huệ đỏ ấy mà, em dùng để uống trà buổi sáng. Mỗi khi thức giấc, em sung sướng thấy lại nó và cảm thấy yêu anh khôn biết chừng nào.

Anh vẫn đáo một cách buồn bã và không rõ ràng. Nàng nói thêm:

- Em đến với anh, ở cạnh anh, thế mà anh không lưu tâm gì đến em cả. Anh bận tâm về một ý nghĩ mà em không biết. Thế mà em thì đang tồn tại thế này, trước mặt anh. Còn ý nghĩ thì chẳng là gì hết, phải không anh?

- Ý nghĩ chẳng là gì hết, em nghĩ như vậy ư? Người ta sung sướng hay đau khổ chỉ vì một ý nghĩ; người ta sống hay chết chung chỉ vì một ý nghĩ. Đúng, quả là anh suy nghĩ...

- Anh suy nghĩ chuyện gì?

- Sao em lại hỏi anh? Em biết rõ rồi mà, anh nghĩ về điều anh được nghe tới qua mà em giấu anh. Anh buổi gặp gỡ của em hôm qua ở ngoài ga, buổi gặp gỡ không ngẫu nhiên mà do một bức thư, bức thu – em còn nhớ chứ? – em bỏ vào thùng thư ở Ô Xan Misen. Ô! Anh không trách em. Anh không có quyền. Nhưng vì sao em lại đến với anh nếu đang bị ràng buộc?

Nàng nghĩ cần phải nói dối:

- Anh muốn nói tới người em gặp hôm qua ở ngoài ga? Em cam đoan với anh đó là cuộc gặp gỡ bình thường nhất trên đời.

Anh đau đớn thấy nàng không dám gọi tên người nàng nói tới. Anh cũng tránh không muốn nhắc đến cái tên đó.

- Têrendơ, người ấy không phải tới vì cô à? Trước này, ở Phlô-răngx, cô không biết hẳn à? Đối với cô, hẳn chỉ là người được cô gặp gỡ và đón tiếp bình thường sao? Không phải vì hẳn mà cô nói với tôi bên dòng Acnô: “Tôi không thể” hay sao? Đối với cô, hẳn không là gì cả hay sao?

Nàng quả quyết trả lời:

- Thỉnh thoảng người đó đến nhà em. Tướng Larivie giới thiệu với em. Em không có gì hơn để nói với anh. Em cam đoan với anh là em không hề lưu âm tới người đó và em không hiểu anh có thể nghĩ thế nào.

Nàng cảm thấy như được hài lòng khi phủ định người đàn ông đã quyết liệt và dữ dội được bảo vệ “quyền sở hữu” của mình. Nhưng nàng vội dừng lại trên con đường quanh co ấy. Nàng đứng dậy nhìn anh với ánh mắt âu yếm và trang nghiêm.

- Anh hãy nghe em: từ khi em hiến thân cho anh, cuộc đời em hoàn toàn thuộc về anh. Nếu thắng hoặc có điều gì nghi ngờ, băn khoăn, anh cứ hỏi em. Hiện tại thuộc về anh, và anh biết rõ trong đó chỉ có riêng một mình anh. Còn quá khứ của em, nếu anh biết nó chỉ là hư vô thì chắc anh phải bằng lòng. Em không nghĩ là có một người đàn bà khác, sinh ra để yêu như em, có thể mang đến cho anh một tấm tình mới mẻ hơn tấm tình của em. Điều đó, em xin thề với anh. Những năm tháng trước đây không có anh, em đâu có sống. Chúng ta đừng nói tới nữa. Em không có gì phải hối hận. Còn ân hận thì lại là chuyện khác: em ân hận được biết anh quá muộn. Vì sao, anh, vì sao anh không tới sớm hơn? Nếu anh tới năm năm trước đây thì em đã hoàn toàn là của anh như bây giờ em hoàn toàn là của anh rồi. Anh có còn nhớ Lôhengri^[122] chứ? Nếu anh yêu em, thì đối với anh, em là người ký sĩ của chim Thiên nga. Em có hề làm mình làm mấy với anh về chuyện cô Gian Tăngcredơ đâu. Em thấy anh yêu em, anh đau khổ, và thế là đủ đối với em!... bởi vì em yêu anh.

- Người đàn bà không thể ghen tuông cùng một kiểu như đàn ông, và cũng không cảm nhận được cái làm người đàn ông đau khổ hơn chết.

- Em không hiểu gì hết về chuyện đó. Vì sao vậy?

- Vì sao à? Vì trong máu, trong thịt người đàn bà, không có cái dữ dội phi lý và cuồng nhiệt, cái bản năng cố hữu mà đàn ông cho là mình có quyền có. Người đàn ông là vị thần muốn sinh linh của mình thuộc về mình trọn vẹn. Từ bao đời nay, người đàn bà sinh ra để được chia sẻ. Chính quá khứ, quá khứ âm thầm quy định dự vọng của chúng tôi. Khi ra đời, chúng tôi đã già cõi lắm rồi! Đối với phụ nữ, ghen tuông chỉ là một vết thương của lòng tự ái. Còn ở nam giới, đó là sự day dứt sâu xa như nỗi đau tinh thần, liên tục như nỗi đau vật chất... Cô hỏi vì sao à? Vì, tôi phục tùng và kính trọng cô, tuy cô làm tôi sợ

hài, cô vẫn là vật chất, còn tôi là là tinh thần; cô là sự vật, còn tôi là linh hồn, cô là đất sét còn tôi là nghệ nhân.Ồ! Cô đừng phàn nàn. Bên cạnh chiếc bình tròn trĩnh với những tràng hoa lá trang trí, thì người thợ gốm nhỏ mọn và vất vả là cái gì? Bình thì yên ổn và đẹp. Còn người thợ thì thật là khổ sở. Anh ta day dứt ham muốn, đau khổ; vì ham muốn tức là đau khổ. Đúng, tôi ghen tuông. Tôi biết rõ trong sự ghen tuông của tôi có cái gì rồi. Xem xét nó, tôi thấy trong đó có những thiên kiến truyền thống, một niềm kiêu hãnh của kẻ man rợ, một sự nhạy cảm bệnh tật, một sự pha trộn giữa cái thô bạo ngu ngốc và cái yếu đuối tàn ác, một sự phản kháng đại dột và sự dừ dãn chống lại quy luật của đời sống và của xã hội. Nhưng tôi không sao tìm hiểu được nó là cái gì: nó vẫn tồi tại và giày vò tôi. Tôi như nhà hóa học khi nghiên cứu thuộc tính của chất axit mình vừa nuốt, biết rõ nó kết hợp với những bazơ gì và tạo ra những muối gì. Thế nhưng axit đốt cháy và sẽ đốt cháy anh ta đến tận xương tủy.

- Anh yêu quý, anh thật phi lý.

- Vâng, tôi phi lý, tôi cảm thấy điều đó rõ hơn bản thân cô... Tôi hâm muốn một người đàn bà nhan sắc lộng lẫy và trí tuệ rực rỡ, tự làm chủ bản thân mình, kiên quyết, khôn ngoan và tự do trong lựa chọn lại hiểu biết và dám hành động. Và do vậy càng xinh đẹp hơn, càng khiêu gợi hơn. Tôi h muốn và yêu nàng như nàng đang tồn tại; tôi đau khổ vì nàng không có sự trong trắng ngây thơ, cũng không có sự chất phác dịu dàng, và nếu như có thì đó là điều bất bình thường đối với nàng. Tôi đòi hỏi nàng, đồng thời phải là nàng và cũng đồng thời không phải là nàng. Cuộc đời sinh ra nàng như thế nào thì tôi yêu quý nàng như thế ấy. Tôi sót xa ân hận vì cuộc đời tay đã tô điểm cho nàng hết sức kiêu diễm nhưng lại chỉ mới đụng tới nàng mà thôi.Ồ! Như thế quả là phi lý. Tôi yêu cô, cô hiểu chứ? Tôi yêu cô cùng với tất cả những cảm xúc, những lễ thói cô mang tới cho tôi, cùng tất cả những gì rút ra từ những kinh nghiệm của cô, tất cả những gì bắt nguồn... có thể từ hãn, từ họ, làm sao tôi biết được?... Đó là hạnh phúc và đó cũng là nỗi đau của tôi. Tình yêu cứ phải là tội lỗi, cái trò ngu ngốc công khai ấy chắc phải có một ý nghĩa sâu xa. Niềm vui là tội lỗi khi nó mênh mêng. Anh đau khổ là vì thế đấy, em yêu ạ!

Nàng quỳ xuống trước mặt anh, cầm lấy tay anh và kéo anh vào lòng:

- Em không muốn anh đau khổ, em không muốn thế đâu. Có điên thì mới thế. Em yêu anh và bao giờ cũng chỉ yêu có một mình anh. Anh có thể tin em: em không dối trá đâu.

Anh khẽ hôn lên trán nàng.

- Dù em có lừa dối anh, anh cũng không giận em đâu, em yêu quý ạ. Trái lại, anh sẽ biết ơn em kia. Có gì chính đáng hơn, “người” hơn là lừa dối nỗi đau khổ? Lạy Chúa! Nếu phụ nữ không vì thương xót chúng tôi mà dối trá thì chúng tôi sẽ ra sao? Em yêu quý, em cứ dối trá, em cứ vì nhân ái mà dối trá! Em hãy đem lại cho anh giấc mơ làm sáng lên những nỗi phiền muộn đen tối nhất. Em cứ dối trá, em đừng ngại ngần. Em chỉ đưa thêm một ảo ảnh vào ảo ảnh về tình yêu và nhân sắc thôi mà.

Anh thở dài:

- Ô, lý trí! Sự khôn ngoan tầm thường!

Nàng hỏi anh muốn nói gì và sự khôn ngoan tầm thường đó là cái gì. Anh trả lời đó là một câu tục ngữ đúng đắn nhưng thô bạo, và không nên nói ra thì hơn.

- Dầu sao anh cứ nói ra.

- Em muốn anh nói à? Vậy thế này: “Cái miệng đã được hôn vẫn không mất đi vẻ tươi mát”.

Và anh nói thêm:

- Quả là tình yêu duy trì nhan sắc, và thịt da phụ nữ được nuôi bằng sự mơn trớn như ong được nuôi bằng nụ hoa.

Nàng hôn môi anh như gửi gắm lời thề.

- Em thề với anh là bao giờ em cũng chỉ có yêu anh. Ồ! Không, không phải những sự vuốt ve, mơn trớn duy trì chút nhan sắc mà em sung sướng đó được để dâng tặng anh đâu! Em yêu anh! Em yêu anh!

Nhưng anh vẫn nhớ bức thư bỏ ở Ô Xan Misen và người đàn ông nàng gặp ở sân ga.

- Giá cô thực sự yêu tôi thì cô đã yêu một mình tôi thôi.

Nàng đứng dậy, giận dữ:

- Thế là anh nghĩ tôi yêu một người khác à? Điều anh nói thật kinh khủng. Anh nghĩ về tôi như vậy sao? Thế mà anh bảo anh yêu tôi... Anh này! Tôi thương hại anh, vì anh điên mất rồi.

- Tôi điên thật à? Cô nói đi, nói cho tôi biết nữa đi.

Nàng quỳ xuống, hai lòng bàn tay mướt mà ôm lấy thái dương, lấy má anh. Một lần nữa, nàng bảo anh bắn khoả về một cuộc gặp gỡ tầm thường, vô nghĩa và phi lý. Nàng buộc anh phải tin, hay nói đúng hơn, phải quên. Anh chỉ thấy, còn biết, còn thưởng thứ đôi bàn tay thon thả, cặp môi nồng cháy, hai hàm răng cũng nồng cháy, bộ ngực đầy đặn và toàn bộ cái cơ thể hiển dâng cho mình. Anh không còn ý nghĩ nào khác là hoàn toàn tự lãng quên hết làm cho nàng cũng quên hết và cùng nàng mãi quên hết mọi thứ trên đời. Bản thân nàng vừa lo sợ vừa ham muốn trong lòng dâng lên nỗi đắm say vô tận mà chính mình kích động; cảm nhận vừa sức mạnh vô biên vừa sự yếu ớt của mình, nàng đáp lại tình yêu với sự cuồng nhiệt chưa từng có. Và, trong cơn

điên đại bản năng, với một ý muốn khẳng khẳng hiển dăng mình trọn vẹn hơn bao giờ hết, nàng dám cái điều mà mình chưa bao giờ nghĩ là có thể dám làm. Bóng chiều nồng ấm bao phủ cả căn buồng. Những tia sáng vàng rực, chiều từ góc các tấm riđô, rọi lên chiếc làn đựng hoa quả đặt trên bàn cạnh chai vang. Ở đầu giường, bức tượng cô gái Vơnidơ nhỏ nhỏ nọ một nụ cười trên đôi môi cảnh tranh tối tranh sáng. Những bức tượng thánh Becgan và Verôn đứng im lặng tươi cười dọc các bức bình phong. Bông hồng trong lọ rơi từng cánh một. Cảnh vắng lặng dần chìm trong tình yêu; họ thường thức cái một mỗi của những phút ái ân nồng cháy.

Nàng thiếp đi trên ngực người yêu. Giác ngủ mơ màng kéo dài niềm khoái lạc. Tỉnh giấc, nàng nói hớn hờ:

- Em yêu anh.

Chống tay lên gối, anh nhìn nàng, lòng âm thầm kinh hãi.

Nàng hỏi vì sao anh buồn:

- Lúc này, anh vui vẻ. Sao bây giờ lại thế?

Anh lắc đầu, im lặng.

- Anh nói đi. Em thích anh phàn nàn hơn là anh im lặng.

Anh bèn nói:

- Em muốn biết à? Em đừng giận nhé! Anh đau khổ hơn bao giờ hết, vì giờ đây anh hiểu em cho anh cái gì.

Nàng đột ngột ngồi dậy, đôi mắt chan chứa đau buồn và trách móc:

- Anh nghĩ là trước đây em đã yêu một người khác như lúc này em đang yêu anh sao! Anh làm thương tổn đến nỗi niềm sâu lắng nhất của em, đến tình yêu của em đối với anh. Em không tha thứ cho anh đâu. Em yêu anh. Bao giờ, em cũng chỉ có yêu anh. Bao giờ em cũng chỉ đau đớn vì anh. Anh hãy bằng lòng. Anh làm em đau khổ lắm... Phải chăng anh là người tên ác?

- Têredơ, khi người ta yêu, không bao giờ người ta tốt cả.

Hai chân để trần thõng xuống như một người đang tắm, nàng ngồi một lúc lâu trên giường, im lặng, mơ màng. Khuôn mặt nhợt nhạt đi vì khoái lạc bỗng ửng hồng lên và một giọt nước mắt đọng lại trên mi.

- Têredơ, em khóc

- Xin lỗi anh. Lần đầu tiên em yêu thực sự và được yêu thực sự. Em sợ.

XXIV

Tiếng chuyển hòm xiêng vang lên ồn ã trên các bậc thang trong tòa biệt thự để đầu chuông lớn, chuông bé; Pôlin mang các gói hành lý nhẹ nhàng bước xuống nhà; bà Macmê thận trọng và điềm tĩnh trông coi việc gửi hàng đi, còn Ben thì đã sửa soạn xong. Têredơ trong bộ trang phục màu xanh mặc đi đường, chống tay lên lan can hàng hiên, một lần nữa ngắm nhìn thành phố Hoa.

Nàng quyết định ra đi. Thư nào chồng nàng cũng nhắc nhở. Nếu nàng trở về Pari trong những ngày đầu tháng năm – như anh thiết tha yêu cầu – thì trước ngày trao Giải thưởng Lớn, họ có thể mời khách dự mấy bữa ăn tối, sau đó là mấy buổi tiếp tân. Nhóm chính trị của anh đang được dư luận ủng hộ. Trào lưu đang thúc đẩy anh và Garanh cho rằng xalông của nữ bác tước Mactanh có thể có ảnh hưởng rất tốt với tương lai của đất nước. Nàng không mấy lưu ý tới mấy lý do ấy, nhưng giờ đây nàng đang cảm thấy khoan dung đối với chồng và muốn làm anh vui lòng. Ngày hôm trước, nàng lại nhận được thư công bố. Ông không nói tới quan điểm chính trị của chàng rể, cũng không khuyên răn con gái, nhưng cho nàng biết là người ta bắt đầu nói tới những ngày sống bí ẩn của nữ bác tước Mactanh ở Phlôrăngx, với các thi sĩ và nghệ sĩ; người ta cũng nói là từ xa, ngôi biệt thự đây những chuông lớn, chuông bé có một dáng dấp phóng túng khác thường về tình cảm. Bản thân nàng cũng cảm thấy bị theo dõi trong cái xã hội Phidơn bé nhỏ này. Bà Macmê thì quấy nhiễu nàng; hàng thân Anbectinenli thì làm nàng lo lắng. Những buổi hẹn hò ở ngôi lầu trên đường Anphiêri trở nên khó khăn và nguy hiểm. Một buổi tối, giáo sư Arighi, mà Anbectinenli thường lui tới nhà, gặp nàng trong lúc nàng đi trên những quãng đường vắng vẻ, nép sát bên người Đơsactơ. Ông là tác giả một luận văn về nông nghiệp và là một nhà khoa học hết sức dễ thương. Ông quay mặt mặt đi, bộ mặt dửng dưng đẹp đẽ, có hàng ria mép bạc trắng, và hôm sau chỏ nói với nàng: “Trước kia, khi từ xa có một người đẹp đi tới là tôi đoán được. Bây giờ, khi tôi đã vượt quá lứa tuổi được nữ giới nhìn một cách thiện cảm, thì Thượng

để thương tôi: Người tránh cho tôi không phải nhìn thấy họ. Mắt tôi rất kém-khuôn mặt khả ái nhất, tôi cũng không nhận ra được nữa”. Thế là nàng hiểu và xem như đã được cảnh tỉnh. Giờ đây, nàng mongche giấu niềm hạnh phúc của mình trong phố phường Pari mênh mông.

Nàng báo cho Vivian Ben nay mai nàng sẽ trở về. Ben năn nỉ nàng ở thêm mấy ngày. Nhưng Têrendơ nghĩ rằng cô bạn vẫn khó chịu về lời khuyên trước đây của mình vào một buổi đêm trong căn phòng có tấm màn cửa thêu hình những cây chanh, rằng có nhẽ cô ta cũng không còn thích thú sống trong tình thân của người bạn tâm tình đã không tán thành việc lựa chọn của cô, và Anbectinenli chắc hẳn đã nói với Ben rằng nàng là kẻ đom đàng và có lẽ nông nổi nữa. Ngày ra về được quyết định vào mồng 5 tháng năm.

Bầu trời trong đẹp lóng lánh trên thung lũng Acnô. Mơ màng, Têrendơ từ hàng hiên thấy Phlôrăngx như một bông hồng khổng lồ buổi sớm cắm trong chiếc lọ màu xanh. Nàng nghiêng mình để tìm cái điểm li ti dưới chân những ngọn đồi phủ đầy hoa, nơi nàng đã nếm trải những niềm vui vô tận. Xa xa, khu vườn nghĩa trang làm thành một vệt nhỏ sẫm màu và bên cạnh, nàng nhận ra con đường Anohiêri. Nàng như sống lại trong căn buồng xiết bao thân thiết, nói chắc hẳn không bao giờ nàng còn bước chân tới nữa. Những giờ phút đã qua và không bao giờ còn trở lại hiện lên ảm đạm, tang tóc trong trí nàng. Nàng cảm thấy mắt mờ đi, chân mềm yếu và tâm hồn bạc nhược; hình như cuộc sống không còn ở trong người nàng nữa mà nàng đã để nó ở lại trong cái góc kia, nơi có những rặng thông đen kịt, im lìm vươn lên bầu trời. Nàng tự trách mình bản khoăn một cách vô lý trong lúc nhẽ ra nàng phải bình tâm và hoan hỉ. Nàng biết nàng sẽ gặp lại Giắc Đơsactơ ở Pari. Hai người những muốn cùng đến Pari một lúc hay nói đúng hơn cùng đi Pari với nhau. Chàng phải nán lại Phlôrăngx thêm mấy ngày, nhưng dẫu sao buổi hội ngộ cùng gần tới nơi, ngày hẹn hò đã được ấn định và ngay bây giờ nàng đã bồi hồi nghĩ tới phút gặp gỡ. Lòng nàng ấp ủ mối tình quyện chặt trong máu thịt. Nhưng một phần con người nàng ở lại trong ngôi lâu có khắc hình đàn dê và tượng các thủy thần, cái phần bản thân nàng ấy không bao giờ được trả lại cho nàng nữa. Giữa sự sôi nổi tràn đầy của cuộc sống, nàng cảm thấy chết đi những cái cực

kỳ quý giá. Nàng nhớ những lời Đơsactơ nói với mình: “tình yêu là một thứ sùng bái linh vật. Anh đã hái và ép làm kỷ niệm những quả cây bên bờ vịnh, những quả mà trước kia em từng nhìn ngắm”. Vì sao nàng lại không nghĩ tới việc mang theo một viên đá cửa tòa lâu đài nơi nàng đã lãng quên cả vũ trụ?

Một tiếng kêu của Pôlin làm nàng đứt mạch suy tư. Từ phía sau rặng kim tước hoa, Sulet bỗng nhảy ra ôm hôn cô gái hầu phòng trên tay đầy những áo khoác và túi đi đường để mang ra xe. Bây giờ ông ta băng qua lối đi trong vườn, hớn hởi, râu tóc bờm xờm, hai tai nhọn hoắt dựng đứng lên hai bên trán láng bóng. Ông ta cất tiếng chào nửa bá tước Mactanh

- Thế là phải chia tay bà hay sao, thưa bà?

Ông ta ở lại Ý. Một Phu nhân vậy gọi ông ta – theo lời ông ta nói – Phu nhân đó là La Mã. Sulet muốn biếng thăm các hồng y giáo chủ. Có thể một đức hồng y giáo chủ mà người ta ca ngợi là một ông già rất biến lễ phải sẽ tán thành quan niệm về một Giáo hội cách mạng và xã hội chủ nghĩa. Sulet có mục đích của mình: trồng lên trên đồng tro tàn của nền văn minh bất công và tàn bạo cây Thánh giá của chúa Giêsu, không phải là cây thánh giá chết cứng và trần trụi, mà là cây thánh giá sống với hai cánh tay của Người nở hoa che bóng cho cả cõi trần. Với ý đồ đó, ông ta sẽ lập một giáo đoàn và ra một tờ báo. Giáo đoàn thì bà Mactanh đã biết. Còn tờ báo thì sẽ bán một xu, được viết theo lời văn có vần và thể bi ca. Báo có thể dùng làm lời bài hát. Rốt cuộc chỉ có lời thơ rất mực giản dị, dù dữ dội hay êm ái, mới là ngôn ngữ duy nhất thích hợp với nhân dân. Văn xuôi chỉ thú vị đối với những ai có bộ óc rất tinh tế. Ông ta đã gặp những tay vô chính phủ ở các hàng bán rong rượu vang trên đường Xanh-Giăc. Buổi tối, họ đọc cho nhau nghe những bản tình ca.

Ông ta nói thêm:

- Một tờ báo theo kiểu sưu tập bài ca thì sẽ hợp với tâm hồn dân chúng. Người ta bảo tôi có tài. Tôi không rõ có đúng không, nhưng phải nói rằng tôi

có óc thực tiễn.

Ben vừa đi găng tay vừa bước xuống bậc tam cấp.

- Ô, *darling*, phố xá và cả trời đất, núi xông đều muốn cô phải luyến tiếc. Hôm nay, tất cả đều tươi đẹp để khiến cô luyến tiếc chúng và sẽ muốn trở lại thăm chúng.

Nhưng chán cái khô khan thanh nhã của cảnh vật Tôxcan, Sulet chỉ luyến tiếc xứ Ôngbri xanh tươi và bầu trời Ôngbri ấm ướt. Ông ta lại nhớ lại Axxido, lúc ông đứng cầu nguyện trên cánh đồng màu mỡ, giữa một vùng đất mềm mại, êm đềm hơn.

- Ở đây, - ông ta nói - có những cánh rừng à nham thạch, những khu rừng thưa để lộ một khoảng trời và những đám mây trắng. Ở đây, tôi đã đi dạo chơi theo vết chân thánh Phrăngxo, và tôi đã phỏng tác bài hát tụng ca Mặt trời của Ngài thành những vần thơ Pháp cổ, đơn sơ và nghèo nàn

Bà Mactanh muốn nghe thơ. Ben cũng sẵn sàng nghe, nét mặt biểu lộ vẻ thành kính như một pho tượng thiên thần của Minô^[123].

Sulet báo trước bài thơ là một tác phẩm quên mùa, thiếu nghệ thuật. Tuy số lượng âm tiết lẻ, câu thơ vẫn đơn sơ, nhẹ nhàng và cố tình không hoa mỹ. Rồi với giọng chậm rãi, đơn điệu, ông ta đọc bài tụng ca:

Ơn Thượng đế để dầy sông sáng tạo

Cõi trần gian làm đẹp lòng người,

Đêm ngọc bích sáng ngời chói lọi

Điểm tô đời kiêu diễm, huy hoàng.

Khác nào họa sĩ, từng trang

Vẽ lên tranh ảnh muôn vàn thân yêu

...

- Ô! Ông Sulet này, – Ben lên tiếng – bài tụng ca của ông đi lên trời giống như vị đạo sĩ trong tháp Campô Xantô ở Pidơ theo sau đàn dê leo lên ngọn núi thân thiết. Tôi định nói với ông là: lấy niềm tin làm gậy, vị đạo sĩ già leo núi và bước chân ông ta không đều vì cây nạng ở một bên, ông ta phải đặt chân này lên chân kia. Bởi thế, những câu thơ của ông nghe ra khập khễnh. Ô! Tôi hiểu rõ điều đó lắm.

Nhà thơ nhận lời tán tụng ấy, đình ninh mình xứng đáng mà mình không nhận ra.

-Ông có niềm tin, ông Sulet ạ! – Têrendơ nói – Nhưng niềm tin ấy giúp ích gì cho ông khi chỉ dùng để làm thơ?

- Để sám hối, thưa ng

- Ô! Không có cái đó, chúng ta vẫn sám hối được.

Bà Macmê xuất hiện, trong tư thế sẵn sàng cho cuộc hành trình, với niềm vui thanh thản sẽ trở lại ngôi nhà xinh xắn của mình ở phố La Sedơ, gặp lại ông bạn già Lagrănggơ và con Tôby bé nhỏ. Đã được chứng kiến những tác phẩm nghệ thuật Etruyri ở Phodơ, bà sẽ sung sướng tìm thấy lại những đám hộp bánh kẹo ở nhà mình bộ xương người chiến sĩ, qua ô cửa sổ ngoảnh nhìn mảnh vườn nhỏ ở Bông-Macsê.

Ben đánh xe ngựa đưa bạn ra ga.

XXV

Đơsactơ lên tàu chào tiễn đưa Têrendơ và bà Macmê. Phải xa anh, Têrendơ cảm nhận anh có ý nghĩa như thế nào đối với nàng: anh mang tới cho nàng một vị mới của cuộc sống, ngọt ngào, đắm thắm, thiết thực đến mức nàng cảm thấy nó trên đôi môi mình. Nàng sống trong trạng thái mê mẩn trong giấc mơ gặp lại anh; nàng ngỡ ngàng nhưng âu yếm mỗi khi nghe bà Macmê nói: “Có lẽ chúng ta đã qua biên giới” hoặc: “Hồng nở đầy hoa dọc bờ biển”. Sau một đêm nghỉ lại khách sạn Macxây, lòng nàng vẫn hoan hỉ. Khi nhìn thấy những rặng ô liu mài xám trên các cánh đồng đá sỏi, những hàng dâu, dòng sông Rôn, phố phường Lyông, và những khung cảnh quen thuộc, những rặng cây vươn cao ngọn trước kia màu tím sẫm nay đã nhú mầm xanh tươi, những sườn đồi trải rộng như những tấm thảm nhỏ với những hàng rau dọc ngang và những hàng liễu rủ bên sông. Đối với nàng, cuộc hành trình trôi đi phẳng lặng; nàng thường thức trọn vẹn những giờ đang sống và chờ đón những niềm vui sâu lắng. Tàu dừng bánh. Dưới ánh sáng nhợt nhạt của nhà ga, trên môi nàng nở một nụ cười của người đang mơ màng như tỉnh táo khi thấy chồng hớn hờ ra đón nàng. Ôm hôn bà Macmê, nàng tỏ lời hết lòng cảm ơn bàn. Và quả là nàng cảm tạ mọi thứ trên đời chẳng khác nào thánh Phrăngxo của Sulet.

Ngồi ở hàng ghế sau cỗ xe ngựa, chạy dọc bờ sông trong đám bụi vàng hoe buổi chiều tà, nàng kiên nhẫn nghe chồng nói về những thắng lợi ở nghi viện, những ý định của nhóm nghị sĩ của anh, những dự định, những hi vọng và sự cần thiết tổ chức hai hay ba bữa ăn tối trọng thể với mục đích chính trị. Nàng lim dim mắt để mơ màng thoải mái hơn. Nàng nghĩ bụng: “Mai, mình sẽ nhận được thứ và tám ngày sau mình sẽ gặp chàng. Xe lăn bánh trên cầu, nàng nhòe sông cuộn cuộn chảy đỏ rực, nhìn những nhịp cầu ám khói, những rặng tiêu huyền, những rặng lật ngọn phủ đầy hoa trông theo hình ngũ điểm trên đại lộ Nữ hoàng. Trước mắt nàng, tất cả những cảnh vật quen thuộc ấy mang một sắc thái mới mẻ hết sức kỳ thú. Nàng cảm thấy như tình yêu của mình tô điểm

vũ trụ bằng những sắc màu mới. Và nàng tự hỏi không biết cỏ cây, sỏi đá có nhận ra nàng hau không. Nàng trầm ngâm: “Làm sao sự im lặng của mình, đôi mắt mình, toàn bộ thịt da mình, và cả bầu trời, và cả trái đất lại không tiết lộ sự bí ẩn trong lòng mình?”. Nghĩ là nàng mệt mỏi, Mactanh-Benlem khuyên nàng nghỉ ngơi. Và trong đêm tối, ngồi một mình trong buồng đóng kín, giữa cái im ắng mênh mang khiến nàng nghe rõ nhịp đập trái tim, nàng viết cho người vắng mặt một bức thư chan chứa những lời tựa những cánh hoa luôn luôn tươi tốt: “Em yêu anh, em chờ anh. Em sung sướng. Em cảm thấy anh bên em, chỉ có anh và em trên đời. Từ ô cửa sổ, em nhìn thấy một ánh sao phơn phớt xanh lấp lánh và em ngắm nó trong lúc nghĩ là từ Phlô-răng-x, anh cũng nhìn thấy nó. Em đặt lên bàn chiếc chìa khóa có hình bông huệ đỏ. Anh hãy đến với em. Từ xa anh khiến lòng em như thiêu như đốt. Anh hãy đến với em!”. Và trong lúc nàng sống dậy hoàn toàn mới mẻ những cảm xúc và những hình ảnh vĩnh hằng.

Suốt một tuần lễ, nàng sống cuộc sống hoàn toàn nội tâm, cảm thấy trong lòng cái sức nóng êm ái, du âm của những ngày ở Anphiêri, những cái hôn của chàng vẫn còn mơn man trên da thịt. Nàng tự yêu mình vì chính mình được yêu. Nàng thận trọng, chăm chút may sắm trang phục mới. Hải lòng bản thân mình, nàng muốn làm hài lòng người yêu. Nàng lo sợ đến điên dại khi ở bưu điện không thấy có tin tức; nàng run rẩy, sung sướng khi qua tấm lưới sắt, cầm lấy phong thư trên đó nàng nhận ra chữ viết thoáng đãng, bay bướm của chàng. Nàng ngẫu nhiên những kỷ niệm, những ham muốn, những ước mong. Nàng trải qua những giờ phút khắc khoải đợi chờ.

Riêng buổi sáng chàng hẹn ở Pari, nàng cảm thấy đặng đặng đến khủng khiếp. Nàng ra ga trước giờ tàu về. Nhà ga báo tàu trễ. Buồn bã biết chừng nào! Vốn lạc quan trong mọi dự định và, cũng như cha nàng, luôn luôn bắt định mệnh phục tình ý chí, nàng thấy sự chậm trễ mình không nghĩ tới này như một sự phản trắc. Từ các cửa kính phòng chờ, rờn rã bốn mươi lăm phút, một ánh sáng xám xịt đổ xuống người nàng như những hạt cát đổ xuống trong chiếc đồng hồ sa thạch khổng lồ để điểm những giây phút mất đi đối với hạnh phúc của nàng. Nàng đang rầu rĩ thì tấy trong ánh nắng mặt trời đỏ rực, đầu máy

chuyến tàu nhanh, quái dị nhưng ngoan ngoãn, dừng lại trên sân ga và, trong đám hành khách xuống tàu. Giấc bước về phía nàng. Anh nhìn người yêu, ánh mắt anh hân hoan nhưng vẫn đờm một chút âu sầu và dữ dội nàng thường bắt gặ Ô! Em đây rồi! Trước khi gặp lại em, anh sợ đến Têrendơ tái. Chắc em không biết và, chính bản thân anh cũng không biết khổ đau khổ biết chừng nào thì phải sống một tuần lễ xa em. Anh có quay lại ngôi lâu ở Anphiêri. Em biết không, trong căn buồng, khi đứng trước bức tranh bột màu ngày trước, anh nhớ em như điên như dại.

Nàng hoan hỉ nhìn anh.

- Thế còn em, anh không nghĩ là em mong chờ anh, muốn có anh, và tuy chỉ ngồi một mình, em vẫn dang rộng hai tay về phía anh hay sao? Em cất thư anh vào hộp đựng trang sức. Đêm đêm, em đem thư anh ra đọc: Thật mê ly nhưng cũng thật dại dột! Thư anh, chính là anh, quá nhiều nhưng cũng quá ít.

Hai người đi qua sân ga. Xe ngựa chờ đầy hòm xiềng lẫn bánh trên sân. Nàng hỏi anh có thuê xe không.

Anh không đáp. Hình như anh không nghe tiếng. Nàng nói tiếp:

- Em có đến nhà anh, nhưng em không dám vào. Nhìn qua hàng rào sắt, em thấy những cánh cửa sổ có thanh ngang và những bụi hồng ở phía cuối sân, phía sau một cây tiêu huyền. Và em tự bảo mình: “Đấy đấy!” chưa bao giờ lòng em bồi hồi đến thế.

Anh không nghe nàng, không nhìn thấy gì nữa. Anh cùng nàng bước nhanh qua sân ga lát đá và qua một bậc thang hẹp đi vào con đường vắng vẻ chạy dọc theo phía sau sân ga. Ở đấy, những công trường gỗ và kho than, có một khách sạn với cửa hàng ăn và những chiếc bàn đặt trên hè phố. Biển hiệu sơn màu, và ở cửa sổ treo những tấm riđô trắng. Đơsactơ dừng bước trước cánh cửa nhỏ và đưa Têrendơ vào một lối đi không thắp sáng.

- Anh đưa em đi đâu? – Nàng hỏi – Máy giờ rồi? Em phải có mặt ở nhà lúc bảy rưỡi. Chúng ta điên mất thôi.

Và trong một căn buồng lát gạch đỏ, có chiếc giường gỗ bồ đào; thảm vẽ hình sư tử, họ thường thức những phút giây quên lãng thần tiên.

Bước xuống cầu thang hạnh phúc biết chừng nào, chúng ta cưỡng đoạt cả cuộc sống.

XXVI

Ngày hôm sau, một cỗ xe ngựa đưa nàng tới một đường phố đông dân cư vắng lặng, nửa buồn nửa vui, với những bức tường vây quanh các khu vườn nằm lọt giữa ngôi nhà mới xây. Xe dừng bánh ở chỗ lòng đường chạy qua dưới vòm tò vò khách sạn Rêgiăngx chắn ngang đường. Khách sạn phủ đầy bụi trong quên lãng. Đó đây, những cành cây xanh vươn lên giữa đám đá sỏi; đem chút tươi tắn đến cho cái góc phố này. Têrêndơ bầm chuông trước cánh cửa nhỏ. Giữa các ngôi nhà san sát, nàng nhìn thấy một chiếc ròng rọc trên một ô cửa mở trên mái nhà và hình vẽ một chiếc chìa khóa to tướng mạ vàng, biển quảng cáo trên một cửa hiệu bán khóa. Nàng thu vào mắt tất cả những cảnh tượng ấy – tuy quen thuộc nhưng vẫn mới lạ. Bờ câu bay lượn trên đầu nàng; nàng nghe đàn gà mái “cục cục”. Một gia hân để ria mép, vẻ quân nhân và què mùa, ra mở cửa. Nàng bước vào một cái sân rải cát, dưới bóng một cây tiêu huyền; bên trái sân, sát mặt đường là nhà người gác cổng, cửa sổ treo chuông chim bạch yến. Về phía ấy, nhô lên đầu hồi có bọc lưới sắt sơn xanh của nhà bên cạnh. Dựa vào đó là sườn nhà có những ô kính của một xưởng điêu khắc để lộ ra những bức tượng thạch cao im lìm dưới lớp bụi. Bên phải, một bức tường không cao vây quanh sân, trên tường còn gắn những mảnh trụ gạch, những mảng chạm nổi, những đoạn cột nhỏ bị gãy. Cuối sân, ngôi nhà khách sạn không lớn lắm này mở cả sáu ô cửa sổ cỡ thanh ngang ở mặt trước, một phần phủ kín dây thường xuân và cây hồng leo.

Say mê nền kiến trúc Pháp thế kỷ XV, Philip Đơsactơ đã thể hiện rất tài hoa ở đây những đặc điểm của một tư thất thời Lui XII. Bắt đầu xây dựng vào giữa Đế chế đệ nhị, ngôi nhà vẫn chưa hoàn chỉnh. Con người từng xây dựng biết bao nhiêu lâu đài đã qua đời mà không hoàn tất được ngôi nhà cho riêng mình. Nhưng như thế lại hay hơn. Thiết kế theo kiểu lúc bấy giờ được coi trọng về giá trị, ngôi biệt thự nhỏ của Philip Đơsactơ nay trở nên tầm thường và lạc hậu, lại nằm giữa những dày tường của những khu nhà cao tầng. Song nhờ cái

thô nhám của những tảng đá nguyên khối đã mủn dần ra trong khi chờ đợi bàn tay người thi công qua đời cách đây có lẽ đã hai chục năm, nhờ cái vẻ nặng nề chân chất của ba ô cửa sổ hầu như chưa được đẽ gọt trên mái, nhờ vẻ đơn sơ của mái nhà mà bà quả phị nhà kiến trúc cho lọt lại, nhờ tất cả những may mắn của tình trạng dở dang ngoài ý muốn ấy, tòa biệt thự, có cái vẻ duyên dáng của một ngôi nhà cổ kính nhưng lại mới mẻ và mang dấu vết lãng mạn của những thời xa xưa; nó hài hòa với vẻ khiêm nhường của một khu phố xấu xí đi vì dân cư ngày càng đông đúc.

Rốt cuộc, dưới vẻ bề ngoài đồ nát, giữa cảnh xa tươi của cỏ cây, tòa biệt thự nhỏ có cái hấp dẫn riêng của nó, Bông nhiên và một cách bản năng, Têrenđơ phát hiện ra những sự hài hòa khác. Trong cảnh hoang vắng kéo dài từ những dãy tường phủ đầy dây thường xuân đến những tấm kính xám xịt ở gian nhà xưởng và cho đến cả cây tiêu huyền nghiêng nghiêng bên trên lớp vỏ cây rơi lá tả trên thân cỏ dại trong sân, đâu đâu nàng cũng tìm thấy tâm hồn của chủ nhân biệt thự, một tâm hồn chênh mảng, chẳng được giữ gìn, đầy ưu tư. Nàng vừa hớn hờ vừa như thất tim thất lại trước vẻ thờ ơ của người yêu đối với mọi vật xung quanh chàng. Nàng tìm thấy trong đó vẻ duyên dáng và cao sang, nhưng đồng thời cũng thấy một tinh thần thoát tục trái người với bản tính nàng, và hoàn toàn đối lập với đầu óc vụ lợi và cẩn trọng của dòng họ Môngtexxuy. Ngay lập tức, nàng có ý nghĩ là tuy không làm thương tổn đến vẻ đẹp êm đềm trầm tĩnh của chốn hoang dã này, nàng vẫn có thể mang tới nơi đây một hoạt động nề nếp, sẽ cho rải cát trên các lối đi và trong góc vườn có chút ánh nắng mặt trời, sẽ trồng những cành hoa tươi thắm. Nàng nhìn với tấm lòng thiện cảm một pho tượng nữ thần Hoa mang từ một công viên đồ nát nào đó về, đặt nằm dưới đất, thân tượng phủ đầy một lớp rêu đen kịt, hai cánh tay gãy nằm bên cạnh. Nàng nằm mơ màng thấy chẳng bao lâu bức tượng sẽ được bàn tay mình dựng lại và đặt trên một cái bệ có khắc chạm tràng hoa mà nàng đã nhìn thấy trong san một cửa hiệu buôn đồ cổ ở đường Viơ-Côlonbiê.

Đơsactơ chờ nàng đã một tiếng. Vui mừng, nhưng lòng còn hồi hộp và xúc động về niềm hạnh phúc sóng gió của mình, anh bước xuống tam cấp. Trong

bóng râm mát của tiền sảnh, hiện lên lờ mờ vẻ rực rỡ nghiêm trang của những pho tượng bằng đồng và thạch cao. Nàng dừng bước bồi hồi, rạo rức.

Anh ôm chặt nàng vào lòng và hôn mãi lên môi nàng. Nàng nghe anh nói, trong lúc tiếng ong ong hai bên thái dương nhắc nhở niềm khoái lạc bất ngờ ngày hôm trước. Nàng nhớ lại hình con sư tử của thần Atlax trên tấm trái chân giường và chậm rãi, khoan khoái, nàng hôn lại người yêu. Anh dắt nàng đi theo một cầu thang bằng gỗ gõ ghè vào phòng lớn xưa kia là phòng làm việc của thân sinh anh và là nơi hiện nay anh vẽ, nặn tượng và đọc sách. Anh thích đọc sách như người ta nghiệm thuốc phiện và mơ màng trên những trang sách đọc dở.

Trên những bức trướng rực rỡ thế kỷ XVI treo tận trên tường nhà có họa tiết, hiện lên lờ mờ, giữa một cánh rừng kỳ diệu, hình một thiếu phụ đội mũ nhọn với một con kỳ lân nằm dưới chân trên thảm cỏ tươi tốt.

Anh đưa nàng tới một chiếc tràng kỷ rộng và thấp, trên để nhiều gối nệm phất phơ vải lông lấy của Tây Ba Nha hay Bidăngxơ. Nhưng nàng ngồi vào một chiếc ghế bành.

- Thế là em đã tới! Em đã tới! Có thể đến ngày tận thế được rồi.

- Em cũng đã từng nghĩ tới ngày tận thế. – Nàng đáp – Trước kia e đâu có sợ. Ông Lagrănggiơ để lấy lòng em, cũng đã bảo em thế và em chờ đợi ngày đó. Khi chưa biết anh, em buồn bã biết chừng nào!

Nàng nhìn xung quanh: những mặt bàn để đầy lọ và tượng, những bức trướng, và về số vũ khí, các thứ men sứ, thạch cao, tranh vẽ, sách cổ.

- Anh có nhiều thứ đẹp quá.

- Phân lớn là của bố anh đấy. Ông cụ sống ở thời đại hoàng kim của những người thích sưu tập. Những câu chuyện về kỳ lân mà phần hoàn chỉnh còn lại hiện nằm ở Cluyni^[124], ông cụ tìm thấy năm 1851, trong một quán ăn ở Mông-xuya-Xevrơ.

Nhưng nàng thì tò mò và thất vọng:

- Em không thấy có cái gì là của anh cả, không có lấy một pho tượng, một bức chạm nổi, một tấm huy hiệu, một huy chương nào, kể cả những hình người bằng sáp ông rất được ưa thích ở Anh cũng không.

- Em nghĩ là anh thích thú sống giữa các công trình của anh hay sao?... Các bức tượng của anh, anh biết chúng quá rõ.. Chúng làm anh chán ngấy. Cái gì không còn thâm kín nữa thì cũng hết hấp dẫn.

Nàng nhìn anh với vẻ giả vờ giận dữ:

- Thế mà anh chưa hề bảo là em không còn hấp dẫn đối với anh nữa khi em không còn gì thâm kín đối với anh.

Anh ôm ngang lưng nàng.

- A! Mọi cái trong đời sống đều rất bí ẩn. Và đối với anh, em vẫn là một điều bí ẩn mà ý nghĩa thâm kín của nó c ã dựng những niềm ngọt ngào của cuộc sống và những nỗi kinh hoàng của cái chết, em yêu quý ả. Em đừng sợ phải hiểu mình. Anh vẫn luôn luôn thèm muốn em và bao giờ cũng vẫn thấy em xa lạ. Có bao giờ người ta có cái người ta yêu mến không? Những nụ hôn, những sự vuốt ve, môn trớn có phải là cái gì khác ngoài sự cố gắng trong nỗi thất vọng ngọt ngào không? Khi anh ôm em trong vòng tay, anh vẫn tìm kiếm em, và không bao giờ anh có em vì bao giờ anh cũng ham muốn em, vì ở em, anh muốn cái bất khả và cái vô tận. Em là gì, có bao giờ anh biết được. Em thấy không, dù có nặn mất bức tượng gốm guốc, anh đâu phải là nhà điêu khắc.

Đúng ra anh là một thứ nhà thơ và nhà triết học đi tìm kiếm trong thiên nhiên những nỗi niềm lo âu và khắc khoải. Ý niệm về hình thức không đủ đối với anh. Các bạn đồng nghiệp vẫn chế diễu anh vì anh không sánh kịp họ về sự đơn giản. Họ có lý. Và cái lão Sulet khốn kiếp cũng có lý khi lão muốn người ta sống mà không suy tư và cũng không ham muốn. Ông cụ thợ giày ở Xanta Maria Nôvenla, người bạn của chúng ta, là một bậc thầy về nghệ thuật sống, cụ không hề biết gì về tất cả những gì làm cụ phải chịu đựng bất công và khổ sở. Nhẽ ra anh phải yêu em một cách chất phác, không có cái lối siêu hình học đối với tình dục, nó khiến anh xử sự tàn bạo và phi lý. Không biết và lãng quên là tốt. Em lại đây, lại đây; trong những nỗi giày vò vì xa vắng, anh đã nghĩ tới em một cách quá đau đớn: em ở lại đây, em yêu quý! Anh phải quên chính bản thân em ở ngay con người em. Chỉ có ở con người em anh mới có thể quên em và quên cả bản thân anh.

Anh ôm nàng vào lòng và nâng khăng choàng mặt lên, hôn môi nàng.

Có phần hoảng sợ trong căn phòng thênh thang lạ lẫm này và như thế bối rối trước cái nhìn của những đồ vật không quen thuộc nàng kéo tấm mạng đen lên tận cằm.

- Ở đây sao? Anh không có ý nghĩ ấy chứ!

Anh bảo nàng là chỉ có một mình họ.

- Một mình? Thế người đàn ông có bộ râu mép gớm ghiếc lúc này mở cửa cho em?

Anh mỉm cười.

- Đây là Phuydơliê, gia nhân ngày trước của bố anh. Phục dịch anh chỉ có hai vợ chồng ông lão. Em yên tâm. Họ ở trong nhà gác cổng và là những người

trung thành, cảnh giác. Em sẽ gặp bà lão Phuyđơliê, bà ấy là người dễ thân tình, anh nói trước em

- Vì sao là người Thụy Sĩ và làm đầu bếp, ông Phuyđơliê lại dễ rìa tách ra thế anh?

- Tạo hóa cho ông lão đấy, em ạ, và anh sẵn sàng cho phép ông lão cứ để nguyên như vậy. Anh bằng lòng để người đàn ông có dáng dấp một tay cựu thương sĩ làm người trông nom vườn ươm, và do vậy gây cho anh cái áo giáp ông ta là người láng giềng của anh nơi thôn dã.

Ngồi ở góc tràng kỷ, anh đặt nàng ngồi lên đầu gối hôn nàng và được nàng hôn trả.

Nàng đột ngột đứng dậy:

- Anh cho em xem những căn phòng khác. Em tò mò, em muốn nhìn tất hết tất cả.

Anh đưa nàng lên tầng ba. Những bức thủy mặc của Philip Đơsactơ treo đầy trên tường hành lang. Anh mở cửa đưa nàng vào một căn buồng với bàn ghế, đồ đạc bằng gỗ trắc.

Đấy là căn phòng của mẹ anh. Anh giữ căn phòng y nguyên, trong quá khứ mới mẻ của nó, cái quá khứ duy nhất làm anh buồn và xúc động thực sự. Không có người ở cách đây đã chín năm nhưng căn phòng vẫn chưa có vẻ cô tịch. Chiếc tủ gương vẫn như đón chờ ánh mắt của nữ chủ nhân và, trên một chiếc đồng hồ bằng mã não, bức tượng Xaphô^[125] đứng trầm ngâm, vẻ rầu rĩ vì không còn nghe tiếng chuông đồng hồ.

Trên đường có hai bức chân dung. Một tác phẩm của Rica^[126], là chân dung Philip Đơsactơ, xanh xao, mái tóc rối bù, ánh mắt chìm đắm, vẻ mơ màng một

cách lãng mạn, miệng biểu lộ sự hùng biện và nhân ái. Bức thứ hai, tác phẩm của một họa sĩ điềm tình hơn, vẽ một phu nhân luống tuổi, khá đẹp, gầy nhưng vẻ sôi nổi: chân dùng bà Philip Đơsactơ.

- Căn buồng này của bà mẹ tội nghiệp của anh! – Giắc nói – cũng giống như anh.

Têrendơ sự nhớ lại:

- Anh giống mẹ lắm. Anh có cặp mắt của mẹ. Pôn Venx bảo em là cụ quý anh lắm.

- Đúng, – anh mỉm cười và đáp. – mẹ anh tốt lắm, thông minh, tinh tế và phi lý một cách tuyệt diệu. Bà yêu con đến điên dại và không để cho anh một phút nghỉ ngơi; bà tự giày vò mình và giày vò anh.

Têrendơ nhìn một bức tượng đồng hun của Cacpô^[127] đặt trên mặt tủ.

- Em có thể nhận ra Hoàng thái tử – Đơsactơ nói – ở đôi tai như hai cái cánh của thần Tây phong, chúng làm cho bộ mặt lạnh lùng của ông ta hơi vui lên một chút. Bức tượng ấy là quà tặng của Napôlêông III. Lúc đó, bố mẹ anh đi Côngpienơ. Trong lúc triều đình đến nghỉ ở Phôngtenơblô, ông cụ nghiên cứu sơ đồ toàn lâu đài và thiết kế phòng triển lãm. Sáng sáng, Hoàng đế mặc rơđingôt, miệng ngậm pip bọt biển, giống như một con chim cánh cụt trên đảo đến đứng bên cạnh ông cụ. Vào thời kỳ này, anh là sinh viên ngoại trú trường Bônapaclơ. Anh nghe ông cụ kể lại những câu chuyện đó ở bàn ăn và cứ nhớ mãi. Hoàng đế đứng bên cạnh bố anh, trầm tĩnh và dịu dàng, thỉnh thoảng thốt ra vài lời ồm ồm sau bộ ria mép rậm rạp; rồi hang dần lên và giảng giải những ý nghĩ của mình về máy móc. Ông ta vốn là thợ máy và nhà sáng chế. Ông rút túi ra một cây bút chì và gạch ngang gạch dọc những hình vẽ chứng minh lên trên bản vẽ của bố anh. Ông cụ chán ngán, thất vọng. Cứ thế, mỗi tuần Hoàng đế làm hỏng của ông cụ hai ba công trình nghiên cứu. Ông ta rất quý bố anh và

hứa với ông cụ công trình này, danh vọng nọ, nhưng chẳng bao giờ thực hiện cả. Hoàng đế là người tốt bụng nhưng không có uy tín – như mẹ anh vẫn bảo. Thời kỳ đó, anh còn là một thằng nhóc. Từ đó, anh có một cảm tình mơ hồ, đối với con người tuy không có tài, nhưng có tấm lòng yêu thương ấy. Trong những bước thăng trầm lớn của cuộc đời, ông tỏ ra có một lòng dũng cảm tự nhiên và một thái độ phó mặc cho định mệnh một cách hiền dịu... Và chẳng, điều khiến anh có cảm tình là ông ta bị đả kích, bị nguyền rủa bởi những kẻ muốn giành giật vị trí của ông mà thậm chí trong thâm tâm không có được tình yêu nhân dân như ông. Từ đó, họ lên cầm quyền. Trời đất! Họ xấu xa biết bao! Như thượng nghị sĩ Loayê chẳng hạn, kẻ vẫn cuỗm xì gà ở phòng hút thuốc nhà em cho vào túi và bảo anh cũng làm như vậy. “Để hút dọc đường” – hẳn bảo anh. Lão Loayê ấy là một kẻ tàn bạo, cay nghiệt đối với những con người bất hạnh, người yếu đuối, người hèn mọn. Còn Garan nữa, em không thấy hẳn là một kẻ khả ố hay sao? Hôm anh lần đầu tiên ở nhà em, khách khứa nói chuyện về Napôlêông, em còn nhớ chứ? Khi bú lại sau ót và cài một chiếc trâm kim cương, mái tóc em xoắn lại, vẻ vừa dữ dội, vừa rất đáng yêu, Pôn Veux nói những lời rất tinh tế, Garan không hiểu nổi. Và em hỏi ý kiến anh.

- Em hỏi là để làm anh nổi bật lên. Lúc ấy, em đã quý anh rồi.

- Ồ! Nhẽ ra anh không thể nói năng gì trước những con người tài trí như vậy. Thế nhưng anh muốn nói là anh thích Napôlêông III hơn Napôlêông đệ nhất, vì lẽ ông ấy ít bị xáo động hơn; nhưng ý tưởng ấy có thể gây một ảnh hưởng xấu. Hơn nữa, không phải anh không có chút tài năng nào để lưu tâm đến chính trị.

Anh bước lui bước tới trong phòng, nhìn ngắm đồ đạc với một vẻ âu yếm thân thiết. Anh mở một ngăn kéo bàn.

- Em xem, đây là cặp kính của mẹ. Có nhiều lúc mẹ tìm kính hoài! Bây giờ, anh đưa em đến xem phòng anh. Nếu nó không được ngăn nắp thì em cũng bỏ qua cho bà Phuydơliê vì anh tập cho bà ấy tôn trọng tình trạng mất trật tự của anh.

Giấc để nguyên riđô rủ xuống cửa sổ. Một tiếng sau, tự nàng vén các bức màn xa tanh đỏ lên, những tia sáng tràn ngập trên mái tóc sỏ tung làm nàng lóa mắt. Nàng tìm một tấm gương đứng và chỉ thấy một chiếc gương soi kiểu Vonidơ đã mờ, khung gương rộng màu đen. Nhón chân lên soi gương, nàng tự hỏi:

- Cái bóng ma âm đạm và xa lạ kia, phải chẳng chính là em? Chắc hẳn mọi người đàn bà khác cũng đã soi mình trong gương này như em. Biến những người đàn bà anh chiếm đoạt thành những bóng ma, anh quả là một tay phù thủy khủng khiếp!

Nàng bỗng kinh hãi đột ngột:

- Lạy Chúa! Ông bà Phuyđơliê sẽ nghĩ về em ra sao?

Rồi, tìm thấy trên tường một chiếc tượng nhỏ nặng nghiêng hình, một cô gái có vẻ lỗ bịch, lẳng lơ.

- Cái gì thế này?

- Clara, cô gái bán báo ở phố Đơmua đấy. Sáng cô bé cũng mang tờ Phigarô tới cho anh. Má cô ta lúm đồng tiền, những chỗ sần sảng đón nhật những cái hôn ấy. Một hôm, anh bảo cô ta: “đê tôi nặn chân dung cho cô”. Thế là một sáng mùa hè, cô bé đến với đôi bông tai và những chiếc nhẫn mua trong ngày hội Nơii. Sau đó, không thấy cô ta trở lại nữa. Anh không rõ cô ta như thế nào rồi. Cô bé tính tình quả bột phát, không thể là một cô gái lẳng lơ đáng gờm đâu. Em muốn anh cất tượng đi chứ?

- Không, để cô ta ở cái góc nhà này là rất tốt. Em không ghen với Clara đâu.

Đã đến lúc phải về nhưng nàng vẫn chưa định ra đi. Nàng quàng hai tay lên cổ người yêu:

- Ồ! Em yêu anh! Và hôm nay, anh lại vui vẻ, tươi cười. Vẻ vui tươi thật hợp với anh! Nó vừa tinh tế vừa nhẹ nhõm. Em muốn làm cho anh vui. Em cần niềm vui, hầu như ngang bằng với tình yêu. Và ai đem lại cho em niềm vui, nếu không phải là anh?

XXVII

Đã sáu tuần nay, từ khi trở về Pari, Têredơ sống trong cảnh nửa hư nửa thực, lòng tràn trề hạnh phúc, trong một giấc mộng tưởng chừng vô tận. Ngày ngày nàng gặp lại Giắc rong ngôi nhà nhỏ núp dưới rặng tiêu huyền; và buổi tối, khi chia tay, trong lòng nàng vẫn ấp ủ những kỷ niệm hết sức triu mến. Cái cảm giác mỗi một khoan khoái và những ham muốn mới mẻ tạo nên một chuỗi liên kết những giờ phút ân ái lại với nhau. Chàng và nàng có những sở thích như nhau, cùng thả mình cho những sự phóng túng giống nhau. Họ vui thú dạo chơi, khi thì ở vùng nông thôn cô tịch và tươi đẹp xung quanh thành phố, khi thì trên đường phố lớn có những quán rượu quét vôi màu đỏ sẫm nấp dưới bóng những rặng keo, khi thì trên những con đường nhỏ lờm chờm đá sỏi với những cây tầm ma mọc dưới chân tường, và có cũng có khi trong những khu rừng nhỏ và những cánh đồng dưới bầu trời mịn như nhung với những cột khói rạch ngang rạch dọc bên cạnh, ở những chốn mà chính nàng cũng không tự nhận ra bản thân mình nữa, mà tưởng như cùng người yêu lạc lối đâu đây.

Hôm ấy, họ bỗng nảy ra ý nghĩ nghịch ngợm là rong ru trên con thuyền mà nàng vẫn thường thấy qua lại ngoài cửa sổ. Nàng không sợ bị lộ. Không có gì phải lo ngại nhiều và từ khi yêu, nàng không còn giữ gìn, thận trọng na. Họ nhìn thấy đôi bờ mỗi lúc một thêm tươi đẹp thoát ra khỏi sự căn cõi bụi bặm của chốn ngoại ô, họ đi dọc những hòn đảo có những lùm cây rủ bóng xuống những quán rượu và vô số ca nô buộc dưới rặng liễu. Thuyền cập bến ở Hạ – Môđông, nàng nóng và khát. Anh bèn đưa nàng qua cửa nách vào một quán rượu với những buồng cho thuê có đồ đạc. Một ngôi nhà gạch với nhiều lan can bằng gỗ, vì vắng vẻ nên đã rộng càng có vẻ thênh thang, nằm im ắng trong cảnh thanh bình thôn dã chờ đợi ngày chủ nhật với tiếng cười rộn ràng của các cô gái, tiếng la hét của những anh chàng chèo thuyền, mùi vị các món xào nấu.

Họ bước lên tầng hai. Thang gác làm theo kiểu thang áp vào tường, kêu cọt kẹt. Một cô hầu gái mang vang và bánh quy lên. Chiếc giường gỗ huê đào trải đura dạ. trên mặt lò sưởi đặt trong góc phòng, treo nghiêng một chiếc gương soi bầu dục, khung xương vẽ hoa. Qua ô cửa sổ để mở, hiện ra dòng sông Xen với đôi bờ trồng cây xanh, và xa xa những ngọn đồi tắm mình trong bầu không khí ấm áp khi mặt trời gần đưng tới ngọn rặng liễu. Trên bờ sông, từng đàn ruồi nhặng bay vo ve. Cảnh trời, đất, nước chìm ngập trong bầu không thanh bình nhưng xao động của chiều hè.

Têredơ mãi nhìn dòng sông cuộn cuộn. Con thuyền lướt nhanh, chân vịt phía sau rạch mặt nước; xoáy nước vỗ vào bờ khiến ngôi nhà chênh vênh trên sông đi đura tựa một con tàu.

- Em yêu sông nước. – Têredơ quay lại nói với người yêu – Lạy Chúa, hạnh phúc biết chừng nào.

Hai cặp môi gặp nhau.

Chìm đắm trong giấc mơ ái ân thần tiên nhưng ảo não, họ chỉ còn biết thời gian qua tiếng sóng vỗ nhẹ nhàng mười phút một vào bờ sông ngoài cửa sổ hé mở, khi con tàu đi qua.

Nàng chống tay lên giường, nhìn đồng áo quần trút vôi ngổn ngang trên sàn nhà và ngắm trong tấm gương thân hình trần truồng tươi mát của mình. Đáp lại những lời khen ngợi mơn trớn của người yêu nàng nói:

- Quả là em sinh ra để yêu đưng.

Biết rõ sức mạnh chinh phục của mình, nàng ngắm nhìn thân mình trong gương. Lu sáng đỏ tươi làm rực rỡ thêm màu hồng trên má, trên môi, trên ngực nàng.

- Em yêu em vì anh yêu em.

Dĩ nhiên, anh yêu nàng, và anh không sao giải thích cho chính bản thân mình được tại sao anh yêu nàng với một lòng thành kính say mê, với một thứ cuồng nhiệt thiêng liêng đến thế. Không phải vì nhan sắc của nàng mặc dù là một nhan sắc rất hiếm thấy, vô cùng quý giá. Nàng có đường nét, nhưng đường nét của nàng uốn theo cử chỉ và không ngừng trốn thoát; nó mất đi rồi lại xuất hiện, khiến cặp mắt thắm mỹ của anh vui đấy rồi lại thất vọng đấy. Đường nét đẹp là tia chớp làm nhức mắt một cách kỳ thú. Người ta ca ngợi nó và làm người ta kinh ngạc. Cái khiến người ta yêu và ham muốn chính là cái sức mạnh vừa êm đềm vừa dữ dội, có uy lực lớn hơn nhan sắc. Trong hàng nghìn phụ nữ, người ta tìm thấy một người mà một khi đã chiếm đoạt được thì người ta không muốn rời xa nữa, người ta cứ ham muốn nữa, ham muốn mãi. Chính hương vị của da thịt nàng mang lại nỗi đau yêu thương không sao chữa khỏi. Và còn điều khác nữa không thể nói ra được, nó là linh hồn của hình hài nàng. Nàng là người đàn bà anh không thể xa rời và cũng không thể lừa dối.

Têredơ kêu lên, sung sướng:

- Anh không thể xa em, phải không anh?

Và nàng hỏi anh sao không nặn tượng bán thân của nàng mà anh thấy nàng đẹp.

- Vì sao à? Vì anh là một tay điêu khắc tồi. Và anh biết rõ điều đó, không phải do một đầu óc tồi. Nhưng nếu em vẫn muốn khăng khăng cho anh là một nghệ sĩ lớn thì anh phải nêu những lý do khác nữa. Muốn tạo nên một bức tượng sống động thì phải xem người mẫu như chất liệu xấu xí mà từ đó người ta rút ra cái đẹp, mà người ta ép, người ta nghiền để chiết ra cái tinh túy. Còn em thì trong đường nét, trong hình hài, trong toàn bộ con người em, không hề có một tí gì là không quý giá đối với anh. Giả sử anh nặn tượng bán thân của em thì anh phải quan tâm một cách nô lệ tới những cái vô nghĩa, những cái vô

nghĩa đó là tất cả đối với anh bởi lẽ chúng là một chút vô nghĩa của em. Anh sẽ miệt mài vào đó một cách ngu ngốc và sẽ không sao tạo nên được cái toàn thể.

Nàng nhìn anh, có phần kinh ngạc

- Không phải anh nói không có bằng chứng. Anh đã làm một bản vẽ thử bằng bút chì mà anh luôn luôn mang theo trong người.

Vì nàng nhất thiết muốn xem nên anh đưa cho nàng. Một bức vẽ phác rất đơn giản và rất táo bạo trên tờ anbom. Nàng không hề nhận ra mình, và tìm thấy trong đó những nét khô khan, một tâm hồn mình không hề có.

- A! Anh cho em là như thế sao? Em ở trong lòng anh như thế sao?

Anh gập anbom lại.

- Không, chỉ là một nét thăm dò, một sự ghi chép, chỉ có thể thôi. Nhưng anh nghĩ là ghi chép đúng. Có thể, em không tự nhìn thấy em hoàn toàn giống như anh nhìn thấy em. Cũng chỉ là một con người ấy thôi, nhưng có bao nhiêu cặp mắt nhìn thì có bấy nhiêu cách nhìn khác em ạ.

Rồi anh vui vẻ nói thêm:

- Về mặt đó, có thể nói rằng một người đàn bà chưa bao giờ thuộc về hai người đàn ông. Đây là ý nghĩ của Pôn Venx.

- Em cho đó là ý nghĩ đúng! – Têredơ nói.

Nàng hỏi:

- Máy giờ rồi anh?

- Đã bảy giờ.

Nàng giục anh ra về. Càng ngang nàng càng về nhà muộn. Chồng nàng đã nhận xét như vậy. Anh ấy nói: “Bữa ăn tối nào người ta mời, chúng ta cũng là người tới sau cùng, như một định mệnh ấy!” Nhưng ngày nào cũng bận rộn ở lâu đài Buôcbông^[128] – nơi Quốc hội tranh luận về ngân sách – và bị thu hút vào công việc của tiểu ban mà anh là thuyết trình viên, chính bản thân anh cũng về muộn; và vì bận công việc Quốc gia, anh không lưu ý tới tình trạng sai giờ giấc của Têredơ

Nàng mỉm cười, nhớ lại buổi tối nàng tới nhà bà Garanh lúc tám rưỡi. Nàng lo làm chồng phần nộ. Nhưng hôm ấy là ngày Nghị viện chất vấn gay gắt chính phủ. Cùng với Garanh, Mactanh ở Nghị viện đến chín giờ mới tới. Cả hai không kịp thay quần áo, mặc nguyên vextông ăn tối. Họ đã cứu thoát nội các.

Rồi nàng trở nên mơ màng.

- Khi nào Nghị viện thôi họp thì em không còn cứ gì để ở lại Pari nữa, anh thân yêu ạ. Bố em không hiểu gì hết về tình cảm giữ em lại đây. Còn tám ngày nữa là em phải đi gặp ông cụ ở Đina. Không có anh thì em sẽ ra sao?

Nàng chấp hai tay lại và nhìn anh, ánh mắt âu sầu rất mực âu yếm. Nhưng anh còn buồn bã hơn:

- Têredơ, chính anh phải khắc khoải tự hỏi mình sẽ ra sao khi không có em. Khi em để anh ở lại một mình thì những ý nghĩ đen tối, xót xa đến bao vây anh, giy vò anh.

Nàng hỏi anh những ý nghĩ gì.

Anh đáp.

- Em thân yêu, anh đã nói với em rồi: anh phải quên chính bản thân em ở trong con người em. Khi em đi rồi thì kỷ niệm về em sẽ giày vò anh. Anh phải trả giá cho niềm hạnh phúc em mang lại cho anh.

XXVIII

Mặt biển xanh rờn, rải rác những hòn đá ngầm màu hồng trên mặt. Sóng bạc uể oải vỗ lên lớp cát mịn màng trên bờ dọc công trình kiến trúc có tầng bậc, hai đầu mái cong vút vàng rực rỡ. Trên mộ Satôbriăng^[129] lấp lánh một tia nắng đẹp như ánh nắng mặt trời Hy Lạp. Têredơ ngồi trong căn phòng căng những tấm riđô thêu hình hoa lá, và từ dãy ban công phía trên các rặng cây mía và liễu bách ngoài vườn, có thể phóng mắt nhìn thấy bãi biển, đại dương, các hòn đảo và mũi đất. Sáng nay, nàng đi nhận thư ở bưu điện Xanh-Malô nhưng không dám bóc thư trong chuyến phà đông người. Giờ đây, ngay sau bữa ăn trưa, nàng đóng cửa phòng lại và ở thư đặt lên đầu gối, nàng đọc ngẫu nhiên, vội vã thường thức niềm vui vụng trộm. Đến hai giờ, nàng sẽ phải đi dạo chơi bằng xe ngựa cùng với cha, chồng, quận chúa Xơniavin, bà Bechhiê Đâyden – vợ ông hạ nghị sĩ – và bà Raymông – vợ ông viện sĩ. Nàng nhận được một lúc hai bức thư. Nàng đọc bức thứ nhất. Thư toát ra hương vị ngọt ngào của tình yêu. Chưa bao giờ Giắc tỏ ra vui vẻ, giản dị, sung sướng và đáng yêu hơn.

Từ khi yêu nàng – anh nói – anh trở nên nhẹ nhõm và phấn chấn tới mức chân như không còn chạm đất nữa. Anh chỉ có một nỗi sợ hãi là nằm mơ khi tỉnh giấc thì trở nên xa lạ đối với nàng. Dĩ nhiên, anh nằm mơ. Và giấc mơ ra sao! Tòa lâu đường Anphiêri, tiệm rượu ở Mơđông, những cái hôn và đôi vai tuyệt mỹ, những lúm đồng tiền trên da thịt, cái cơ thể uyển chuyển, tươi mắt và ngào ngạt như một dòng suối chảy trong hoa lá. Nếu không phải là người ngủ tỉnh táo thì anh phải là người say đang hát ca. May sao anh như không còn lý trí. Nàng vắng mặt nhưng anh luôn nhìn thấy nàng. “Đúng vậy, anh thấy em cạnh anh, thấy hàng mi trên đôi mắt em màu xanh còn ngọt ngào hơn cả màu xanh da trời và hoa lá, thấy đôi môi em có hương vị của một trái cây diệu kỳ, thấy đôi má em lung linh hai lúm đồng tiền; anh thấy em đẹp và kích thích ham muốn nhưng lại xa vời với; và khi anh dang tay ra thì am bỏ đi, rồi anh nhìn thấy em ở xa, rất xa, trên bờ biển dằng dặc vàng hoe dưới ánh chiều, em mặc

áo dài màu hồng và che cây ô nhỏ. Bé bóng như một cành thạch thảo nở hoa. Ô, bé bóng, giống như hôm anh nhìn thấy em từ trên tháp chuông Campanin ở quảng trường Đômơ, tại Phlôrăngx. Và giờ đây, anh nghĩ bụng như anh đã nghĩ hôm đó: “Chỉ cần một cuộn cỏ là đủ che kín nàng hoàn toàn, mình không sao thấy nữa, thế nhưng đối với mình, nàng là một niềm vui vô tận và cũng là nỗi đau vô tận”.

Anh chỉ than vãn về những nỗi day dứt trong cảnh xa vắng. Nhưng xen lẫn vào những lời than vãn lại là cả một niềm vui của một tình yêu hạnh phúc. Anh dọa đùa nàng là sẽ đến gặp nàng bất chợt ở Đina. “Em đừng sợ hãi gì hết. Không ai nhận ra anh đâu. Anh sẽ cải trang thành một anh chàng bán tượng thạch cao. Như thế, đâu phải là đối trá. Mặc blu màu xám và quần vải chéo, mặt và râu cằm trắng xóa bụi, anh sẽ bám chuông ở ngoài cổng biệt thự Môngtêxxy. Em sẽ nhận ra anh qua những bức tượng xinh xắn để đầy trên phiến gỗ anh đội trên đầu. Têredơ ạ. Tất cả đều là tượng nữ thần Ái tình: nữ thần Ái tình chung thủy, nữ thần ghen tuông, nữ thần âu yếm, nữ thần sôi động; sẽ có nhiều nữ thần Ái tình sôi động đẩy em ạ. Và anh sẽ rao bằng cái giọng lạnh lạnh của các nghệ sĩ Pidơ hay Phlôrăngx: *Tutti gli Amori per la signora Tersina!*^[130]

Trang cuối thư, giọng nồng nàn nhưng trầm tĩnh, toát ra những tình cảm thiết tha khiến Têredơ nhớ lại những tập kinh nàng đọc lúc nhỏ: “Anh yêu em và yêu tất cả những gì ở em: mặt đất em nhẹ nhàng cất bước trên đó và ngày càng thêm đẹp dưới bước chân em; ánh sáng cho phép anh nhìn thấy em; bầu không khí em hít thở. Anh yêu cây tiêu huyền nghiêng nghiêng trong sân nhà anh bởi lẽ em đã nhìn thấy nó. Đêm nay, anh đi dạo trên đại lộ, nơi anh gặp em một buổi chiều đông. Anh hái một cành hoàng dương mà em đã nhìn ngắm. Trong phố phường ở đây nơi em không có mặt, anh chỉ thấy có em”. Cuối thư, anh bảo anh sắp đi ăn trưa ngoài phố. Bà Phuydơliê ngày hôm qua về quê ở Nove nên anh không ăn ở nhà. Anh sẽ đến một quán ăn quen thuộc ở phố Hoàng gia. Ở đấy, ngồi giữa đám đông, nhưng anh sẽ cảm thấy chỉ ngồi một mình với nàng.

Đên mê vì những sự mơn trớn vô hình, Têredơ lim dim mắt và ngả đầu lên trên tựa ghế bành. Nghe tiếng xe ngựa trước tam cấp, nàng sực tỉnh và bốc bực thư thứ hai. Vừa nhìn thấy chữ viết trong thư xấu đi, các dòng chữ viết hồi hã và nghiêng ngả, dáng chữ buồn bã và dữ dội, nàng đăm bối rối.

Những dòng thư đầu, ý tứ không rõ ràng để lộ một nỗi lo âu đột ngột và những sự ngờ vực âm thầm: “Têredơ, Têredơ, vì sao em lại hiến mình khi em không hiến mình trọn vẹn? Em lừa dối anh để làm gì khi giờ đây anh đã biết điều anh không muốn biết?”

Nàng ngừng đọc, hai mắt rơm rớm. Nàng nghĩ:

“Vừa nãy, chúng ta hạnh phúc xiết bao! Lạy Chúa, việc gì đã xảy ra? Và mình hoan hỉ về niềm vui của anh khi nó không còn nữa! Thà anh đừng viết vì thư chỉ bộc lộ những tình cảm đã tiêu tan, những ý tưởng đã xóa nhòa”.

Nàng đọc tiếp. Và thấy mỗi lúc anh càng bị lòng ghen tuông giày vò, nàng đăm chán nản.

“Nếu đến nay ta không chứng tỏ được với chàng là ta vô cùng yêu chàng, yêu chàng hết mình, thì bao giờ có thể làm chàng tin được như vậy?”

Và nàng vội vã tìm hiểu do đâu chàng có thái độ điên cuồng đột ngột ấy. Giắc nói cho nàng

Trong một bữa ăn trưa ở một quán ăn phố Hoàng gia, anh gặp một người bạn cũ. Người bạn này, vừa đi điều dưỡng ở suối nước nóng về và trên đường ra biển, ghé qua Pari. Hai người nói chuyện và tình cờ anh bạn, một người quen biết nhiều với giới thượng lưu, nói về nữ bá tước Mactanh mà anh có biết. Và ngay lập tức, cắt ngang câu chuyện, không kể tiếp, Giắc vội vã viết:

“Têredơ, Têredơ, cô nói dối tôi làm gì vì trước sau tôi cũng biết cái điều mà chỉ một mình tôi không biết? Nhưng sai lầm là do tôi hơn do cô. Giá tôi không khăng khăng bám giữ ảo ảnh của mình mặc dù sự thật hiển nhiên thì bức thư cô bỏ ở thùng thư Ô Xan Misen và nhiều buổi hò hẹn của cô ở sân ga Phlôrăngx đã cảnh tỉnh tôi rồi. Tôi không muốn, không, tôi không muốn biết là cô đã thuộc về một người khác trong khi cô hiến thân cho tôi với vẻ duyên dáng táo bạo đến thế, với niềm khoái lạc tràn đầy khiến tôi chết mê chết mệt đến thế. Tôi không biết, tôi không muốn biết. Tôi không hỏi thêm cô gì hết vì sợ cô không còn dám nói dối thêm; tôi dè dặt; thế rồi, bỗng nhiên, một cách tàn bạo, trước một chiếc bàn tiệc ăn, một đĩa khốn kiếp làm tôi mở mắt, buộc tôi phải biết. Ôi! Giờ đây khi tôi đã biết, giờ đây, khi tôi không còn nghi ngờ được nữa, thì tôi thấy đối với tôi, nghi ngờ là hạnh phúc xiết bao! Hẳn đã nói lên cái tên, cái tên tôi đã từng nghe ở Phidơ, từ miệng cô Ben, và hẳn nói thêm: “Chuyện đó ai mà chẳng biết”.

“Thế là cô yêu hẳn, cô vẫn còn yêu hẳn! Và trong khi một mình trong buồng, tôi cắn vào chiếc gối cô đã từng gối đầu thì có lẽ lúc đó hẳn đang ở cạnh cô. Chắc hẳn hẳn ở cạnh cô. Năm nào hẳn cũng đến đua ngựa ở Đina. Người ta bảo tôi như vậy. Tôi thấy điều đó. Tôi thấy hết tất cả. Nếu cô biết những hình ảnh ám ảnh tôi thì cô sẽ nói: “Anh ấy điên!” và cô sẽ thương xót tôi. Ôi! Tôi muốn quên, quên cô và quên hết tất cả biết chừng nào! Nhưng không sao quên được! Cô biết đấy, tôi chỉ có thể quên cô ở chính bản thân cô thôi. Tôi luôn luôn thấy cô cùng với hẳn. Thật là một nỗi giày vò. Trước kia, tôi tưởng là mình đau khổ, cô biết đấy, trên bờ sông Acnô. Nhưng lúc ấy thậm chí, tôi không biết thế nào là đau khổ”.

Đọc xong thư, Têrêdơ suy nghĩ: “Một lời nói ngẫu nhiên đã đưa anh vào tình trạng ấy, ném anh vào tuyệt vọng và điên cuồng”. Nàng tìm xem kẻ khốn nạn nào đã nói về mình như thế. Nàng nghi ngờ hai ba gã trai trẻ mà trước kia Lơ Mênin có giới thiệu với nàng trong lúc bảo nàng phải đề phòng chúng. Và bỗng nhiên sôi lên một cơn giận dữ lạnh lùng vốn thừa kế của cha, nàng nghĩ bụng: “Ta sẽ biết thôi!”. Trong lúc chờ đợi, biết làm gì? Người yêu đang tuyệt vọng, điên, đau đớn, nàng không thể đến gặp, vỗ về và lăn xả vào lòng anh,

phó mặc cả thể xác tâm hồn cho anh để anh cảm thấy nàng thuộc về anh trọn vẹn và anh buộc phải tin nàng. Viết thư thôi! Giá đến gặp anh, im lặng sà vào lòng anh và sau đó nói với anh: “Anh có còn dám tin là em không toàn toàn thuộc về một mình anh nữa không?” thì hơn. Nhưng nàng chỉ có thể viết thư. Nàng vừa bắt đầu viết thì bỗng nghe tiếng cười nói xôn xao ngoài vườn. Quận chúa Xơniavin đã bám vào bậc thang xe ngựa.

Têredơ bước xuống lâu và đứng trên tam cấp, diềm tỉnh tươi cười dưới chiếc mũ rơm rộng vành kết hoa mỹ nhân, lóng lánh đôi mắt màu hạt dẻ.

- Lạy Chúa, nàng đẹp biết chừng nào! – Quận chúa Xơniavin thốt lên – Và thật đáng tiếc là chẳng bao giờ thấy mặt nàng! Từ sáng sớm, nàng đã đi qua phà và nhảy nhót trên các nẻo đường Xanh Malô; buổi chiều, nàng đóng kín cửa phòng. Nàng trốn tránh bọn mình.

Xe ngựa quành qua bãi cát rộng dưới chân các biệt thự và vườn hoa bậc thang trên sườn đồi. Bên trái, thành lũy và tháp chuông Xanh Malô như nhô lên khỏi mặt biển xanh rờn. Xe đi vào một con đường có hàng cây xanh; trên đường phụ nữ Đina không ngớt quay lại, người ưỡn thẳng, đầu đội mũ vải lanh rộng vành, dải mũ bay phấp phới.

- Cách trang phục ngày xưa không còn nữa! – Bà Raymông ngồi hàng ghế trên bỗng cất tiếng – Thật đáng tiếc! Lỗi tại ngành đường sắt đấy!

- Đúng thế – Môngtexxuy tiếp lời – Nếu không có đường sắt thì nông dân vẫn ăn bận những bộ quần áo đẹp mắt ngày trước. Nhưng nếu không có đường sắt thì chúng ta cũng không được thấy họ.

- Chẳng sao! – Bà Raymông đáp – Chúng ta sẽ nhìn thấy họ trong tường tượng.

- Thế nhưng thỉnh thoảng bà có trông thấy những điều thú vị không? – Quận chúa Xơniavin hỏi – Tôi thì chưa bao giờ.

Là người chịu chút ảnh hưởng triết học qua sách vở của chồng, bà Raymông tuyên bố sự vật chẳng là gì hết, còn tư tưởng là tất cả.

Không nhìn bà Bechhiê Đâyden ngồi bên phải trên dãy ghế thứ hai, nữ bá tước Mactanh thăm thì

- Ồ! Đúng thế, người ta chỉ biết, chỉ khẳng khẳng đeo đuổi tư tưởng của mình. Họ bước đi như mù, như điếc. Không sao ngăn họ lại được.

- Nhưng cô xem, – bá tước Mactanh ngồi dãy ghế trước, bên cạnh quận chúa nói – không có tư tưởng chủ đạo thì người ta sẽ mò mẫm thôi... Ông Môngtexxuy, ông đã đọc bài diễn văn của Loayê trong buổi khánh thành tượng đài Cadê-Gaxxica chưa? Phần đầu thật xuất sắc. Loayê không thiếu nhãn quan chính trị đâu.

Xe ngựa vượt qua những đồng cỏ hai bên tròng liễu, leo lên dốc và đi vào một vùng đồi rộng, um tùm. Xe chạy một hồi lâu dọc tường một công viên. Con đường chạy tít tắp dưới bóng râm ẩm ướt của dãy tường.

- Lâu đài Ghêric đấy phải không? – Quận chúa Xơniavin hỏi.

Bỗng nhiên, giữa hai trụ đá trên có tượng sư tử, hiện ra sừng sững tấm cửa sắt đóng kín, phía trên có vành hoa bốn cánh cũng bằng sắt. Qua chấn song sắt, khách nhìn thấy ở cuối một lối đi sâu hun hút tròng điện ma, những viên đá xám của tòa lâu đài.

- Đúng – Môngtexxuy đáp – Lâu đài Ghêric đấy!

Và ông quay sang nói với Têredơ:

- Con đã từng biết rõ hầu tước Đơ Rê... Ở tuổi sáu năm, ông ấy vẫn trẻ, khỏe. Ông là người đề xướng thời thượng, quyết định thời trang và được yêu mến. Thanh niên bắt chước lễ phục, kính một mắt của ông, cả cử chỉ, vẻ xác xược tao nhã và những thói kỳ cục dễ thương của ông nữa. Bỗng nhiên, ông đoạn tuyệt với mọi người, đóng cửa lâu đài, bán hết đàn ngựa và không thấy xuất đầu lộ diện nữa. Con còn nhớ việc ông ta đột ngột rút lui chứ, Têredơ? Lúc đó, con vừa lấy chồng được ít lâu. Ông ta thường tới thăm con. Một hôm, cha nghe tin ông rời Pari và về vùng Ghêric này vào chính giữa mùa đông. Cha tìm hiểu lý do việc rút lui đột ngột này và nghĩ rằng ông ta xa lánh mọi người vì phiền muộn, vì nỗi tủi nhục lần đầu tiên bị thất bại và vì lo sợ người ta chứng kiến sự già nua của mình. Già nua, đó là điều ông ta kinh hãi hơn hết. Chứng cứ là đã sáu năm nay, từ khi về sống ẩn dật, ông ta chưa bao giờ ra khỏi lâu đài và trang viên, dù chỉ một lần. Ở Ghêric, ông chỉ đón tiếp hau, ba ông già, bạn thân từ tuổi thiếu thời. Cánh cửa sắt kia chỉ mở ra đó. Từ khi về ẩn dật, người ta chưa hề thấy và cũng sẽ không bao giờ thấy ông ta. Trước kia quyết tâm xuất đầu lộ diện thế nào thì nay ông cũng quyết tâm sống ẩn dật thế ấy. Ông không muốn người ta dòm dò sự tàn tạ của mình. Ông đang sống nhưng xem như mình đã chết. Chúng ta không thấy như thế là có gì đáng kinh thị.

Têredơ bỗng nhớ lại ông già dễ thương đã từng muốn chinh phục nàng để kết thúc quãng đời phong tình của mình.

Nàng quay nhìn tòa lâu đài Ghêric với bốn bức thành hình chóp sừng sững vượt lên trên những cây sồi xám xịt.

Sau buổi đi dạo về, nàng kêu đau đầu và không ăn tối. Đóng cửa phòng, nàng lấy từ hộp đựng tư trang ra bức thư làm nàng náo lòng. Nàng đọc trang thư cuối cùng.

“Cái ý nghĩ cô thuộc về một kẻ khác đốt cháy, giày vò tâm can tôi. Và lại, tôi không muốn kẻ đó là hẳn!”

Một ý nghĩ khẳng khẳng! Trên cùng một trang thư, anh viết ba lần: “Tôi không muốn kẻ đó là hẳn!”

Và nàng cũng chỉ có một ý nghĩ: không để mất anh. Để khỏi mất anh, nàng có thể nói, có thể làm bất cứ điều gì. Nàng ngồi vào bàn, và trong lòng dâng lên cuộn cuộn một tình cảm vừa âu yếm, vừa chua xót, nàng viết thư. Trong thư nàng nhắc đi nhắc lại như lời than vãn: “Em yêu anh, em yêu anh, bao giờ em cũng chỉ yêu có một mình anh. Anh là người duy nhất, duy nhất, anh biết không? Trong lòng em, trong toàn bộ cuộc đời em. Anh đừng nghe một đũa khốn nạn. Anh hãy nghe em. Em chưa bao giờ yêu ai, em xin thề với anh, chưa bao giờ yêu ai trước khi yêu anh”. Trong lúc nàng viết, tiếng thở dài mênh mang của biển cả hòa lẫn vào tiếng thở dài từ trái tim nàng. Nàng muốn, nàng tưởng như mình nói những lời nói chân thật; và tất cả những lời nàng nói đều chân thật, sự chân thật trong tình yêu của nàng. Nàng nghe tiếng chân bước chắc nịch của bố trên cầu thang. Nàng giấu thư đi và ra mở cửa. Rất đổi âu yếm, Môngtexxuy hỏi nàng đã khỏi chưa.

- Bố đến chúc con ngủ ngon, và hỏi con mọt điều. Có thể ngày mai bố sẽ gặp Lơ Mênin ở trường đua ngựa. Năm nào ông ta cũng đến, ông ta là con người không từ bỏ thói quen. Nếu gặp, bố mời ông ta về đây nghỉ mấy hôm thì con có thấy gì phiền không, con gái yêu của bố? Chồng con cho rằng Lơ Mênin sẽ làm con vui lòng. Chúng ta có thể dành cho ông ta căn buồng quét vôi xanh.

- Tùy ý bố. Nhưng con muốn bố dành buồn đó cho Pôn Venx. Ông ta rất muốn tới đấy. Và cũng có thể Sulet sẽ tới, tuy không báo trước. Thói quen của ông ta như thế mà. Chúng ta có thể thấy ông ta đến bấm chuông ngoài cửa, một buổi sáng nào đó, như một kẻ nghèo đói. Bố biết đấy, nhà con đã nhầm khi nghĩ rằng Lơ Mênin làm con vui lòng. Và chẳng, tuần sau, con phải đi Pari vài ba ngày.

XXIX

Hai mươi bốn tiếng sau khi viết thứ, Têredơ từ Đina đi đến ngôi nhà nhỏ trên đại lộ Lê Tecnơ. Không khó khăn gì trong việc nàng viện cớ để đi Pari. Nàng cùng đi với chồng: anh muốn gặp các cử tri tỉnh Exne vì họ bị các đảng viên xã hội kích động. Buổi sáng, nàng đột ngột đến xưởng làm việc của Giắc trong lúc anh nặn tượng một mỹ nhân nổi tiếng ở Phlôrăngx đang than khóc niềm vinh quang thuở trước của mình trên bờ sông Acnô.

Người mẫu, một cô gái mảnh mai, tóc hung sẫm, vẫn đứng nguyên trên một chiếc ghế đẩu cao. Ánh sáng trần trụi từ tấm kính phía trên chiếu xuống tấm thân trần truồng, làm nổi lên những đường nét đẹp, nhưng cũng không che giấu những sắc màu không hài hòa, những khuyết tật trên làn da và chỉ ra những sự thật khắc nghiệt của tạo hóa. Đơsactơ ngoảnh nhìn khách, ánh mắt vừa vui mừng vừa đau khổ. Đặt con dao tạc tượng lên chiếc ghế nhỏ, phủ lên pho tượng một mảnh vải ướt và nhúng hai tay dính đất sét vào một lọ nước, anh bảo người mẫu:

- Hôm nay thế là vừa, cô bé ạ.

Cô ta nhảy xuống sàn nhà, nhặt lấy mớ quần áo và đi ra phía sau bình phong.

Giắc đưa Têredơ ra khỏi xưởng làm việc.

Họ bước đi dưới bóng cây tiêu huyền, nhiều mảnh vỏ cây rơi lá tả trên lớp cát.

Nàng nói:

- Anh không tin em nữa phải không?

Anh đưa nàng vào phòng.

Bức thư nàng viết từ Đina đã làm dịu bớt những cảm giác xót xa. Nàng đến vào lúc anh cần được yên tĩnh và âu yếm sau xiết bao đau khổ. Mấy dòng chữ của nàng làm tâm trí anh bớt nặng nề, một tâm trí chất chứa hình ảnh, ít nhạy cảm với sự vật hơn là với “đường nét” sự vật. Nhưng lòng anh vẫn đượm chút xót xa.

Mọi vật trong căn phòng đều có lợi có nàg: đồ đạc, màn gió, thảm trải nhà, tất cả đều gợi lại ái ân. Nàng thủ thỉ những lời hết sức dịu dàng: “Anh đã nghĩ là... Thế anh không tự biết mình như thế nào hay sao?... Thật là điên rồ!... Khi biết anh thì làm sao một người đàn bà có thể chấp nhận một người khác sau anh?”

- Thế còn trước đó?

- Trước đó, em chờ đợi anh.

- Và hẳn không đến trường đua Đina chứ?

Nàng nghĩ là không; và điều chắc chắn là nàng không tới đấy Ngựa và những người đua ngựa làm nàng bực mình.

- Giặc, anh đừng sợ ai hết, vì anh không thể so sánh với ai cả.

Trái lại, anh biết mình chẳng là gì, và người ta chẳng là cái gì trên cõi đời này, nơi con người đã bị lay động như hạt thóc và trấu trên nia, bị hòa lẫn và tách rời khỏi nhau do tác động của kẻ phàm phu hay đấng thần thánh. Và lại, khái niệm về kích thước chiếc nia của người nông dân hay chiếc nua huyền bí

thể hiện quá chính xác kích thước và thứ bậc, nên không thể áp dụng hoàn toàn đúng đắn cho đời sống. Anh cho con người là hạt trong lòng cối xay cà phê. Hai hôm trước đây, anh có cảm giác ấy rất rõ rệt khi thấy bà Phuydơliê xay cà phê.

Têredơ hỏi anh:

- Vì sao anh không kêu hãnh?

Nàng chỉ nói thêm vài người, nhưng nàng nói với anh mắt, với hai cánh tay, với nhịp thở làm phập phồng lồng ngực.

Trong sự ngạc nhiên sung sướng được gặp nàng và nghe nàng nói, anh tin tưởng nàng.

Nàng hỏi anh ai nói với anh những lời bí ối vừa qua.

Anh không có lý do gì để giấu nàng và cho nàng biết là Đanien Xalômông.

Nàng không ngạc nhiên. Đanien Xalômông được coi là không thể làm tình nhân một người đàn bà nào, nhưng ít nhất hẳn cũng muốn làm thân với tất cả và biết những điều thầm kín của họ. Nàng đoán biết vì sao hẳn nói như vậy.

- Giặc, anh chớ giận về những điều em sắp nói với anh. Anh đã không khéo che giấu tình cảm. Hẳn nghĩ anh yêu em và hẳn muốn biết có chắc chắn như vậy không. Em tin chắc bây giờ hẳn đã biết rõ quan hệ giữa chúng ta, nhưng cái đó không hề làm em bận tâm. Ngược lại, giá anh che giấu khéo hơn thì em không yên tâm bằng: em có thể nghĩ là anh không thật yêu em.

Sợ làm anh lo lắng, nàng vội nói sang những chuyện khác.

- Em chưa nói với anh là bức tượng anh đang nặn dở làm em thích thú biết chừng nào. Tượng cũng chính là Phlôrăngx bên bờ sông Acnô đấy thôi. Và cũng chính là chúng ta đấy thôi phải không anh?

- Phải, anh đưa vào tượng nỗi lòng yêu đương của anh. Tượng âu sâu và anh muốn cho tượng đẹp. Em thấy không, Têredơ, cái đẹp bao giờ cũng đau đớn. Bởi vậy, từ khi đời anh trở nên đẹp đẽ thì anh cũng không ngừng đau khổ.

Anh lục túi áo phlanen và rút ra hộp đựng thuốc lá. Nhưng nàng giục anh thay quần áo. Nàng sẽ đưa anh về nhà ăn cơm và suốt ngày hôm ấy họ sẽ không rời nhau. Sẽ êm đềm xiết bao!

Nàng nhìn anh, ánh mắt long lanh một niềm vui thơ ngây. Rồi nàng bỗng âu sầu khi nghĩ cuối tuần sẽ phải trở về Đina, sau đó đi Gioăngvin và trong suốt thời gian ấy, họ phải sống xa nhau.

Ở nhà bố nàng ở Gioăngvin, nàng sẽ bảo ông cụ mời anh đến mấy hôm. Nhưng ở đấy, họ sẽ không được sống với nhau một mình và tự do như ở Pari.

- Quả là – anh nói – Pari thật thuận lợi cho chúng ta trong cái mệnh mông mờ ảo của nó.

Và nói thêm:

- Dù không có em, anh cũng không muốn xa Pari nữa. Sống ở những nơi chốn không biết đến em, anh không sao chịu nổi. Một bầu trời, núi non, cây cỏ, giếng nước, tượng đài, tất cả những gì không nói với anh về em đều hoàn toàn vô nghĩa đối với anh.

Trong lúc anh thay quần áo, nàng giở một cuốn sách trên bàn. Cuốn *Nghìn lẻ một đêm*. Những bức tranh lãng mạn minh họa rải rác trong sách những đại

thần, những vương phi, những thái giám người da đen, những chợ búa, những đoàn thương nhân.

Nàng hỏi:

- *Nghìn lẻ một đêm* làm anh thích thú à?

- Rất thích thú. – Anh vừa đáp vừa thắt ca vát – Có những lúc anh tin là có thật những chàng hoàng tử A Rập mà đôi chân như đã trở thành đá cẩm thạch đen bóng và những nàng cung tần đêm đêm lang thang ở các nghĩa trang. Những truyện cổ ấy mang đến cho anh những giấc mơ ban đêm khiến anh quên cuộc đời. Tối qua, anh đi nằm, lòng hết sức rầy rĩ và anh đọc chuyện ba người hành khuất chột mắt.

Nàng nói, giọng đượm chút xót xa:

- Thế là anh tìm cách quên em rồi, còn em thì dù có đổi lấy bất kỳ cái gì trên đời này, em cũng không bao giờ chịu để mất đi kỷ niệm về nỗi đau buồn anh có thể gây cho em.

Hai người cùng bước ra đường. Lát nữa, nàng sẽ phải đi xe ngựa để về nhà trước anh mấy phút

- Chồng em sẽ chờ anh đến ăn trưa.

Dọc đường, họ nói với nhau về những chuyện không đâu nhưng đối với trái tim yêu thương của họ thì thật quan trọng và thú vị. Họ sẽ thu xếp buổi chiều sao cho có thể tận hưởng những giờ phút em đêm, sâu lắng. Nàng hỏi ý kiến anh về trang phục. Hớn hờ cùng anh sánh vai trên những nẻo đường tràn ngập ánh nắng và không khí vui tươi ban trưa, nàng nấn ná không muốn chia tay. Đi tới đại lộ Lê Tecnơ, họ gặp những quán hàng đua nhau trưng bày vô số món ăn: gà vịt treo trước cửa hàng quay thịt, những thùng mận và đào, những giỏ

nho, những đồng táo trường hàng bàn trái cây. Xe ngựa chở hoa quả đổ chập lòn đường. Đàn ông, đàn bà ngồi ăn trưa dưới hàng hiên có cửa kính của một quán ăn. Bồng Têredơ nhận ra Sulet đang ngồi ngậm pip một mình trước một chiếc bàn nhỏ, lưng tựa một cây nguyệt quế trồng trong chậu.

Chợt thấy nàng, ông ta hào phóng, bỏ một đồng trăm xu lên mặt bàn, đứng dậy chào, vẻ rất trang trọng. Tấm áo lễ phục dài khiến ông ta có dáng đoan trang, nghiêm khắc.

Sulet bảo rất muốn đến thăm bà Mactanh ở Đina. Nhưng ông phải ở lại Vãngđê bên cạnh nữ hầu tước Đơ Riơ. Ông ta vừa cho tái bản tập thơ *Vườn kín* và bổ sung thêm tập *Khu vườn quả Xanhtrơ-Clerơ*. Ông ta cho là hai tập thơ đã làm rung động những tấm lòng tưởng chừng sắt đá, làm những trái tim cứng rắn cũng phải thốn thức.

- Như thế – ông ta nói – tôi đã như một thứ Mũi-dơ^[131]

Ông ta lục túi và rút từ ví ra một bức thư nhàu nát, hoen ố.

- Đây là thư của bà viện sĩ Raymông. Tôi công bố lời thư vì chúng mang lại vinh dự cho bà ấy.

Giở những trang giấy mỏng ra, ông đọc:

“Tôi đã đưa sách của ông cho nhà tôi xem. Ông ấy thốt lên: “Đây là thuyết duy linh thuần khiết nhất! Đây là khu vườn kín mà tôi hình dung có một cánh cửa nhỏ mở về phía những bông hoa huệ và bông hồng trắng trên con đường đến Viện hàn lâm.

Sulet thường thức những lời nói ấy và cẩn thận bỏ lại thư vào ví. Miệng ông ta còn thoang thoảng mùi rượu mạnh.

Bà Mactanh chúc mừng nhà thơ được bà Raymông tiến cử.

- Giá tôi phụ trách việc bầu cử ở Viện hàn lâm thì tôi sẽ tiến cử ông, ông Sulet ạ. Nhưng có phải là ông thèm muốn vào Viện hàn lâm không?

Sau giây lát lặng im một cách long trọng, Sulet nói:

- Thưa bà, ngay bây giờ, tôi sẽ đến gặp những nhân vật quan trọng trong giới chính trị và tôn giáo ở Nơiy. Nữ hầu tước Đơ Riơ giục tôi ứng cử trong xứ bà ta, vào một chân thượng nghị sĩ hiện nay còn khuyết sau cái chết của một ông già mà người ta bảo đó là một vị tướng trong suốt cuộc đời vô vọng. Về vấn đề này, tôi sẽ hỏi ý kiến các nhà tu hành, đàn bà, trẻ em – ô! Nguồn trí tuệ vĩnh hằng! – ở đại lộ Binô. Đơn vị tuyển cử, nơi tôi mong thắng phiếu, nằm giữa vùng đất nhấp nhô và cây cối um tùm. Bao quanh các cánh đồng vùng này là những thân liễu bị xén ngọn. Và trong hốc những thân liễu già ấy không hiếm hài cốt những gã lính bảo hoàng siết chặt sung và chuỗi tràng hạt giữa những ngón tay xương xẩu. Tôi sẽ dán tuyên ngôn của mình lên vỏ các cây sồi: “Hòa bình cho giới trưởng lão!” Mong cho đến ngày cầm cây pháp trượng ở tay, các đức giám mục cũng chẳng khác nào người phó mục sư tội nghiệp nhất ở giáo khu tội nghiệp nhất! Chính các giám mục đã đày đọa Chúa Giêsu. Trước kia tên họ là Annơ và Caiphơ^[132]. Và giờ đây họ vẫn còn giữ những cái tên đó trước Chúa. Và, trong lúc họ đóng Chúa vào thập giá thì tôi là tên trộm tốt bụng cũng bị hành hình với Chúa^[133].

Nói xong, Sulet giơ gậy chỉ về phía Nơiy.

- Đơsactơ thân mến này, đại lộ Binô bụi bặm ở đằng kia, bên phải phải không?

- Tạm biệt ông Sulet. – Têredô nói – Khi trở thành thượng nghị sĩ, ông chớ quên tôi đấy!

- Thưa bà, trong những lời cầu kinh buổi sáng cũng như buổi chiều, tôi sẽ không bao giờ quên bà. Và tôi sẽ tâu lên Thượng đế: “Trong cơn giận dữ, Người đã cho nàng của cải và nhan sắc, cầu mong Người nhìn nàng với lòng độ lượng và đối xử với nàng với đức từ bi cao cả của Người”.

Rồi ông ta bước đi, người thẳng đờ, chân kéo lê trên con đường tấp nập.

XXX

Khoác áo choàng dạ màu hồng, Têredơ bước xuống tam cấp cùng với Đơsactơ. Anh vừa tới Gioăngvin sáng nay. Nàng đưa anh vào nhóm những người bạn thân tình, trước ngày tổ chức những buổi săn thú. Lơ Mênin mà mấy lâu nay nàng không có tin, năm nay cũng có thể được mời tham dự những buổi săn ấy như thường lệ. Điều đó làm nàng lo lắng. Làm gió nhẹ thàng chín khế đung đưa mái tóc, và mặt trời chiều tà làm sáng rực cặp mắt màu hạt dẻ sâu thẳm của nàng. Phía sau họ, trên ba cửa tò vò, giữa các ô cửa sổ mặt trước tòa lâu đài, những pho tượng bán thân các hoàng đế La Mã được đặt trên các bệ chân quỳ. Phần chính khu nhà nằm giữa hai ngôi lâu cao, và kiểu kiến trúc khác thường của dãy cột theo lối Iôni^[134] dưới những mái nhà lớn bằng đá đen càng làm cho cầu cao thêm. Ở lối kiến trúc này, người ta nhận ra nghệ thuật của kiến trúc sư Lơvơ, người đã từng xây dựng năm 1650 tòa lâu đài Gioăngvin-xuya-Oađơ cho tay cự phú Marơi, môn hạ của Madaranh^[135] và là kẻ đồng lõa gặp may của Phukê, tổng giám đốc tài chính,

Têredơ và Giắc nhìn thấy trước mặt những khu vườn cảnh với những kiểu trang trí theo hình hoa lá của Lơ Notơ, nhìn thấy thảm cỏ xanh và bể nước, tiếp đến là cái động với năm cửa tò vò mộc mạc và những pho tượng khổng lồ. Xung quanh động là những hàng cây lớn cành lá đã bắt đầu nhuộm màu vàng, màu đỏ và tiết thu.

- Dấu sao – Đơsactơ lên tiếng cái màu xanh trái theo lối hình học này cũng đẹp đấy chứ

- Vâng – Têredơ nói – Nhưng em nghĩ tới cây tiêu huyền chênh chếch trong mảnh sân nhỏ cỏ mọc xen giữa các kẽ đá ở nhà anh. Chúng ta sẽ cắm hoa vào đấy, phải không anh?

Đứng dựa vào một con sư tử đá nét mặt tựa như mặt người đặt trên một cái hố đã được lấp đầy, phía dưới tam cấp, nàng quay về phía tòa lâu đài và nhìn ô cửa sổ giống như miệng rồng há rộng trên mái đua:

- Phòng anh ở đây ở đây phải không anh? – Nàng hỏi. – Tối hôm qua, em lên đây. Cùng một tầng gác ấy, phía bên kia, ở tận cuối là phòng làm việc của bố. Một chiếc bàn gỗ thường, một tủ hồ sơ gỗ huê đào, một bình nước trên mặt lò sưởi: chẳng khác phòng làm việc một thanh niên. Tất cả tài sản nhà em đều từ đó mà ra.

Hai người bước trên những lối đi rải cát giữa các bồn hoa, đi tới dãy hoàng dương được cắt tỉa bao bọc khuôn viên về phía nam. Họ đi qua vườn cam mà trên cánh cửa vườn đồ sộ có gắn huy chương Loren của gia đình Maroi và bước vào lối đi trong đền ma dọc theo thảm cỏ xanh. Dưới rặng cây cành lá thưa, những pho tượng nữ thần như run rẩy trong bóng râm ẩm ướt, chốc chốc có những tia sáng nhọn nhọn xuyên qua. Một con bồ câu đang đậu trên vai một pho tượng trắng cất cánh bay đi. Chốc chốc theo làn gió, một chiếc lá khô vàng ruộm rụng xuống, trên đó còn long lanh một giọt mưa. Têredơ chỉ tượng nữ thần và nói:

- Tượng đã nhìn thấy em muốn chết lúc còn nhỏ. Lúc đó, em đau đớn vì ham muốn và vì sợ hãi. Em chờ anh. Nhưng anh xa cách biết chừng nào!

Đến chỗ rẽ có một bể nước lớn thì hết đoạn đường trồng đền ma. Giữa bể nổi lên những tượng thần người cá và thủy thần thối tù và.

Khi những tia nước phun ra thì bên trên nhóm tượng thần như có một vành vương miện lung linh và bọt nước nổi lên như những vòng hoa.

- Vương miện Gioăngvin đây, anh ạ. – Têredơ nói.

Nàng chỉ một lối đi nhỏ từ bể nước chạy ra cánh đồng, phía mặt trời m

- Đây là con đường của em. Em đã nhiều lần đi dạo trên đó, lòng âu sầu! Em âu sầu khi chưa được biết anh.

Họ gặp lại con đường chạy về phía bên kia chỗ rẽ, với những rặng đền ma và tượng nữ thần. Họ đi mãi tới các hang động. Ở cuối khuôn viên là năm cái khám thờ tượng thần theo kiểu non bộ chạy theo hình bán nguyệt, phía trên có những con tiện và đặt những pho tượng khổng lồ. Ở một góc, một pho tượng trần truồng một cách quái dị, cao vượt lên, đứng nhìn xuống phía dưới với ánh mắt vừa dịu dàng vừa man rợ.

- Khi bố em mua vùng đất Gioăngvin thì chỗ hang động này chỉ là một đồng gạch vụn đầy cỏ dại và răn rết. Có đến hàng ngàn con thỏ làm hang ở đây. Ông cụ lập lại các tượng và cửa tò vò theo các bản rập của Peren^[136] bảo tồn thư viện Quốc gia. Chính ông tự làm kiến trúc sư.

Lòng ham muốn bóng râm và bí ẩn, họ bước tới một vùng cây cối um tùm bao phủ sườn hang động. Nhưng họ đứng lại chốc lát khi bỗng nghe tiếng chân bước. Qua đám cành lá, họ nhìn thấy Môngtexxuy ôm ngang lưng quận chúa Xoniavin, lặng lẽ đi về phía lâu. Nấp sau một bức tượng khổng lồ, Giắc và Têredơ chờ hai người đi qua. Rồi nàng nói với Đơsactơ lúc đó im lặng nhìn mình:

- Bây giờ thì em hiểu vì sao mùa đông vừa qua, quận chúa Xoniavin hỏi ý kiến bố em về việc mua ngựa.

Têredơ thán phục ông bố đã chinh phục được người đàn bà nhan sắc, nổi tiếng là người khó chiều và giàu có, mặc dù có những rắc rối do lối sống cực kỳ vô tổ chức gây ra. Nàng hỏi Giắc có thấy quận chúa rất đẹp không. Anh thừa nhận bà ta lộng lẫy, nhưng là một thứ lộng lẫy thô bạo, một mùi vị thịt da dữ dội. Anh hình dung một bộ ngực với hai quầng vú to tướng màu nâu, một cái bụng vàng ệch và cặp chân đầy long lá. Điều anh chê nhất là làn da sù sì.

Têredơ cho là có thể như thế, song buổi tối quận chúa Xơniavin vẫn làm lu mờ những phụ nữ khác.

Nàng đưa Giắc qua bậc thang phủ đầy rêu phía khu hang động tới một bể nước bằng đá màu hồng ở giữa sum suê một bụi lau sậy xám xịt. Đi hết vườn hoa, hai người bước vào một cánh rừng rậm rạp. Tiếng là rừng xào xạc. Những hàng cây đu vườn lên với tán lá ướt mà; những dây bulô và diệp hoàn liễu, lớp vỏ nhợt nhạt còn sáng lên dưới những tia nắng mặt trời cuối cùng.

Anh siết chặt nàng vào lòng và âu yếm hôn lên mắt. Màn đêm buông xuống, những vì sao đầu tiên lấp lánh giữa đám lá cành. Trong lớp cỏ ướt át cất lên tiếng ếch nhái ì ọp. Họ dừng bước.

Trong đêm tối, trên đường cùng anh trở về lâu đài, hương vị những cái hôn và mùi bạc hà vẫn còn phảng phất trên môi nàng. Hình ảnh người yêu đứng tựa thân một cây bulô giống như một vị thần đồng áng vẫn như trong ánh mắt nàng. Hai tay chắp lại sau gáy và được anh nâng bổng lên, nàng ngây ngất trong khoái lạc. Dưới bóng những rặng tiêu huyền, nàng mỉm cười với những pho tượng nữ thần đã từng nhìn thấy những giọt nước mắt của nàng buổi ấu thơ.

Trên bầu trời xuất hiện chòm sao. Thiên nga và mặt trăng lưỡi liềm chiếu xuống bể nước trong vườn. Côn trùng trong thảm cỏ cất tiếng gọi ái ân. Đi hết dãy hoàng dương sừng sững như một bức tường thành họ nhìn tòa lâu đài nổi lên thành ba khối đen kịt, và qua những ô cửa lớn, trong luồng ánh sáng đỏ rực thấp thoáng bóng người qua lại. Chuông nhà thờ vang lên giống giả.

Têredơ vội nói:

- Em chỉ còn đủ thì giờ thay quần áo để ăn tối.

Và vụt biến đi trước dãy sư tử đá, nàng để lại cho người yêu ảo giác vừa chia tay với một nữ thần.

Trong phòng khác, sau bữa ăn tối, ông Becchiê Đâyden ngồi đọc báo; còn quận chúa Xơniavin thì bó bài. Mắt lim dim trên một trang sách và nghe ngửa ở mắt cá bởi đám gai nàng bước qua khi đi trong rừng thưa, Têredơ rung mình nhớ lại, lúc người yêu ôm ấp nàng giữa rừng cây tựa một vị thần đồng ánh đèn giỡn với một nữ thủy thần.

Xơniavin hỏi cuốn sách nàng đọc có gì thú vị không.

- Tôi cũng không biết nữa. Tôi vừa đọc vừa mơ màng. Pôn Venx nói có lý: “Chúng ta chỉ tìm thấy bản thân mình trong sách”.

Qua các bức tường trên tường, từ phòng bi-a văng qua những lời ngẩn của người chơi và tiếng bi lăn khô khốc.

- Vận may rồi! – Quận chúa Xơniavin vừa reo lên vừa bỏ những con bài xuống.

Trước đó, bà ta đánh cược một số tiền lớn về một con ngựa hôm ấy sẽ đua ở trường đua Săngtiy

Têredơ bảo nàng vừa nhận được thư từ Phidơ: Ben báo tin sắp làm lễ thành hôn với hoàng thân Ốx-biô Anbectinenli Đenla Xpina.

Quận chúa cười khanh khách:

- Anh chàng ấy sẽ giúp cô ta một việc ra trò.

- Việc gì thế? – Têredơ hỏi.

- Làm sao cho tô ta chán ngấy đàn ông, chứ còn việc gì nữa!

Môngtexxuy hớn hử bước vào xalông, ông ta đã thắng cuộc. Ông đến ngồi cạnh Becchiê Bâayden và cầm tờ báo trải rộng trên tràng kỷ:

- Ông bộ trưởng Tài chính thông báo là vào kỳ họp tới của Quốc hội, ông ta sẽ đệ trình dự luật về quỹ tiết kiệm.

Vấn đề đặt ra là cho phép quỹ tiết kiệm cho các xã vay tiền, và như thế các cơ sở do Môngtexxuy lãnh đạo sẽ mất số khách hàng tốt nhất.

- Becchiê, – Môngtexxuy hỏi – Ông có kiên quyết chống lại dự luật ấy không?

Becchiê nghiêng đầu.

Môngtexxuy đứng dậy, đặt tay lên vai ông nghị sĩ

- Ông bạn Becchiê thân mến, tôi có ý nghĩ là vào đầu kỳ họp này nội các sẽ đổ.

Ông bước lại cạnh con gái:

- Bố vừa nhận được một bức thư kỳ quặc của Lơ Mênin.

Têredơ đi lại đóng cánh cửa bên phòng bi-a. Nàng bảo để tránh luồng gió.

- Một bức thư kỳ lạ, con ạ. – Môngtexxuy nói tiếp – Lơ Mênin sẽ không đến đi săn ở Gioăngvin. Anh ta vừa mua một chiếc yat trọng tải mười *tonô* mang nhãn hiệu *Rodobyut*, lên đênh trên Địa Trung Hải. Anh chỉ muốn phiêu lưu trên mặt nước. Tiếc quá! Chỉ có Lơ Mênin là biết tổ chức săn bắn.

Đúng lúc đó, Đơsactơ bước vào phòng khách cùng bá tước Mactanh. Sau khi thắng ván bi-a và kết thân với anh, Mactanh giảng giải những cái tai hại của thứ thuế lấy lối sống gia đình và số tội tở trong nhà làm căn cứ.

XXXI

Những tia nắng mặt trời mùa đông nhợt nhạt xuyên qua lớp sương mù trên sông Xen rọi xuống hình vẽ mấy con chó của họa sĩ Udry trên cánh cửa phòng ăn.

Bà Mactanh ngồi giữa, bên phải là hạ nghị sĩ Garan, nguyên bộ trưởng Tư Pháp, nguyên thủ tướng nội các, bên trái là thượng nghị sĩ Loayê. Ngồi bên phải bá tước Mactanh-Benlem là Bechhiê Đâyden. Một bữa ăn trưa thân mật và nhẹ nhàng để bàn công việc. Đúng như Môngtexxuy dự kiến, nội các bị đổ bốn ngày trước. Vừa được vời đến điện Êlidê sáng nay, Garan nhận lời lập nội các mới. Trong bữa ăn, ông ta chuẩn bị danh sách một chính phủ liên hiệp để tối hôm đó đệ trình lên tổng thống. Trong lúc đám đàn ông thảo luận danh sách thì Têredơ hồi tưởng lại những hình ảnh trong cuộc sống thầm kín của mình.

Cùng với bá tước Mactanh, nàng trở lại Pari từ đầu kỳ họp nghị viện và từ ấy, nàng sống những ngày thần tiên.

Giấc yêu nàng. Anh yêu say đắm nhưng với thái độ dịu dàng vừa với kinh nghiệm dày dặn vừa với vẻ chất phác hiếu kỳ. Anh tỏ ra băn khoăn, dễ bực dọc, dễ bị kích động; nhưng khí chất thất thường càng làm tăng thêm niềm hoan hỉ của anh. Niềm hoan hỉ nghệ sĩ ấy đột ngột nổ ra như một ngọn lửa, mơn trớn mà không xúc phạm tình yêu. Và tiếng cười hóm hỉnh của người yêu làm Têredơ say đắm.

Nàng không ngờ là người vốn phóng túng và tính tình dễ thay đổi, anh lại tỏ ra một sở thích kiên định tự nhiên đến như vậy. Trong những thời gian đầu, anh chỉ tỏ ra với nàng một mối nhiệt tình đơn điệu và âu sâu. Và chỉ có cái đó không thôi chinh phục nàng. Nhưng đã mấy lâu nay nàng tìm thấy ở anh một

tâm hồn hỗn hờ, phong phú và đa dạng; một vẻ dễ thương có một không hai trong ân ái, cái khả năng bằng thể xác mơn trớn, thỏa mãn toàn bộ tâm hồn.

- Chúng ta có thể dễ thỏa thuận với nhau về một nội các đồng tâm hợp lực. – Garanh lên tiếng – Nhưng không phải vì vậy mà không chú ý tới những khuynh hướng riêng biệt của các nhóm khác nhau trong nghị viện.

Ông ta tỏ ra lo lắng. Thấy mình đã dựng lên bao nhiêu cạm bẫy thì nay mình cũng bị bấy nhiêu cạm bẫy bao vây. Chính bản thân những người cộng sự cũng trở nên thù địch.

Bá tước Mactanh muốn nội các mới đáp ứng những khuynh hướng của một tinh thần mới.

- Danh sách của ông bao gồm những nhân vật rất khác nhau về nguồn gốc và khuynh hướng. – Bá tước nói – Thế nhưng sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử chính trị những năm gần đây là khả năng – tôi muốn nói là nhu cầu – làm sao cho chính phủ Cộng hòa thống nhất về quan điểm. Đó là những ý kiến mà chính bản thân ông đã bày tỏ rất hùng biện, ông Garanh thân mến ạ.

Bechhiê Đâyden im lặng.

Còn thượng nghị sĩ Loayê thì vân vê những mẫu ruột bánh mì. Là khách quen lâu đời của quán bia, ông ta có thói quen suy nghĩ trong lúc nhồi bóp những mẫu bánh vụn hay cắt gọt nút chai. Ông ta ngẩng khuôn mặt sần sùi với bộ râu cằm lem luốc lên. Và nhìn Garanh với đôi mắt xéch trong đó như long lanh một đốm lửa nhỏ, ông ta nói:

- Tôi đã nói nhưng người ta không muốn tin. Đối với các thủ lĩnh đảng Cộng hòa, việc thủ tiêu cánh hữu quân chủ đã từng là một tai họa không sao cứu vãn được. Nội các vừa qua chống lại cánh hữu ấy. Chỗ dựa thực sự của một chính phủ chính là phe đối lập Đế chế đã từng chống lại phái Ooclêăng và chống lại

chúng ta; chính phủ Mười sáu tháng năm chống lại những người Cộng hòa. Còn chúng ta may mắn hơn, chúng ta chống lại cánh hữu, cánh hữu là phe đối lập ra trò, đáng gờm nhưng thơ ngây và bất lực, rộng lớn, trung thực nhưng không được lòng dân. Cần phải duy trì cánh hữu. Nhưng người ta đã không biết làm như vậy. Thế và phải nói rõ là một cái đều mòn mỏi đi cả. Song chính phủ bao giờ cũng phải chống lại một cái gì đó. Ngày nay chỉ còn những đảng viên xã hội ủng hộ chúng ta, còn trong suốt mười lăm năm, chúng ta đã từng được phái hữu ủng hộ với sự khoan dung không suy suyễn. Chỉ có điều là họ quá yếu. Cần phải củng cố họ, làm cho họ lớn mạnh lên, tổ chức họ thành chính đảng. Đây là bốn phận đầu tiên của một bộ trưởng nội vụ vào giờ phút này.

Vấn không phải là kẻ vô liêm sỉ, Garanh ngồi lặng im.

- Ông Garanh, – bá tước Mactanh hỏi – ông chưa biết là cùng với cương vị thủ tướng, ông sẽ phụ trách bộ Tư pháp hay bộ Nội vụ à?

Garanh đáp là quyết định của ông ta tùy thuộc vào việc lựa chọn của N..., sự có mặt của ông này trong nội các là cần thiết nhưng ông ấy còn lưỡng lự giữa hai bộ. Còn ông, Garanh, ông hy sinh điều kiện cá nhân cho lợi ích tối cao.

Thượng nghị sĩ Loayê che giấu phía sau bộ râu một vẻ khó chịu. Ông ta thèm muốn bộ Tư pháp, nỗi thèm muốn ấy có nguồn gốc từ lâu đời. Là giáo sư ôn tập luật học dưới thời Đế chế, ông ta đã từng giảng những bài học được đánh giá cao ở các tiệm cà phê. Bản tính thích cãi vã, ông ta mở đầu sự nghiệp chính trị bằng những bài báo viết một cách khéo léo để được truy tố, ra tòa và “hưởng” mất tuần lễ tù giam. Từ đó ông xem báo chí là một vũ khí chống đối mà mọi chính phủ tử tế phải tiêu diệt. Từ ngày 4 tháng chín 1870, ông ta mơ ước trở thành bộ trưởng Tư pháp để người ta thấy một kẻ lang thang trước đây, một kẻ đã từng ngồi trong nhà giam Pêlagi dưới thời Badenphê^[137] đã từng giảng pháp luật trong lúc chỉ ăn món bắp cải thái nhỏ, kẻ đó có thể là lãnh tụ tối cao của ngành Tư pháp như thế nào.

Hàng chục đứa dốt nát đã từng đê đầu cười cổ ông ta. Già cỗi đi trong những niềm vinh quang tầm thường của Thượng viện, chẳng có mấy tri thức, lại nghèo khổ, lười biếng và cháng chường, ông ta say mê một cô gái phục vụ trong quán bia. Với tinh thần Giacôbanh^[138] cố hữu và lòng khinh miệt dân chúng thực sự dai dẳng, ông ta vẫn có thể là một nhân vật nội các. Lần này, được đưa vào chính phủ liên hiệp của Garan, ông ta những tưởng năm được bộ Tư pháp. Nhưng quan thầy ông ta không chấp thuận và ông trở thành một địch thủ khó chịu. Ông ta cười khẩy trong lúc mài miết lấy ruột bánh mì vắt hình một con chó nhỏ.

Vẻ rất điềm tĩnh, nghiêm trang và âu sầu, Becchiê Đâdyen mân mê bộ ria mép trắng muốt đẹp đẽ và nói:

- Ông Garan, ông không thấy cần dành một chỗ trong nội các cho những người đã từng đeo đuổi ngay từ đầu đường lối chính trị mà ngày nay chúng ta hướng tới hay sao?

- Họ đã mất phương hướng trong đó – Garan đáp vẻ sốt ruột – nhà chính khách không được vượt lên trước hoàn cảnh. Tỏ ra mình có lý sớm quá là một sai lầm. Không thể điều hành công việc với các nhà tư tưởng được đâu. Và chúng ta hãy nói thẳng ra: nếu ông muốn được nội các tả – trung thì ông cứ nói thật; tôi sẵn sàng rút lui. Nhưng tôi xin cảnh cáo ông là cả Nghị viện lẫn dân chúng sẽ không ủng hộ chúng ta đâu.

- Hiển nhiên là chúng ta cần có đa số. – Bá tước Mactanh nói.

- Với danh sách của tôi, chúng ta có đa số. – Garan đáp. – Chống lại chúng ta, chính là thiểu số ủng hộ nội các cộng thêm những lá phiếu chúng ta đã tách ra khỏi nhóm. Thưa các ngài, tôi kêu gọi lòng trung thành của các ngài.

Rồi họ lại cần khẩn sắp xếp lại việc phân bố các bộ. Lúc đầu, bá tước Mactanh được giao bộ Công chính nhưng ông ta không ưng thuận vì không đủ năng lực, về sau được giao bộ Ngoại giao và ông ta vui vẻ nhận lời.

Nhưng Bechhiê Đâyden được Garanh giao cho bộ Thương mại và Nông nghiệp thì không nhận.

Loayê phụ trách bộ Thuộc địa. Làm ra vẻ rất chăm chú đặt con chó nhỏ vắt bằng ruột bánh mì đứng cho được tấm khăn trải bàn, ông ta nheo mắt nhìn nữ bá tước Mactanh và thấy nàng thật đáng thèm muốn. Ông ta mơ màng trong niềm vui thích được gặp lại nàng sau này trong cảnh ít nhiều thân m

Để mặc Garanh loay hoay, ông lưu tâm đến người thiếu phụ nhan sắc này, tìm cách đoán định sở thích và thói quen của nàng, hỏi nàng có thích sân khấu không, thỉnh thoảng buổi tối có đến tiệm cà phê cùng với chồng không. Têredơ bắt đầu thấy ông ta có vẻ thú vị hơn những người khác với lớp cáu bẩn đóng dày trên người, với cái lối không hay biết gì về thiên ạ và với cái thuyết yếm thế tuyệt vời của ông ta.

Garanh đứng dậy, ông ta cần phải đi gặp N... N... và N... trước khi đệ trình danh sách lên tổng thống. Bá tước Mactanh mời ông dùng xe ngựa nhưng ông đã có xe riêng.

- Ông có nghĩ là tổng thống có thể có ý kiến đối với một vài người trong danh sách không? – Bá tước Mactanh hỏi.

- Tổng thống sẽ căn cứ vào yêu cầu của tình thế – Garanh đáp.

Ông ta bước ra khỏi cửa nhưng bỗng quay lại, tay vỗ vỗ trán:

- Chúng ta quên mất bộ trưởng Chiến tranh!

- Ông sẽ tìm trong số các tướng lĩnh thôi. – Bá tước Mactanh nói.

- A! Ông tưởng dễ chọn một bộ trưởng Chiến tranh sao? Rõ ràng là ông chưa tham gia ba lần nội các và đứng đầu chính phủ như tôi. Trong các nhiệm vụ kỳ bộ trưởng và trong khi tôi làm thủ tướng, những khó khăn gay gắt nhất bao giờ cũng bắt nguồn từ bộ trưởng Chiến tranh. Tất cả các tướng lĩnh đều như nhau. Viên tướng tôi chọn vào nội các trước đây, ông biết rồi đấy. Chúng ta đưa ông ta vào trong lúc ông ta lạ lẫm với công việc. Hầu như không biết có hai viện. Phải giảng giải cho ông ta tất cả các bộ phận của guồng máy nghị viện; chỉ dẫn cho ông ta là trong nghị viện có một ủy ban quân sự, một ủy ban tài chính, các tiểu ban, các thuyết trình viên và có việc tranh luận về ngân sách. Ông ta yêu cầu ghi tất cả những sự chỉ dẫn ấy vào một mảnh giấy. Tình trạng ông ta không hiểu biết gì về người, về việc, khiến chúng ta kinh hoàng... Nhưng chỉ sau mười lăm ngày là ông ta nắm được những mảnh khóc tinh vi nhất của nghề nghiệp, biết riêng tất cả các thượng và hạ nghị sĩ và cùng với họ âm mưu chống lại chúng ta. Nếu không có sự giúp đỡ của tổng thống Grêvy là người vốn nghi ngờ phái quân nhân thì ông tướng ấy đã lật đổ chúng ta rồi. Thế mà đó chỉ là một viên tướng rất bình thường giống như những ông tướng khác. A! không, ông chớ nghĩ bộ Chiến tranh có thể giao phó một cách vội vã, thiếu suy nghĩ...

Và nhớ lại người bạn đồng nghiệp trước đây ở đại lộ Xanh-Giecmann, Garan vẫn còn rung mình. Ông bước ra ngoài.

Têredơ đứng dậy. Thượng nghị sĩ Loayê chìa cánh tay cho nàng với những cử chỉ duyên dáng học được từ bốn mươi năm trước ở Buyliê^[139].

Nàng để đầm chính khách lại trong phòng khách, vội vã đi tìm gặp Đơsactơ.

Những luồng ánh sáng đỏ hoe bao phủ dòng sông Xen cùng hai bên bờ sông lát đá và những rặng tiêu huyền vàng rực. Ra khỏi nhà, Têredơ khoan khoái

thường thức hương vị ngọt ngào của không khí và cảnh đẹp buổi chiều ta. Từ khi trở về Pari, nàng hôn hờ thấy mỗi buổi sáng thời tiết lại đổi mới. Gió thổi trong rừng cây trụi lá, mưa nhẹ hạt làm chân trời ướt át, bầu trời lạnh lẽo trong ánh sáng nhạt nhòa, âm đạm. Nàng tưởng như tất cả những cái đó đều là cho nàng, vì nàng và giúp nàng khi bước vào căn phòng xin xắn ở phố Lê Tecnơ. Có thể nói: “Trời gió, trời mưa, thời tiết thật thú vị” như thể mọi sự vật trên đời này đều quy tụ vào mối tình đắm thắm của nàng. Và đối với nàng, mặt trời ngày nào cũng đẹp vì ngày nào nàng cũng nằm gọn trong lòng người yêu.

Cũng như những ngày khác, ngày hôm ấy, trên đường đi tới căn nhà nhỏ ở phố Lê Tecnơ, nàng nghĩ tới niềm hạnh phúc bất ngờ trọn vẹn xiết bao mà rốt cuộc nàng nắm chắc trong tay. Cất bước trong ánh nắng chiều tà mùa đông, nàng nghĩ bụng:

“Chàng yêu mình, mình tin chàng hoàn toàn yêu mình. Yêu, đối với chàng, dễ dàng và tự nhiên hơn những người đàn ông khác. Trong đời sống, họ có những tư tưởng cao hơn bản thân họ, một niềm tin, những tập quán, những quyền lợi. Họ tin vào Chúa, vào nghĩa vụ hay vào chính bản thân họ. Còn chẳng thì chỉ tin vào một mình mình thôi. Mình là vị thần, là nghĩa vụ, là cuộc sống của chàng”.

Rồi nàng mơ màng:

“Quả là chàng không cần đến một ai, kể cả mình nữa. Tư tưởng của chàng là một thế giới huy hoàng trong đó có thể sống thoải mái. Nhưng mình thì không thể sống không có chàng. Mình sẽ ra sao nếu không còn chàng nữa?”

Nàng yên tâm khi nghĩ tới niềm hứng thú sôi nổi, vẻ say sưa thường ngày của anh khi anh ở cạnh nàng. Nàng nhớ một hôm nàng bảo anh: “Đối với em, anh chỉ có tình yêu nhục dục. Nhưng em không phàn nàn đâu, có lẽ đó là tình yêu chân chính duy nhất”. Và anh trả lời nàng: “Đó cũng là tình yêu lớn nhất, mạnh nhất. Nó có năng lực và vũ khí của nó; nó tràn đầy ý nghĩa và hình ảnh;

nó vừa dữ dội vừa bí ẩn, nó gắn bó với thịt da và với cả linh hồn của thịt da. Còn nữa thì chỉ là ảo ảnh và dối trá”. Nàng hầu như yên tâm trong hạnh phúc. Những nỗi nghi ngờ, những niềm băn khoăn tan biến như mây mù trong cơn giông mùa hạ. Thời kỳ xấu nhất trong tình yêu của họ, là lúc họ xa nhau những ngày trước đây. Không bao giờ nên xa cách khi yêu nhau.

Đến ngã ba đại lộ Macxô và đường phố Galilê, nàng đoán ra, đúng hơn là nhận biết một bóng người lướt qua nàng, một hình dạng nàng đã lãng quên. Nàng tin là mình nhầm và muốn mình nhầm. Người mà nàng tưởng nhìn thấy, đâu còn tồn tại nữa, và có bao giờ tồn tại! Chỉ là một bóng ma trong cảnh huyền hoặc của một thế giới trước kia, trong sương mù của một cảnh nửa hư nửa thực. Và nàng vẫn cất bước, giữ lại của cuộc gặp gỡ huyền ảo này một cảm giác lạnh lẽo một sự bối rối mơ hồ, một nỗi đau lòng.

Nàng đi ngược đại lộ. Những người bán báo, hai tay ôm đầy những tờ báo buổi chiều đưa tin bằng chữ to việc thành lập chính phủ mới.

Nàng vượt qua quảng trường Ngôi sao; chân nàng bước theo sự giục giã của ham muốn. Nàng hình dung Giắc đứng chờ dưới chân cầu thang, giữa những bức tường trần trụi bằng đồng hun và cẩm thạch, bế nàng vào lòng lúc đó run rẩy và nhũn người đi vì những cái hôn, đưa nàng lên tận căn phòng trần ngập bóng râm và khoái lạc, nơi niềm hạnh phúc được sống êm đềm khiến người ta quên cuộc sống.

Nhưng trong cảnh vắng vẻ trên đại lộ Mac-Mahông, bóng người lúc này thấp thoáng ở ngã ba đường Galilê bước lại gần, sừng sững đến bên nàng, thái độ thận trọng, âu sầu.

Nàng nhận ra Rôbe Lơ Mênin. Đi theo nàng từ bến xe Đơbiy, anh theo kịp nàng ở chỗ này, nơi yên tĩnh và chắc chắn nhất.

Thái độ, dáng dấp của anh bộc lộ một tâm hồn trong sáng trước đây t làm vui lòng Têredơ. Trên khuôn mặt vốn nghiêm khắc, nay sẫm màu vì nắng gió, hơi gầy đi, nhưng rất điềm tĩnh, bộc lộ một nỗi đau khổ sâu xa mặc dù anh cố tình che giấu.

- Tôi muốn nói chuyện với cô.

Anh đi chậm lại và bước bên cạnh nàng.

- Tôi cố gắng quên cô. Sau tình hình đã xảy ra thì như thế là điều tự nhiên, phải không cô? Tôi đã làm tất cả mọi thứ để quên. Dĩ nhiên, tốt hơn hết là quên cô. Nhưng không sao quên được. Thế là tôi mua một con tàu. Và tôi đã lênh đênh sáu tháng trên mặt biển. Có lẽ cô biết chứ?

Nàng gật đầu.

Anh nói tiếp:

- *Rôdobuyt*, một chiếc yat xinh xắn trọng tải tám mươi tonô, với sáu thủy thủ. Tôi cùng lái tàu với họ. Như thế để khuây khỏa.

Nàng im lặng, bước đi chậm chạp, âu sầu và nhất là buồn phiền. Nghe những lời xa lạ ấy, đối với nàng là điều phi lý và khó chịu hơn bất cứ điều gì khác.

Anh lại nói:

- Tôi đau khổ như thế nào trên tàu, nếu nói lại với cô thì thật xấu hổ.

Cảm thấy anh nói thật lòng, nàng quay mặt đi.

- Ô! Tôi tha thứ cho cô. Một mình một bóng, tôi suy nghĩ nhiều. Ngày đêm tôi nằm dài trên boong tàu, đầu óc vương vấn mãi những ý nghĩ không bao giờ đổi thay. Trong sáu tháng tôi suy nghĩ nhiều hơn là suy nghĩ trong cả đời mình. Cô đừng cười. Không có gì có thể mở rộng trí óc người ta bằng đau khổ. Tôi hiểu để mất cô là lỗi tại tôi. Đáng lẽ tôi phải biết cách giữ cô lại. Và nằm dài trên con tàu Rôđbuyt lướt trên mặt biển, tôi tự bảo mình: “Mình đã không biết làm như vậy. Ô! Giá được làm lại từ đầu!” Suy nghĩ và đau khổ, tôi đã hiểu ra: tôi hiểu ra là tôi đã không thâm nhập đầy đủ vào sở thích và tư tưởng của cô. Cô là một người đàn bà khác thường. Tôi đã không nhận ra điều đó, bởi lẽ không phải vì cái đó mà tôi yêu cô. Tôi làm cô khó chịu, làm cô phật ý mà không hay biết.

Nàng lắc đầu. Anh vẫn nói tiếp:

- Cô! Cô! Tôi thường làm cô phật lòng. Tôi không khéo nâng niu sự dịu dàng, tinh tế của cô. Giữa chúng ta có những sự hiểu lầm. Như vậy vì tính chất chúng ta không giống nhau. Và tôi cũng không biết làm cô khuây khỏa, không tìm ra những trò giải trí thích hợp với cô, với một người đàn bà thông minh như cô.

Nỗi niềm luyến tiếc và đau buồn, anh bộc lộ ra thật giản dị và chân thật, và nàng thấy anh dẫu sao cũng dễ thương. Nàng dịu dàng nói với anh:

- Tôi không hề có gì phải phàn nàn anh đâu.

Anh nói tiếp:

- Tất cả những điều tôi nói với cô đó đều là sự thật. Tôi đã hiểu ra tất cả trong khi lênh đênh một mình trên con tàu ngoài biển cả. Tôi đã trải qua những giờ phút mà tôi không mong cho người đàn ông đã làm tôi hết sức đau khổ phải trải qua. Phải chăng do những nguyên lý tôn giáo và những tình cảm gia đình của tôi, hay do tôi không có can đảm? Tôi không hay biết. Có lẽ vì từ xa,

cô vẫn giữ tôi lại trong cuộc sống. Tôi bị cô cuốn hút và tôi đã tới đây. Tôi theo dõi cô đã hai ngày nay. Tôi không muốn đến lại nhà cô vì không thể gặp riêng và nói chuyện với cô, và vì như thế cô bắt buộc phải tiếp tôi. Tôi thấy nói chuyện với cô ngoài đường thì hơn. Đây cũng là một ý nghĩ đến với tôi lúc ở trên tàu. Tôi nghĩ bụng: “Ngoài đường thì có muốn nghe mình nàng mới nghe”, cũng như bốn năm về trước, cô biết đây, trong khuôn viên Gioăngvin, dưới những bức tượng nữ thần.

Và thở dài nãy nẽ, anh nói tiếp:

- Đúng, như ở Gioăngvin, vì phải làm lại tất cả từ đầu. Tôi theo dõi cô đã hai ngày nay. Hôm qua, trời mưa: cô đi xe ngựa. Tôi có thể bước theo cô, để biết cô đi đâu. Tôi thiết tha như vậy. Nhưng tôi không làm. Tôi không muốn làm điều cô không thích.

Nàng chìa tay cho anh:

- Tôi cảm ơn anh. Tôi rất biết là tôi không phải ân hận về lòng tin cậy

Hoảng hốt, sốt ruột, bồn chồn, sợ những điều anh sắp nói, nàng tìm cách cắt đứt câu chuyện và bỏ đi.

- Tạm biệt! Anh có cả cuộc đời trước mặt. Anh là người sung sướng. Anh nên biết rõ điều đó và đừng giày vò mình về cái điều không đáng để anh tự giày vò.

Nhưng nàng ngừng lại trước ánh mắt anh. Anh biểu lộ vẻ mặt dữ dội và kiên quyết mà nàng đã từng biết.

- Tôi đã bảo là tôi cần nói chuyện với cô. Cô hãy nghe tôi một phút.

Nàng nghĩ tới Giắc chắc hẳn lúc này đang chờ đợi.

Vài ba khách qua đường nhìn họ rồi bước đi. Nàng đứng lại dưới một cây thánh giá đen kịt và chờ đợi, trong lòng vừa xót thương vừa sợ hãi.

Anh nói:

- Thế này: tôi tha thứ cho cô và quên hết tất cả. Cô hãy trở lại với tôi. Tôi hứa sẽ không bao giờ nhắc lại quá khứ.

Nàng giật nảy mình và có một cử chỉ kinh ngạc, buồn bã một cách tự nhiên tới mức anh ngừng lời.

Rồi, sau một lát suy nghĩ:

- Điều tôi nói với cô là không bình thường, tôi biết rõ như vậy. Nhưng tôi đã cân nhắc, đã suy nghĩ tới mọi thứ. Chỉ có thể như thế mà thôi. Cô hãy suy nghĩ đi, Têredơ.

- Nói dối anh là điều không hay. Tôi không thể làm, tôi không muốn làm điều anh bảo: và anh biết vì sao rồi.

Một cỗ xe ngựa chậm rãi chạy gần chỗ họ. Nàng ra hiệu và người xà ích dừng xe lại. Anh vẫn giữ nàng lại một lát.

- Tôi đã dự kiến là cô sẽ nói với tôi như vậy. Vì thế tôi đã bảo cô đừng trả lời tôi lúc này.

Vừa bước lên xe là nàng quay đi, không nhìn anh nữa. Phút giây đau đớn đối với anh: anh nhớ lại ánh mắt biết ơn đăm đăm nhìn theo anh trước kia khi phải chia tay, trong cặp mắt màu hạt dẻ tuyệt vời, lim dim vẻ mệt mỏi sau những giờ phút hoan lạc. Anh kìm lại trong lồng ngực một tiếng nấc và thềm thì, giọng nói nghẹn lại:

Cô nghe tôi này, tôi không thể sống không có cô, tôi yêu cô. Chính bây giờ tôi yêu cô. Trước kia, tôi lại không rõ.

Nàng nói băng quơ với người xà ích địa chỉ của một hiệu mũ. Còn anh thì bước đi, bước chân vẫn mềm mại và nhanh nhẹn nhưng có vẻ lập cập.

Cuộc gặp gỡ để lại trong lòng nàng một cảm giác khó chịu và một nỗi lo lắng. Vì phải gặp lại thì thà anh ấy có thái độ thô bạo như ngày nọ ở Phiơrăngx. Đến ngã ba đại lộ, nàng nói to với bác xà ích:

- Đường Đơ mua, đại lộ Lê Tecao

XXXII

Hôm ấy là thứ sáu. Trong nhà hát vũ kịch, màn vừa bỏ xuống sau một cảnh trong vở diễn Phôxtơ^[140]. Từ những dãy ghế ồn ã phía sát sân khấu, khán giả giương ống nhòm lên và trong luồng ánh sáng tỏa rộng ra không gian mênh mông, nhìn ngó khắp nhà hát vàng son chói lọi. Trên hàng ghế lô nhô lên những mái tóc rực rỡ, những bờ vai để trần của phái đẹp. Ngồi sát sân khấu là bà đại sứ Áo và nữ công tước Đơ Glăđuyn. Trên các dãy ghế trên gác lếp lánh những kim cương, vàng bạc, lụa là, cô Bectơ Đơxiguy và Gian Tuyn, người trở nên nổi tiếng vì vụ người tình tự sát. Trên hàng ghế lô có bà Bêra Đơ La Malơ, mắt khẽ cúi xuống, hàng mi dài rủ bóng xuống đôi má tuyệt đẹp: quận chúa Xơniavin lộng lẫy xòe quạt che miệng ngáp, bà Đơ Mooclen ngồi giữa hai thiếu phụ, học trò của mình; bà Mâyăng yên tâm với ba mươi năm nhan sắc tuyệt vời; bà Becchiê Đâyđen, bộ điệu cứng đờ với những dải băng màu xám găm đầy kim cương. Chứng sần da mặt càng làm cho điệu bộ bà ta thêm đường hoàng. Người ta chăm chú nhìn bà. Sáng nay có tin là sau khi chính phủ liên hiệp của Garanh thất bại, Becechiê Đâynhận lập nội các mới. Các cuộc vận động gần đạt tới kết quả. Báo chí đăng danh sách nội các trong đó Mactanh Benlem giữ bộ Tài chính. Ống nhòm khán giả quay về phía ghế lô còn bỏ trống của nữ bá tước Mactanh.

Tiếng ồn ã ngày càng lan rộng trong nhà hát. Đứng ở vị trí quen thuộc của mình ở hàng ghế thứ ba sát sân khấu, tướng Larivie trò chuyện với tướng La Brisơ

- Nay mai, tôi cũng sẽ làm như ông, ông bạn thân mến ạ. Tôi sẽ đi trồng cải bắp ở Tuarea.

Ông ta đang trải qua những giờ phút âu sầu, thấy trước cái hư vô cuối cuộc đời sắp kết thúc của mình. Ông ta từng nịnh nọt Garanh; nhưng thấy ông ta quá

giáo quyết, Garanđ đã chọn một viên tướng pháo binh cận thị và có nhiều ảo tưởng làm bộ trưởng Chiến tranh. Chí ít, Larivie cũng thích thú thấy Garanđ bị bỏ rơi, bị hai ông bạn Becciê Đâyđên và Mactanh Benlem phản bội. Ông ta nheo mắt lại cười. Trên khuôn mặt cau có, chỉ có nếp nhăn ở đuôi mắt là có chút tươi cười. Ông ta cười nửa miệng. Đã chán ngấy một cuộc đời giả dối kéo dài, bỗng nhiên ông ta hớn hờ bày tỏ ý tưởng của mình:

- Ông thấy đấy, ông bạn La Brisơ, họ quấy rầy ta với đội dân vệ tốn kém mà chẳng có giá trị gì hết. Chỉ có những đội quân nhỏ là tốt. Đây là ý kiến của Napôlêông, người thành thực trong vấn đề này.

- Đúng, rất đúng. – Tướng La Brisơ thở dài xúc động đến rơi nước mắt.

Môngtexuy đi trước mặt họ bước tới chỗ ngồi. Larivie chìa tay bắt.

- Người ta bảo ông đã làm thất bại Garanđ. Xin hết lời ca ngợi ông.

Môngtexuy không nhận có một chút ảnh hưởng chính trị nào. Ông ta không phải thượng nghị sĩ, không phải hạ nghị sĩ, đến tư vấn tình Oadơ cũng không. Nhìn cả nhà hát qua ống nhòm, ông ta nói:

- Ông nhìn xem, ông Larivie. Ở phía dưới kia kìa, bên phải ấy, có một người đẹp, tóc hung, hai mái tóc rẽ ra hai bên má.

Rồi ông điếm tỉnh ngời xuống, thường thức quyền lực thực sự

Trong lúc đó, trong phòng diễn viên, trong hành lang, trong cả rạp hát, người ta truyền miệng nhau danh sách các bộ trưởng với thái độ gần như đứng đưng: Thủ tướng kiêm Nội vụ: Becchiê Đâyđên; Tư pháp và Lễ nghi: Loayê; Tài chính: Mactanh-Benlem. Người ta đều biết họ, trừ các bộ trưởng Thương mại, Chiến tranh và Hải quân chưa được chỉ định.

Màn sân khấu kéo lên với cảnh Tiểu thần Bacuyx. Sinh viên hát bài hợp xướng thứ hai. Bà Mactanh xuất hiện trong ghế lô, tóc búi cao, hai ống tay áo dài màu trắng rộng như hai cánh chim và bên ngực phía trái, trên tấm áo len, lấp lánh một bông huệ lớn bằng hồng ngọc.

Ben bận áo dài nhung xanh, ngồi cạnh nàng. Đính ước với hoàng thân Oxbiô Anbectinen Đenla Xpina, cô ta đến Pari may sắm đồ cưới.

Trong cảnh ồn ào náo động của buổi chợ phiên trên sân khấu, Ben bảo nàng:

- Darling, một người bạn của cô ở Phiơrăngx vẫn trân trọng giữ kỷ niệm êm đềm về cô. Giáo sư Arighi ấy mà. Ông ta dành cho cô lời ca ngợi đẹp đẽ nhất trên đời: ông nói cô là một con người tuyệt mỹ. Nhưng giáo sư Arighi không nghĩ tới cô sao được trong khi rặng diên ma trong vườn cũng không quên được cô? Cô vắng mặt khiến hoa lá tàn héo và cây cối âu sầu. Ô! Chúng luyện tiếc cô đấy, darling ạ.

- Cô hãy nói với chúng – Têredơ đáp – là từ Phidơn tôi mang theo về một kỷ niệm mà tôi muốn giữ mãi trong lòng.

Ngồi trong cùng lô, Mactanh-Benlem khẽ nói ý nghĩ của mình với Giôdep Xpringiơ và Duyvickê: “Chữ ký của nước Pháp là chữ ký quan trọng bậc nhất trên thế giới”. Rồi lại nói tiếp: “Trả dần nợ bằng thặng dư, chứ không phải bằng thuế khóa”. Ông ta thiên về một thái độ thận trọng trong vấn đề tài chính.

- Ô! Darling – Ben nói – tôi sẽ nói với rặng diên ma ở Phidơn là cô luyện tiếc chúng, chẳng bao lâu nữa cô sẽ trở lại thăm chúng trên đời. Nhưng tôi xin hỏi cô ở Pari cô có gặp Đơsactơ không. Tôi rất muốn gặp ông ấy. Ông ấy có tâm hồn thanh nhã. Ô! Darling. Tâm hồn Đơsactơ thật dễ thương và thanh nhã.

Têredơ đáp chắc hẳn Đơsactơ có mặt trong nhà hát và thế nào cũng sẽ tới chào hỏi Ben.

- Màn sân khấu bỏ xuống trong điệu vanxơ với những bộ trang phục sắc sỡ. Khán giả chen chúc trong hành lang; các nhà tài chính, các nghệ sĩ, các nghị viên đứng tùm tùm một lát trong phòng khách nhỏ sát cạnh các lô. Họ vây quanh Mactanh-Benlem, chúc tụng, giơ cao tay làm những cử chỉ duyên dáng và chen chúc nhau đến bắt tay ông ta. Giôdep Sơmôn mắt mù, tai điếc, vừa ho vừa than vãn, mò mẫm giữa đám đông mà ông khinh miệt và bước tới cạnh bà Mactanh, cầm tay nàng và vừa hỗn hển vừa đặt những cái hôn ồn ã.

- Người ta bảo chồng bà được cử làm bộ trưởng. Có đúng thế không?

Nàng biết người ta nói như vậy nhưng nàng nghĩ chưa có gì chắc chắn cả. Và chẳng, anh đang có mặt ở đây, Sơmôn có thể hỏi anh ấy.

Nhạy cảm với sự thật hiển nhiên, ông ta nói:

- A! Chồng bà chưa là bộ trưởng sao? Khi nào ông ấy được bổ nhiệm, tôi xin được gặp bà một lát về một công việc hết sức quan trọng.

Rồi ông lặng im, cặp kính gọng vàng che giấu đôi mắt mù lòa của con người ảo mộng, đôi mắt khiến ông sống trong một thứ tâm trạng huyền bí mặc dù bản chất là một người chính xác đến thô bạo.

- Vừa rồi bà có sang Ý, phải không thưa bà?

Và không để nàng có thì giờ trả lời, ông nói tiếp:

- Tôi biết, tôi biết. Bà đã đi La Mã, đã nhìn thấy cái cung của Tituyx^[141] ô nhục, bức tượng đài góm guốc bằng cẩm thạch với cây đèn sáp bảy ngọn giữa đồng thi hài người Do Thái. Vâng, thưa bà, tôi xin nói quả là một sự nhục nhã

cho loài người khi cái di tích ấy vẫn trơ trơ giữa thành phố La Mã, nơi mà các giáo hoàng chỉ sống sót được nhờ nghệ thuật của người Do Thái làm nghề vàng bạc và hối đoái. Người Do Thái đã mang khoa học của Hy Lạp và của phương Đông đến Ý. Thừa bà, Phục hưng là sự nghiệp Ixraen. Đây là một chân lý không được thừa nhận tuy hiển nhiên...

Rồi ông đi qua đám khán giả, chân đạp rào rào lên những chiếc mũ. Từ dãy ghế lô, quận chúa Xoniavia giương ống nhòm lên nhìn Têredơ; bất chợt nàng có cái lối tò mò như vậy đối với nhan sắc phái mình. Nàng nói với Pôn Venx ngồi bên cạnh:

- Ông có thấy năm nay bà Mactanh đẹp một cách kỳ lạ không?

Trong phòng giải lao của nhà hát chói chang ánh sáng và vàng bạc, tướng Đơ La Brisơ hỏi Larivie:

- Ông có thấy cậu cháu họ tôi không?

- Cháu họ ông? Lơ Mênin ấy à?

- Vâng, Rôbe ấy mà. Lúc nãy cậu ta vừa ở trong nh hát.

La Brisơ trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Mùa hè vừa qua, tôi gặp anh chàng ở Xê măngvin. Tôi thấy hẳn kỳ cục, đăm chiêu. Quả là một chàng trai dễ thương, thông minh, thật như đếm. Nhưng hẳn cầu có một công việc, một mục đích trong đời sống.

Chuông đã báo hiệu hết giờ nghỉ được một lúc. Trong phòng giải lao, hai ông già đi đi lại lại. La Brisơ, cao gầy, gù lưng nhắc lại:

- Một mục đích trong đời sống.

Larivie lạnh lẽo, trẻ trung bỏ đi vào trong rạp.

Trên sân khấu Macgorit^[142] ngồi kéo sợi và hát sau lùm cây. Khi nàng hát xong, Ben nói với bà Mactanh:

- Ô! Darling, ông Sulet viết cho tôi một lá thư hết sức thú vị. Ông ta báo cho tôi là ông ta rất nổi tiếng. Và tôi rất mừng được biết điều đó, ông ta cũng bảo tôi: “Niềm vinh quang của các nhà thơ khác dựa trên hương thơm và hoa lá, còn của tôi thì chảy máu và rên rỉ dưới những trận mưa đá và vỏ sò. “My love, có phải là người Pháp báng bổ ông Sulet tốt bụng không?

Têredơ nói cho Ben yên tâm. Bỗng Loayê, vẻ kiêu mãn, gọi mở cửa dãy ghế lô.

- Tôi từ điện Êlidor về đây.

Trước hết ông ta lịch sự báo tin cho bà Mactanh:

- Sắc lệnh ký rồi. Ông nhà giữ bộ Tài chính. Một bộ ra trò đấy.

- Tổng thống không có ý kiến gì khi nghe đọc tên tôi à? – Mactanh-Benlem hỏi.

- Không. Becchiê trình bày với tổng thống truyền thống liêm khiết của dòng họ Mactanh, tình hình tài sản của ông, và nhất là những mối quan hệ giữa ng với một số nhân vật trong giới tài chính, mà sự giúp đỡ có thể có lợi cho chính phủ. Và tổng thống – theo lời Garan nói lại – đã căn cứ vào yêu cầu của tình thế. Ngài đã ký sắc lệnh.

Trên khuôn mặt vàng ệch của bá tước Mactanh thoáng gợn hai ba nếp nhăn. Ông ta mỉm cười.

- Ngày mai, sắc lệnh sẽ được đăng Công báo. – Loayê nói tiếp – Bản thân tôi cùng đi xe ngựa với ông tùy viên văn phòng khi ông ta mang sắc lệnh đi in. Như vậy chắc chắn hơn. Thời Grêvy^[143], nhiều sắc lệnh đã bị tước đoạt trên đoạn đường từ điện Êlidor đến đường Vôn-te, tuy ông ta không phải là kẻ ngu ngốc.

Và Loayê ngồi vào ghế, thưởng thức bằng mắt và bằng mũi đôi vai trần của bà Mactanh.

- Ngày nay, người ta không còn nói – như ở thời kỳ ông bạn Gambetta^[144] tội nghiệp của tôi – là Chính phủ cộng hòa thiếu đàn bà. Bà sẽ tổ chức những ngày hội huy hoàng trong các phòng khách của nội các, thưa bà.

Trên sân khấu, Macgơrit đeo vòng c và hoa tai, vừa soi gương vừa hát một điệu hát du dương.

- Lần soạn thảo bản tuyên bố, – bá tước Mactanh lên tiếng – tôi đã nghĩ tới việc đó. Còn đối với bộ của tôi thì tôi nghĩ là tôi đã tìm ra công thức:

“Trả nợ dân bằng thặng dư, chứ không phải bằng thuế khóa”.

Loayê nhún vai.

- Ông bạn Mactanh thân mến, chúng ta không có gì phải thay đổi văn bản lời tuyên bố của nội các trước: tình hình vẫn như cũ thôi.

Rồi ông vỗ vỗ trán.

- Chết chửa! Tôi quên. Chúng tôi đã cử Larivie, ông bạn già của ông, giữ bộ Chiến tranh mà không hỏi ý kiến ông ta. Tôi được giao trách nhiệm báo tin.

Loayê định đi tìm Larivie ở tiệm cà phê ngoài phố, mọi giới quân nhân thường lui tới. Nhưng bá tước Mactanh biết Larivie đang ở trong nhà hát.

- Phải đi gặp Larivie thôi. – Loayê bảo.

Và chào Têredơ, ông ta nói với nàng:

- Nữ bá tước cho phép tôi đi cùng ông nhà chứ?

Hai người vừa ra khỏi thì Giắc Đơsactơ và Pôn Venx bước vào:

- Tôi xin chúc mừng bà, thưa bà – Pôn Venx lên tiếng.

Nhưng nàng quay về phía Đơsactơ:

- Tôi mong ông không đến chúc tôi, ông...

Pôn Venx hỏi nàng sau này có đến ở trong khu nhà bộ Tài chính không

- Ồ! Không, cái đó thì không!

- Ít ra bà cũng sẽ đến dự các buổi vũ hội ở điện Êlidơ và ở các bộ chứ. – Pôn Venx nói tiếp – Chúng tôi vẫn sẽ được chiêm ngưỡng nghệ thuật quyến rũ thắm kín của bà và bà cũng vẫn là con người được người ta mơ tưởng chứ, thưa bà?

- Thưa ông Venx, những sự thay đổi nội các khiến ông có những suy nghĩ thật phù phiếm.

- Thưa bà, – Pôn Venx đáp – tôi sẽ không nói như Rơ năng^[145], người thầy yêu quý của tôi: “Cái đó có quan hệ gì đến sao Thiên lang?” Bởi vì người ta sẽ trả lời tôi một cách hợp lý là: “Ngôi Thiên lang khổng lồ có quan hệ gì đến trái đất

bé bông?” Nhưng tôi luôn luôn có phần kinh ngạc thấy người lớn và thậm chí cả người già nữa bị ảo ảnh của quyền lực phỉnh phờ. Như thể đói khát, ái ân và chết chóc, mọi cái tất yếu thấp hèn hay cao cả của cuộc sống không có sức sai khiến tối thượng đối với bàn dân thiên hạ, nên những kẻ cầm cân nảy mực trên đời này vẫn có quyền làm mưa làm gió. Và điều còn “kỳ diệu” hơn là các dân tộc lại còn tin là ngoài cảnh nghèo khổ, những dực vọng và sự khốn nạn của chính mình, họ còn những “vị quốc trưởng, bộ trưởng” khác nữa kia. Khôn ngoan thay kẻ đã nói: “Hãy đem sự mỉa mai và lòng trắc ẩn làm nhân chứng lẫn quan tòa cho loài người!”

- Nhưng – bà Mactanh vừa cười vừa nói – thưa ông Ven xx, chính ông là người viết cái đó. Tôi đã đọc sách của ông mà.

Trong lúc đó, bá tước Mactanh và Loayê đi khắp nhà hát và các hành lang vẫn không tìm thấy Larivie. Theo lời những cô gái dẫn chỗ, họ đi vào hậu trường và vượt qua các phòng màn nâng lên hạ xuống, bước vào phòng khiêu vũ giữa đám diễn viên đóng vai những cô gái Đức bận váy đỏ, những mũ phù thủy, những con quái vật, những kỹ nữ thời cổ đại. Trang trí bằng những tranh ảnh tượng trưng, căn phòng vắng vẻ, rộng thênh thang, có vẻ trang nghiêm như những cơ quan nhà nước hay những tổ chức của kẻ quyền quý.

Hai vũ nữ đứng bất động, một chân đặt lên thanh g chạy dọc tường. Lác đác, đàn ông mặc áo đen và đàn bà bận váy phồng ngắn hợp thành những nhóm nhỏ im lặng.

Loayê và Mactanh – Benlem ngả mũ chào. Ở phía cuối phòng, họ thấy Larivie ngồi với một cô gái đẹp, áo chên màu hồng chẻ ở hai bên hông để lộ quần nịt bên trong và thắt lưng màu vàng.

Cô gái cầm ở tay một cái giải thưởng bằng cactông mạ vàng. Bước lại gần, hai người nghe cô ta nói với Larivie:

- Ông già rồi nhưng tôi tin chắc ít ra ông cũng không thua kém hẳn.

Cô ta khinh khỉnh giơ tay chỉ một chàng trai đứng gần đấy đang cười khẩy, trên khuy áo cài một bông hoa dành dành.

Loayê ra hiệu cho Larivie muốn nói chuyện với ông ta, và bảo, sau khi hai người đến gần thanh gổ dọc áp tường:

- Tôi vui mừng báo tin là ông được cử làm bộ trưởng Chiến tranh.

Larivie ngờ vực không trả lời. Ông ta khó có thể tin cậy một kẻ ăn mặc lôi thôi, tóc để dài, có vẻ một tay làm trò ảo thuật ở tiệm cà phê trong chiếc áo ngắn lưng thụng và bụi bặm như thế. Hẳn có thể giương một cái bẫy, cũng có thể làm một trò đùa tai quái.

- Ông Loayê, bộ trưởng Tư pháp. – Bá tước Mactanh bèn giới thiệu.

Loayê là vẻ sốt sắng:

- Tướng quân không thể lảng tránh được đâu. Tôi đã bảo đảm là ông sẽ nhận lời. Nếu ông lưỡng lự thì có thể để cho Garan quay trở lại tấn công đấy. Hẳn là một kẻ phản phúc.

- ông bạn đồng nghiệp thân mến, ông cường điệu đấy. – Bá tước Mactanh xen vào – Có lẽ Garan chỉ không thành thực chút đỉnh thôi. Và ông Larivie cần nhận lời ngay.

- Tổ quốc trước hết. – Larivie ấp úng vì xúc động.

- Tướng quân biết rồi đấy. – Loayê nói tiếp – Thi hành các đạo luật hiện hành với một sự ôn hòa bất di bất dịch. Ông chớ vượt ra ngoài giới hạn đó.

Ông ta đăm đăm nhìn hai vũ nữ đặt cặp đùi lực lưỡng trên thanh gỗ dọc.

Larivie thì thầm:

- Tinh thần quân đội rất tốt!... Ý chí của người chỉ huy ngang tầm những tình huống nguy kịch nhất...

Loayê vỗ vai ông ta:

- Những đội quân hùng vĩ bao giờ cũng tốt, ông bạn đồng nghiệp thân mến ạ.

- Tôi đồng ý với ông. – Larivie đáp – Quân đội hiện nay đáp ứng được những yêu cầu tối cao của quốc phòng.

- Những đội quân hùng vĩ – Loayê đáp – Quân đội hiện nay đáp ứng được những yêu cầu tối cao của quốc phòng.

- Những đội quân hùng vĩ – Loayê nói tiếp – có mặt tốt ở chỗ ngăn chặn không để xảy ra chiến tranh. Có điên mới đưa vào chiến tranh những lực lượng vô tận mà việc sử dụng vượt lên mọi khả năng của con người. Ý kiến tướng quân quả là như vậy chứ?

Tướng Larivie nháy mắt:

- Tình thế đòi hỏi phải hết sức thận trọng. Chúng ta đứng trước một kẻ địch đáng gờm mà ta chưa nắm được.

Nhìn ông bạn bộ trưởng Chiến tranh với chút khinh thị. Loayê đáp:

- Trong trường hợp xảy ra một cuộc chiến tranh – rất khó có thể xảy ra – ông có nghĩ rằng những vị tướng thực sự sẽ như là những viên trường ga không,

ông bạn đồng nghiệp thân mến?

Ba ngài bộ trưởng bước xuống tam cấp. Ngài thủ tướng chờ họ ở nhà riêng.

Trên sân khấu bắt đầu màn cuối. Trong dãy ghế lô, bên cạnh bà Mactanh chỉ còn ĐơsactơBen nói với nàng:

- Darling, tôi vui mừng, tiếng Pháp thì nói thế nào nhỉ? À, tôi hết sẽ xúc động khi nghĩ là cô mang trên ngực bông huệ đỏ của Phiơrăngx. Và Đơsactơ với tâm hồn nghệ sĩ chắc hẳn sung sướng thấy vật bán dễ thương này cài trên áo cô. Ồ! Tôi rất muốn biết người thợ kim hoàn, tác giả của nó, darling ạ! Bông huệ này mảnh mai, uyển chuyển như một bông diên vĩ. Ồ! Nó duyên dáng, lộng lẫy và trông dễ sợ. My love, cô có chú ý là những châu báu quý giá đều có vẻ dễ sợ một cách lộng lẫy không?

- Người thợ kim hoàn của tôi ấy à? – Têredơ nói – Ông ấy đang ở đây, và đã được cô gọi tên ra: chính là ông Đơsactơ, người đã vui lòng vẽ vật trang sức này.

Cửa dãy ghế lô bỗng mở, Têredơ hơi quay đầu lại. Trong bóng tối, Lơ Mênin chào nàng.

- Thưa bà, tôi nhờ bà chuyển những lời chúc mừng của tôi tới ông nhà.

Giọng đượm chút lạnh lùng, anh khen khí sắc của nàng và nói mấy lời lịch sự và đứng đắn với Ben.

Vẻ lo âu, miệng hé mở, Têredơ nghe anh nói, cố gắng một cách vất vả trả lời những điều vô nghĩa. Anh hỏi nàng vừa qua có sống những ngày thú vị ở Gioăngvin không. Lúc đó, anh rất muốn đến Giongăngvin trong mùa săn bắn. Nhưng anh không đến được vì anh lên đênh trên Địa Trung Hải, và sau đi săn ở Xê măngvin.

- Ô! Ông Lơ Mênin, – Ben nói – ông đã lênh đênh trên mặt biển xanh. Ông có gặp người cá không?

- Không, anh không gặp người cá; nhưng trong ba ngày liền, một con cá heo bơi theo sau thuyền.

Ben hỏi con cá heo ấy có thích âm nhạc không.

Anh cho là không.

- Cá heo – anh nói – chỉ là những con cá nhà táng nhỏ mà giới thủy thủ gọi là ngỗng biển vì hình thù cái đầu hơi giống đầu ngỗng.

Nhưng Ben không con quái vật đã từng đưa nhà thơ Ariông đến mỏm Tênarô^[146] lại có cái đầu giống như đầu ngỗng.

- Thưa ông Lơ Mênin, nếu năm tới vẫn có con cá heo bơi theo tàu thì xin ông thổi sáo bài thánh ca dâng Apôlông ở Đenphơ^[147]. Ông có yêu biển không, ông Lơ Mênin?

- Tôi thích rừng hơn.

- Ô! Thưa ông Lơ Mênin, tôi biết ông rất yêu những cánh rừng và những khu rừng thưa trong đó những chú thỏ con nhảy múa dưới ánh trăng.

Đơsactơ mặt tái nhợt đứng dậy ra ngoài.

Sân khấu đang diễn cảnh trong nhà thờ, Macgơrit quỳ gối, hai tay xoắn vào nhau, dần nghiêng theo những lọn tóc dài màu hung thẫm, tiếng đàn oocgơ và dàn đồng ca cất lên bài ca tụng người chết:

Khi từ Thượng đế phát ra

Hào quang lấp lánh, chói lòa trên không

Cây thánh giá sáng bừng chấp chới

Ấy là khi thế giới tiêu vong.

- Ô! Darling, cô có biết bài tụng ca người chết mà người ta hát trong nhà thờ Cơ đốc giáo ấy bắt nguồn từ một ẩn sĩ dòng thánh Phranxit không? Nó vang vọng tiếng gió mùa đông thổi vào những cây thông rụng lá trên đỉnh Anvecơ đấy.

Têredơ không nghe thấy. Tâm trí nàng bị hút theo cánh cửa ra vào dãy ghế lô.

Trong phòng khách, có tiếng đụng ghế bành. Sơmôn trở lại. Ông vừa nghe tin Mactanh-Benlem được cử làm bộ trưởng, ngay lập tức ông đòi bắc đầu bội tinh và một căn nhà rộng hơn ở Viện hàng lâm. Căn phòng của ông tối tăm, chật chội không đủ cả vợ và năm cô con gái. Ông phải đặt phòng làm việc trên gác xép. Ông không bớt than vãn và chỉ chịu bước ra sau khi bà Mactanh hứa sẽ can thiệp giúp ông.

- Ông Lơ Mênin, – Ben hỏi – năm tới, ông có đi biển không?

Lơ Mênin cho là không. Anh không muốn giữ lại con tàu Rôđơbuyt. Biển cả buồn bã lắm.

Và điểm tĩnh, kiên nghị, bướng bỉnh, anh nhìn Têredơ.

Trên sân khấu, trong nhà giam Macgơrit, Mêphixtô-phêlex^[148] cất lời ca: “Mặt trời đã sáng” và dàn nhạc bắt chước tiếng ngựa phi khủng khiếp. Têredơ

thăm thì:

- Tôi đau đầu, ở đây đến chết ngạt mất.

Lơ Mênin bước ra mở hé cửa.

Tiếng hát trong suốt của Macgơrit kêu gọi các thiên thần bay vút lên không trung.

- Darling, tôi muốn nói với cô điều này: cô bé Macgơrit tội nghiệp kia không muốn được cứu vớt về mặt thể xác, và vì vậy, được cứu vớt về tinh thần và chân lý. Tôi tin một điều, darling ạ, tôi tin chắc là tất cả chúng ta rồi sẽ được cứu vớt.Ồ! Đúng thế, tôi tin là rốt cuộc những người phạm tội sẽ được rửa tội.

Têredơ đứng dậy, mảnh khảnh, xanh xao, bông hoa đỏ rực như máu trên ngực. Ben im lặng nghe nhạc. Trong phòng khách, Lơ Mênin cầm áo măng tô của bà Mactanh. Trong lúc anh chẳng áo ra thì nàng bước qua dãy ghế lô, và phòng khách và dừng lại trước tấm gương bên cạnh cánh cửa hé mở. Anh lướt tay qua đôi vai trần và khoác cho nàng tấm áo khoác rộng bằng nhung đỏ thêu kim tuyến lót lông chồn, và nói rất nhỏ với một giọng sắc gọn, rành rọt:

- Têredơ, tôi yêu cô. Cô hãy nhớ lại điều tôi yêu cầu cô hôm trước. Ngày nào cũng vậy, từ ba giờ, tôi có mặt ở căn phòng của chúng ta, đường Xpôngtini.

Vào lúc đó, khi nghiêng đầu để xốc lại măng tô, nàng nhìn thấy Đơsactơ đặt tay lên nắm cửa. Anh đã nghe thấy. Anh nhìn nàng với tất cả sự trách móc và nỗi đau đớn có thể chịu đựng trong ánh mắt. Rồi anh đi khuất vào bóng tối hành lang. Nàng cảm thấy tâm can như bốc cháy và đứng sững trên ngưỡng cửa.

- Con chờ bố à? – Môngtexxuy bước tới hỏi nàng. – Hôm nay con thật cô đơn, bố sẽ đưa con và Ben về.

XXXIII

Ngồi trong xe ngựa và sau đó vào phòng, nàng nhớ lại ánh mắt người yêu, một ánh mắt dữ dằn và đau khổ. Nàng biết tính chàng vốn dễ thất vọng, dễ chán nản. Nàng đã từng thấy chàng bỏ trốn trên bờ sông Acuô. Lúc đó vừa sung sướng nhưng vừa buồn bã, kinh hoàng, nàng đã chạy theo kêu chàng: “Anh tới đây!” Cả lần này nữa, bị vây bọc, bị theo dõi, nhẽ ra nàng phải tìm cách nói được một điều gì đó và không để chàng bỏ đi âm thầm, buồn nản. Nhưng nàng đã sững sờ, xót xa. Sự việc xảy ra quá phi lý, quá bất ngờ. Nàng cảm thấy hết sức xa cách Lơ Mênin nên không nghĩ đến chuyện giận dữ anh, và nàng gạt anh ra khỏi tâm tưởng. Chính nàng tự oán trách bản thân mình đã để người yêu bỏ đi, không nói với chàng một lời, không có với chàng một ánh mắt chứa đựng nỗi lòng mình.

Pôlia chờ thay quần áo cho nàng nhưng nàng bực bội đi lui đi tới. Rồi bỗng dừng lại đột ngột. Trong tấm gương đặt trong bóng tối còn le lói mấy ngọn nến, nàng nhớ lại hành lang nhà hát và hình ảnh người yêu bỏ đi không trở lại.

Bây giờ, chàng ở đâu? Một mình, chàng nghĩ ngợi ra sao? Nàng hết sức đau khổ không sao gặp lại chàng ngay tức khắc.

Nàng đặt mãi hai bàn tay lên ngực, nghẹn ngào.

Pôlia thốt lên một tiếng kêu nhỏ, khi thấy mấy giọt máu trên tấm áo trắng của Têredơ. Nàng làm rách xước bàn tay vì đụng phải nhị bông huệ đỏ mà không hề biết.

Nàng gỡ viên ngọc quý tượng trưng mà nàng vốn mang trước mặt mọi người như là nỗi niềm thầm kín dữ dội của con tim mình, và cầm nó trên tay, ngắm nghía nó mãi. Thế là nàng nhớ lại những ngày ở Phiô-răng-x, nhớ lại căn phòng

ở Xan Macô, nơi người yêu khẽ hôn lên môi nàng, trong lúc qua hàng mi lim dim, nàng mơ màng nhìn thấy các thiên thần và bầu trời xanh vẽ trên tường, nhìn thấy bình nước sáng chói của người hàng ren trên tấm thảm đỏ. Nàng nhớ lại tòa lâu đài ở Anphiêri với tượng đài các nữ thủy thần và những con đê đá: nhớ lại căn phòng nàng đắm đuối trong những tiếng kêu hoan lạc và những phút im lặng kéo dài giữa những tấm màn gió vẽ hình người.

Không, tất cả cái đó không phải là hình bóng của quá khứ, không phải là bóng ma của những giờ phút đã qua, mà chính là thực tại tình yêu của nàng. Thế mà chỉ một câu nói của một kẻ xa lạ thốt ra một cách ngu ngốc đã phá tan những điều đẹp đẽ ấy! Nhưng may thay, không thể như thế được. Tình yêu của nàng, người yêu của nàng không tùy thuộc vào một sự khốn kiếp như thế. Giá nàng chạy đến được với chàng như nàng đang đứng đây, trong đêm tối, áo xiêm trẻ tràng thế này, và bước vào phòng chàng... Chắc hẳn nàng sẽ thấy chàng ngồi trước lò sưởi, hai tay chống gối, buồn bã ôm lấy đầu. Lúc đó, luôn ngón tay vào mái tóc người yêu, nàng sẽ buộc chàng ngẩng đầu lên để thấy rõ nàng yêu chàng, nàng là của chàng, là kho báu, niềm vui và tình yêu sống động của chàng.

Nàng cho cô gái hầu phòng trở ra. Nằm trên giường trong lúc đèn sáng, nàng trầm trọc với một ý nghĩ duy nhất.

Việc xảy ra chỉ là một sự tình cờ, một sự tình cờ phi lý. Chắc chàng sẽ hiểu là sự việc ngu ngốc ấy không dính dáng tới tình yêu của họ. Chàng mà phải lo sợ một kẻ khác thì thật là điên cuồng! Làm như thế đối với nàng còn có những người đàn ông khác trên đời!

Mactanh-Benlem hé mở cửa phòng. Thấy đèn sáng, anh bước vào.

- Cô không ngủ hay sao, Têredơ?

Anh vừa mới hội kiến với các bạn đồng nghiệp ở nhfa Becchiê Đâyđen. Anh muốn hỏi ý kiến vợ – mà anh biết là người thông minh – về một vài điểm. Nhất là anh muốn nghe những lời nói chân thành.

- Thế là xong. – Anh nói – Tôi ở trong một hoàn cảnh người ta thêm muốn, nhưng cũng rất khó khăn và thậm chí hiểm nghèo nữa. Tôi chịu ơn cô một phần bởi nhờ có ảnh hưởng to lớn của ông cụ. Tôi tin chắc là trong hoàn cảnh này, cô sẽ giúp tôi.

Anh nài về việc chọn một viên chánh văn phòng.

Nàng cố gắng bàn bạc với anh. Nàng thấy anh biết điều, điềm tĩnh và không đại dốt hơn những kẻ khác.

Anh trầm ngâm suy nghĩ:

- Tôi phải bảo vệ trước Thượng viện ngân sách đã được Hạ viện thông qua. Ngân sách này có những sự đổi mới mà tôi không tán thành. Là hạ nghị sĩ, tôi đã từng phản đối. Nhưng nay là bộ trưởng, tôi phải ủng hộ. Tôi nhìn sự vật qua bề ngoài của chúng. Nếu nhìn từ bên trong thì chúng thay hình đổi dạng. Và chẳng, tôi đâu có tự do.

Anh thở dài:

- A! Giá người ta biết là chúng tôi không thể làm được bao nhiêu khi chúng tôi cầm quyền!

Anh thổ lộ tâm trạng với nàng. Becchiê thì giữ mình. Những người khác thì kín như bưng. Chỉ riêng Loayê là tỏ ra cực kỳ độc đoán.

Nàng nghe anh nói, không chú ý nhưng cũng không sốt ruột. Với nàng, khuôn mặt và giọng nói nhẹ nhàng của anh điểm những giây phút chậm rãi trôi

qua như một chiếc đồng hồ.

- Loayê có những phút hung hăng kỳ cục. Và như thế đúng vào lúc ông ta tuyên bố triệt để hợp tác với Giáo hội: “Giám mục – ông ta nói – là những vị tinh trưởng về tinh thần. Tôi sẽ bênh vực họ vì họ thuộc về tôi. Và qua họ tôi sẽ nắm đấm “tuần phiên về linh hồn” là các linh mục.”

Anh nhắc lại với nàng là nàng sẽ có mặt trong một thế giới không phải là thế giới của nàng: chắc hẳn thế giới đó sẽ làm nàng khó chịu về cái tầm thường của nó. Nhưng vị trí của họ buộc họ không được khinh miệt một ai hết. Hơn nữa, anh trông cậy vào sự tinh tế và lòng tận tụy của nàng. Nàng nhìn anh, có phần hoảng hốt.

- Đã có gì cấp bách đâu anh, sau này hẵng hay...

Anh mệt mỏi, rã rời. Anh khuyên nàng nằm nghỉ và chúc nàng ngủ ngon, đứng đọc sách suốt đêm để khỏi hại sức khỏe và đi

Nàng nghe tiếng chân anh bước có phần nặng nề hơn thường ngày, khi anh đi qua phòng làm việc chất đầy tư liệu và báo chí để bước vào buồng riêng. Chắc anh ngủ trong đó. Rồi nàng cảm thấy sức nặng của bầu không khí im lặng trong đêm. Nàng nhìn đồng hồ. Đã một rưỡi.

Nàng nghĩ bụng: “Chàng cũng đau khổ... chàng nhìn mình với ánh mắt thất vọng và giận dữ biết chừng nào!”

Nàng vẫn hoàn toàn dửng dưng cảm và đắm say. Điều làm nàng sốt ruột là bị cầm tù ở đây và như thế tách biệt khỏi mọi người. Sáng sớm mai, trở lại tự do, nàng sẽ đi, sẽ gặp chàng; tê tái, nàng nghe tiếng xe bò lăn bánh, từng quãng một trên đường, tiếng trục xe rít lên, tiếng móng ngựa bịt sắt gõ lộp cộp; tất cả yếu dần đi và cuối cùng chỉ còn là một chút ồn ã mơ hồ.

Đêm trường yên tĩnh trở lại thì nàng cũng trở lại trầm ngâm suy nghĩ.

Chắc hẳn chàng sẽ hiểu nàng yêu chàng, bao giờ cũng chỉ có yêu chàng. Khốn nỗi, đêm trường kéo dài lê thê. Nàng không dám nhìn đồng hồ, sợ thấy thời gian bất động.

Nàng rời khỏi giường, bước tới cửa sổ và cuốn rèm lên. Một vệt sáng yếu ớt trên bầu trời u ám. Nàng nghĩ là trời hửng đông. Nàng nhìn đồng hồ. Ba rưỡi.

Một lần nữa, nàng lại đến bên cửa sổ. Không gian vô tận mờ ảo thu hút nàng. Nàng nhìn đăm đăm. Hè phố lấp lánh dưới những ngọn đèn đường. Mưa phùn âm thầm dưới bầu trời nhợt nhạt. Bỗng trong đêm trường tĩnh mịch nổi lên tiếng người, lúc đầu chói chang rồi về sau trầm đục, ngắt quãng như gồm nhiều giọng nói đối đáp nhau. Một gã say rượu lang thang trên hè phố, vấp phải cây cối, ba hoa tranh cãi với những người đối thoại vô hình, hoa chân múa tay, hùng hù hổ hù. Têrêdơ nhìn thấy, dọc bao lơn trên bờ sông, gã say rượu tội nghiệp lùng bùng trong chiếc blu trắng như một tấm giẻ rách trước ngọn gió đêm, và từng quãng một, nàng nghe mấy từ lặp đi lặp lại; “Đấy, ta nói cho chính phủ biết như thế đấy!”

Cảm thấy lạnh, nàng lại lên giường. Bỗng nàng kinh hoàng. Nàng nghĩ: “Chàng ghen, ghen một cách điên cuồng. Vấn đề thần kinh và khí huyết. Nhưng tình yêu của chàng cũng là vấn đề khí huyết và thần kinh. Giá một người khác thì sẽ hiểu ra. Chỉ cần thỏa mãn lòng tự ái của chàng”. Nhưng chàng thì lại ghen với một tình dục kỳ quái. Nàng biết như vậy, biết rằng ở chàng, ghen tuông là một sự dày vò cơ thể, một vết thương ngày thêm nghiêm trọng mà những nỗi dẫn vật trong tâm tưởng ngày càng khoét rộng ra. Nàng biết nỗi đau sâu lắng biết chừng nào. Nàng đã từng thấy chàng tái người đi trước bức tượng thánh Mac bằng đồng hun khi nàng chuỗi bức thư vào thùng bưu điện, trong lúc chàng chỉ mới chiêm đoạn nàng trong ham muốn và trong mơ ước.

Nàng nhớ lại những lời than vãn ghen ngào, những cơn buồn đột ngột của chàng sau này, sau những cái hôn đắm thắm; nhớ lại nỗi đau đớn âm thầm trong những lời chàng nhắc đi nhắc lại: “Anh phải quên em trong chính bản thân em”. Nàng nhớ lại bức thư gửi đi Đina, nhớ lại nỗi thất vọng giận dữ của chàng khi nghe một lời nói bâng quơ ở quán rượu. Nàng cảm thấy miếng đòn đã tình cờ đánh vào chỗ nhạy cảm nhất, vào vết thương đang rỉ máu. Nhưng nàng vẫn không nản lòng. Nàng sẽ nói hết, sẽ thú hết, và tất cả những lời thú nhận của nàng sẽ chỉ để khẳng định: “Êm yêu anh, bao giờ em cũng chỉ yêu có một mình anh!”. Nàng không hề phản bội chàng. Nàng sẽ chỉ nói những gì đã đoán biết. Trước đây, nàng chẳng dối trá bao nhiêu, chỉ hết sẽ ít thôi, chỉ để khỏi làm chàng buồn đau thôi. Làm sao chàng lại không hiểu điều đó? Thà chàng biết tất cả còn hơn, vì cái tất cả ấy chẳng là gì hết. Nàng không ngừng hình dung trong đầu những suy nghĩ, nhắc đi nhắc lại những lời lẽ trước sau không hề thay đổi.

Ngọn đèn dầu bốc khói. Nàng đốt nến lên. Đã sáu rưỡi. Thì ra nàng đã ngủ thiếp đi. Nàng chạy lại cửa sổ. Trời mù mịt và đất trời lẫn lộn trong đám sương mù dày đặc. Nàng bỗng nảy ra ý muốn tò mò xem đúng mấy giờ thì mặt trời xuất hiện. Nàng chẳng có một ý niệm nào về cái đó. Nàng chỉ nghĩ là vào tháng chạp, đêm rất dài. Nàng cố gắng nhớ lại, nhưng không tìm thấy. Nàng không hề có ý nghĩ nhìn vào cuốn lịch để quên trên bàn. Tiếng rậm rịch của những tốp thợ, tiếng lọc cọc của những người hàng sữa và hàng rau đập vào tai nàng như những tiếng báo hiệu điềm lạnh. Nàng giật mình trước sự thức giấc đầu tiên ấy của phố phường.

XXXIV

Chín giờ. Trong sân ngôi nhà nhỏ, nàng thấy ông Phuydolê đang quét dưới trời mưa miêng ngậm pip. Bà Phuydolê từ trong nhà gác cổng bước ra. Cả hai ông bà đều có vẻ bối rối. Bà Phuydolê lên tiếng trước ti

- Ông Giắc không có nhà.

Têredơ đứng im lặng. Cầm chổi ở tay Phuydolê bước tới, bàn tay trái trái giấu cái pip ra sau lưng:

- Ông Giắc đi vắng chưa về.

- Tôi chờ ông ấy. – Têredơ đáp.

Bà Phuydolê đưa nàng vào phòng khách và đốt lò sưởi. Củi bốc khói và không cháy. Bà cúi xuống, hai tay chống lên đùi:

- Trời mưa làm củi không nỏ

Bà Mactanh nhỏ nhẹ bảo không cần đốt lửa vì nàng không lạnh.

Nàng soi gương.

Da mặt nàng tái xanh, hai bên má đỏ rực. Cảm thấy hai chân tê buốt, nàng ngồi sát vào lò sưởi. Thấy nàng băn khoăn, bà Phuydolê lựa lời nói:

- Ông Giắc sắp về thôi. Mời bà sưởi cho ấm trong lúc chờ đợi.

Cùng với mưa rơi, ánh sáng buồn bã đổ xuống trần nhà có lắp kính. Dọc tường, tượng nữ thần Kỳ lân, cử chỉ cứng đờ, nước da nhợt nhạt, không còn vẻ diễm lệ giữa đám ky sĩ trong khu rừng đầy hoa lá chim chóc nữa. Têredơ không ngừng lẩm bẩm: “Anh ấy vẫn chưa về”, và nói đi nói lại mãi, nàng không còn biết mình nói gì nữa. Hai mắt cay xè, nàng dăm dăm nhìn ra cửa.

Nàng ngồi như vậy không cử động, không suy nghĩ và cũng không biết ngồi đã bao lâu: có lẽ đã nửa tiếng.

Có tiếng chân bước, cánh cửa hé mở. Anh bước vào. Nàng thấy anh ướt đầm, lấm láp những bùn, ánh mắt sáng sực vì sốt.

Nàng ngược nhìn anh với một ánh mắt chân thành, thẳng thắn đến mức anh phải sững sốt. Nhưng hầu như ngay lập tức, anh nhớ lại tất cả nỗi đau khổ trong tận đáy lòng

Anh nói với nàng:

- Cô còn muốn gì ở tôi nữa? Cô đã gây cho tôi tất cả nỗi đau cô có thể gây cho tôi rồi.

Nỗi mệt mỏi in trên khuôn mặt anh một nét dịu dàng. Nàng thấy thế đâm kinh hoảng.

- Giắc, anh hãy nghe em nói...

Anh ra hiệu cho nàng là anh không có gì phải nghe nàng nói nữa.

- Giắc, anh hãy nghe em nói. Em không hề lừa dối anh.Ồ! Không, em không lừa dối anh. Có thể như thế được không? Có thể...

Anh cắt ngang lời nàng:

- Cô hãy thương tôi. Đừng làm tôi đau khổ thêm nữa. Hãy buông tha tôi, tôi van cô. Nếu cô biết tôi đã sống đêm qua như thế nào thì chắc hẳn cô không thể có can đảm giày vò tôi nữa.

Anh ngồi phịch xuống chiếc tràng kỷ, nơi trước đây sáu tháng, anh đã âu yếm hôn nàng sau tấm mạng.

Suốt đêm qua, anh lang thang dọc sông Xen, đi ngược lên tận bờ trồng đầy dương và liễu. Để khỏi quá đau khổ, anh tưởng tượng ra những trò giải trí. Trên bến cảng Becxy, anh nhìn vầng trăng luồn trong mây. Trong suốt một tiếng, anh nhìn trăng khi tỏ, khi mờ. Rồi anh tỉ mỉ đếm số ô cửa sổ các ngôi nhà. Mưa bắt đầu rơi. Anh đi vào khu chợ, ghé vào quán uống rượu mạnh. Một cô gái phục phịch, mắt lé, bảo anh: “Sao anh buồn bã thế?” Anh ngồi thiếp đi trên một chiếc ghế đá. Mấy phút giây bình yên.

Những hình ảnh trong cái đêm đau đớn ấy lướt qua trước mắt. Anh nói:

- Tôi đã nhớ lại cái đêm ở Acnô. Cô đã làm tiêu tan tất cả niềm vui và cái đẹp của cuộc đời trong lòng tôi.

Anh năn nỉ nàng để anh ngồi một mình. Trong nỗi chán chường, anh hết sức xót thương bản thân mình. Anh chỉ muốn ngủ giá như ng; chứ không phải muốn chết; cái chết làm anh kinh hoàng. Nhưng ngủ và không bao giờ tỉnh giấc nữa. Song anh lại thấy nàng trước mắt mình, vẫn khêu gợi như xưa mặc dù nước da nhợt nhạt và cặp mắt ráo hoảnh đăm đăm về đau đớn. Và giờ đây nàng đang ngờ vực, bí ẩn hơn bao giờ hết. Anh nhìn nàng. Giận hơn tăng theo đau khổ. Với ánh mắt dữ dằn, anh tìm kiếm trên người nàng kỷ niệm về những sự mơ trốn không phải của anh.

Nàng dang tay về phía anh:

- Anh hãy nghe em nói, Giắc.

Anh ra hiệu là nàng không cần nói nữa. Thế nhưng anh lại muốn nghe nàng nói và anh đã bắt đầu nghe nàng nói với tất cả nỗi thèm khát. Anh ghét điều nàng sắp nói, bác bỏ nó ngay từ đầu, nhưng đấy lại chính là điều anh quan tâm hơn hết trên đời. Nàng nói:

- Anh có thể nghĩ là em phản bội anh, là không chỉ sống trong một mình anh và vì một mình anh mà thôi. Nhưng anh không hiểu gì hết cả hay sao? Anh không thấy là nếu người đó là người tình của em thì người ta đã không cần nói với em ở nhà hát, trong dãy ghế lô ấy.Ồ! Không, anh yêu mến của em, em cam đoan với anh là từ khi em có hạnh phúc – và cả giờ đây, bị đau khổ, bị giày vò, em vẫn nói em có hạnh phúc – được biết anh, em hoàn toàn thuộc về anh. Làm sao em có thể thuộc về một người khác? Thật là khủng khiếp, cái điều anh tưởng tượng ra ấy. Em yêu anh, em yêu anh! Em chỉ yêu một mình anh. Bao giờ em cũng chỉ yêu một mình anh.

Anh chậm rãi trả lời, nhấn mạnh từng từ một cách tàn nhẫn.

- “Từ ba giờ, ngày nào anh cũng có mặt ở nhà chúng ta, đường Xpôngtini”. Không phải là một người tình, người tình của cô, nói với cô như vậy sao? Không phải à? Một người lạ, một người không quen biết à?

Nàng đứng vụt dậy, và với vẻ trang nghiêm đến đau đớn, nàng nói:

- Đúng, em đã từng thuộc về anh ấy. Anh biết rõ rồi. Em đã quanh co, đã dối trá, để khỏi làm anh đau đớn, giận hờn. Lúc đó, em thấy anh khắc khoải, âu sầu. Nhưng em có nói dối bao nhiêu đâu và em nói dối vụng về biết chừng nào! Anh biết như vậy rồi mà, anh thường nói với em về quá khứ, thế là một hôm, ở quán rượu, người ta bao quanh... Và anh tưởng tượng ra nhiều hơn sự thật. Em nói dối nhưng em đâu có lừa anh! Giá anh biết đời em chẳng mường

vui! Thế đây! Lúc đó, em chưa biết anh. Em không biết là anh sẽ tới. Em buồn tủi mà.

Nàng quỳ sụp xuống:

- Em có lỗi. Đáng lẽ em phải chờ anh. Nhưng giá anh biết cái đó hoàn toàn không tồn tại, không bao giờ còn tồn tại nữa.

Và với giọng than vãn dịu dàng, âu yếm, nàng nói tiếp:

- Vì sao anh không tới sớm hơn? Vì sao?

Nàng lết lại cạnh anh, muốn cầm lấy tay anh, ôm lấy gối anh. Anh đẩy nàng ra.

- Tôi là đứa ngốc. Tôi không tin. Tôi không biết. Tôi không muốn biết.

Anh bật đứng dậy và, trong cơn giận dữ:

- Tôi không muốn, tôi không muốn kẻ đó là hắn.

Nàng ngồi vào chỗ anh vừa đứng dậy, và thấp giọng rên rỉ, nàng giảng giải chuyện quá khứ. Lúc bấy giờ nàng bị ném một thân một mình ra thế giới tầm thường đến kinh khủng. Mọi việc đã an bài và nàng đã nhượng bộ. Nhưng ngay sau đó nàng hối tiếc. Ô! Giá anh biết đời nàng buồn tẻ xiết bao! Chắc hẳn anh sẽ không ghen tuông, anh sẽ thương xót nàng.

Nàng lắc đầu và qua những mớ tóc xõa tung, nhìn anh và nói.

- Nhưng đây là em nói với anh về một người đàn bà khác. Em không có chút gì giống người đó cả. Em, em chỉ tồn tại từ khi biết anh, từ khi thuộc về anh.

Anh bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. Bước chân giậm dừ, cuồng dại, giống như lúc nãy anh bước đi trên bờ sông Xen. Anh bật lên một tiếng cười đau đớn:

- Đúng, nhưng trong lúc cô yêu tôi thì người đàn bà kia, người đàn bà không phải cô, thế nào?

Nàng nhìn a phần nộ:

- Anh có thể nghĩ...

- Thế cô không gặp hẳn ở Phlôrăngx, cô không tiễn hẳn ra ga?

Nàng kể hết sự tình với anh: Người kia tới tìm nàng ở Ý, nàng gặp và đoạn tuyệt với anh ta, anh ta giậm dừ ra đi, và từ đó tìm cách chinh phục lại nàng, nhưng nàng không mảy may lưu tâm.

- Anh ơi, trên đời em chỉ thấy, chỉ biết có một mình anh.

Anh lắc đầu:

- Tôi không tin cô.

Nàng phản kháng:

- Em đã nói hết với anh. Anh hãy lên án em, kết tội em, nhưng chớ xúc phạm tình yêu của em đối với anh. Em cấm anh điều đó.

Anh lấy bàn tay trái che mắt.

- Cô hãy buông tha tôi. Cô đã làm tôi đau khổ quá nhiều. Tôi yêu cô tới mức tất cả những nỗi đau khổ cô có thể gây ra cho tôi, tôi đều nhận lấy, đều giữ gìn,

mến yêu; nhưng nỗi đau khổ này thì thật khủng khiếp. Tôi căm thù nó. Cô hãy buông tha tôi, tôi đau khổ quá rồi. Vĩnh biệt!

Nàng đứng thẳng dậy, hai bàn chân nhỏ nhắn bám chắc tấm thảm:

- Em đã đến đây. Em đấu tranh cho hạnh phúc, cho cuộc sống của em. Em là đứa kiên quyết đến cùng, anh biết rồi đấy, Em không đi khỏi đây đâu.

Và nàng nói lại tất cả những điều nàng đã nói. Dữ dằn, chân thật và vững tin vào mình, nàng giảng giải nàng đã cắt đứt như thế nào sợi dây vốn đã kết thúc từ ngày nàng hiến thân trong lâu đài Anphiêri, nàng đã chỉ là của anh như thế nào, dĩ nhiên là nàng không ân hận, không một ánh mắt, một ý nghĩ sai lạc. Nhưng trong khi nói về một người khác, nàng làm cho anh khó chịu. Và anh thét lên

- Tôi không tin cô!

Thế là nàng lại bắt đầu nói lại những lời nàng đã nói.

Và bỗng nhiên, một cách bản năng, nàng nhìn đồng hồ:

- Lạy Chúa, mười hai giờ trưa rồi.

Đã nhiều lần, nàng kêu lên tiếng kêu hốt hoảng ấy khi đến giờ họ phải chia tay. Và Giắc giật nảy mình khi nghe câu nói quen thuộc ấy nhưng lần này biết bao xót xa và tuyệt vọng. Nàng vẫn nói những lời sôi nổi và dầm nước mắt trong mấy phút nữa. Nhưng rồi đến lúc nàng phải ra về; nàng không thu được mảy may kết quả.

Về đến nhà, nàng thấy mấy bà bán hàng ngồi chờ trong tiền sảnh để tặng hoa. Nàng sức nhớ chồng mình làm bộ trưởng. Người ta gửi cho nàng từng tập điện

tín, danh thiếp và thư từ, những lời chúc tụng, những điều thỉnh cầu. Bà Macmê viết thư nhờ nàng tiến cử người cháu với tướng Larivie.

Nàng bước vào phòng ăn và rũ rượi ngồi phịch xuống ghế. Mactanh-Benlem vừa ăn trưa xong. Người ta đang chờ anh vừa ở hội đồng nội các vừa ở nhà ông bộ trưởng Tài chính mới từ chức mà anh phải đến thăm xã giao. Thái độ khúm núm khôn khéo của đám nhân viên làm anh hãnh diện nhưng đồng thời cũng làm anh lo lắng, mệt mỏi.

- Em nhớ đến thăm bà Becchiê Đâyđen. Em biết là bà ấy dễ phật ý lắm đấy.

Nàng lặng im. Trong lúc trụng những nhón tay vàng khè vào chiếc bát pha lê, anh ngẩng đầu lên và thấy nàng rầu rĩ, hốc hác tới mức anh không dám nói gì hết.

Anh đứng trước một điều bí ẩn mà anh không muốn biết, trước một nỗi đau thương sâu nặng mà chỉ một lời không thôi cũng có thể làm bùng cháy. Anh cảm thấy lo âu, sợ hãi và trong lòng như dâng lên một cái gì trân trọng.

Anh bỏ khăn ăn xuống:

- Tôi xin lỗi c

Và bước ra.

Nàng gắng ăn nhưng không sao nuốt nổi. Nàng chán ngấy hết tất cả.

Khoảng hai giờ chiều, nàng trở lại ngôi nhà nhỏ ở phố Lê Tecnơ. Nàng gặp Giắc trong phòng. Anh ngậm một cái pip bằng gỗ. Một tách cà phê gần cạn hết đặt trên bàn. Anh nhìn nàng với ánh mắt nghiêm khắc khiến nàng lạnh cả người. Nàng không dám lên tiếng, cảm thấy tất cả những điều nàng nói ra có thể làm anh khó chịu, bực dọc, nhưng nếu xuất hiện mà dè dặt, không nói năng

gì thì sẽ khơi lại ngọn lửa giận hờn của anh. Anh biết nàng sẽ trở lại; anh chờ đợi nàng với sự nôn nóng của lòng hờn giận, của một trái tim lo âu chẳng khác trước kia, khi anh chờ đợi nàng trong lâu đài đường Anphiêri. Trong óc nàng bỗng vụt một tia sáng và nàng thấy mình đến đây là sai lầm: nếu nàng không đến, anh sẽ thèm muốn nàng, có thể sẽ gọi nàng đến. Nhưng đã quá muộn; hơn nữa nàng không tìm cách xảo trá.

Nàng nói với anh:

- Anh thấy đấy, em đã tới đây, em không thể làm khác. Và chẳng, như thế là hết sức tự nhiên thôi, bởi vì em yêu anh và anh biết điều đó.

Nàng cảm thấy rõ rệt tất cả những lời nàng có thể nói chỉ làm anh bức bối. Anh hỏi nàng có nói như vậy ở đường Xpôngtini không.

Nàng ngược lên anh một ánh mắt buồn vô hạn:

- Giã, anh đã từng nhiều lần nói với em là trong thâm tâm, anh thù ghét em. Anh thích làm em đau khổ. Em thấy rõ điều đó.

Với một sự kiên nhẫn nồng nhiệt, kéo dài, nàng kể lại với anh toàn bộ cuộc đời mình – cuộc đời mà nàng chẳng mấy quan tâm – những nỗi u sầu trong quá khứ; giải bày với anh từ khi anh chinh phục nàng, nàng chỉ sống nhờ có anh và trong lòng anh như thế nào.

Những lời nói tuôn ra trong suốt như ánh mắt trong suốt của nàng. Nàng ngồi cạnh anh, chốc chốc những ngón tay nàng nay đã trở nên rứt rứt khê đụng vào anh, hơi thở nóng hổi của nàng phả vào anh. Anh nghe nàng nói với thái độ vừa khao khát vừa dửng dưng. Giận dữ đối với chính bản thân mình, anh muốn hết tất cả: những cuộc gặp mặt cuối cùng với người kia, sự đoạn tuyệt. Nàng kể lại chân thực những gì đã xảy ra, nhưng không nói là ở khách sạn Anh mà là trên đường Caxxin vì sợ hình ảnh buổi nói chuyện bi thảm của mình trong một

căn phòng kín làm anh tức giận. Và giải bày buổi gặp mặt ở sân ga. Nàng không muốn gây thêm đau thương cho một con người hung dữ đang đau khổ. Từ ấy, nàng không có tin tức gì của người kia, cho tới hôm người đó nói với nàng trên đại lộ Mac-Mahông. Nàng nhắc lại những điều người đó nói dưới bóng cây Thánh giá. Hai ngày sau, nàng gặp lại người ấy ở nhà hát Ôpêr, trong dãy ghế lô. Dĩ nhiên, nàng không khuyến khích người ta tới. Đó là sự thật.

Đúng, đó là sự thật. Song liều thuốc độc ngày trước, chậm rãi tích tụ lại trong người, đốt cháy tâm can anh. Quá khứ, quá khứ không sao cứu vãn được; với những lời thú nhận, nàng làm cho nó trở thành hiện tại trước mắt anh. Anh nhìn thấy hình ảnh quá khứ dày vò mình.

Anh bảo nàng:

- Tôi không tin cô... Và giả sử tin cô thì tôi cũng không thể gặp lại cô khi chỉ cần nghĩ là cô đã từng thuộc về hẳn. Tôi đã nói với cô, đã viết thư cho cô – ở Đina, cô còn nhớ chứ? – Tôi không muốn kẻ đó là hẳn. Và từ ấy...

Anh ngừng lời. Nàng nói:

- Anh biết rõ là từ ấy k hông hề có gì hết.

- Từ ấy tôi đã thấy rõ.

Cả hai người lặng im một lúc lâu. Cuối cùng, nàng nói, ngạc nhiên và rên rỉ:

- Nhưng anh hẳn phải nghĩ rằng với tư cách như của em bây giờ, với tư cách là người có chồng lúc đó... Ngày nào cũng có những người đàn bà mang lại cho người người của họ một dĩ vãng nặng nề hơn dĩ vãng của em, thế nhưng họ vẫn được yêu. A! Dĩ vãng của em, giá anh biết nó có là gì đâu.

- Tôi biết cái mà cô đem cho. Tôi không thể tha thứ cho cô điều mà tôi có thể tha thứ cho một người đàn bà khác.

- Nhưng em cũng như mọi người đàn bà khác thôi.

- Không, cô không phải như những người khác. Đối với cô, không thể tha thứ gì hết.

Anh nói, hai môi mím lại, hàm răng nghiến chặt, giận dữ. Mắt anh, đôi mắt nàng từng thấy mở rộng vừa nồng cháy vừa dịu dàng thì giờ đây ráo hoảnh, lạnh lùng, lim dim giữa hai mí nhú lại; anh ngược lên nàng một ánh mắt lạ lẫm. Anh làm nàng sợ.

Nàng đến ngồi ở một góc cuối phòng, trong lòng buồn bã, hai mắt mở to kinh ngạc như một đứa trẻ. Nàng ngồi lên trên ghế, run rẩy, nghẹn ngào và rơi lệ.

Anh thở dài:

- Vì sao tôi lại biết cô?

Nàng đáp trong nước mắt:

- Em, em không ân hận là đã biết anh. Em có thể chết nhưng em không ân hận. Em đã yêu.

Anh khẳng khăng làm nàng đau khổ một cách tàn nhẫn. Anh cảm thấy mình ghê tởm nhưng vẫn không dừng lại được:

- Dẫu sao, cũng có thể là cả tôi nữa, cô cũng đã yêu tôi.

Đầm đìa nước mắt, nàng đáp:

- Nhưng em chỉ có yêu anh. Em đã quá yêu anh. Và chính vì vậy anh trừng phạt em... Ồ! Anh có thể nghĩ là em đã từng với một người khác như em đã từng với anh!

- Sao lại không?

Nàng nhìn anh, chán nản:

- Quả là anh không tin em phải không?

Và rất dịu dàng, nói thêm:

- Nếu em tự sát, anh có tin

- Không, tôi cũng sẽ không tin cô.

Nàng lấy mùi soa lau má, rồi ngược đôi mắt long lanh những giọt lệ:

- Vậy là hết!

Nàng đứng dậy, nhìn lại quanh phòng bao nhiêu đồ vật nàng đã từng sống chung trong tình thân mật êm đềm và khoan khoái. Nàng đã từng xem chúng là của chính mình và bỗng nhiên nay chúng không còn là gì hết đối với nàng, chúng nhìn nàng như một kẻ xa lạ, như một kẻ thù địch, nàng thấy lại những tấm huy hiệu Phlôrăngx khiến nàng hồi tưởng Phidơn và những giờ phút thần tiên ở Ý; thấy lại bức tượng nhìn nghiêng Đơsactơ đang nặn dở ở cái đầu cô gái nghịch ngợm nở nụ cười trên khuôn mặt xinh đẹp nhưng gầy gò, đau khổ. Nàng dừng lại chốc lát, với thái độ thiện cảm trước bức tượng cô gái bán báo này. Cô ta cũng đã từng tới đây và cũng đã đi k hỏi nơi đây trong cái mênh mông khùng khiếp của cuộc đời và của sự vật.

Nàng nhắc lại:

- Vậy là hết hay sao?

Anh lặng im.

Hoàng hôn xóa dần mọi hình bóng.

Nàng hỏi:

- Rồi ra em sẽ thế nào đây?

Anh đáp:

- Và tôi, rồi ra tôi sẽ ra sao đây?

Họ nhìn nhau, xót thương, vì mỗi người thương xót bản thân mình.

Têredơ lại nói:

- Thế mà em đã từng sợ phải già đi, sợ cho anh, sợ cho em, và ước mong mỗi tình đẹp đẽ của chúng ta không bao giờ kết thúc. Thà không sinh ra còn hơn. Đúng, giá em không sinh ra thì hơn. Em đã linh cảm ra sao khi tuổi còn thơ dại; em đã muốn chết dưới rặng điền ma ở Gioăngvin, bên cạnh vành Vương miện, trước tượng các nữ thủy thần bằng cẩm thạch!

Hai cánh tay bỏ thông, hai bàn tay chắp lại, nàng ngược mắt lên; đôi mắt đắm lệ rực sáng trong bóng đêm.

- Thế là không có cách gì làm cho anh cảm thấy những lời em nói là những lời nói thật, là không bao giờ, từ khi em là của anh, không bao giờ... Nhưng

làm sao em có thể? Chỉ nghĩ tới không thôi, em cũng đã thấy ghê tởm, phi lý rồi. Thế ra anh hiểu em ít đến thế kia à?

Anh buồn bã lắc đầu:

- Không, tôi không hiểu cô.

Một lần nữa, nàng nhìn như hỏi han mọi đồ vật đã từng thấy họ yêu nhau trong căn phòng này.

- Nhưng anh là của em, em là của anh... tất cả bây giờ đều vô vọng, vô ích hay sao? Chúng ta chống đối nhau, chứ không còn ôm ấp nhau nữa hay sao?

Nàng phẫn uất. Không sao chấp nhận được là anh không thể không biết anh là thế nào đối với nàng.

Và trong ngọn lửa tình yêu đau đớn, nàng ôm choàng lấy anh, nước mắt đầm đìa, tới tấp hôn anh, cắn anh.

Anh quên hết tất cả, ôm nàng đau đớn, rã rời, sung sướng, siết chặt nàng vào lòng với một nỗi thèm muốn điên dại. Nghiêng đầu trên gối, nàng nở nụ cười trong nước mắt. Đột nhiên, anh bỏ nàng ra.

- Tôi không còn nhìn thấy cô một mình nữa. Tôi nhìn thấy hảnh cùng với cô, bao giờ cũng nhìn thấy.

Nàng nhìn anh, lặng câm, phẫn nộ, tuyệt vọng. Nàng đứng dậy, sửa lại xiêm áo và mái tóc, trong lòng dâng lên một cảm giác tủi nhục xa lạ. Rồi cảm nhận thế là hết tất cả, nàng ngơ ngác nhìn xung quanh, nhưng mắt nàng không thấy gì nữa hết, và chậm rãi đi ra.

[1] Nữ thần săn bắn (N. d. – Các chú thích từ đây là của người dịch).

[2] Tiếng Anh: người yêu, người thân.

[3] Nhà thơ nữ người Anh thế kỷ 19.

[4] Nữ nghệ sĩ sân khấu Anh, thế kỷ 18.

[5] Một miền ở vùng trung Italia. (Các địa danh từ đây về sau đều thuộc Pháp hoặc Italia. Trong trường hợp thuộc các nước khác có chú thích riêng)

[6] *Trixtan và Idơn*: truyện thần kỳ thời Trung thế kỷ, về mối tình bi thảm giữa chàng trai Trixtan và cô gái Idơn tóc hung.

[7] Họa sĩ Anh thế kỷ 19.

[8] Quảng trường luyện binh và duyệt ngày trước ở thủ đô Pháp, nơi tổ chức nhiều cuộc triển lãm nghệ thuật.

[9] Hai nhà đạo tiên tri Do Thái, thế kỷ 6 – 5 trước C. N.

[10] Tác giả chơi chữ.

[11] Nhà sử học và ngữ văn học lớn người Đức, thế kỷ 19.

[12] Nhà văn Pháp, thế kỷ 19.

[13] Nhà Đông phương học Pháp, thế kỷ 19 – 20.

[14] Một trong những lâu đài lộng lẫy nhất ở Pháp theo phong cách Lui XVI.

[15] Trong thn thoại La Mã, các thần Titan là con Thần Trời và Thần Đất, vì nổi loạn nên bị thần Giuypite đánh chết.

[16] Cách mạng Pháp ngày 14-7-1789 thiết lập nên Cộng hòa.

[17] Một nữ hầu tước thế kỷ 17 – 18, một nhà giáo dục Pháp nổi tiếng

[18] Cours- la- Reine: lối đi dạo, có trồng cây hai bên, được xây dựng từ năm 1616 theo lệnh của Hoàng hậu nước Pháp Marie de Médicis.

[19] Chính khách Pháp, thế kỷ 18 – 19.

[20] Cung vua Pháp ở Pari.

[21] Chính đảng cấp tiến thời cách mạng Pháp 1789, số đảng viên bị chém đầu năm 1793

[22] Hòn đảo trên Địa Trung Hải, quê hương Napolêông I (lúc đầu thuộc Italia, về sau thuộc Pháp).

[23] Họa sĩ Pháp, thế kỷ 17-18, chuyên vẽ loài vật.

[24] Dinh tổng thống Pháp ngày nay.

[25] Anbigioa và Vôdoạ là những giáo phái ở miền Nam nước Pháp vào thế kỷ 12 chống lại đạo Cơ đốc, đốt phá nhà thờ, về sau bị chính quyền tiêu diệt.

[26] Các họa sĩ và nhạc sĩ Pháp, thế kỷ 18-19.

[27] Tenơ, Vônây là triết học Pháp, thế kỷ 19.

[28] Chủ tịch quốc hội Pháp sau Cách mạng tháng 2-1848.

[29] Họa sĩ riêng của Napolêông, người Coocxơ.

[30] Bác sĩ người Đức, người đề xướng lý thuyết não tương học.

[31] Cuốn nhật ký ghi lại những cuộc đàm đạo giữa Napolêông với người thư ký về các thời kỳ lịch sử (trong những ngày bị lưu đày ở đảo Xanh Hêlen).

[32] Hòn đảo, nơi Napolêông bị lưu đày.

- [33] Nhân vật huyền thoại Tây Ban Nha, điển hình cho lối sống Sờ Khanh trong tình trường.
- [34] Danh họa Pháp thế kỷ 19.
- [35] Họa sĩ Pháp, thế kỷ 17.
- [36] Tòa lâu đài nổi tiếng ở Manhxy (gần Pari) của Phukê, tổng giám đốc tài chính.
- [37] Hai giáo hoàng cùng tên, thế kỷ 1-2.
- [38] Plaxidia, thế kỷ 5, nữ hoàng cầm quyền ở đế quốc La Mã phương Đông trong thời kỳ vị thành niên của con trai, là con gái của Têôđôđơ Đại đế, thế kỷ 4, hoàng đế La Mã.
- [39] Cựu hoàng đế La Mã.
- [40] Nguyên tổng thống Pháp (1894-1895)
- [41] Les Blandices: Sự cám dỗ của sắc đẹp.
- [42] Kiến trúc sư và nhà văn Pháp thế kỷ 18
- [43] Luyxecơ: Một điểm du lịch nổi tiếng ở Thụy Sĩ, bên bờ hồ.
- Righi: Một ngọn núi ở Thụy Sĩ, phong cảnh đẹp.
- [44] Theo kinh thánh, chúa trời cho phép Nôê làm một chiếc cầu vòng để tránh nạn Hồng thủy
- [45] Nhà văn Pháp thế kỷ 18- 19
- [46] Người thừa kế chính thức ngôi vua Pháp giữa thế kỷ 19. Nhưng vì không chịu để là cờ Tam tài của Cách mạng Pháp thay thế là cờ màu trắng của chế độ Quân chủ nên cuối cùng

thất bại

- [47] Tức là vua Lui IX, thế kỷ 19
- [48] Tức nhà thơ và nhà văn Pháp, thế kỷ 19
- [49] Nhà điêu khắc Phlôrăngx, thế kỷ 15
- [50] Dòng sông chy qua Phlôrăngx ra ĐịaTrungHải
- [51] Họa sĩ Italia, thế kỷ 18
- [52] Họa sĩ Italia, cuối thế kỷ 18
- [] Người sáng lập ra thư viện Phrăngxixcanh, vào thế kỷ13
- [54] Thần Vệ Nữ. Theo huyền thoại, “Thần Vệ nữ đi lại trên một con ốc biển
- [55] Một gia đình làm ngành lu rất quen thuộc ở Italia, thế kỷ 17
- [56] Một nhà thơ Pháp, thế kỷ 15, người nổi tiếng về thơ lãng mạn thời Cận đại
- [57] Tên người La Mã đặt cho một hòn đảo ở phía bắc châu Âu, đảo cuối cùng ở vùng cực Bắc
- [58] Tiếng anh: Ôi! Ngày mai, vì quốc vương huy hoàng
- [59] Leeona Đơ vanhxy, thế kỷ 15-16 nhà danh họa người Italia trường phái Phlôrăngx
- [60] Lâu đài nổi tiếng ở Phlôrăngx của dòng họ Pitti thế kỷ 15
- [61] Dòng họ lừng danh trị vì ở Ph lô rawngxx trong nhiều thế kỷ, vốn khuyến khích sự phát triển của văn học nghệ thuật

[62]

Lâu đài thuở trước của dòng họ Mèdixix ở phlôrăngx

[63]

Họa sĩ Italia sinh ở Phlôrăngx, thế kỷ 15

[64]

Một dòng họ nổi tiếng ở Italia, quê quán vùng Rimini

[65]

Nhà kiến trúc, điêu khắc và hội họa Italia, sinh ở Phlôrăngx, thế kỷ 14-15

[66]

Họa sĩ ở Phlôrăngx, thế kỷ 18-19

[67]

Họa sĩ ở Phlôrãx, thế kỷ 15

[68]

Con gái vua Hunggari được phong thánh, thế kỷ 13.

[69]

Họa sĩ Italia, thế kỷ 15.

[70]

Nhà thuyết giáo ở Phlôrăngx bị thiêu sống vì bị quy tội tà giáo, thế kỷ 15.

[71]

Vua đảo Xixin, một đảo lớn trên Đja Trung Hải.

[72]

Triết gia Hy Lạp, thế kỷ 13 trước C. N., đề xướng chủ nghĩa khoái lạc.

[73]

Nhà thơ Italia, thế kỷ 13.

[74]

Piêtrô Vanuyxi Lơ Pêrughan, danh họa Italia, thế kỷ 15 – 16.

[75]

Theo truyền thuyết, Pilat là thống đốc xứ Giruyê (vùng Palestin ngày trước) vào thế kỷ 4. Tuy biết Giêsu vô tội, ông ta vẫn nạp Người cho tòa án tôn giáo. Để đổ lỗi giết Chúa

cho người Do Thái, Pilat cho mang nước tới và vừa rửa tay vừa tuyên bố: “Ta vô can về cái chết của con người chính trực này; chính các người phải chịu lấy trách nhiệm”.

[76]

Theo huyền thoại, Đaphônix, một người chăn cừu ở Xixin, là cha đẻ của nền thơ ca diễn viên

[77]

Vào nửa sau thế kỷ 19, nổi lên một học thuyết thẩm mỹ cho rằng hội họa đạt tới tuyệt đỉnh trước Raphaen (danh họa của trường phái La Mã thế kỷ 15 – 16).

[78]

Lâu đài ở Phlôrăngx, xây dựng trong thế kỷ 16 để làm cơ quan hành chính, về sau dùng làm khu triển lãm tranh, tượng.

[79]

Nhà kiến trúc và hội họa Italia, sinh ở Phlôrăngx, thế kỷ 15.

[80]

Nàng công chúa nhan sắc tuyệt vời trong một tác phẩm thơ. Một nhà vua hứa với hoàng hậu đang hấp hối là chỉ tặc huyền với một công chúa hoàn mỹ như bà ta. Nhưng chỉ có

chính con gái họ mới đáp ứng được yêu cầu đó. Để tránh loạn luân, công chúa đặt điều kiện không sao thực hiện được là phải có một tấm da lừa kỳ diệu sản sinh ra những đồng tiền vàng.

[81]

Nhà thơ Italia, thế kỷ 18.

[82]

Bức tranh vô danh nổi tiếng ở điện Lơ Luvrơ (Pháp), nguồn cảm hứng của nhiều tranh, tượng, thể hiện Đức bà.

[83]

Tiếng Anh: Người yêu của tôi.

[84]

Tập truyện ngắn của nhà văn Italia Bôcaxơ.

[85]

Họa sĩ Italia, thế kỷ 16 – 17.

[86]

Ba anh em Carasơ, họa sĩ Italia sinh ở Bôlônơ, thế kỷ 16 - 17.

[87]

Họa sĩ và nhà điêu khắc Itallia, thế kỷ 15 – 16, một trong những người khởi xướng nền Phục hưng Italia.

[88]

Họa sĩ Italia, thế kỷ 16 – 17.

[89]

Đồng tiền vàng ngày xưa của Pháp, giá trị 20 phrăng.

- [90] Bảo tàng Quốc gia Italia
- [91] Người con gái Phlôrăngx lừng danh, thế kỷ 13, nhân vật bất hủ trong tác phẩm Hải kịch Thần thánh của văn hào Italia Đăngtơ.
- [92] Nhà triết học Hy Lạp lừng danh, thế kỷ 4 trước C. N.
- [93] Nhân vật sân khấu, thế kỷ 17, một người đàn bà không lồ sinh ra cùng một lúc một đám con lúc nhúc.
- [94] Nhà thơ Pháp có nhiều sáng tác về Italia, thế kỷ 19.
- [95] Họa sĩ Pháp, thế kỷ 19, chuyên vẽ về đề tài quân sự.
- [96] Kiến trúc sư Italia, thế kỷ 14, người tham gia công trình xây dựng nhà thờ Phlôrăngx.
- [97] Vua Xacdenhơ (một hòn đảo ở Italia), đầu thế kỷ 19.
- [98] Họa sĩ và nhà điêu khắc Phlôrăngx, thế kỷ 14.
- [99] Nhà điêu khắc Phlôrăngx, thế kỷ 15.
- [100] Họa sĩ Pháp, thế kỷ 15 – 16.
- [101] Nhà văn Pháp, thế kỷ 16.
- [102] Nhà thơ Pháp, thế kỷ 15.
- [103] Tác phẩm của Rabôle.
- [104] Tiếng Italia: Đường phố Anphiêri.
- [105] Nữ họa sĩ ở Viaidơ, thế kỷ 17 – 18, chuyên vẽ tranh chì.
- [106] Theo Kinh Thánh, Evơ là người đàn bà đầu tiên, thùy tổ của loài người.
- [107] Họa sĩ và cũng là nhà tu hành dòng Đôminic ở Italia, thế kỷ 15.
- [108] Nhà thơ Pháp, thế kỷ 18.
- [109] Cuốn cẩm nang du lịch mang tên tác giả (một nhà xuất bản Đức).
- [110] Tiếng Italia: Nước giải khát ướp lạnh.
- [111] Hoàng hậu La Mã, thế kỷ 2.
- [112] Nhà nặn tượng ở Phlôrăngx, thế kỷ 16.
- [113] Hoàng đế La Mã, thế kỷ 2, chồng Xabin.
- [114] Thánh Mac là một trong bốn nhà trực tác kinh Phúc âm.
- [115] Tiếng Latinh: Ngày đầu xuân.
- [116] Họa sĩ Italia ở Phlôrăngx, thế kỷ 15 – 16.
- [117] Thành phố Italia, nổi tiếng về sản xuất rượu vang trắng.
- [118] Thành phố Italia, nổi tiếng về hồ Pêrudo.
- [119] Nhà kiến trúc, điêu khắc và họa sĩ Italia, ở Phlôrăngx, thế kỷ 14-15
- [120] Ba nữ thần ở chốn âm phủ quyết định sinh mạng con người
- [121] Vua Xacdenhơ (một hòn đảo Italia).

[122]

Lôhengri là nhân vật trong một truyện cổ Đức. Sau khi cứu thoát một nàng công chúa, chàng cùng nàng kết hôn và buộc nàng khải hứa là không bao giờ hỏi điều bí ẩn về nguồn

gốc của chàng. Về sau, công chúa không giữ được lời nguyện nên Lôhengri ra đi trên một quả khí cầu do Thiên nga (trước kia đưa chàng tới) kéo đi.

[123]

Nhà điêu khắc Italia, thế kỷ 15

[124]

Viện bảo tàng nghệ thuật nổi tiếng ở Pari

[]

Nữ sĩ Hy Lạp đầu thế kỷ 6 trước CN.

[126]

Họa sĩ Pháp thế kỷ 19

[127]

Nhà điêu khắc Pháp, thế kỷ 18

[128]

Trụ sở Quốc hội Pháp

[129]

Nhà văn lớn của Pháp (1798 – 1848)

[130]

Tiếng Italia: Tất cả các tượng thần Ái tình cho bà Têredơ đấy!

[131]

Nhân vật kỳ vĩ trong lịch sử Do Thái.

[132]

Hai giáo chủ dính dáng tới việc kết tội Chúa Giêsu (thế kỷ 2)

[133]

Thao Kinh thánh, hai tên trộm mt tốt, một xấu bụng, cùng bị đóng đinh lên giá chữ thập với Chúa Giêsu. Tên trộm tốt bụng đã cải giáo trước khi chết.

[134]

Một vùng ngày xưa của châu Á

[135]

Giáo chủ, tế tướng Pháp, thế kỷ 17.

[136]

Nhà khắc chạm Pháp, thế kỷ 17.

[137]

Biệt danh của Napolêông III

[138]

Một chính đảng cấp tiến dưới thời Cách mạng Pháp 1789

[139]

Nhà kiêu vũ (chủ yếu của sinh viên Pháp) ở Pari.

[140]

Kịch của “Göt, đại văn hào Đức, thế kỷ 18 19

[141]

Hoàng đế La Mã, thế kỷ 1 sau công nguyên, người chiếm đóng và phá hủy thành phố Giêrudalem

[142]

Nhân vật trong vở Phôxtơ

[143]

Nguyên tổng thống Pháp

[144]

Nguyên thủ tướng Pháp

[145]

Nhà văn Pháp, thế kỷ 19

[146]

Nhà thơ Hy Lạp, thế kỷ 7 trước CN, bị bọn cướp biển vớt xuống biển nhưng được cá heo say mê tiếng đàn của ông cứu thoát (theo truyền thuyết).

[147]

Thành phố c Hy Lạp, nơi có đền thờ thần Apôlông

[148]

Ma thần, nhân vật trong vở Phôxtơ

Table of Contents

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ
GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Unnamed

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XXI

XXII

XXIII

XXIV

XXV

XXVI

XXVII

XXVIII

XXIX

XXX

XXXI

XXXII

XXXIII

XXXIV

[1]

[2]

[3]

[4]

[5]

[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

[12]

[13]

[14]

[15]